

Bùi Ngọc Tấn

Rừng xưa xanh lá



Phần I

Cơm áo không đùa với khách thơ

Xuân Diệu

Cơm áo không đùa với bất kỳ ai. Lại càng không đùa với các nhà văn nhà thơ. Nhất là vào cái thời cuối thập niên 80 (của thế kỷ trước) nền kinh tế cả nước đang chuyển từ hệ thống bao cấp sang kinh tế thị trường. Biến động mạnh từ suy nghĩ, quản lý, hàng hoá, giá cả tới bản thân giá trị đồng tiền. Đình Kính, nhà văn quân đội với đồng lương đại úy (ngày ấy anh đeo lon bốn sao một vạch) mà phải cùng vợ nuôi hai con nhỏ đang đi học, đó là chưa kể bố mẹ già. Không dám ước vọng cao xa vì cát xết tử đứng tử li. Chỉ nghĩ đến cái ăn để tồn tại, có đủ tiền mua sách bút, đóng tiền học cho con và có đủ tiền mua được manh áo ấm cho bố mẹ vợ con mỗi khi gió rét từ biên giới thổi về. Lại còn phân đầu có một chút *dự trữ chiến lược* phòng khi ốm đau.

Phải có tiền. *Tiền là tiên là phật, sức bật tuổi trẻ, sức khoẻ tuổi già..* . Và cũng chỉ còn mỗi cách kiếm tiền: Viết thuê. Dùng nghề nghiệp của mình kiếm sống. Thôi thì đành gác lại những trang sách vẫn nghiền ngẫm nung

nấu, những tác phẩm sẽ được viết ra bằng tim gan mình. Hãy để lại sau. Để đến bao giờ chưa biết, nhưng trước mắt là kiếm sống.

Đình Kính đã đi viết thuê và đã kiếm được tiền. Bữa ấy anh lang thang vào tận vùng rừng núi Đồng Nai, tìm ra được một ông giám đốc một lâm trường quốc doanh và cũng là một đồng hương. Ông là người đi đầu trong việc tháo gỡ cơ chế cũ, táo bạo, dám nghĩ dám làm, *một người có thể tuyên dương anh hùng được mà bắt bỏ tù cũng được* theo như quan niệm của thời đầu mở cửa. Anh đã hoàn thành một bộ phim về ông, về lâm trường. Phim đã chiếu cho lâm trường xem và còn được phát cả trên màn ảnh nhỏ. Không thể diễn đạt được xúc động của lâm trường, của ông giám đốc khi thấy hình ảnh mình trên ti vi. Với lâm trường, Đình Kính là một thiên tài, là hiện thân cho sức mạnh toàn năng của nghệ thuật. Phấn khởi đầy lòng, ông giám đốc nọ nhờ Đình Kính *giúp cho* một tập sách về đơn vị.

Nghĩ ngay đến những bạn bè cũng đói rách như mình, nhưng Đình Kính vẫn làm ra vẻ cân nhắc, đắn đo:

- Sếp nói rất chính xác. Giấy trắng mực đen bình thường thôi nhưng vô cùng quan trọng. Nó đi vào từng gia đình, từng người. Nó đi vào chiều sâu lòng người. Nó đi vào thư viện. Con cháu chúng ta vào thư viện là sẽ biết cha ông chúng đã sống và làm việc như thế nào. Phim cũng quan trọng nhưng không thể ví với sách được. Nhưng đây là một việc khó khăn, một mình tôi không làm nổi. Phải vài người cùng làm mới bảo đảm được thời gian. Để kỳ này ra Hà Nội tôi *nói khó* với mấy anh ngoài ấy.

It ngày sau Đình Kính đưa hai nhà văn khác cùng vào. Giám đốc rạng rỡ nét mặt khi được giới thiệu đó là hai nhà văn nổi tiếng, những cái tên ông đã nghe thấy từ lâu mà hôm nay ông mới vinh dự được gặp. Với thói quen của một người làm kinh tế, giám đốc cho thảo hợp đồng gồm những nội dung chủ yếu: Thời gian hoàn thành bản thảo là hai tháng, ăn nghỉ, tàu xe ra vào

lâm trường lo, khi bản thảo được duyệt và thông qua, mỗi nhà văn sẽ được bồi dưỡng một chỉ vàng! (Giám đốc giải thích thêm: Phải quy ra vàng các đồng chí ạ. Nếu tính nhuận bút bằng tiền tôi sợ thiệt cho các nhà văn. Ba trăm đồng tháng này là ba trăm, tháng sau còn trăm rưỡi, tháng sau nữa chỉ còn một trăm. Cho nên ta cứ tính thành vàng, vàng bản vị, các nhà văn tán thành không? Nhất trí! Tiếng ba nhà văn đồng loạt cất lên.) Mỗi người một chỉ vàng! Một tài sản khó mà hình dung được ngày ấy!

Như mở cờ trong bụng, ba nhà văn nhanh chóng dự các cuộc họp, nghe báo cáo, xuống các đội sản xuất, vào rừng vắn vơ, nhìn suối chảy, nghe chim hót để lấy... không khí.

Ba người không viết ở lâm trường. Đích thân giám đốc đưa họ xuống biển, xuống Long Hải, một khu nghỉ mát sang trọng, yên tĩnh, cách Vũng Tàu hơn mười ki lô mét. Chả lâm trường còn liên doanh với một đơn vị du lịch và có những khách sạn sát biển. Ông giám đốc họp toàn thể cán bộ nhân viên khách sạn để giới thiệu ba nhà văn:

- Trân trọng giới thiệu với các đồng chí ba nhà văn quốc gia! Ba nhà văn nổi tiếng ở Hà Nội. Các đồng chí vào giúp chúng ta viết và xuất bản một tập sách về lâm trường. Đây là nhà văn Đình Kính mà các đồng chí đều đã biết. Đây, nhà văn Chu Lai, nhà văn quân đội kiêm kịch sĩ. Còn đây nhà văn Nguyễn Quang Thân, tác giả nhiều tập tiểu thuyết, truyện ngắn mà các đồng chí đã đọc.

Các nhà văn lần lượt đứng lên, cúi đầu chào, nở nụ cười khiêm tốn, lịch sự, nụ cười ra mắt. Ông giám đốc ôm vai từng người như những chiến hữu cánh hẩu trước bao con mắt kính phục của các nhân viên dưới quyền. Ông nói về việc bố trí phòng ở "mỗi người một phòng, trong phòng phải có cả bàn viết", về tiêu chuẩn ăn, về lượng bia phải có hàng ngày, không được để các đồng chí ấy thiếu thốn cái gì:

- Còn khoản thuốc lá nữa. Các nhà văn hút nhiều, hút nặng đấy. Mỗi người một ngày một bao thuốc lá Jet. Nhớ là thuốc lá Jet. Các đồng chí ấy chỉ hút thuốc lá Jet. Đừng có mang Ba số đến. Đừng tưởng ai cũng thích Ba số cả đâu!

- Mỗi nhà văn một ngày một bao Jet! Ông nhắc lại một lần nữa và nhìn lướt đám nhân viên của ông như nhắc họ chớ quên điều quan trọng ấy.

Đám cán bộ nhân viên xì xào:

- Minh thì cứ cho Ba số là nhất. Khách nào cũng Ba số.

Những tiếng thì thầm ấy đến tai giám đốc. Ông cười, hài lòng. Còn anh chị em nhân viên khách sạn từ ấy nhìn giám đốc của mình với đôi mắt hoàn toàn khác: Sếp không chỉ là người quản lý tài ba táo bạo, mà còn là chiến hữu với các nhà văn lớn, những nhà văn quốc gia, hiểu biết cặn kẽ những điều nhỏ nhất trong sở thích của họ.

*

Ba nhà văn của chúng ta bắt tay vào việc bán chữ. Tất nhiên là sau khi tắm biển, uống bia, ăn sáng và phì phèo thuốc lá Jet.

Chu Lai, Đình Kính hút thử một hơi và ho sặc sụa. Cả hai đều không biết hút. Còn Nguyễn Quang Thân hút vào lại thở ra, không có tí khói nào lọt tới họng, phì phò như một cái bể. Thân hút thuốc Lào, Thân chịu được, không ho. Thân nhận trách nhiệm thỉnh thoảng làm một điều trước đám nhân viên khách sạn. Ba phòng làm việc của ba nhà văn lúc nào cũng có ba bao thuốc lá bóc dở và có tàn thuốc trong ba cái gạt tàn. Nguyễn Quang Thân chẳng viết được một dòng nào, nhưng bù lại, Thân bập bập thuốc lá chăm chỉ. Cứ xuất hiện giữa đám nhân viên khách sạn là Thân bật lửa châm thuốc. Ác cái là loại thuốc Jet này quá nặng. Chẳng hiểu căn cứ vào đâu mà ông giám đốc anh hùng kia lại tuyên bố là *các đồng chí ấy chỉ hút thuốc lá Jet. Đừng có mang Ba số đến. Đừng tưởng cứ Ba số là hay đâu*. Không. Ba số hay lắm

chứ đồng chí giám đốc ơi. Ba số có bập bập thể này cũng không ho. Ba số dễ bán. Giá cao. Bán ở đâu cũng được. Ba người đã đi chung quanh khu nghỉ mát, rụt dè hỏi han xem người ta có mua thuốc lá Jet không. Họ đều lắc. Ở đây không ai hút Jet. Ở đây người ta chỉ hút thuốc thơm. Ba số, Dunhill, bét ra cũng Capstan. Jet không bán cho ai được.

Không bán được, không hút nhưng vẫn nhận thuốc đều đặn. Một tháng đầu đã 90 bao thuốc Jet. Trừ ba bao để ở ba phòng cho Nguyễn Quang Thân *hút nghi binh* còn 87 bao. Chỉ trông cái túi du lịch phòng căng cũng đủ sốt ruột. Cho nên thật tỉnh người khi Chu Lai nguyên chiến sĩ đặc công nước từ đâu chạy về khách sạn:

- Mình đã tìm được nơi bán thuốc lá Jet rồi. Chỗ này nó không mua thuốc gì khác ngoài thuốc Jet.

Chuyện cứ như đùa. Cứ như thần thoại.

- Thật không ?

- Ở đâu ?

Chu Lai nhấn mạnh:

- Nó không mua thuốc gì! Nó chỉ mua thuốc Jet! Nó đang chờ mình ở cuối bãi tắm! Đi nhanh!

Thế thì thật rồi! Đặc công có khác! Giỏi thật! Cả ba ôm túi du lịch chứa đầy thuốc lá ra khỏi khách sạn. Ông chủ nhiệm khách sạn đang ngồi trong phòng *Reception* tươi cười :

- Vừa tắm rồi các nhà văn đã lại tắm nữa à? Máu thế?

Đình Kính cười tí mắt:

- Biết làm sao. Lại thích bơi!

Cả ba bước nhanh ra bãi tắm, còn nghe tiếng trầm trồ của ông chủ nhiệm :

- Chịu mấy ông. Giữa trưa nắng thế này mà cũng rủ nhau đi tắm biển. Đúng là văn nghệ sĩ!

Ba nhà văn cuốc thẳng ra bãi tắm, cười rinh rích về phẩm chất nghệ sĩ của mình.

- Đâu? Nó đâu?

Chu Lai chỉ tay về một chấm đen ở cuối bãi. Tới nơi, một thanh niên ngồi trên xe 67 chờ sẵn. Chu Lai ôm túi du lịch nhảy lên ngồi sau xe, vênh mặt nhìn hai người, đắc thắng. Xe vút nhanh phóng ngược trở lại. Cát bay mù mịt. Nguyễn Quang Thân, Đình Kính đứng nhìn theo mãi chiếc Honda 67 rũi bụi dọc bãi tắm và khuất vào khu khách sạn. Hai người rất ngạc nhiên thấy chiếc xe quay về ngay, lần này phóng nhanh hơn lần trước, tiếng rú rít lên giận dữ.

Từ trên xe, Chu Lai xách túi du lịch nhảy xuống, cái túi vẫn căng phồng như thế. Dừng lại một tí. Hình như là để cái cọ. 67 phóng đi. Rồ ga. Thổi bụi vào mặt Chu Lai.

- Sao ? Sao lại quay lại ?

- Không bán được à ?

Chu Lai nhăn nhó:

-Tưởng bán ở đâu. Ai ngờ nó lại bán cho đúng khách sạn ba thằng mình ở!

*

Thuốc lá rồi cũng bán được. Đi xa hơn. Bán ít một. Giá rẻ. Thế thôi.

Còn lại là viết. Nhưng chỉ Chu Lai, Đình Kính viết. Nguyễn Quang Thân không. Không được chữ nào. Lại còn hay sang quấy nhiễu:

- Cách đây mấy năm tớ đi dự tổng kết của một ngành. Trong hội nghị có lựa ra một số ít cốt cán tin cậy cho đi xem vi đề ô. Vi đề ô ngày ấy còn là của hiếm. Mấy ai được xem. Mình được chọn. Nhà văn nhé. Đảng viên nhé. Không được đi thì còn ai vào đây. Mình vẫn ức cái dạo xem phim *Chiến tranh và hoà bình*. Cán sự ba mới được xem. Mình mới cán hai. Lần này thì không trạch được. Đúng giờ các đồng chí cốt cán xếp hàng một đi xem trước

bao con mắt thèm thuồng ghen tị của các đại biểu khác. Bọn này hồi hộp đi không một tiếng động. Tới một cầu thang đã có người đứng chờ sẵn. Kéo rèm. Bấm đèn. Hát hàm ra hiệu để chỉ lối. Tới một thang gác khác. Lại kéo rèm. Lại đèn pin lập loè, thì thào: Các đồng chí đi lối này. Tối tối rợn rợn đến nỗi có lúc mình tưởng như đang đi xem thử bom nguyên tử.

Thân cười khắc khắc:

- Mà hôm ấy chiếu một phim rất vớ vẩn. Một băng tâm lý suốt mướt của Đài Loan.

Hôm khác Thân lại sang, mồm phì phèo điệu Jet:

- Đây. Tớ kể cho các cậu chuyện này...

Lần này bị cự tuyệt thẳng thừng:

- Thôi. Ông về cho người ta viết. Ông có muốn vỡ hợp đồng không thì bảo.

Thân về nhưng lại sang. Không cười mà cứ ấp úng:

- Mình muốn nói với các cậu. Nhưng không biết có nên không. Mình cứ nói nhé.

Được khuyến khích, Thân mạnh dạn :

- Mình nhớ Dạ Ngân quá. Không biết có cách nào kéo Dạ Ngân ra đây được không?

Đề nghị ấy được cả nhóm ủng hộ ngay. Có Dạ Ngân, chắc chắn Thân sẽ dễ yên cho hai người viết. Kính đặt vấn đề với chủ nhiệm khách sạn. Ô kê.

Nguyễn Quang Thân toại nguyện. Chu Lai, Đình Kính không bị quấy rầy, năng suất tăng hẳn.

Cứ thứ bảy ông giám đốc lại từ rừng xuống biển. Tiếng ông oang oang giữa đám nhân viên dưới quyền.

- Chuẩn bị nhé. Hôm nay làm việc khuya đấy.

Ông về duyệt những trang bản thảo vừa được viết trong tuần. Ông có tác phong làm việc dứt điểm. Duyệt từng phần. Và cuối cùng duyệt lại một lượt

toàn bộ là xong.

- Tuần trước ăn gì rồi nhỉ. Cháo chim à? Hôm nay thay món khác đi. Làm món gì nhẹ nhưng lại có thể lai rai được. Gà à? Không. Có đồ biển gì không? Mới ăn cua xong à? Đồ biển ăn nhiều rồi à? Hay là ăn thịt nai rừng ? Cả khách sạn sôi động lên khi sếp từ rừng về với những mệnh lệnh oang oang. Họ biết thế là lại bao nhiêu trang sách, những dòng văn chương viết về họ, bạn bè họ, tuôn chảy từ những bộ óc nhà văn hẳn là rất đặc biệt và khác thường kia. Đã bao lần họ nín thở nhìn trộm qua cánh cửa khép, thấy những cái lưng cong cong, cái đầu bù xù cúi xuống và bàn tay cầm bút bò chậm chạp trên trang giấy. Ôi! Thật là cao cả thiêng liêng! Lại còn những lúc các nhà văn ngồi thờ thụy nhìn vào những dòng vừa viết. Nhìn như muốn xuyên thủng giấy. Nhìn, mắt rỗng không. Nhìn đấy nhưng chẳng nhìn thấy gì. Cả khi họ đẩy cửa đem vào phích nước sôi mới. Viết văn, quả là ghê. Lao tâm khổ tứ, vất óc, bại người, tổn thọ. Bây giờ mình đã nhìn thấy người ta viết văn rồi. Máy ai được như vậy!

Vốn là chuyên gia trong việc viết thuê, Đình Kính, Chu Lai biết phải viết như thế nào. Phải có tình hình gay go. Phải có lúc tưởng như bế tắc. Phải có những đêm khuya trằn trọc trằn trở. Phải có những ngày dài bức xúc. Phải có tinh thần trách nhiệm. Những cuộc họp. Những phút giây loé sáng. Những dám nghĩ dám làm. Phải có đối thoại. Phải có tả cảnh. Không ai bảo ai, cả hai cùng thống nhất một văn phong. Đó là thứ văn không phải để xem bằng mắt mà để nghe bằng tai. Bởi vì ông sếp không xem. Ông sếp chỉ nghe đọc lại.

Tối nay làm việc đến khuya. Ba nhà văn quốc gia của chúng ta tề tựu đông đủ. Chu Lai ngồi cầm xếp bàn thảo vừa hoàn thành trong tuần, rồ rồ xuống mặt bàn cho ngay ngắn, lật lật vài trang, nhíu mày chăm chú, hoặc cầm bút chữa một chữ nào đấy, có khi chỉ là tô lại một nét mờ, hoặc xem lại chỗ nào

cần uốn giọng, cần nhấn mạnh, cần ngẩng đầu lên. Nguyễn Quang Thân khoanh chân vòng tròn, bắn một điều thuốc lào, móp má kéo cho thật đã, để rồi sau đó có thể chăm chỉ thực hiện nhiệm vụ bật lửa bập bập thuốc lá Jet. Đình Kính hết nhìn mấy cô phục vụ bung vào những bia, những nước ngọt, lại nhìn ông giám đốc tanh tách bật lửa *ma nhê tô* hút ba số. Sếp toàn hút ba số. Thế mà lại đi tuyên bố bọn mình chỉ hút thuốc lá Jet. Chẳng ra làm sao! Cũng may đã tìm được nơi bán. *Ở đây người ta ít hút thuốc này lắm. Chỉ mấy anh xích lô, mấy chú xe lam. Mỗi ngày bán được vài bao là nhiều. Có, các chú cứ mang ra đây.* Vài bao. Vài là ba. Vừa quá. Mỗi ngày bọn mình cũng chỉ ba bao.

Dù tiết mục duyệt bản thảo này đã được tiến hành mấy lần rồi nhưng vẫn cứ căng thẳng. Vẫn cứ hồi hộp. Căng thẳng hồi hộp cho đến khi sếp tuyên bố ta bắt đầu làm việc thôi các đồng chí nhé. Như chỉ đợi có vậy, Đình Kính tóm tắt những đoạn đã được duyệt kỳ trước và sau đó giọng đọc của Chu Lai bắt đầu một tối làm việc tới khuya.

Đình Kính kéo Chu Lai đi đánh thuê là có cân nhắc kỹ lưỡng. Không phải chỉ vì Chu Lai là một nhà văn đã thành danh, dễ dàng gây nên *cú sét mền phục từ cái nhìn đầu tiên*, cũng không phải Chu Lai từng là đặc công đã lặn lộn ở vùng này. Điều chủ yếu Đình Kính chắm Chu Lai là ở giọng đọc. Không chỉ lão luyện ở những *chiêu văn hùng tráng*, là một diễn viên kịch nói, Chu Lai có một giọng đọc không chê vào đâu được. Âm. Vang. Âm. Sang sảng. Lặn vào lòng người.

Cái trò đọc truyện đêm khuya không là cái đình gì với Chu Lai. Nhưng không được chủ quan. Dù chính là người viết ra nó, anh vẫn đọc kỹ lại một hai lần, để thể hiện đúng tình cảm. Chu Lai như đã nhìn thấy trước hiệu quả của từng chữ phải nhấn mạnh, những chỗ tạm ngừng, những từ phải đọc uốn cong lên mà anh hình dung ra ngay từ khi còn đang cầm bút viết.

Ông giám đốc im lặng đốt ba số. Lắng nghe. Đình Kính, Nguyễn Quang Thân cúi đầu, thỉnh thoảng lại liếc trộm ông giám đốc, dò tìm phản ứng trên nét mặt đăm chiêu của ông. Sao ông ta lại chau mày. Đoạn này có gì không ổn đâu. Chỉ là nói về nghị quyết đảng bộ lâm trường thôi. Sao ông ta lại ngả hẳn người ra ghé lim dim mắt thế kia nhỉ? Hay ông ta ngủ. Kìa. Sếp đã cười. Sếp còn gật gật nữa. Chắc ăn rồi. Thắng rồi. Chắc chắn sản phẩm của mình đã làm vừa lòng sếp, đã được sếp duyệt, sếp OTK rồi. Mà không ung sao được khi giọng oanh vàng của Chu Lai ngân nga: *Rừng xưa lá úa. Nhưng những con người đến cùng rừng hôm nay đã thay lá cho rừng. Không phải đất trời, sự vận động của thời tiết, của bốn mùa đã làm nên điều kỳ diệu ấy. Mà chính là những con người(...) (...) Con đường mới mở trong rừng đâu phải chỉ làm bằng máy móc. Trước hết nó được làm bằng trí tuệ, bằng tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nước yêu chủ nghĩa xã hội của những người làm việc âm thầm không cần ai biết đến, lặng lẽ giản dị như những gốc cây rừng (...) (...)Ngồi trên chiếc xe lu lăn trên con đường xuyên rừng đang được hoàn thiện, họ có cảm giác đây là con đường tiến vào thế kỷ 21 và thả tâm hồn vào thiên niên kỷ tới.* Giám đốc không ung sái cổ sao được khi vẫn cái giọng tuyệt vời của một diễn viên đã bao lần chinh phục khán giả trên sân diễn tiếp tục: *Rừng thay lá. Rừng sống lại. Rừng lại hát khúc ca hùng tráng của rừng.* (Đọc đến đây Chu Lai ngừng lại, ngược nhìn lên mà chẳng nhìn ai, với cặp mắt thần thờ thăm thăm chiều sâu.) Đình Kính cha đẻ của những dòng văn ấy và cả Nguyễn Quang Thân không đóng góp một chữ nào cũng thấy sồn hết cả gai ốc vì xúc động. Giám đốc kêu lên :

- Tốt! Tốt! Cứ như vậy là rất tốt!

Và quay ra cửa hét to:

- Các đồng chí chuẩn bị ăn khuya đến đâu rồi? Xin phép các nhà văn, tôi ra xem anh em họ làm ăn ra sao.

Ngồi trong buồng còn nghe thấy giám đốc nói với chủ nhiệm khách sạn ngay phía ngoài cánh cửa (rõ ràng đủ to cho bên trong nghe thấy):

- Đồng chí có trách nhiệm hỏi ba nhà văn xem có cần giải trí không? Nhà văn cũng là người chứ! Cũng cần giải trí chứ! Đa thông các đồng chí ấy đừng ngại. Các đồng chí ấy giải trí không phải vì các đồng chí ấy, mà vì chúng ta, vì công việc, vì lâm trường!

*

Hai tháng qua nhanh. Bản thảo đã hoàn thành. Hợp đồng đã kết thúc. 180 bao Jet trừ ba bao để ở ba phòng, còn lại một trăm bảy bảy bao đã được bán, tiền đã được cho vào túi. Tên tác phẩm đã được đặt. Đứa con tinh thần ấy được các ông bố thống nhất đặt tên là RỪNG XƯA XANH LÁ. Nhưng lại xảy ra một trục trặc nhỏ: Những ai là tác giả, những ai đứng tên ngoài bìa sách? Nguyễn Quang Thân tự xét mình không đóng góp một chữ nào cho tập sách này, nhất định không chịu ký tên:

- Bỏ tên tớ ra. Tớ không muốn là kẻ đạo văn.

Chu Lai trừng mắt:

- Ông đã được ở đây hai tháng. Ăn uống. Bia bọt. 59 bao thuốc Jet. Lại đón Dạ Ngân ra. Không ký tên là không xong đâu!

Đình Kính ôn tồn:

- Ông Thân không ký tên cũng được. Thôi thì tiền thuốc lá Jet chúng tôi cho ông. Nhưng cái khoản một chỉ vàng ông phải để lại. Hai thằng tôi cưa đôi. Đòn ấy làm Thân choáng. *Coup décisif!* Thân đành chấp nhận ký tên, chấp nhận làm kẻ đạo văn.

Sau bữa liên hoan chia tay có cả sâm banh, có cả bia và đủ thứ sơn hào hải vị, ba nhà văn được ông giám đốc trực tiếp nong vào ngón tay mỗi người một chiếc nhẫn một chỉ vàng kết thúc hợp đồng. Nguyễn Quang Thân tút về Cần Thơ với Dạ Ngân. Chu Lai, Đình Kính về thành phố Hồ Chí Minh. Từ

bến xe, hai người hai chiếc xe đạp khung dựng guồng về khu nhà nghỉ của Hải Quân. Đình Kính vừa đạp xe vừa ngắm chiếc nhẫn vàng óng trên ngón tay nắm ghi đông. Một chiến công. Một thắng lợi dòn dã. Đây là chiếc nhẫn vàng thứ hai trong đời Đình Kính. Chiếc nhẫn vàng thứ nhất mua cách đây không lâu. Biết bao phấn đấu, tần tiện của hai vợ chồng mới có được. Mua về, gói vào vải, bọc túi ni lông, cho vào tủ rồi, nằm ngủ rồi, lại tung chăn, dậy mở tủ lấy nhẫn ra ngắm, rồi lại gói lại bọc lại cất, mới vào màn ngủ được. Chỉ vàng to lắm, mấy ai có...

Đang ngắm ngợi như vậy thì đã tới Thảo cầm viên. Một đám đông con gái trẻ măng ríu rít ủa ra, vây lấy hai đồng chí bộ đội. Một cuộc tập kích bất ngờ. Người nắm ghi đông. Người nắm tay. Người ôm vai. Người bóp đùi. Người kéo áo. Hoảng. Hoảng quá. Không còn biết ra sao nữa. Dù họ trẻ. Dù họ đẹp. Họ nũng nịu. Họ tươi như hoa. Dù họ ríu rít như chim:

- Hai anh. Đi đâu mà vội thế?
- Dừng lại. Đi chơi với chúng em.
- Đi. Chút xíu thôi mà, anh Hai.
- Anh Hai. Xem em nè.

Vội xuống xe, kéo ngã. Họ nài nỉ. Họ thơm tho. Họ nung nức nước hoa. Họ phụng phịu như dỗi. Họ nắm chân nắm tay, họ ôm lấy hai người.

Cố gắng gạt bầy tiên nữ ấy ra, hai nhà văn thoát khỏi vòng vây, lên xe guồng một mạch về nhà nghỉ. Vừa đặt ba lô xuống, thoáng nhìn bàn tay đeo nhẫn, Đình Kính rưng rờ: Chiếc nhẫn vàng trên ngón tay không còn nữa!

- Chu Lai ơi! Cái nhẫn của mình mất rồi! Giọng Đình Kính thất thanh.

Chu Lai giật mình giơ tay lên. Nhẫn vẫn còn.

Đình Kính nằm vật xuống giường không nói được một lời. Tiếc đã hẫc.

Nhưng giận. Giận điên lên, cái lũ con gái khốn nạn ấy. Và cuối cùng thì phục. Cái nhẫn khi ông giám đốc đeo vào ngón tay mình còn chặt cơ mà.

Không hiểu nó lấy cách nào nhanh thế.

Lại phải cười vì Chu Lai cứ giơ bàn tay có nhẫn ra trước mặt như khiêu khích. Đình Kính bảo:

- Mất. Tức thì tức thật nhưng phải công nhận chúng nó tài. Nó đã nâng lên hàng nghệ thuật.

Một lúc sau lại:

- Tài thật! Tài thật!

Chu Lai tiếp:

- *Tài đến thế là cùng! Tiên sư em Tào Tháo!*

Đang đau như hoạn cũng phải cười. Đang cười bỗng im bật. Giật mình. Sục vội tay vào túi quần. Thở phào. Chỗ tiền bán thuốc lá Jet vẫn còn.

Rừng xưa xanh lá

Phần II

Tôi là bạn của ông Dương Tường

Chuyện ở thành phố Hồ Chí Minh: Một lần Dương Tường đưa nhóm họa sĩ 5 người (gang of five) từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh mở triển lãm. Nguyễn Quân mời tất cả tới khách sạn chiêu đãi. Dương Tường đi xích lô, tay cầm tờ Vietnam News cẩn thận, bước vào khách sạn. Người gác cửa khách sạn to lớn, mặc sắc phục nắm chặt vai anh đẩy ra vỉa hè:

- Không được bán báo ở trong ấy! Đi ra ngoài kia mà bán!

Chuyện ở Hà Nội:

Một ngày giáp tết, nghe mấy họa sĩ trẻ rủ rê, Dương Tường đi chợ hoa với họ. Vào chợ, họ tản mát khắp nơi để chọn bằng được một cành đào ưng ý. Lơ ngơ một mình giữa chợ, Tường mua đại một cành đào, vác ra ngoài cổng chợ đứng chờ. Đang cầm cành hoa mới mua, xo ro trong mưa dầm gió bắc, bỗng một bàn tay nắm lấy vai anh, đẩy anh vào trong chợ:

- Không được bán hoa ở đây! Mang vào trong chợ mà bán!

Đó là người bảo vệ chợ.

Người ta nhầm Dương Tường là người bán báo, người bán hoa. Nhưng học theo cách nói của Nguyễn Tuân, tôi nghĩ chưa ai nhầm Dương Tường là nhà

thơ, nhà văn hoá cả...

Buổi biểu diễn kết thúc, đèn bật sáng trong những tràng vỗ tay ran và khán giả đứng dậy ra về, gặp tôi trong hành lang nhà hát, lối thông lên sân khấu, bà Lorelle Browning vẫn giữ nguyên nụ cười trước thành công của buổi diễn. Thấy tôi, bà tiến sĩ người Mỹ này dừng lại, chắp hai tay trước ngực, xá tôi một xá và cúi đầu chào tôi một cách rất phương Đông:

-Chào ông. Tôi là bạn của ông Dương Tường.

Tất nhiên bà phát âm lơ lớ, kiểu phát âm của một người ngoại quốc đang tập nói những câu giao tiếp tiếng Việt. Và một trong những câu đầu tiên bà học để có thể tự nói bằng tiếng Việt là câu nói trên. Tôi là bạn của ông Dương Tường. Trong câu chuyện giữa chúng tôi đó là câu duy nhất bà nói không phải qua phiên dịch. Còn cứ là phải nhờ "phiên dịch" Thu Hà, một nữ nghệ sĩ sân khấu xinh đẹp, người vừa từ sân diễn trong vai một phu nhân lộng lẫy quyền quý của Giác mộng đêm hè bước xuống.

Hồi chiều, khi đoàn kịch nói Việt-Mỹ (tôi cứ tạm đặt tên như vậy) vừa từ Hà Nội về Hải Phòng, còn đang nhận phòng tại khách sạn Hoà Bình trước cửa ga, tới thăm nữ nghệ sĩ Thu Hà, tôi đã gặp bà Lorelle Browning tại đó. Bà cùng ông chồng ở phòng gần bên. Thu Hà giới thiệu tôi với bà một cách vắn tắt nhất:

-Nhà văn Bùi Ngọc Tấn, bạn của nhà thơ Dương Tường.

Bà reo lên:

-A!

Và đứng thẳng người, chắp hai bàn tay trước ngực, xá tôi một xá:

-Chào ông. Tôi là bạn của ông Dương Tường.

Đó là một cách nói: Tôi với ông là bạn. Bởi chúng ta cùng có một người bạn chung: Ông Dương Tường. Nó cũng đồng thời như một chứng chỉ bà là người bạn của nghệ thuật Việt Nam.

Chúng ta còn nhớ năm 1999, một đoàn kịch nói Việt Nam đã sang Mỹ diễn Hồn Trương Ba da hàng thịt. Một tháng rưỡi đoàn lưu diễn ở các trường đại học. Diễn tiếng Việt nhưng phụ đề màn hình bằng tiếng Anh. Tưởng như sẽ khó khăn cho việc tiếp nhận nghệ thuật, cho việc giao lưu tình cảm giữa sân diễn và người xem. Nhưng kết quả có thể nói là vượt sự mong đợi. Dư luận Mỹ rất hoan nghênh. Hoan nghênh về nghệ thuật. Hoan nghênh về một hình thức giao lưu văn hoá mới, về sự hiểu nhau thêm giữa hai dân tộc. Mặc cho một số Việt kiều quá khích ở Los Angeles biểu tình phản đối, những buổi biểu diễn của đoàn kịch Việt Nam vẫn cứ đầy ắp người xem. Diễn xong khán giả còn đứng dậy hoan hô (đứng dậy hoan hô là một hình thức hoan nghênh đặc biệt tại Mỹ).

Một năm sau, năm 2000, chương trình hợp tác sân khấu Việt Mỹ lại có những sáng kiến mới. Không chỉ là đoàn kịch nói Việt Nam sang Mỹ như

trước, hay ngược lại, một đoàn nghệ sĩ sân khấu Mỹ tới biểu diễn ở Việt Nam, mà là các diễn viên Mỹ và Việt Nam cùng diễn chung một vở, diễn viên Việt nói tiếng Việt, diễn viên Mỹ nói tiếng Anh, tất nhiên là phải dùng đến phụ đề trên màn hình vi tính. Vở được chọn là Giác mộng đêm hè của Sêch-xpia. Và Những con thú thủy tinh (The glass menagerie) của Tennessee Williams, Mỹ. Tôi gặp bà Lorrelle trong dịp đoàn về Hải Phòng công diễn hai vở trên trước khi bay vào thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lorrelle là chủ nhiệm chương trình. Diễn ở các thành phố lớn Việt Nam rồi sẽ sang Mỹ biểu diễn. Chắc chắn chương trình giao lưu nghệ thuật này có tác dụng góp phần vào việc nhân dân hai nước hiểu nhau hơn, một bước tiến trong quá trình hai dân tộc cùng nhau hướng tới tương lai.

Nhưng thật ít người biết được rằng sáng kiến gây tiếng vang này lại nảy sinh trong một buổi trò chuyện về sân khấu giữa Dương Tường với bà Lorrelle. Là tiến sĩ văn khoa, giảng dạy ở trường đại học Pacific University, bà tới Việt Nam giảng dạy về Sêch-xpia ở trường Đại học Huế và trường đại học Tổng hợp Hà Nội. Những lúc rỗi rãi bà muốn có người trò chuyện. Một hôm bà ngỏ ý ấy với cô Diana, một người nước ngoài làm phóng viên cho tờ Vietnam News: Giá có ai ở Hà Nội mà nói chuyện về Sêch xpia được thì thích quá nhỉ?

Cô Diana tươi cười bảo bà:

- Có chứ. Sao lại không?

Cô Diana đưa bà Lorrelle Browning đến nhà Dương Tường, 3B Phan Huy Chú. Thế là chuyện dứt không ra. Rất tâm đầu ý hợp. Tường nói cho bà biết Tường đã dịch Sêch-xpia, sân khấu Việt Nam đã từng dựng Sêch-xpia: Rô-mê-ô và Juy-li-et, vua Lia. Ô-ten-lô thì đang dựng dở... Bà Lorrelle nói về Sêch-xpia bên Mỹ, về những nhà hát đã công diễn Sêch-xpia, về sự mãi mãi say mê của công chúng Mỹ đối với nhà viết kịch vĩ đại...

Bỗng nhiên Tường hỏi:

-Sao bây giờ chúng ta không làm một cuộc trao đổi sân khấu giữa Việt Nam và Mỹ nhỉ?

Đó là một ngẫu hứng, một ngẫu hứng "nhiều khi không phải xuất phát từ những kế hoạch định sẵn, mà nảy ra từ sự gặp gỡ giữa con người với con người cụ thể" như một bài báo đã viết về anh.

Lorrelle Browning im lặng. Bà suy nghĩ và như đang cân nhắc những vấn đề gì đó. Rồi bảo:

-Tôi phải xem sân khấu Việt Nam thế nào đã.

Dương Tường đưa bà khách Mỹ, một chuyên gia về Sêch xpia của nước Mỹ tới gặp những người có trách nhiệm trong Hội Nghệ sĩ sân khấu. Trọng Khôi, Nguyễn Đình Nghi vốn từ lâu đã là những người bạn của anh. Đôi bên thống nhất trước tiên hãy cử một đoàn nghệ sĩ Việt Nam sang Mỹ công diễn

một vở kịch Việt Nam, tất nhiên là diễn bằng tiếng Việt. Bà Lorrelle đề xuất sáng kiến khắc phục rào cản ngôn ngữ bằng phụ đề. Hồn Trương Ba da hàng thịt của Lưu Quang Vũ được chọn. Nhạc sĩ Xuân Oanh dịch kịch bản.

Dương Tường hiệu đính. Tường cùng Trọng Khôi làm dự toán. Bà Lorrelle không biết mỗi một trong việc chạy thủ tục, chạy kinh phí. Cuối cùng ông Oscar người Thụy Điển đại diện quỹ Ford-Foundation tại Việt Nam đồng ý tài trợ cho cả chuyến đi.

Dương Thu nói rằng Dương Tường là người của giao tiếp. Vợ con anh bảo anh ham vui, thích lang bang nơi này nơi khác. Ngay từ thập kỷ 60, thời gian rất căng thẳng, mặc dù đã bị công an thẩm vấn nhiều lần, mỗi bước đi đều bị giám sát chặt chẽ, anh vẫn cứ lang bang. Anh tin rằng rồi người ta sẽ hiểu anh, anh chỉ đến với nghệ thuật và như vậy chẳng có gì để sợ. Với lại cảm giác "nhòn nhột sau gáy"^[1], anh đã quen rồi. Như anh quen với việc một số người, trước đây từng là bạn, lảng tránh anh. Những người anh đến chơi cũng đều là những người đã quen "giật mình một cái vồ vai"^[2] như quen với sự hiện diện của anh. Thế giới giao tiếp của anh thật đa dạng. Từ ông chủ tịch hội nghệ sĩ sân khấu tới các diễn viên trẻ, từ những ông tổng biên tập báo tới các phóng viên mới vào nghề, từ những họa sĩ còn hàn vi, vẽ tranh bảo hộ lao động kiếm sống đến những nhân vật tiếng tăm như Nguyễn Tuân, Sĩ Ngọc, Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên... Anh chơi thân với Văn Cao, với Trịnh Công Sơn. Nhà anh giống một câu lạc bộ. Câu lạc bộ đa ngành đa nghề. Trong đám khách đánh tá lá thâu đêm trên tầng gác mới xây thêm ở Mai Gallery ngõ số 3B Phan Huy Chú ta dễ dàng bắt gặp nhóm họa sĩ trẻ Hà Trí Hiếu, Đinh Quân, Đặng Xuân Hoà, Đỗ Phấn... Cũng có khi là một đám khách "tạp" nhiều ngành nghề uống bia chuyện gẫu: Hoàng Cầm, Nguyễn Quân, Bảo Ninh, Dương Thu Hương. Và đoàn xe nổ máy âm ầm đang ngoặt vào nhà anh mời anh đi ăn cơm cá bống kho phổ Lò Đúc kia là Thanh Sơn, nữ phóng viên báo Tuổi Trẻ Thuý Nga vừa từ thành phố Hồ Chí Minh ra, Ngô Hà Thái và Phạm Xuân Nguyên. Lại nữa, một ông già tuổi trên 90 nhưng còn rất nhanh nhẹn, khoẻ mạnh và cả vui tếu nữa: họa sĩ Hoàng Lập Ngôn đang dán mũi vào một tập tranh in. Vợ chồng Đỗ Minh Tâm, Vũ Bích Thủy về nhà "chú Tường" như về nhà mình. Hoàng Đức Nhuận từ Huế xuống ga Hàng Cỏ tới thẳng nhà Tường, quăng ba lô trèo lên giường ngủ vùi, ngủ như chưa bao giờ được ngủ. ở Sài gòn anh có không biết bao nhiêu bạn : Cao Xuân Hạo, Nguyễn Thanh Bình, Lưu Công Nhân, Trịnh Cung, Trần Tiến, Hồ Thu Hồng, Tường Vân... Tôi nhớ vào buổi sáng sau khi bế mạc đại hội nhà văn một ngày, Nguyễn Thị Minh Thái và con gái lại nhà Dương Tường kéo chúng tôi đi ăn sáng tại một nhà hàng Lý Thường Kiệt và gặp Phú Quang ở đó,

Phú Quang mời Dương Tường vào thành phố Hồ Chí Minh dự một chương

trình biểu diễn ca khúc của anh, Dương Tường nhận lời và hôm sau bay cùng Phú Quang tập lự.

Châu Diên đã viết một bài về Dương Tường mà ngay đầu đề cũng đã nói đúng cái chất Dương Tường: *Rồng rắn lên mây... Ông Tường có nhà không?* Với ông Tường thì cần thận réo lên như thế cũng không thừa. Vì ông ... không bao giờ có nhà, ông vắng nhà ngay cả khi ông có nhà theo cái nghĩa dung tục đời thường. Ông đang vớ vẩn đâu đó... Ta cứ việc réo lên rồi ta cứ xộc đến với ông. Ông không từ chối ai hết.

Giờ đây người ta đã hiểu toàn bộ con người anh là thuộc về nghệ thuật. Câu nói hơi có vẻ to tát này chỉ để nói một điều: Đã bớt đi những câu hỏi đặt ra về sự giao du phức tạp, đáng ngờ của anh và sự phức tạp đáng ngờ của chính bản thân anh. Bớt đi thôi vì ngoài những người "có vấn đề" lại còn cánh tây đầm cứ ra vào nhà ông Tường tới tấp. Luôn có những người châu Âu châu Mỹ, cao mét tám, hai mét, tóc vàng, tóc bạch kim, mắt xanh, mũi lõ, quần bò, quần soóc, váy dài, váy ngắn, đàn ông, đàn bà khoác ba lô, mang túi đi từ ngõ vào, hỏi những người trong ngõ bằng một giọng lơ lớ mà chỉ về sau mới quen, mới hiểu còn lúc đầu nghĩ mãi không ra:

-Tôi hơi nha ôn duôn duôn.

Vào nhà ông Tường một lúc. Rồi ra. Chẳng biết chuyện với nhau những gì. Chỉ biết khi vào, tay xách một gói vuông vắn. Khi ra tay không. Xóm phố nhìn anh bằng cặp mắt soi mói ngờ vực. Anh được mời ra đồn làm việc. Và không quên phải cầm theo cái gói nhỏ người nước ngoài tặng anh: Một gói sách.

Đầu năm 1990 Joren Gerhart, nhà nhiếp ảnh người Thụy Điển từ Hồng Kông tới Hà Nội và tìm đến Dương Tường do nữ phóng viên Shelly Goll giới thiệu. Chàng trai (bằng tuổi Hải Âu con trai anh) cao một mét chín tám này làm ảnh cho một số tạp chí của Hồng Kông, trong đó có chuyên mục chân dung nghệ sĩ cho tờ Asian art News. Anh ta ngỏ ý muốn được chụp ảnh một số văn nghệ sĩ Việt Nam. Rất vui vẻ, Tường kéo anh ta đi ăn cơm bụi, đi chơi, đến nhà những người bạn của anh ở Hà Nội, toàn những người Gerhart sẽ phải chụp ảnh. Anh chàng phóng viên nhiếp ảnh rất phấn khởi:

-Shelly Goll đã đúng. Cô ấy bảo cứ đến ông là gặp đủ mọi người.

Trần Phương Mai, con gái anh đưa Gerhart đến những địa chỉ phải đến. Chỉ ít ngày sau, Gerhart đã có trong tay chân dung những văn nghệ sĩ nổi tiếng của Hà Nội. Rồi Mai đưa Gerhart vào Huế gặp Bửu Chỉ, Hoàng Phủ Ngọc Tường, tổ chức chụp ảnh các văn nghệ sĩ Huế. Chưa hết, Mai còn đưa Gerhart vào thành phố Hồ Chí Minh... Kết quả chuyến đi của Gerhart là collection ảnh những văn nghệ sĩ tiêu biểu của Việt Nam. Và...Mai Gallery. Chính Gerhart gợi ý với anh là nên mở phòng tranh. Đến nhà Dương Tường, đi cùng hai bố con anh, hiểu được kiến thức của anh đối với hội họa nói

riêng và nghệ thuật nói chung cũng như sự quen biết rộng rãi của anh và bằng con mắt của một người am hiểu sinh hoạt văn hoá khu vực Đông Nam Á, Gerhart cả quyết Gallery không chỉ giải quyết những khó khăn về kinh tế của gia đình anh mà còn giới thiệu được hội hoạ Việt Nam ra thế giới.

Mai Gallery ra đời.

Rồi Stephen Mac Guinness chủ Gallery Plum Bossoms được Trịnh Cung và Thi Uyên đưa từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội đến thăm anh. Lại một phút giây xuất thần loé sáng: Dương Tường, Trịnh Cung cùng Nguyễn Quân làm việc với Gallery 7 Hàng Khay (do Việt Hải phụ trách) và Stephen, đề xuất một kế hoạch giới thiệu có hệ thống hội hoạ Việt Nam ra nước ngoài. Thế là năm 1991 lần đầu tiên hội hoạ Việt Nam được giới thiệu với một quy mô lớn ra quốc tế. Gallery Uncorked Soul (có nghĩa Tâm hồn bộc bạch) Hồng Kông đã giới thiệu và trưng bày tranh Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm, Lê Công Thành, Phạm Việt Hải, Trần Lưu Hậu, Trịnh Cung, Nguyễn Trung, Hoàng Đăng Nhuận, Đỗ Thị Ninh, Bửu Chỉ, Nguyễn Quân, Nguyễn Thân, Bùi Suối Hoa, Đặng Xuân Hoà, Trần Trọng Vũ... Để đạt kết quả trên, Nguyễn Quân, Trịnh Cung, Dương Tường đã làm việc không mệt mỏi. Tường tập hợp cánh hoạ sĩ để họ chọn tranh. Nhà Tường lúc nào cũng đông hoạ sĩ. Jeffry nhà phê bình hội hoạ Mỹ được Plum thuê sang Việt Nam giám định tranh. Lúc đầu không có Trần Trọng Vũ. Tường đưa Plum đến nhà Trần Dân. Jeffry quyết định chọn Vũ. Lần đầu tiên, tác phẩm của Vũ được ra nước ngoài. Cùng với triển lãm, một catalogue được phát hành. Đó là một cuộc triển lãm mang tính đột phá trong quá trình hội nhập của hội hoạ Việt Nam.

Ở Hồng Kông sau này có một gallery chuyên giới thiệu tranh và bán tranh của hoạ sĩ Việt Nam: Gallery Lã Vọng. Chủ gallery, bà Shirley Hui, một tiền sĩ người Mỹ gốc Hoa tới Việt Nam và đến Dương Tường. Gallery Lã Vọng là kết quả của những lần anh dắt bà Hui đến chơi Đặng Xuân Hoà, Nguyễn Tư Nghiêm, nhóm 5 người (gang of five). Trong tập sách đầu tiên của Gallery Lã Vọng có đoạn viết: "Ông này (Dương Tường), nhà thơ và nhà phê bình lỗi lạc đã soi sáng cho tôi rất nhiều khía cạnh của văn hoá Việt Nam" (The latter, eminent poet and critic, has enlightened me greatly on many aspect of Vietnamese culture). Bà Shirley Hui còn kéo thêm bà Judith Day cộng tác và sau này khi bà Judith Day rời Hồng Kông về Mỹ, chưa có điều kiện mở gallery, bà lập salon tranh, triển lãm tranh Việt Nam ở Si-cagô, Nữu Ước và vài nơi khác.

Khi David Thomas, cựu chiến binh, giáo sư hoạ sĩ trường đại học Emmanuel, người đầu tiên tổ chức triển lãm mỹ thuật Việt-Mỹ mang tên "Nhìn từ hai phía" sang Hà Nội tìm đến Dương Tường, cảm phục nhiệt tình và kiến thức sâu rộng của anh đối với hội hoạ đã tới Hội đồng Văn hoá Châu

Á (Asian cultural council) xin tài trợ để có thể mời anh cùng với Nguyễn Quân, Đặng Xuân Hoà sang Mỹ, dự triển lãm thứ hai do David tổ chức với tên gọi "Cách nhau một đại dương". Đó là vào năm 1995. Hộ chiếu đòi hỏi nhiều thủ tục không đơn giản. Một trong những thủ tục bắt buộc: anh phải là người của Hội Nghệ sĩ tạo hình. Mà Tường thì chưa ở trong bất kỳ một hội nghệ thuật nào (Cho đến tận bây giờ anh vẫn chưa có chân trong Hội Nhà văn). Anh phải làm đơn xin vào Hội Nghệ sĩ tạo hình, ngành lý luận phê bình. Hội đồng lý luận không giới thiệu anh lên ban chấp hành, mặc dù đơn của anh được Trần Lưu Hậu, chủ tịch Hội Đồng nghệ thuật và Thái Bá Vân nhà lý luận hàng đầu ký tên giới thiệu. Mà thời hạn đi Mỹ đã gần kề. Bà Vũ Giáng Hương khi đó là Tổng thư ký Hội biết chuyện phát biểu:

-Anh Dương Tường viết những bài phê bình, giới thiệu hội hoạ rất có chất lượng, và viết nhiều hơn bất cứ một nhà phê bình chuyên nghiệp nào. Hai anh Thái Bá Vân, Trần Lưu Hậu đã giới thiệu. Nếu cần tôi xin là người thứ ba giới thiệu anh Dương Tường.

Dương Tường được kết nạp vào Hội Nghệ sĩ tạo hình. Anh được cấp hộ chiếu đi Mỹ với tư cách là nhà phê bình nghệ thuật.

"Tường đã sang thăm Hoa Kỳ, đã tới Boston -Châu Diên viết như vậy- đã đi nhiều ngả, đã đến bên đài kỷ niệm có tên Bức tường Việt Nam. Một ngày cuối tháng chạp năm 1995, Tường ngồi thụp xuống chân đài kỷ niệm viết vội những dòng thơ bằng tiếng Anh, vẫn như mọi lúc, không bao giờ có ý định công bố, thơ viết vội cho chính mình, đơn giản là thơ, thể thôi. Tuy chỉ là ghi vội cho mình, song bài thơ đã lọt vào mắt xanh một chuyên san đại học Yale. Nữ nhiếp ảnh Ellen Kaplowitz đã xin phép viết bài thơ lên một tấm pa nen lớn đặt ngoài cửa ra vào triển lãm của chị. Còn họa sĩ Rodney Dickson thì in bài thơ của Tường vào thiếp mời triển lãm của mình có tên là Life~Death (Sống~Chết) đầu tháng 2-2001 ở New York".

Tên Dương Tường cùng ngôi nhà của anh đã trở thành quen thuộc với nhiều người làm văn hoá nghệ thuật ở nhiều nước. David về Mỹ nói với bạn bè:

-Gia đình Hà Nội của tôi là nhà Dương Tường.

Anh được Cộng đồng Pháp ngữ mời sang Pháp. Anh sang Đức trong Festival Gặp Việt Nam của Đức. Tôi nói đùa với Dương Tường:

- Chỉ vì ham vui mà ông làm được khối việc ra đây. Có thể gọi ông là Vụ văn hoá đối ngoại nghiệp dư. Được không? Dù lúc đầu có hơi phiền phức, nguy hiểm.

Tường cười:

-Cũng là do cái tính của mình.

Báo Lao Động cũng đã phỏng vấn anh về đề tài này, tất nhiên không như chúng tôi đùa bỡn cùng nhau. Bài báo viết: ... không thể là ngẫu hứng, nó là kết quả của những tình bạn thâm giao với các văn nghệ sĩ tài năng từ lúc họ

còn hàn vi, đến các họa sĩ trẻ thời mở cửa được "lăng xê" một cái là lên như diều...Ông được tiếng là người chu đáo tận tình với bạn bè. Và Tường đã bộc bạch: "Tôi yêu quý các nghệ sĩ, ở thế hệ đàn anh, đó là phẩm chất mà người Pháp gọi là "intégrité morale", tức là một sự toàn vẹn "nguyên khôi" hết mình, trung thực không thể chê trách. Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Trần Dân là những người như thế. Đáng buồn là những con người như thế ngày càng ít. Với thế hệ trẻ tôi "sướng" lây cái sướng của họ: Không mặc cảm, không ràng buộc, với người đi trước họ không đập đồ, vẫn kính trọng nhưng không bị đè...Tôi yêu văn hoá Việt Nam, nghệ thuật Việt Nam. Và tôi yêu tấm lòng đối với văn hoá Việt Nam của những người nước ngoài đến với Việt Nam, đến với tôi, một cô họa sĩ Hà Lan tôn thờ Trần Trung Tín của mình còn hơn Van Gogh, một David Thomas lặn lội gõ cửa các nơi để giới thiệu "Bảy cột trụ hội hoạ Việt Nam" cho dân Mỹ.

Nói Tường ham chơi, ham vui là một cách nói yêu. Anh là người lao động nghiêm túc. Anh đã dịch hơn 50 đầu sách từ tiếng Anh, tiếng Pháp ra tiếng Việt. Đó là những tác phẩm nổi tiếng của văn học thế giới, những tác phẩm luôn gợi mở cho những người cầm bút Việt Nam những suy nghĩ mới mẻ về sáng tác, những tác phẩm mà Nguyễn Quang Thân nói đọc xong thay đổi cả nhận thức như Anna Karenina (Lev Tolstoi), Alexis Zorba (Nikos Kazantzaki, Hy Lạp). Và Đất dữ (Jorge Amado, Brazil), Cuốn theo chiều gió (Margaret Mitchel, Mỹ), Đồi gió hú (Emily Bronte, Anh), Cội rễ (Alex Haley, Mỹ), Con đường xứ Flandres (Claude Simon, Pháp), Bức thư của người đàn bà không quen (Stefan Zweig, Áo), Người dung (Albert Camus, Pháp), Truyện ngắn Tchekhov, nhiều vở kịch của Shakespeare như Othello, Anthony và Cleopatra, Đêm thứ 12 v.v...Hiện Tường đang đánh vật với tiểu thuyết Trồng thiếc của Gunter Grass, nhà văn Đức, Nobel văn học 1999. Không chỉ chọn sách dịch, Tường luôn cố gắng hết sức mình để đạt được một chất lượng chuyển ngữ tốt nhất. Những bản dịch của anh đọc thật sướng. Rất nước ngoài nhưng cũng rất Việt Nam. Và đặc biệt, rất Dương Tường. Anh quan niệm dịch văn học như sau: "Tôi muốn người dịch là đồng tác giả, làm sao vượt lên định kiến "dịch là phản", bản dịch phải là kết quả trong đó có 100 phần trăm tác giả và 100 phần trăm dịch giả, làm sao có thể ký tên (nói cho vui) Nguyễn Du-Dương Tường dưới bản dịch Truyện Kiều. Nói cách khác, bản dịch phải thể hiện cá tính của dịch giả trong từng chữ. Điều đó cũng tựa như trong âm nhạc, biểu diễn nhạc là "dịch" một tác giả theo cách của mình; cũng là Chopin, nhưng Chopin do Ashkenazy đánh là ký tên Ashkenazy, Chopin do Đặng Thái Sơn đánh là ký tên Đặng Thái Sơn...Tôi thích làm cái khó, làm cái gì hơn mình một tý, như người kiễng chân từng mi-li-mét. Tôi muốn mình phải dịch những gì có thể tác động đến

văn học Việt Nam, đến người làm nghề văn thì mới bỏ. Đối với văn học đương đại, vấn đề không phải là viết khó hay dễ, mà cần phải biết có bao nhiêu con đường khác nhau, đó là gợi ý để mình thám hiểm. Đừng ăn sẵn, dù là ăn sẵn của ông cha hay ăn sẵn của thiên hạ, phải phăng những con đường mới."

Một trong những tác phẩm tiêu biểu cho những điều anh nói trên là tập "Những con đường xứ Flandres" của Claude Simon, Nobel văn học. Tường nói với tôi:

- Những con đường xứ Flandres chưa đến 400 trang mà tôi dịch lâu gấp đôi "Cuốn theo chiều gió" dày cả ngàn trang. Tôi dịch vì nghĩ đến anh em viết mà chưa được đọc quyển này thì thiệt quá. Nhiều lúc rất mệt nhưng cố. Trong lời giới thiệu in đầu sách, Tường viết: Tôi dám khẳng định: cuốn sách này sẽ chỉ có một công chúng hạn hẹp. Nó không dành cho những người tìm khoái thú dễ dàng ở một cốt truyện nhiều tình tiết ly kỳ hay éo le hấp dẫn theo cách thông thường. Chúa chứng giám là tôi tuyệt nhiên không có ý làm nản lòng độc giả, mà quả thực là ngay cả ở Pháp, quê hương của tác giả, thái độ của nhiều trí thức trung bình đối với sách của Claude Simon cũng chỉ "kính nhi viễn chi" mà thôi.

Song tôi lại dám nói những ai tìm đến cuốn sách này với lòng ham muốn khám phá đích thực sẽ như bị bùa mê và sẽ đọc lại nó chỉ ít vài lần nữa. Lời giới thiệu này dành cho loại độc giả đó. Hy vọng nó sẽ cung cấp được một số đường dây khả dĩ giúp họ tìm được lối trong mê cung kỳ thú trong thi pháp tiểu thuyết của Simon.

"Những con đường xứ Flandres" đúng là một mê cung. Mê cung đối với người đọc, mê cung đối với người dịch vì nó là mê cung ngay cả đối với Claude Simon, người viết ra nó. Chính tác giả đã làm việc 8 tháng ròng trên từng đoạn nhỏ, trên từng dòng lẫn lộn không phân biệt, đến nỗi ông phải dùng những sợi chỉ màu đánh dấu mới có thể định hướng được trong cái mê cung do chính ông tạo ra. Đánh giá đúng công sức cố gắng của anh chuyển ngữ mê cung "Con đường xứ Flandres", Hội Nhà văn đã trao giải thưởng về văn học dịch cho anh.

Tổng kết về Dương Tường, Phạm Xuân Nguyên viết:

Ông là nhà báo? dịch giả? nhà phê bình văn học? nhà phê bình mỹ thuật? nhà phê bình âm nhạc? nhà phê bình sân khấu? nhà thơ?

Đúng cả.

Sau khi dẫn chứng về nhà báo, nhà dịch thuật của Dương Tường, Phạm Xuân Nguyên chứng minh anh là nhà phê bình văn học:

"Hãy nghe ông Tường giải một nỗi buồn của Nguyễn Tuân: "Xưa nay, người ta ưa nhìn Nguyễn Tuân như một mặc khách không ngừng bị ám ảnh bởi nỗi khát khao xê dịch, luôn luôn thêm đi, cuồn đi. L invitation au voyage -mà

anh dịch rất hay là Thịnh Du- đó là một khúc nhạc quyến rũ nhất đối với lòng chàng lãng tử họ Nguyễn. Nhưng những năm cuối đời, những chuyến đi xa dường như không cảm dỗ anh nữa. Phải chăng nỗi cuồng đi đã nguội lạnh trong anh? Tôi, tôi nghĩ thế này: Có lẽ, như Celine làm cuộc viễn du đến tận cùng đêm, anh cũng thấy cần dành thời gian còn lại để hoàn thành cuộc viễn du đến tận cùng lòng mình. Vả chăng, theo tôi, cuộc hành trình lớn nhất, dài nhất trong đời anh- mà anh chưa đi hết- đó là cuộc hành trình chữ. Với anh, mỗi lần động bút là một chuyến phiêu du-du lịch trên địa đồ chữ nghĩa." Còn đây, ông viết về Raymond Carver-một Chekhov của nước Mỹ hậu hiện đại: Truyện ngắn của Carver tựa như những mẫu giáo khoa về phân huỷ. Làm thế nào để đánh hỏng đời mình và đời người khác, để nảy sinh hằn thù điên loạn và tội ác? Carver đã tạo ra một thế giới thiếu vắng tình yêu, thiếu vắng đến độ dã man. "Chúng tôi nói gì khi bàn về tình yêu" là đầu đề một kiệt tác ngắn của ông. Thật kỳ lạ, từ lâu lắm rồi người ta đã quên hẳn không còn biết nói gì, nói thế nào về tình yêu. Trái tim bị xâm thực bởi quá nhiều tham vọng nhỏ nhoi đã trở nên khô héo cần cỗi không còn biết đến nhịp đập yêu thương."

Cùng với Phạm Xuân Nguyên, tôi dẫn ở đây một Dương Tường phê bình hội hoạ bằng những gì tôi có trong tay: Một trích đoạn anh viết về Nguyễn Quân "Hành trình vào cái không nhìn thấy":

(...)Những tác phẩm gần đây của Nguyễn Quân vẫn lúa túa hình sắc, vẫn ươm những mảng màu mát rượi như da thịt người con gái vừa tắm, song có phần u trầm hơn, vẫn chan chứa nhục cảm song chín mọng tịch lặng hơn. Xem tranh Quân, có lúc tôi tự nhủ: Này đừng mắc lừa! Lật cái lớp sum suê rực rỡ bên trên, ta sẽ thấy ở tầng sâu cái mà các nhà hiện tượng học hiện sinh gọi là "cô đơn bản thể". Nói cách khác là cái tâm thái bơ vơ lạc lõng mà vì nó, người nghệ sĩ cần đến nghệ thuật để hoà nhập trở lại vào âm dương vũ trụ...

Và những dòng anh viết về Hà Trí Hiếu: Hà Trí Hiếu có nỗi đam mê vừa cuồng nhiệt vừa e ấp, thể hiện ở độ ào ạt của màu sắc và sự tinh tế của ánh sáng dường như được cô vũ bởi sức sống bao lâu bị nén lại nay bỗng một lúc vọt trào: những bộ mặt không có nét với những cái hốc trắng thay vì miệng từ đó cất lên những khúc ca im lặng. Những con bò có khi dài ngoằng mà vẫn gợi một cảm giác vuông vức, thường là một màu đất trầm tĩnh như cuộc đời người nông dân. Ở Hiếu, dạt dào cái trữ lượng đồng quê của một tâm hồn thôn dã chưa kịp thành thị hoá. Bút pháp và mảng màu ngày càng thiên về xuất biểu của hoạ sĩ, nghịch lý thay, chẳng những không đối chọi mà còn bổ sung cho cái trữ tình của những Quê Việt, Khúc ca quê, Thôn nữ và Bò, cái trữ tình ngăn ngắt xanh trong đó lời ru của Mẹ quện với giếng nước lũ tre làng và trắng ca dao tưới sâu lên nỗi tủi phận của những cô gái lỡ thì.

Dương Tường là nhà báo (hẳn rồi vì anh là phóng viên Thông Tấn xã Việt Nam) là nhà dịch thuật, là nhà phê bình hội hoạ, Phạm Xuân Nguyên còn khuyên chúng ta hãy lắng cùng Tường Văn Cao và xung động Icare, để thấy anh là một nhà phê bình âm nhạc, hãy nhìn cùng anh Vua Lear n chiều để thấy anh là nhà phê bình sân khấu. Và chắc chắn Dương Tường còn là một nhà thơ. Báo Lao Động đã phỏng vấn anh: Liệu có quá nhiều "nhà" trong một ông Dương Tường? Hay dùng một hình ảnh trong câu thơ ông (được bạn bè sửa đi một chữ): "những ngón tay mưa, Dương Tường trên mái", ông thích nhất ngón tay nào của mình? Dương Tường đã trả lời : Thích nhất là ngón tay... thơ.

Thơ. Đây mới là điều chủ yếu. Đây mới là nghiệp chính của anh. Ngay từ những năm 60 tôi đã thấy thơ anh khác lạ. Rõ ràng anh luôn tìm tòi, phăng những con đường mới:

Rười rươi xanh mà ai xui em bùng khói tóc
Để tôi sai nhịp tôi tiếng tiêu buồn thổi vào đêm mọc
Và:

Những ngón tay mưa
dương cầm trên mái
Những ngón tay mưa
kéo dài tai quái
một nổi nhớ siêu hình
nhạc nhòe đường xanh đêm lập thể

Một bài thơ một câu của anh tôi đã nghe nhiều người đọc như một tuyên ngôn của chính họ:

Để ghi trên mộ chí sau này
Tôi đứng về phe nước mắt

Vâng. Dương Tường là rất nhiều "nhà". Dù đã nhiều "nhà" như thế, tôi vẫn muốn thêm vào ở anh một nhà hoạt động văn hoá đối ngoại và một nhà văn xuôi nữa. Văn xuôi của anh tràn đầy chất thơ. Những người đọc sách anh dịch bao giờ cũng rất thú vị khi đọc những trang in ngả của anh viết lời giới thiệu ở đầu sách. Một tập tạp văn dày 500 trang của Tường đang chờ để ra mắt công chúng: *Ai đầu tiên gọi chicks choè là chicks choè*. Tên sách là tên một bài tiểu luận của anh, trong đó anh nói lên quan niệm của mình về thơ: Một trong những đặc thù của cái đẹp nơi chữ thơ, tôi nghĩ, là sự lên ngôi của con âm thay vì con nghĩa. Hãy một lần nữa nghe bà cô tổ Hồ Xuân Hương của chúng ta biểu âm sự nứt ra của một động Hương Tích:

Bày đặt khen ai khéo khéo phòm

Cái động từ phòm (hình như chỉ được dùng hai lần trong thơ Hồ Xuân Hương, ngoài ra không gặp ở đâu khác) cũng thuộc loại từ "bịa" phi ngữ nghĩa mà biểu năng trực cảm của nó kỳ diệu đến nỗi ai cũng hiểu tác giả định nói gì. Không có khả năng như tạo hoá "bịa" ra, chẳng hạn, một động từ Hương Tích thì nhà thơ "bịa" ra chữ! Những chữ tinh khôi tự nhiên như bản thân sự sống, vừa ra đời đã trở thành những thực thể.

Thi sĩ, tôi quan niệm, là kẻ đầu tiên kéo thế giới ra khỏi vùng khuyết danh. Mà khuyết danh có nghĩa là chưa tồn tại. Thi sĩ cho sự vật một cái tên mà trước đó nó chưa có-tức là đưa nó vào tồn tại. Ai đầu tiên gọi chích choè, khi nó còn khuyết danh, là chích choè, người ấy đích thị là một nhà thơ. Loài chim ấy ắt đã có từ rất lâu trước đó, người ta hẳn đã nhiều lần thử đặt cho nó một cái tên nhưng không đậu và chỉ đến khi ai đó, trong một loé chớp thần hứng, bật thốt ra hai âm tiết chích choè trùng pặp không gì thay thế nổi, thì nó mới thực sự tồn tại, thêm cho trời đất một cái gì không chỉ đơn thuần là một loài chim.

Văn xuôi của anh là như thế đấy. Một thứ văn xuôi khi đọc, không cần xem tên tác giả cũng biết ngay là của Dương Tường!

Phạm Xuân Nguyên thốt lên: Tôi lạ lắm ông Dương Tường. Nguyên mới quen Tường, lạ đã hẳn. Tôi chơi với Dương Tường nửa thế kỷ rồi mà cũng vẫn cứ lạ về anh. Người bạn nhỏ thó của tôi lấy đâu ra sức lực và tích tụ từ bao giờ những kiến thức cũng như khả năng làm việc như vậy? Lại càng lạ khi Mạc Lân nói với tôi rằng chính Dương Tường là người dắt Lân vào con đường bán máu. Chỉ tới cuối năm 2001, khi hai chúng tôi vào thành phố Hồ Chí Minh, rồi rãi thời gian, trò chuyện tôi mới vỡ lẽ ra được một số điều về anh.

Vợ chồng tôi vào thành phố Hồ Chí Minh chơi với con gái và con rể tôi sống ở trong ấy. Tôi điện ra mời Dương Tường vào. Vốn "ham vui" anh mua vé máy bay vào ngay. Đó là những ngày nghỉ tuyệt vời. Chúng tôi để cả nửa ngày trời câu cá ở nhà Dương Thụ. Tường câu được một con cá quả bằng cái chuôi liềm, mặt cứ tái đi vì xúc động, vì đã câu được một con cá to như thế, vì nó giẫy dựa đầu cần, vì sợ nó vượt khỏi lưỡi câu rơi xuống ao mát. Đó là con cá đầu tiên anh câu được trong đời. Rồi chúng tôi đi Long Hải chơi trò phóng máy bay trực thăng với Nguyễn Thanh Bình. Chúng tôi chuyện với Hồ Thu Hồng. Ăn sáng với vợ chồng nhà báo trẻ Tường Vân. Chúng tôi đến nhà Hoàng Hưng dự một bữa cơm do cháu Ly Hoàng Ly, con gái anh trở tài nấu nướng...Những giây phút thư giãn, hoàn toàn không lo lắng suy nghĩ. Chắc sẽ khó có được một lần thứ hai như thế, một lần thứ hai cả hai chúng

tôi cùng vào Sài Gòn nghỉ ngơi.

Tường kể về tuổi trẻ của anh, về những ngày anh học lớp sixième hệ secondaire trường Louis Pasteur ở Nam Định. Rồi bỏ học theo bố mẹ lên Me, Vĩnh Yên vì gia đình vỡ nợ. Tham gia tổng khởi nghĩa ở Me. Rồi về Hà Nội học trường tư thục Nguyễn Thượng Hiền do Đặng Thái Mai mở. Tường cười:

-Kháng chiến mình ra học ở vùng tự do. Học nhảy lớp đệ tứ. Mình thi trung học phổ thông ba lần không đỗ. Như bây giờ là chưa tốt nghiệp hệ lớp bảy. Năm 1950, 18 tuổi mình đi bộ đội.

- Thế ông lấy đâu ra vốn ngoại ngữ như vậy?

-Ông quên mất trận đánh đồn Hối Đào tôi đã kể cho ông à? Chiếm được đồn, anh em tìm chiến lợi phẩm. Còn mình tìm sách. Vớ được quyển " À l'Ouest rien de nouveau " (Phía Tây không có gì lạ) thế là đọc. Ông có biết không, khi thấy "Phía Tây không có gì lạ" ở phòng thăng đồn trưởng mình mới hiểu vì sao đánh cái đồn này dễ thế.

Tường cười, nói tiếp:

-Đánh đồn nào mình cũng tìm sách. Trong ba lô bộ đội bao giờ cũng có hai quyển từ điển nặng trĩu, một tiếng Anh, một tiếng Pháp, dù hành quân mang nặng đến đâu cũng không vất bỏ. Vừa đánh nhau vừa đọc vừa học. Thế là mình nâng dần được trình độ. Về nhạc, họa, sân khấu cũng là do mình chơi với Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Đình Nghi, với bè bạn các ngành. Chơi và học họ. Rồi suy nghĩ, đọc thêm sách...

Vậy là bí quyết của anh quá giản đơn: Không ngừng học. Học trong sách vở. Học trong bè bạn anh em. Học cả đời. Tường đã nói Tường muốn làm việc khó, làm cái gì hơn mình một tí, như người phải kiễng chân từng mi-li-mét để nâng trình độ mình lên.

Sực nhớ đến Mạc Lân, tôi hỏi:

-Ông Lân ông ấy bảo tôi là chính ông...

Tường hiểu ngay điều tôi định nói:

- Chuyện bán máu ấy à? Tôi là thằng bán máu đầu tiên trong số anh em mình. Không ai giới thiệu cả. Tình huống những năm 64, 65 ông biết là khó khăn thế nào rồi. Tôi còn nhớ giỗ ông nội tôi mà cả nhà chỉ còn tiền mua rau, không thể nào kiếm được mấy lạng thịt chui làm giỗ. Đang bí thì gặp ông Ngô Quốc Hạnh, bạn mình. Hạnh làm giám đốc Sở Công Thương thành phố Hà Nội. Hạnh cho một cái phiếu mua vịt. Mừng quá đem về đưa Trinh. Thế là có giỗ. Ông bố mình lúc bấy giờ còn sống. Cụ cứ cảm ơn Hạnh mãi. Cả năm sau vẫn thấy cụ nói: Anh Hạnh tốt thật đấy. Thì giỗ bố cụ, cụ không nhớ ơn sao được. Tình thế mỗi ngày một căng. Khó khăn quá. Tôi có nghe người ta nói chuyện bán máu. Nghĩ hay là cứ thử xem sao. Tôi vào bệnh viện Việt Đức tìm hiểu. Đúng vào cái hồi tôi xuống ông, gặp ông Hiền cũng

đưa cả gia đình xuống, rồi chúng tôi đi nghỉ Đồ Sơn, sau đợt ấy về là bắt đầu đấy. Tôi đội cái mũ sùm sụp để không ai nhận ra mình. Vào bệnh viện quan sát. Thấy cũng không có gì ghê gớm, mình làm được. Thế là hôm trước thăm dò, hôm sau vào đăng ký bán máu luôn. Hôm bán máu phải nhịn ăn, chỉ uống cà phê sữa thôi. Máu của tôi thuộc nhóm máu O, nhóm máu xã hội chủ nghĩa được chuộng lắm. Số cân của tôi chỉ được bán 150 cc thể mà đề nghị bán 200cc cũng gật đầu ngay tấp lự. Được tiền và được nhiều phiếu lắm.

Thịt, đường, sữa, đậu. Ra cổng các ông bà phe xúm lại hỏi mua phiếu. Ông Lân bán phiếu chứ mình không bán. Mình cầm về đưa cho bà Trinh mà chưa biết giải thích nguồn gốc mấy cái phiếu ra sao. Sực nhớ đến Ngô Quốc Hạnh đã một lần cho phiếu mua vịt, mình bảo: "Anh Ngô quốc Hạnh cho phiếu đây này." Lân sau cũng lại anh Ngô Quốc Hạnh cho phiếu đây này. Ngô Quốc Hạnh biến thành tiên, thành but ở nhà mình. Ông bố mình càng nhắc chuyện năm nọ không có anh Hạnh cho cái phiếu mua vịt thì nguy, mấy bố con không làm nổi cái giỗ cho cụ. Đưa tiền cho bà Trinh để hơn đưa phiếu, cứ nói đại là tiền nhuận bút, mặc dù dạo ấy có được in gì đâu mà có nhuận bút. Về sau những lúc khó khăn quá bà ấy cứ giục mình: "Anh đến anh Hạnh xin ít phiếu đi." Có lần bí quá mà còn hai tuần lễ nữa mới đến kỳ bán máu, tôi than thở với Lê Phát. Ông có nhớ Lê Phát không nhỉ. Lê Phát đài Tiếng Nói Việt Nam cùng dịch Sê-khốp với tôi. Lê Phát bảo: "Thằng trưởng phòng huyết học là bạn tôi. Để tôi viết thư cho nó."

Tường cười. Anh vừa cười vừa thuật lại câu chuyện "đáng buồn cười" cách đây non nửa thế kỷ ấy. Tối hôm ấy anh cầm thư giới thiệu của Lê Phát tới nhà ông trưởng phòng huyết học. Đọc thư tiến cử của Phát, ông trưởng phòng gật đầu xởi lởi:

-Được. Sáng mai anh đến. Tôi sẽ bảo chúng nó ưu tiên lấy nhiều cho anh. Đó là lần Tường bán được nhiều nhất: 280cc! Đại thắng trở về đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Lê Phát đã đứng chờ ở cổng, hồi hộp:

-Được không?

Tường ăn mừng thắng lợi với Phát bằng một bữa bia hơi Cổ Tân. Phát hai vại. Tường một vại. Uống xong, Phát nói một câu xanh rờn làm các bàn bia khác cùng quay cả lại:

-Hôm nay tao uống máu thằng Tường!

Bán máu thành công, Tường nghĩ ngay đến Mạc Lân. Mạc Lân bán được. Bán đều. Thừa thắng xông lên, Tường kéo Châu Diên đi. Nhưng đến Châu Diên thì thất bại. Máu Châu Diên không đông. Mới chọc kim lấy máu để thử, rút mũi kim ra máu đã chảy đầy bắp tay, chảy xuống nền nhà lênh láng đỏ lôm. Mọi người nhìn vào đều sợ. Châu Diên hoảng, vợ vội nắm bông băng chạy vào nhà vệ sinh cho khuất rồi băng ở trong ấy.

Thế là chúng tôi chuyện về Mạc Lân, về Châu Diên, về những công việc

phải làm sau khi ra Bắc. Tường bảo:

-Kỳ này về phải tập trung làm cho dứt điểm "Cái trống thiếc". Dạo này tốc độ làm việc không được như trước. Chậm đi. Sức khoẻ yếu rồi.

Bảy mươi, sắp bảy một rồi. Lại qua bao gian khổ. Làm gì không yếu đi. Làm được thế đã là tốt lắm. Tôi muốn nói với Tường như vậy. Nhưng tôi bảo anh:

- Ủ. Có lên. Mình thấy ông đánh vật với nó cũng lâu rồi đấy.

Tôi biết để có thể ngồi dịch Grass, Tường đã mất biết bao thời gian. Anh làm việc với nhà xuất bản, anh liên hệ với Grass, với đại sứ quán Đức tại Việt Nam. Anh xin tiền tài trợ để có thể trả bản quyền cho Grass theo đúng luật xuất bản, một số tiền vài trăm Đô Mác hoàn toàn mang tính tượng trưng. Và anh dịch. Anh cặm cụi trước cái máy vi tính xách tay Dell mới tinh giá 2500 đô mà Nguyễn Thanh Bình gửi từ thành phố Hồ Chí Minh theo đường bưu điện ra tặng anh. Công việc trôi chảy. Nhưng nhà anh quá nhiều khách, quá nhiều bạn. Nên làm cứ bị ngắt quãng. Thế là Trọng Khôi, chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu cảm cái tình anh đã đóng góp với hội về "cái vụ sân khấu Việt-Mỹ", kéo anh lên Tam Đảo dự trại sáng tác kịch bản sân khấu để anh... dịch Grass. Anh là người trại viên nghiêm túc nhất, lúc nào cũng ngồi trước máy vi tính. Cả trại nhiều khi kéo nhau đi dã ngoại, chỉ có một mình anh xuống nhà ăn với một suất cơm. Một tháng trời, được thêm 200 trang. Bế mạc trại, anh về nhà. Lại kém hiệu quả ...

Tường bay ra trước tôi. Khi về Hải Phòng, gọi điện lên cho anh, tưởng anh đang ở Hà Nội thì đầu dây bên kia tiếng Trinh, vợ anh:

- Anh Tấn đây à. Anh Tường em đi lên trại sáng tác Đại Lải rồi. Đi từ mùng 1 đầu tháng cơ. Giáp tết mới về.

Tôi biết vào cái tháng chạp rét đại hàn chi cực này chắc chắn Hội Nhà văn không mở trại sáng tác. Anh nộp tiền ăn và tự giam mình cô đơn một mình một bóng trong một căn buồng ở Đại Lải, dốc sức làm việc. Dù giáp tết, người ta tất bật, đâm sập đập ngựa với bao công việc lo toan. Dù nhiệt độ xuống từ 8 đến 13 độ kéo dài cả tháng. Với lại cho dù có ở nhà vị tất anh đã giúp vợ con được việc gì. Anh là người lơ lửng trên mây, ngu ngơ vụng về với mọi thứ của đời thường, là người của một thế giới tinh thần, nói đúng hơn luôn đắm mình trong nghệ thuật, "đi vắng ngay cả khi đang có ở nhà" như Châu Diên nói. Tôi biết vợ anh đã phải sắc thuốc bắc cho anh, để anh tăng thêm sức khoẻ, để anh im lặng đánh vật với từng con chữ. Dịch cả ngàn trang sách đâu phải dễ dàng gì. Một công việc cực nhọc. Tường luôn làm những cái gì hơn mình một tí. Anh lại đang kiêng chân từng mi-li-mét. Từ bốn tập hành quân, đeo thêm quyền từ điển đi hết chiến dịch này tới chiến dịch khác thời chống Pháp cách đây hơn nửa thế kỷ. Đến thập niên 60 hoà bình nhưng còn căng thẳng hơn thời chiến tranh, đe dọa cả an toàn cuộc

sống. Và trong sáng tác, dịch, phê bình nghệ thuật. Ngay bán máu cũng cố bán vượt chỉ tiêu một ít xê xê. Bây giờ là vượt lên sức khoẻ, tuổi tác. Vượt lên. Phương châm sống của cả đời anh.

Cho nên chơi với anh đã nửa thế kỷ, lúc nào tôi cũng rất sung sướng khi nói:

-Tôi là bạn của ông Dương Tường.

Như bà Lorrelle Browning đã nói cùng tôi.

Mùng 3 Tết Nhâm Ngọ

13 - 2 - 2002

^[1] Thơ Hoàng Hưng

^[2] Thơ Hoàng Hưng

Rừng xưa xanh lá

Phần III

Thời gian gấp ruồi

Ngày nay ngày nay
Chuyện đẹp qua đi
Thời gian gấp ruồi...
Quang Dũng

Trong một lần tới thăm Nguyễn Khải tại thành phố Hồ Chí Minh, đang vui câu chuyện, tôi hỏi anh có biết Mạc Lân không. Hỏi để mà hỏi. Hỏi vì câu chuyện đang xoay quanh thế hệ những người cầm bút chúng tôi trước và sau hoà bình 54. Tôi không nghĩ rằng Khải biết Lân, vì Lân chưa một ngày ở Văn nghệ Quân đội. Và cái tên Mạc Lân chỉ xuất hiện duy nhất có một lần trong một tập sách mỏng mà từ lâu người ta đã quên nó. Thật không ngờ, Nguyễn Khải trả lời:

- Biết chứ. Sao không biết. Mạc Lân. Lê Mạc Lân. Con cả Lê Văn Trương. Chí lớn và tính nết ngang tàng lắm. Khi anh ấy ở quân khu tôi còn đang ở tỉnh. Anh ấy phải hơn tuổi tôi. Không biết dạo này ra làm sao. Có khoẻ không.

Tôi kể cho Khải nghe những thông tin mới nhất về Lân. Có một chuyện vui:

-Lâu lâu không thấy tôi gọi điện lên, ông Lân ông ấy lại gọi xuống tôi, ông ấy bảo: Sao ông không gọi điện cho tôi, ông sợ đau hào à. Tôi bảo không phải sợ đau hào đâu mà chán lắm ông ơi. Tôi có cảm giác ai đó đang nghe câu chuyện của chúng mình nên tôi không muốn gọi. Ông ấy gắt: Ai nghe. Ông cứ thần hồn nát thần tính. Đ. mẹ thằng nào nghe trộm. Đây. Tôi chửi rồi đấy. Ông cứ nói đi.

Chúng tôi cùng cười. Khải bảo:

-Tính nết vẫn y như thế.

Tôi thông kê những bệnh tật Lân mang trong người. Nhồi máu cơ tim hơn 20 năm, từ năm 1982 đến nay, sỏi thận, tiểu đường, hai lần gãy chân nhưng lại phải mổ ba lần...Khải lắc đầu sợ hãi. Không chỉ Nguyễn Khải. Ai biết bệnh của Lân đều sợ. Nhưng Lân là người kiên cường. Rất kiên cường chiến đấu với bệnh tật cũng như kiên cường sống. Đến nhà Lân, một căn hộ cấp 4 ở khu tập thể ngoại thành, nhìn anh nặng nề ngồi dậy, nặng nề cà nhót cà nhấc ra bàn nước pha nước, tôi không thể không nhớ đến những ngày chúng tôi mới quen nhau, những ngày sau hoà bình 54, khi tôi 20 tuổi còn Mạc Lân 26 tuổi. Một Mạc Lân trẻ trung, cao to, sôi nổi, yêu đời, huy hiệu Điện Biên sáng ngực áo. Một Mạc Lân kể chuyện văn công lên Điện Biên phục vụ trận chiến hào, con Hồng Ngọc nó hát bài *Qua miền Tây Bắc* như thế này này. Và cao hứng Lân hát. Lân bắt chước cô văn công Hồng Ngọc nào đó hát. Cái giọng thuốc Lào, ổng bỡ rí của Lân rề rề cố bắt chước cô Hồng Ngọc làm chúng tôi không nín được cười. Hôm nay nhìn ông già ngoài bảy mươi tuổi bạn tôi nét mặt sáng ngời lên vì có bạn đến thăm, tôi hiểu được thế nào là thời gian, thế nào là cuộc đời. Tôi đọc Mai-a-kôp-xki, những vần thơ thời tuổi 20 chúng tôi thường hay đọc để nói về nhau:

Dáng anh đi cao lớn thiên tài
Từng bước một trong đầu em nổi sấm

Và Lân đọc tiếp với giọng hào hùng của một chàng trai ngày trước:

Nhưng vẫn vô công không tài nào anh cướp được em đi
Ông vua An-be đã mất mọi thành trì
Cũng nhiều của hơn tôi nhiều lắm

Một cách đọc của Lân. Vẫn là Mai-a. Nhưng anh đã lắp đoạn này vào đoạn khác. Có hề chi. Miễn là những vần thơ ấy làm chúng tôi trẻ lại, làm chúng tôi sống lại quãng thời gian đẹp nhất của chúng tôi. Hơn nữa nếu bây giờ mà có một ông vua An-be bất hạnh nào đó đã mất mọi thành trì thì đúng là ông ta cũng vẫn giàu hơn Mạc Lân rất nhiều. Tôi nói cho Lân nghe những đêm ít

ngủ của tuổi già, tôi nằm tổng kết lại cuộc đời mà thấy rằng những ngày chúng tôi ở báo Tiền Phong với nhau là những năm tháng đẹp nhất. Lân cũng đồng ý với tôi như vậy:

-Nhớ lắm ông ạ. Một cảm giác đau như nhớ lại những ngày thơ ấu. Đúng là một cảm giác đau. Ngày ấy tôi mới bước vào đời. Tôi mới 20 tuổi... Sau tiếp quản Thủ Đô, khoảng tháng 12 năm 1954, đơn vị thanh niên xung phong chúng tôi có ba người được chuyển về báo Tiền Phong: Vũ Lê Mai, Lê Thị Túy và tôi. ít ngày sau từ bộ đội lại chuyển về ba người nữa: Mạc Lân, Tất Vinh và Vũ Lê. Rồi tiếp theo là Nguyễn Trí Tình, Vũ Công Luận, Mai Cát, Văn Kim Kim, Phan Mai... Tất cả đều còn rất trẻ. Đội ngũ phóng viên Tiền Phong lúc đó chưa ai tới 30. Chỉ có Mạc Lân là lớn tuổi nhất: 26 tuổi. (Tôi không kể Vũ Lê, vì chỉ nửa năm sau, khi hoàn tất việc tập kết quân đội 300 ngày, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Vũ Lê chuyển về Hải Phòng, nhóm bộ đội chỉ còn Mạc Lân, Tất Vinh.) Đó là một lớp thanh niên tuyệt vời, có học thức, có khát vọng, có lý tưởng, có nhiệt tình, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ và tràn đầy niềm vui sống, niềm vui làm việc. Tiền Phong là một tờ báo có uy tín lúc đó và phóng viên Tiền Phong luôn được bạn đồng nghiệp các báo kính nể. Ở Tiền Phong tôi đã được hưởng niềm sung sướng của người lần đầu tiên được đọc tin của mình viết in trên báo, sự xúc động đến lặng người khi giờ báo ra thấy bài phóng sự của mình chạy dài ba cột, chiếm cả góc trang báo. Chúng tôi không được dự một lớp đào tạo nghiệp vụ nào. Chúng tôi học nghề chủ yếu qua những buổi sinh hoạt rút kinh nghiệm trong nội bộ cơ quan, phân tích ưu khuyết điểm hàng tháng hàng quý. Riêng tôi, tôi đọc thêm. Đọc báo và đọc cả truyện. Không chỉ đọc. Tôi còn đóng một quyển sổ, ghi chép, phân tích những sáng tác mình đang đọc.

Khi mới về báo Tiền Phong, thấy trong tủ sách cơ quan có một tập truyện viết về Điện Biên Phủ, lập tức tôi chiếm giữ nó, cất trong ngăn kéo. Đó là tập *Bảo vệ đường lên mặt trận* của Hồ Phương, Mạc Lân, Đại Đồng, tập sáng tác duy nhất cho đến lúc đó viết về Điện Biên, một tập sách được giải thưởng trong cuộc thi sáng tác về Điện Biên Phủ, gần như cùng với quân đội ta tiến vào tiếp quản Thủ đô, bởi vì lúc đó Trần Dần còn chưa viết dòng đầu tiên của bộ tiểu thuyết *Người người lớp lớp*. Tôi ghi chép, tôi phân tích, tôi ghi vào sổ tay những điều sẽ giúp ích cho tôi trên con đường làm báo và sáng tác sau này. Để hiểu rằng khi Mạc Lân về cùng làm phóng viên, tôi thân thiết và quý trọng anh ngay. Một tình bạn có thể gọi là vong niên được, dù cùng trong tuổi 20. Giờ đây khi đã trên dưới 70, chênh nhau 6 tuổi chẳng đáng kể gì, nhưng ngày ấy một người 20 và một người 26 tuổi, khoảng chênh lệch quả là rất lớn. Hơn hẳn một phần ba thời gian mình đã sống đâu phải chuyện đùa. Mà không phải chỉ là năm tháng. Hơn tôi 6 tuổi, có nghĩa

là Lân bắt gặp cách mạng đúng vào tuổi trưởng thành. Khi tôi còn ở Nhi đồng cứu vong hội, còn đang đeo súng gỗ, đánh trận giả, đánh trống cà rùng và hát *Nhanh bước nhanh nhi đồng* thì anh đã tham gia cướp chính quyền ở Thủ Đô, đã đi Nam tiến, người anh đã nhuộm mùi lửa đạn. Trong tập Chi Đội 3 Giải phóng quân Nam tiến của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam do nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 2000 có một đoạn viết về một trận đánh ở Phan Rang như sau:

Kế hoạch tiến công nhà Công sứ, dinh lũy cuối cùng của bọn Nhật lúc bấy giờ nghe có vẻ quy mô:

Toàn bộ lực lượng vũ trang và phục vụ các nơi dùng trống, chiêng, thùng, chậu...gây tiếng động lớn để uy hiếp tinh thần địch, đồng thời đẩy "đại bác" vào chiếm lĩnh trận địa, ngắm thẳng vào tường chính diện toà Công sứ. Dự kiến bắn khoảng 20 phút, tạo một lỗ hổng to rồi lặn hai phuy xăng vào phóng hoả, tạo điều kiện cho quân ta xung phong.

Một vài cán bộ và chiến sĩ suy nghĩ và lo lắng kế hoạch khó thực hiện nhưng không ai có chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu nào hay hơn, vũ khí cũng chỉ có vậy.

Ngày bao vây toà Công sứ cuối cùng, Lê Văn Lân (tức Thuận Lân) một chiến sĩ của trung đội Nguyễn Tiệp đang bắn kiểm địch thì tiểu đội trưởng Lê Văn Cử (tức Thái) phái đi rờ cọc rào có chằng dây thép gai, để chuẩn bị cho đơn vị có đường xuất kích. Bọn Nhật từ trên cao phát hiện. Một tràng liên thanh bắn làm cho Thuận Lân bị thương. Nhanh như cắt, Lê Chân, một chiến sĩ cùng tổ đã xông ra vác bạn trên vai, chạy ẩn vào mép tường. Các đồng chí Phần và Hạnh hai nữ cứu thương băng bó cho Lân và đưa về hậu phương, sau đó về bệnh viện nơi sơ tán ở gần Cầu Mống (nay thuộc phường Bảo An) gần Tháp Chàm.

Mấy phút sau Cử vào "lỗ" bắn của Thuận Lân, mới bắn được một phát đã bị bọn Nhật bắn trúng mắt và khiêng về bệnh viện thì hy sinh. (Sách đã dẫn, trang 121, 122). Cũng ở trang 122 có chú thích như sau: Thuận Lân tức Lê Văn Lân hiện ở nhà A5, phòng 102, khu tập thể Liên Cơ Dịch Vọng Hà Nội. Lê Văn Lân chính là Mạc Lân. Đó là tên khai sinh của anh. Lớn lên, anh thay chữ Văn đệm giữa bằng tên người anh yêu quý. Thuận là tên một cô bạn học mà anh yêu vụng dẫu thâm suốt thời gian anh cấp sách tới trường. Ngày ấy anh là Lê Thuận Lân. Sau này vào bộ đội, một đồng đội thân thiết của anh tên Mạc hy sinh, anh có tên Lê Mạc Lân. Trận Thuận Lân bị thương vừa kể là trận đánh tại Phan Rang, tháng 11 năm 1945, thời cách mạng còn đang trứng nước. Đơn vị Nam tiến của anh đã sớm có mặt tại mặt trận Sài Gòn, đánh địch ở cầu Bình Lợi, Xuân Lộc, Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang, Buôn ma thuật...

Bị thương, Lân trở về Hà Nội, thành phố của thời thơ ấu, của tuổi học trò,

thành phố anh đã gia nhập đoàn Thanh niên Cứu quốc, tham gia tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền. Hà Nội khi Lân từ Phan Rang trở ra giống như một thùng thuốc súng. Ngọn lửa chiến tranh có thể bùng phát bất cứ lúc nào và cuối cùng đã bùng phát. Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không, chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Lân tham gia bộ đội Thủ đô với chức vụ tiểu đội trưởng. Anh lại cùng đồng đội đào giao thông hào, dựng chướng ngại vật và cầm súng chiến đấu giữ từng góc phố, từng mét vỉa hè Hà Nội. Đánh nhau ở phố Huế, Ô Cầu Dền, đê Thanh Lương. Chiến đấu ở Trại Vệ quốc đoàn trung ương (trước cửa rạp Majestic). Đánh vào toà Đại sứ Pháp, lúc đó là nhà đại tá La-mi, trưởng phái đoàn Liên Kiểm Pháp, viên sĩ quan Pháp có vinh dự được có mặt trong một bài thơ Việt Nam, bài *Hải Phòng 19-11-1946*, kiệt tác của Trần Huyền Trân:

Miệng La-mi ngọt bên tiếng súng
Bao nhiêu bơ sữa reo cười

Đầu năm 1947, quân ta rút khỏi Thủ Đô, bắt đầu cuộc trường kỳ kháng chiến. Lân đã là cán bộ đại đội. Anh được kết nạp Đảng và đi học lớp bí thư chi bộ. Rồi làm phái viên kiểm tra của bộ tư lệnh quân khu. Năm ấy anh mới 19 tuổi. Đồng chí phái viên kiểm tra của quân khu này không chỉ quá trẻ, mà còn có tác phong lính tráng xuề xoà, hay kể chuyện tiểu lâm, hứng lên còn kể cả chuyện cô đầu Khâm Thiên, theo nhận xét của trên rõ ràng không thích hợp với công tác kiểm tra. Ông Văn Phác bảo Lân:

-Thôi, cậu về làm báo.

Thì làm báo. Đó cũng là nguyện vọng của anh. Về tờ Vệ quốc quân khu 2. Gặp Yên Thao, Văn Thân, Nguyễn Phúc Nghiệp ở đó. Ít lâu sau khu 2 sáp nhập với khu Tả Ngạn thành Liên khu 3, Lân về báo Quân Bạch Đằng của quân khu 3. Liên miên những ngày đi chiến dịch: Quang Trung, đường 6, Hà Nam Ninh... Và vào địch hậu. Rồi theo một đơn vị pháo binh lên Điện Biên phủ. Tập *Bảo vệ đường lên mặt trận* là kết quả của bao ngày đêm cùng đơn vị pháo ăn bom trên đèo Lũng Lô, mưa dầm cơm vắt, mịt mù khói lửa, cái sống cái chết chỉ trong gang tấc...

Chiến dịch Điện Biên kết thúc thắng lợi. Một nửa đất nước hoàn toàn giải phóng. Cha anh, nhà văn Lê Văn Trương di tản vào Sài gòn. Cái gánh nặng lý lịch anh mang suốt thời gian kháng chiến giờ đây càng nặng nề hơn. Cấp trên mời anh lên nói anh sẽ được xuất ngũ. Trần Dần biết tin ấy, nhắn gọi Lân về phòng Văn nghệ Quân đội, nhưng Lân không về. Chính anh cũng muốn rời quân ngũ dù phải phục viên như người bạn Tạ Phương Hiền "tuổi

hăm ba treo ấn từ quan" cũng được. May sao ông Trương Công Cẩn, chính uỷ sư đoàn là người có trách nhiệm và thông cảm với anh em văn nghệ sĩ, viết thư cho ông Nguyễn Lam khi đó là bí thư trung ương đoàn Thanh Niên Cứu quốc: "Đây là những đồng chí có công nhưng cấp bậc thấp vì chính sách đối với văn nghệ sĩ của chúng ta chưa rõ ràng, nhờ đồng chí giúp đỡ tạo điều kiện cho các đồng chí ấy công tác bên đoàn thể, dân sự..." Thế là Mạc Lân, Tất Vinh, Vũ Lê về báo Tiền Phong, Dương Tường về Việt Nam Thông tấn xã. Những bộ quân phục cùng với những huy hiệu Điện Biên của các anh làm sáng cả cơ quan báo, càng thêm sức hút đối với những thông tin viên, cộng tác viên khi họ đến toà báo. Cũng xin nói thêm một chút về những bộ quần áo đại quân này. Chỉ có Mạc Lân, cán bộ đại đội (anh ở cái cấp bậc này suốt 8 năm trường kỳ kháng chiến, từ năm 1947 tới năm 1954) là có áo bốn túi, hai túi trên ngực và hai túi dưới vạt. Còn Tất Vinh, Vũ Lê cán bộ trung đội, Dương Tường cán bộ tiểu đội thì áo chỉ có hai túi ngực và vai áo can vá thêm hai miếng để mang vác áo vẫn bền, không rách, loại áo Phùng Quán đã viết thành thơ:

Nhưng áo tôi nàng không mặc được
áo lính vá vai xanh màu quân phục

*

Ngày mới về Tiền Phong, Lân được làm trưởng ban Văn Nghệ nhưng phải nói rằng cái chức ấy chẳng có sức hấp dẫn chúng tôi, kể cả chính Lân. Điều hấp dẫn chúng tôi là lao vào cuộc sống, lao vào thực tế, vừa viết được những bài đặc sắc cho báo vừa tích lũy cho sáng tác văn chương sau này. Vũ Lê Mai đi sâu vào công nghiệp, Nguyễn Trí Tình rục rủa anh hùng sẵn sàng đến tất cả những mũi nhọn của công cuộc xây dựng. Văn Kim Kim với vốn Trung văn giàu có, áp cặp kính cận xuống những tạp chí Trung Quốc, dịch, lấy tài liệu viết về những hoả tiễn, những loại máy bay đời mới và mục Khoa học và Tuổi trẻ của anh bao giờ cũng hấp dẫn bạn đọc. Tôi đi về nông thôn, hết nghiêng sông đổ nước vào đồng (chống hạn) lại nghiêng đồng đổ nước ra sông (chống úng). Nhà báo già nhất cơ quan khi đó, anh Vương Mộ Thanh, bố hoạ sĩ Đỗ Phấn sau này (ngày ấy Đỗ Phấn bé tí hìn, tôi hay bé Đỗ Phấn đi chơi và dạy Phấn những điều ba lằng nhằng nhất, như chân thì gọi là đầu, đầu thì lại là đít, và tên cháu là gì? là Ông Bách Khoa, khiến anh chị Mộ Thanh phải van các chú, các chú đừng dạy cháu như thế nữa) cũng như trẻ lại với chúng tôi. Mạc Lân, Tất Vinh cùng ở tổ văn nghệ. Dễ hiểu rằng các anh phải cáng đáng những phần việc nặng nề nhất cho những số đặc biệt, nhất là số báo Tết: Thơ và truyện ngắn. Thơ cũng không khó. Tất Vinh có

thể đi đặt được. Võ kế hoạch thì chính anh sáng tác. Nhưng không chỉ có vậy. Còn tùy bút, còn điểm thơ. Và Mạc Lân còn phải để ra truyện ngắn. Chúng tôi, cánh trẻ mới vào nghề nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ của mình cho số báo Tết một cách rất nghiêm túc và nộp bài cho biên tập. Và khi đường phố đã lác đác hoa đào, mật dịch đã xe về cửa hàng những mứt, những rượu, những lá dong, gạo nếp và lòng người ai cũng náo nức cả lên, thì trong bữa cơm tập thể, đồng chí tổng biên tập nói lời cuối cùng: Tất cả bài đã đầy đủ, chỉ còn thiếu của tổ văn nghệ. Tôi nay cứ làm ma-két và đầu giờ sáng mai, hai đồng chí ban văn nghệ phải có bài. Đây là thời hạn chót. Đồng chí nói vẻ nghiêm khắc nhưng không có ý gì bức bối. Ai cũng biết sáng mai tổ văn nghệ sẽ nộp đủ bài. Ai cũng biết "hai ông tướng văn nghệ" là cứ phải nước đến đit mới viết được ra.

Đêm ấy Lân, Vinh thức khuya, hẩn rồi. Tôi chong đèn ra sân chơi bóng bàn. Đã khuya, anh em đã mệt, đi nghỉ cả, tôi ghé lên gác nhìn hai anh đang miệt mài cặm cụi. Cả hai cùng quay mặt vào tường im lặng viết, nhưng khi tôi lên các anh biết ngay. Mạc Lân quay ra nhìn tôi cười. Anh gọi Tất Vinh:

-Vinh. Nghỉ đã. Đi uống cà phê.

Tất Vinh đứng lên, khoái chí ngâm nga mấy câu thơ cửa miệng tả vẻ đẹp của người con gái bằng những vật dụng ăn uống phổ thông dễ hiểu nhất: Môi em mộng đỏ cà chua. Mắt em ngọt kẹo vùng kẹo lạc. Em cười dòn phàn xôi, phá sa.

Đó là dấu hiệu các anh đang làm việc có kết quả. Ba chúng tôi đi bộ ra phố Huế. Ra phố mới thấy rét. Gió đã hẩn. Còn sương. Đường phố vắng. Lá khô lăn dưới lòng đường, trên vỉa hè. Chúng tôi ôm lấy nhau đi. Ba chàng phóng viên Tiền Phong chưa vợ cảm thấy cuộc đời sao đáng yêu đến thế. Chúng tôi uống cà phê vỉa hè. Ông cà phê vỉa hè ngã tư Hàm Long phố Huế hình như bán hàng suốt đêm. Hàng ông lúc nào cũng đông khách. Càng rét càng đông. Bởi vì các quán cà phê vỉa hè khác người ta thường pha cà phê bít tất nghĩa là cho cà phê vào túi vải rồi đem ninh lên. Còn ông, ông pha phin theo kiểu Pháp. Cốc đựng cà phê đặt vừa trong một cái ống bơ sữa bò có nắp đậy, có quai giấy thép quấn vải cầm cho đỡ nóng. Khách hàng mỗi người một phin, một ống bơ, quây quanh cái bếp lò than quả bàng. Chung quanh bếp và ngay trên những hòn than miệng bếp, chen sát nhau là những ống bơ đen khói đựng nước lúc nào cũng sôi sùng sục để làm nóng cà phê theo lối cách thủy. Ngồi dưới sương rơi buốt vai, buốt lưng nhưng da mặt ửng hồng, rát lên vì lửa, hươ hươ hai bàn tay quanh bếp, xì xụp thứ cà phê nóng bỏng đậm đặc bắt môi bắt lưỡi, vai chen vai dù không quen biết, dù rì rầm câu chuyện hay yên lặng, khách hàng cũng hoàn toàn hiểu nhau. Nhắc lên đặt xuống cái ống bơ, lấy kẹp gấp một hòn than đặt đúng chỗ cho ngọn lửa lên vừa phải, cho ống bơ của mình không bị cập kênh, lấy một cái đóm giấy lách vào khe than

hồng rồi mời lên điều thuốc, im lặng nhả khói, mọi người cùng hưởng những giây phút thư giãn tuyệt vời quanh bếp lửa. Ông chủ hiệu cũng hoàn toàn yên lặng. Ông chỉ nói khi phải tính tiền với khách. Và giọng nói của ông. Đúng là giọng nói của người quanh năm ngồi bên bếp lửa. Nó có mùi khói. Nó ngán ngát khô khô, ấm áp vô cùng. Ba chúng tôi đứng lên. Rời xa bếp, rét. Chúng tôi lại khoác vai nhau. Vẫn im lặng. Chỉ có tiếng lá khô gió thổi lẩn dưới lòng đường, lẩn trên vỉa hè. Bỗng Lân reo lên:

-Tao nghĩ ra được cái kết của truyện rồi. Cô gái sang đò về đến đầu làng thì trời đã tối. Cô leo lên bờ đê và thấy sao đã mọc. Càng nhìn lâu càng thấy nhiều sao. Những ngôi sao như những hạt ngô mẹ tẽ ra phơi nắng ngày mùa.

*

Cái truyện ngắn số báo Tết ấy cũng như tất cả các bài trên báo khác của Mạc Lân đều ký tên Hoàng Hoan. Hình như đó là cái tên đã được đặt trước cho con anh dù nó chưa sinh, dù nó là trai hay gái. Về Tiền Phong ít lâu Mạc Lân lấy vợ. Sinh cháu gái Hoàng Hoan. Mặc dù Lân đã chạy sang hàng ngũ có vợ có con nhưng cánh chưa vợ chúng tôi vẫn cứ coi anh như một thành viên. Chúng tôi xem vợ chồng anh tắm cho cháu. Chúng tôi quây quanh Hoàng Hoan reo hò động viên Hoàng Hoan tên nhép. Bật cười khi thấy Lân với cái cù dĩa bột chạy theo cháu ép cháu ăn và cắn nhả:

-Tao nuôi mày thế này mà mày ngày sau lại cứ em yêu nhất anh.

Và khi cháu bốn năm tuổi, chúng tôi có xoa đầu vuốt tóc Hoàng Hoan thì Hoàng Hoan hất tay chúng tôi ra, nói với giọng con nít gần như nhả nhỏ:

-Đầu để nghĩ. Không phải để xoa.

Tất cả chúng tôi cười ầm. Hoàng Hoan cũng cười toe toét. Mạc Lân sung sướng xốc con lên vai đi quanh phòng:

-Đúng. Đầu để nghĩ! Con gái bố giỏi lắm.

Đầu để nghĩ. Mạc Lân muốn con bé con có cái đầu không phải để xoa, mà có cái đầu để nghĩ. Và tất nhiên, cái đầu của anh cũng là để anh suy nghĩ. Nói đúng ra kiểu dạy con như vậy là đùa chơi nhưng cũng chỉ có Lân dạy con kiểu ấy. Đó là phản ứng của anh với tình trạng có những cái đầu chỉ nghĩ theo những điều mà những cái đầu khác đã nghĩ sẵn cho mình.

Chẳng phải vì là bạn với Trần Dân, Phùng Quán mà anh tán thành những quan điểm của báo Nhân Văn. Không chỉ trong suy nghĩ anh còn phát biểu thành lời. Tất nhiên anh không được tin tưởng nữa. Đang là trưởng ban Văn nghệ, anh sang làm trưởng ban bạn đọc, rồi xuống làm phóng viên. Lương từ bậc 11 hạ xuống còn bậc 7. Nhưng điều đó có hề gì. Anh vốn không thích ở nhà duyệt bài, giữ gôn, mà muốn đi cơ sở. Bắt đầu cuộc chiến tranh leo thang Giôn xon. Miền Bắc mới được 10 năm im tiếng súng và đang tận lực

chi viện cho miền Nam giờ đây phải trực tiếp chiến đấu. Những nơi chiến sự ác liệt nhất đều có Mạc Lân. Cơ quan cử anh đi vì anh là người xông xáo, không ngại hiểm nguy, nắm bắt vấn đề nhanh, viết bài nhanh, hơn nữa trước đây anh từng là phóng viên mặt trận. Yên Vực, Hàm Rồng, Nam Ngạn, Đồ Cầm, Cầu Hồ, Cầu Vần... đều có anh. Những địa danh giờ đây không gọi một ý niệm gì nhưng ngày ấy là lương tâm của toàn dân tộc. Đó là quyết tâm của một bên là khoa học kỹ thuật hiện đại tối tân nhất, sức mạnh quân sự hùng hậu nhất của Mỹ và đồng minh với một bên là ý chí gang thép, của quân và dân miền Bắc giữ vững mạch máu giao thông đưa người và súng đạn của cải vào miền Nam chiến đấu. Đời làm báo của Mạc Lân từ đó là những chuyến đi đột xuất tới những vùng lửa đạn, vất vả, gian khổ, nhin đói, đêm hôm, nguy hiểm. Lân đã tận mắt chứng kiến nhiều chuyện. Những chiếc cầu bị đánh sập. Những chiếc máy bay bị bắn đứt ngang đâm thẳng xuống gần trận địa. Những trận địa pháo bị trúng bom, những cô gái đi thăm chồng là pháo thủ bỗng trở thành những người tiếp đạn trên trận địa, ẩn hiện trong khói lửa, quần áo, da tóc khét mùi thuốc đạn. Trận chiến đấu kết thúc, sau khi thay phiên trực chiến, sau khi đã xuống sông tắm gội và ăn uống, nghỉ ngơi, hai vợ chồng người chiến sĩ nọ tràn đầy tình yêu bước vào căn buồng của riêng họ: căn buồng hạnh phúc. Lân kể lại chuyện ấy cho tôi nghe trong một lần anh xuống Hải Phòng (tôi đã từ báo Tiền Phong chuyển về báo Hải Phòng hồi cuối năm 1959) viết về những con tàu mở đường mòn trên biển. Anh sôi nổi:

-Giá ông nhìn thấy hai vợ chồng người chiến sĩ nông dân chân chất ở trận địa cầu Hàm Rồng. Buổi chiều còn toi bởi khói lửa, gần như không phải con người bằng xương bằng thịt nữa mà là sắt thép, cái sống cái chết liên nhau mà buổi tối thì trẻ trung tươi tắn thế. Cô cậu ngượng chưa muốn vào nhà hạnh phúc ngay, còn đi la cà buồng nọ buồng kia nhưng đi đến đâu cũng bị xua đuổi. Người ta không muốn cô cậu mất thì giờ vì họ. Thời gian quý lắm. Nhất là thời gian giữa hai trận đánh.

Và gật gù:

-Tôi sẽ viết một cái truyện ngắn về cái lực Việt Nam. Về một đôi vợ chồng chiến sĩ như tôi vừa kể cho ông. Chiến đấu suốt buổi chiều, đến tối, khi cửa phòng hạnh phúc khép lại, chị vợ hỏi chồng: Một thế anh có chiều em được không? Anh chồng cười: Được chứ, sao lại không? Nhưng anh chiều ít hay chiều nhiều? Chiều nhiều.

Chẳng thể nào diễn đạt được hai tiếng chiều nhiều Lân nói. Quai hàm bên dưới trệu trạo. Vừa âu yếm vừa nũng nịu mà chỉ Mạc Lân mới có.

Tôi không biết anh đã đặt bút viết cái truyện ngắn ấy chưa. ý tưởng về truyện ngắn này nảy sinh trong lần về trận địa Hàm Rồng nhưng nó bắt nguồn từ những suy nghĩ sâu xa hơn. Ngày ấy người ta sợ viết về tình yêu

trai gái. Ngày ấy những con người chiến đấu được giản lược đi đến mức tối đa. Lân bảo: Bọn Liên Xô sang đây nó bảo nhân vật của các anh không có bộ phận sinh dục à? Cứ đọc sách của mấy ông viết thì đúng như thế thật. Nhưng tôi cam đoan với ông rằng trong Nam đang chiến đấu gay go như thế nhưng người ta vẫn yêu nhau, vẫn ghen tuông, vẫn ngoại tình, vẫn ngủ với nhau. Cuộc sống ông ạ. Không có gì dập tắt được cuộc sống. Chỉ có chúng ta dập tắt nó trong sách thôi.

Những suy nghĩ kiểu như vậy ngày ấy cũng là lạc lõng, cần phải uốn nắn. Lân biết rằng thật khó mà viết được một cái gì đó chân thực. Nhưng anh vẫn đi. Vẫn đến với những nơi nguy hiểm nhất. Những tấm gương chiến đấu của quân dân ta ở tuyến lửa động viên anh. Khi bom Mỹ đánh trúng trại hủi Quỳnh Lập, anh đang ở khu 4. Lấy xe đạp đạp suốt đêm tới Trại hủi, lấy tài liệu viết bài ngay, nghĩ tới anh em trong toà soạn đang ở Hà Nội, Lân tự thấy mình là "ghê", nhưng ý nghĩ ấy biến mất ngay khi anh đến phòng mổ của các bác sĩ: Vì trùng hủi Hansen lây bằng đường máu mà các bác sĩ mổ cho những người hủi bị trúng bom không có găng tay!

Đến những mũi nhọn trong chiến đấu, đó là lương tâm -và cũng có thể là tự ái nghề nghiệp- của anh, là máu mê của anh nữa, chứ anh hoàn toàn không tin là anh sẽ được lãnh đạo báo tin tưởng. Cho nên mỗi khi thấy lãnh đạo tươi cười với anh là anh cảnh giác. Như một hôm, một uỷ viên biên tập thân mật vỗ vai anh, anh hiểu ngay là sắp có nhiệm vụ đột xuất. Quả nhiên, người uỷ viên biên tập nói với anh:

-Nó đánh Nam Định rồi.

Thế là ba lô xe đạp guồng suốt đêm về Nam Định viết Thành phố dật nổi súng.

*

Năm 1967 Mạc Lân rời khỏi báo Tiền Phong. Lê Bầu sau khi đi học phiên dịch ở Trung Quốc, công tác ở ngành bưu điện đã xin chuyển được về Hội Văn Nghệ Hà Nội. Bầu kéo Lân về đó. Lân về Hội Văn Nghệ Hà Nội vì hai lý do: Anh không thể ở báo Tiền Phong được nữa mà Hội Văn Nghệ Hà Nội lại có báo, có nhà xuất bản, nghĩa là có đất dụng võ như lời tán của Bầu.

Nhưng cái đất dụng võ ấy đâu có phải là của Mạc Lân mà cũng chẳng phải của Lê Bầu. Có một ý kiến (hay chỉ thị) không thành văn nhưng mạnh hơn văn bản mà tất cả các báo, các nhà xuất bản đều thực hiện rất triệt để và nghiêm chỉnh là không in bài của Mạc Lân, Lê Bầu. Nếu hẳn hủu có in cũng không được ký tên hai người. Người ta thực hiện triệt để tới mức tập Người Hà Nội có bài của Mạc Lân, Lê Bầu thế mà tên không được in đã hẳn, nhuận bút cũng không có nốt. Túng thiếu. Mà phải có tiền. Phải sống.

Đang loay hoay với kế mưu sinh thì Dương Tường đến. Nào ai ngờ được chính anh chàng lơ ngơ này lại là người giải quyết cho Mạc Lân vấn đề cực kỳ khó khăn ấy: Đi bán máu. Lân tròn xoe mắt, sững sốt và bất ngờ. Bán máu? Bán ở đâu? Bán như thế nào? Ai mua? Ông lại sáng tác ra chuyện gì nữa thế? Không phải chuyện sáng tác, hư cấu. Người thực việc thực một trăm phần trăm. Chuyện của chính tôi. Chính tôi đã đi bán rồi đây ông ạ. Có mà trời tin. Đừng bịp nhau. Người một tay xách nặng như ông mà đi bán máu. Trông thấy ông người ta cũng đủ ngán rồi. Ông không tin thì thôi. Bốn hai cân như tôi mà bán được máu đấy. 200 xê xê đàng hoàng. Ông ăn chắc mỗi kỳ 250 xê xê. Thế thì đúng rồi. Nhưng bán ở đâu? Thủ tục ra sao? Lân mừng như người chết đuối vớ được cọc. Thế là Tường giảng giải. Và để kết luận, Tường bảo: "Tôi sẽ đưa ông đi."

Lân không nhờ Tường đưa đi. Anh tự đi. Tường động viên: Cũng nhiều chuyện phức tạp, lời thôi lắm, chứ không đơn giản đâu. Không biết gan của ông có vấn đề gì không. Có vi trùng sốt rét không. Ở bộ đội thằng nào chẳng sốt rét. Thôi cứ đi. Được hay không thì cũng là một lần tổng kiểm tra sức khoẻ. Từ bé đến giờ chúng mình đã kiểm tra sức khoẻ bao giờ đâu.

Nghe lời Tường dặn, Lân mua nửa cân chè Thái đến gặp phó phòng huyết học bệnh viện Việt Đức như một cái lễ ra mắt. Anh được khám, được X quang tim phổi, thử máu, thử nước tiểu không mất tiền. Không bệnh truyền nhiễm. Không viêm gan. Không có vi trùng sốt rét. Lại còn được nghe giảng về huyết học. Cho đến bây giờ anh mới biết thì ra hồng cầu ba tháng chết một lần, và cũng cứ ba tháng tuỷ sống lại sản sinh ra một thế hệ hồng cầu mới. Hồng cầu chết nằm trong lá lách. Đó là nghĩa địa hồng cầu. Máu thì có bốn nhóm tất cả. A, B, O, AB. Nhóm máu AB là nhóm máu ích kỷ, rất ít người có nên bệnh viện không mua, khó bán. Nhưng khi cần người ta đến tận nhà mua và lại bán được đắt. Còn nhóm máu O được gọi là nhóm máu xã hội chủ nghĩa, tiếp được cho các nhóm máu khác. Nhóm máu của Lân thuộc nhóm B, chẳng ích kỷ cá nhân chủ nghĩa mà cũng chẳng xã hội chủ nghĩa. Lấy máu theo trọng lượng cơ thể. Tường chắc mỗi lần bán chỉ được 150 cc. Lấy 200cc có thể do cảm tình gì đó. Lân 60 ki lô mới được lấy 200cc.

Về sau những lần cần tiền Lân đeo thêm chì vào người để đạt trọng lượng 70 ki lô và bán được 250, 300cc, anh nghĩ chắc Dương Tường cũng giở trò gian lận này. Lấy xong máu, cầm biên nhận đến tài vụ lĩnh tiền, nhận phiếu bồi dưỡng. Tiền tính theo xê xê còn tem phiếu thì đồng loạt. Mỗi người được lĩnh tem 2 cân đường, 4 cân đậu phụ, 2 kí thịt, 2 hộp sữa. Thế là mất đi một ít máu nhưng túi nặng nặng tiền và tem phiếu. Cho nên những ngày đi bán máu rất vui. Con người mình bỗng nhiên tăng thêm giá trị trước gia đình và trước bao cặp mắt của cánh phe vé, bỗng nhiên mình được bao bọc quần quít giữa những cái nhìn triu mến, tình cảm, hò hẹn của đám đàn ông đàn bà

chuyên sống bằng buôn bán tem phiếu lúc nào cũng có mặt ngoài cổng bệnh viện. Đội ngũ phe vé cũng đông xấp xỉ đội ngũ những người bán máu. Giá cả dễ thống nhất. Giá làng. Người trao tiền, người trao phiếu là xong. Điều gay go nhất là tiêu chuẩn bồi dưỡng còn được một bát phở tái bò, nhưng phải xếp hàng ăn ngay tại hành lang bệnh viện. Những lần đầu đứng ngồi xi xụp bát phở ngoài hành lang ngượng lắm. Cầm mặt mà và, mà xụp xoạp cho nhanh. Nhưng rồi quen. Nghĩ mình lương thiện. Quá lương thiện. Lương thiện gấp trăm lần những người khác. Chẳng có gì mà xấu hổ. Thế là dần dần cứ ăn bình tĩnh nhẩn nha. Chẳng nuốt vội nuốt vàng như trước. Để thấy chất bổ ngấm vào người, vào máu. Để thấy mình đang hồi phục. Để thấy máu mình lại đang nẩy nở sinh sôi. Bán máu êm ả là thế mà nhiều lúc vẫn giật mình. Ví như đang ngồi nhìn cả vào người y tá chờ gọi tên mình thì người ấy bỗng bật ra những cái tên bất ngờ nhất:

-Chính Yên!

-Phan Kế Bảo!

Hay đang bung bát phở lên ăn, nghe tiếng gọi giật giọng:

-Phương Nam!

Toàn những người quen. Toàn những trí thức. Ngượng nghịu nhìn nhau. Rồi cũng quen dần. Lương thiện thì rõ ràng là lương thiện rồi. Nhưng nó tố cáo bước đường cùng. Người bán máu nuôi con đi học. Người lương hưu ít ỏi không đủ sống. Quần áo chần chu. Tóc chải gọn gàng. Mặt mũi sáng sủa, đi lại rón rén nhẹ nhàng chỉ trông cũng biết là người có học. Đây là một loại. Loại này đông nhất. Loại thứ hai ít hơn: Những nam nữ thanh niên còn rất trẻ, quần áo bít dít cười nói trò chuyện ồn ào. Đó là cánh thanh niên đua đòi ăn chơi tung tẩy rủ nhau đi bán máu lấy tiền mua nhẫn vàng mua đồng hồ quần bò áo phông. Còn dân bán máu chuyên nghiệp lại khác. Giống cánh trí thức. ít nói. Có nói cũng rất khẽ. Khuôn mặt đầy lo lắng ưu tư. Họ có nhiều sở, bán ở nhiều nơi. Có khi lên cả Sơn Tây, Thái Nguyên. Về cả Thái Bình. Họ chưa đến hạn được bán. Họ sợ máu họ loãng. Họ sợ bệnh viện nhận ra sự gian dối của họ. Dân chuyên nghiệp bán máu xong là đồ xô đi mua viên sắt, uống nước cua sông. Hy vọng như vậy sẽ có đủ huyết sắc tố cho đợt bán sau. Dân chuyên nghiệp vén ống tay áo lên nhìn biết ngay. Chẳng chịt vết kim. Lân bán máu sau Tường. Nhưng Lân là người theo đuổi cái công việc này lâu nhất. Khi kẻ viết bài này lang thang từ các miền rừng núi trở về, đã sẵn có nghề trong tay, Lân đi bán máu đợt xuất, chiêu đãi y một bữa bún chả, ăn trong căn buồng hẹp nhà Lê Bầu phố Phùng Hưng. Một bữa ăn vĩnh viễn nằm trong trí nhớ.

*

Năm 1971 Mạc Lân xin nghỉ hưu non. Tình thế bắt buộc, mặc dầu anh không muốn. Thật không ngờ: Nghỉ hưu, anh lại có nhiều việc để làm. Cái chuyện anh không được viết, hoặc được viết nhưng không được in hay được in nhưng không được ký tên cũng không được nhận nhuận bút cả bàn dân thiên hạ đều biết. Và nhiều người tìm đến anh. Đó là những người đang đi vào con đường viết lách, những cộng tác viên của một vài tờ báo, những người đang muốn có một cái truyện ký đầu tiên, hay cũng đã có một hai cái tin đăng báo và giờ đây đang giao du với những cán bộ biên tập các nhà xuất bản, những người đã có một vài sáng tác được in và đang muốn được kết nạp vào hội văn nghệ địa phương, kê cả hội nhà văn, rất cần bản thảo như một chứng chỉ. Hoặc muốn vẫy vo với một em nào đó. Để chinh phục. Để có thể yêu, và không loại trừ cả chuyện hôn nhân. Cũng nhiều khi đơn giản chỉ là một cách kiếm ăn, phe phẩy, nhận việc, không phải làm mà vẫn có tiền tiêu, hơn nữa có tiếng tăm. Thời ấy mọi đơn đặt hàng đều là truyện ký. Một thứ người thực việc thực được văn nghệ hoá, có tả cảnh, tả tình, có đối thoại, một thứ văn chương tổ đội. Cái khoản ấy Lân rành. Chẳng cứ Lân rành. Bầu cũng rành. (Và cả tôi nữa. Cũng rành.) Bầu và Lân làm thành một tổ viết văn chui. Nghĩa là viết văn không cho người khác biết, trừ người đặt hàng mình. Việc nhiều khi không có. Nhưng cũng có lúc làm không hết. Do người ta tự tìm đến. Mà cũng do bè bạn khơi nguồn, tìm việc mang đến cho anh, anh chỉ việc viết mà không biết người sẽ đứng tên sách anh viết, người sẽ phải trả tiền cho anh là ai. Đủ các đề tài. Chuyện chiến đấu trong Nam. Chuyện nhà máy, cải tiến kỹ thuật, mỗi người làm việc bằng hai, chuyện chăn nuôi trong hợp tác xã nông nghiệp. Chuyện phong trào hai tốt (dạy tốt, học tốt) ở các trường học. Đề tài gì cũng được. Nhưng các ông phải cung cấp tài liệu. Bọn này chỉ biết có viết thôi. Đảm bảo đúng thời hạn, đúng số trang số chữ, đảm bảo chất lượng. Hợp đồng chỉ thảo miệng như vậy. Còn nữa. Nhuận bút chia đôi. Cũng là thống nhất miệng. Nhiều khi gặp khách hàng rắn quá, Lân nhận theo tỷ lệ bốn mươi, sáu mươi. Người đứng tên sách ăn sáu, còn Lân ăn bốn. Chung quanh cái việc viết văn chui của Lân thật nhiều chuyện li kì. Có những người nhận nhuận bút rồi nhưng định quít, không thanh toán tiền cho kẻ viết. Đi lại nhiều lần. Ngọt nhạt. Mềm mỏng. Căng thẳng. Người ta cũng không định quít của mình. Chẳng qua là vì quá bức với tác phẩm đầu tay, lỡ liên hoan hết cả tiền nhuận bút. Cuối cùng đành phải tháo đồng hồ Pôn-giôt đưa Lân. Làm ăn phải giữ cái mối chứ nhiều lúc nhục lắm ông ơi. Anh chồng bảo cô vợ thế này: Anh Lân anh ấy túng quá, anh thuê anh ấy chép bản thảo, tạo điều kiện cho anh ấy thêm tí thu nhập, em đến xem anh ấy chép xong chưa cảm về cho anh, nhà xuất bản họ giục. Tiền nong cứ kệ anh. Anh sẽ thanh toán với anh ấy sau. Chị vợ phục tám lòng ăn ở của chồng sát

đất. Chồng mình quan tâm đến bạn như thế chứ còn gì nữa. Một tấm lòng vàng! Thật may cho cái số của mình... Chị vợ đến gặp mình nói lại ý kiến của chồng. Mình khất. Nói rằng mấy hôm nay tôi bận quá chưa chép được. Chị về nói lại với anh họ. Chị vợ lại hỏi: Chữ anh ấy nhà tôi khó xem lắm đấy. Tôi đọc còn khó, anh có đọc được không. Mình vội bảo: Tôi đã công tác ở toà soạn chị ạ, chữ viết kiểu gì tôi cũng đọc được. Lần đầu tiên vui vẻ. Lần thứ hai bà vợ đến mình vẫn chưa chép được, bà ta đã có vẻ bức nhưng cố nén. Và lần thứ ba cũng vẫn bận quá chưa chép được cho anh thì bà vợ không chịu được nữa. Dắt xe ra cửa còn nói đồng: "Đã đói còn lười. Người ta thông cảm giao việc cho làm mà không chịu làm." Lân cười. Kể đến đây Lân cười. Rồi anh nghiêm mặt quát lên với tôi: "Những công việc ấy làm sao viết trước, viết sẵn được. Ông cũng viết văn ông còn lạ gì. Cứ là phải nước đến đít rồi mới nhảy!" Và nhắc lại châm ngôn anh đã nói cùng tôi: "Làm ăn phải giữ lấy cái mối. Đành chịu. Họ muốn nói thế nào tùy họ." Bỗng cười phá lên: "Nhưng anh chồng là người tuyệt vời. Cuối cùng thì bản thảo cũng xong. Sách in trước Tết. Nhuận bút có trước Tết. Ông cũng biết Tết mà có nhuận bút thì tuyệt như thế nào. Mình đến nhà anh ta. Hí hửng sẽ mang được tiền về cho vợ. Nhưng chị vợ anh ta cũng có nhà. Hai thằng chỉ nhìn nhau mà không nói. Không có cách nào đưa tiền được. Truyện trò giữa hai thằng tri kỉ gượng đến chín giờ tối thì mình rút. Nhưng thật không ngờ. Mười giờ bà vợ đạp xe tới nhà mình:

-Anh Lân có mất cái gì không?

Mình ngơ ngác:

-Không. Không mất gì cả chị ạ.

Chị vợ rút ra một xếp tiền đưa cho mình:

-Anh đánh rơi tiền ở nhà tôi đây này. Khi anh về, nhà tôi thấy ở gầm ghế anh ngồi chỗ tiền này, hỏi tôi tiền nào đây. Chồng không mất, vợ không mất.

Anh ấy bảo thế thì chỉ có tiền anh Lân đánh rơi thôi.

Mình hiểu ngay tất cả. Sáng kiến ứng xử thông minh của ông chồng, sự thông cảm của ông ta đối với thói cần tiền của mình trong những ngày giáp Tết. Mình giả vờ lục túi quần và reo lên: "Chết rồi. Đúng rồi. Tiền vợ tôi nó vừa lĩnh họ đưa cho tôi lúc chiều. May quá. Cảm ơn anh chị."

-Nhưng sao toàn thấy bà vợ đến nhà ông mà ông chồng không đến?

-Ông ấy bị đau chân. Đi làm sao được.

Như mọi thứ hợp đồng khác, hợp đồng viết thuê của Lân có nhiều chuyện phát sinh. Chẳng hạn chuyện Lân viết (ký tên người khác) bỗng dưng lại ăn một cái giải thưởng nào đó. Như có một năm ba truyện ngắn Lân viết cho ba người được giải thưởng (của Hà Nội và của Tổng công đoàn). Người ta có thể quên hẳn Lân. Nhưng những người trúng giải thưởng là những người rộng rãi biết điều. Lộc bất khả hưởng tận. Ba cái giải thưởng ấy Lân đều

được chia 50 phần trăm. Trần Dần, Phùng Quán đem tiền đến cho Lân. Hai người này nhận việc cho Lân. Người nhận giải chẳng biết Lân là ai. Họ chỉ biết có ông Dần, ông Quán.

Có một điều Lân lấy làm lạ là cái người chỉ đứng tên cho văn bản mà không hề viết lấy một dòng khi sách đã được in, gặp Lân là người đã viết ra nó lại cứ trò chuyện với Lân theo cái kiểu như chính anh ta là người đã sáng tác ra nó, chính anh ta là tác giả. Hoặc nói một cách rất bề trên: "Đoạn ấy viết được. Mình đi đến đâu người ta cũng khen. Dư luận tốt lắm." Anh lắc đầu: Cũng nhiều lúc muốn tổng một quả đấm vào mặt họ nhưng lại cố nén. Rồi cười: Làm ăn phải giữ lấy cái mối.

Nghề viết thuê có nhiều lúc nhục nhưng cũng có lúc vinh. Ấy là cái lần Lân đi viết lịch sử đảng bộ Thuận Hải, tên gọi chung cho hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận thời còn đang sáp nhập làm một. Chưa bao giờ anh có một công việc quy mô như vậy. Nó hứa hẹn với anh nhiều tháng có công ăn việc làm và do đó thu nhập cũng khá hơn. Người dặt mối cho anh là Tạ Văn Bảo, trưởng ban công nghiệp báo Tiền Phong vào cái hồi anh làm trưởng ban văn nghệ. Tạ Văn Bảo đã vào biên uỷ báo rồi chuyển sang làm giám đốc nhà xuất bản Thanh Niên. Khi đó nhà xuất bản Thanh Niên đang có một chương trình liên kết kinh tế gì đó với tỉnh uỷ Thuận Hải. Biết tỉnh uỷ Thuận Hải muốn có một bộ lịch sử tỉnh đảng bộ, Bảo đã đưa từ Hà Nội vào một cây bút có tin nhiệm để viết. Nhưng bản thảo dở. Không đạt. Mà không thể không có bản thảo, không thể không xuất bản tập lịch sử Đảng bộ. Bảo nghĩ đến Lân, một người chắc chắn sẽ có bản thảo, hơn thế, một bản thảo tốt. Lân nói với Tạ Văn Bảo:

-Nhưng ông cũng biết rồi đấy. Tôi không phải đảng viên, viết lịch sử Đảng có được không? Với lại tôi chỉ viết giai đoạn từ khi thành lập Đảng tới Tổng khởi nghĩa thôi đấy.

Bảo nói không có vấn đề gì, thu xếp vào trong ấy càng sớm càng tốt. Vợ chồng Lân vay giật được 200 đồng. Hằng, vợ Lân khâu vào mỗi cái quần lót của Lân một cái túi con, để cho tiền vào đó, miệng túi cài ghim bằng cần thận. Mùa hè năm 1982 Lân vào Phan Thiết với 200 đồng, 200 điều thuốc lá cuốn, một quyển sổ tay, vài cái bút bi, anh gặp các đồng chí trong tỉnh uỷ.

Lân thấy cần trực tiếp nói rõ nhân thân của mình với tỉnh uỷ:

- Trước đây tôi là đảng viên, nhưng từ lâu tôi không sinh hoạt Đảng nữa. Các anh xem tôi có đủ tiêu chuẩn làm việc không. Và tôi cũng báo cáo với các anh là tôi chỉ viết lịch sử Đảng bộ từ năm 45 trở về trước thôi. Nói rõ như vậy để các anh quyết định...

Đồng chí đại diện tỉnh uỷ nói với Lân:

- Việc đó là của chúng tôi. Không phải việc của anh. Việc của anh là viết. Còn lại là việc của tỉnh uỷ.

Chỉ đến khi công việc chắc chắn rồi Lân mới dám mở ghim băng lấy tiền khâu trong quần lót ra tiêu.

Hắn là bản thảo tốt nên khi hoàn thành, tỉnh uỷ hỏi Lân về giá cả, Lân rụt rè nói con số mười lăm nghìn đồng, một con số mà chính anh cũng hoảng lên nhưng anh còn nhận được số tiền cao hơn thế: hai mươi nghìn đồng! Tỉnh uỷ còn nói sẽ có một tặng phẩm cho Lân. Lân nghĩ ngay đến vợ. Anh mạnh dạn đề nghị cái tặng phẩm mà tỉnh uỷ ưu ái dành cho anh sẽ là một suất tàu khứ hồi Nam Bắc để vợ anh có thể vào Sài Gòn, tới Phan Thiết cùng với anh. Vấn đề quá đơn giản. Đề nghị của anh được chấp nhận ngay. Ít ngày sau Hằng vào Sài Gòn, ra Phan Thiết. Hai vợ chồng sống như những cặp vợ chồng nhân cư đi du lịch. Đó là anh trả cái ơn, cái nghĩa đối với vợ mà nếu không có chuyện đi viết này anh sao làm được.

Ôi! Một khi cái vận nó đã đến thì như vậy đấy. Cứ tự nó đến thôi. Khi nó không đến thì muốn cũng chẳng được. Vừa hoàn công việc với tỉnh uỷ đã lại có công việc mới: Ký hợp đồng viết lịch sử tỉnh đoàn. Chưa xong lịch sử tỉnh đoàn đã ngấp nghé lịch sử huyện đoàn. Cứ như vậy mà thừa thắng xông lên.

Nhưng cuộc đời luôn dành cho anh nhiều vố. Khi anh đã hút hết 200 điều thuốc lá cuộn, khi Hằng đã trở ra Hà Nội, khi anh đang ngồi viết lịch sử tỉnh đoàn, anh bỗng thấy như có ai đánh rất mạnh vào ngực. Mặt mũi sây sầm. Choáng váng như muốn ngất. Ngực thắt lại, đau nhói. Nghẹt thở. Có một cái gì cứ cản trong lồng ngực... Con nhồi máu cơ tim đầu tiên của anh mà anh không biết. Từ Phan Thiết, anh trở vào thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh ở bệnh viện Gia Định. Huyết áp 170 trên 100. Bác sĩ bảo đối với người già, huyết áp như vậy bình thường. May sao anh gặp Ván, một bác sĩ bạn anh từ hồi còn ở Hà Nội. Ván khám, kết luận anh nhồi máu cơ tim và đưa đến bệnh viện Điện Biên Phủ (Saint Paul cũ). Thở ô-xi. Truyền máu. Tiếp nước. Các bà xơ rất tận tình phục vụ nâng giắc đêm hôm. Quý ngài xa gia đình, mắc bệnh hiểm nghèo, chúng tôi xin được chăm sóc. Bấy ngày sau Hằng mới có mặt tại bệnh viện. Hai vợ chồng bay ra Hà Nội bằng chuyên cơ của Thủ Tướng Võ Văn Kiệt. Cũng là trúng số hên. Lân nằm bệnh viện với giấy giới thiệu của tỉnh uỷ Thuận Hải gửi tới T78, nghĩa là Văn phòng Trung Ương Đảng phía Nam. Chuyên cơ của Thủ Tướng còn thừa hai chỗ. Hai chỗ ấy được dành cho vợ chồng một người bệnh nặng thuộc T78!

*

Đầu năm 2002 tôi gọi điện cho Lân. Chúng tôi duy trì cách liên lạc này để vẫn biết tin về nhau, được nghe giọng nói của nhau, dù nó hơi đau hào, bởi vì có bao giờ nhắc máy mà chúng tôi nói với nhau dưới năm phút đâu. Mà

lương hưu của hai đứa chúng tôi sau bao kỳ tăng -mỗi kỳ 25 phần trăm- đều không quá 250 nghìn, nghĩa là vừa đủ cho hai cái đám cưới và một cái đám ma. Mà ở tuổi chúng tôi, con bạn lấy vợ lấy chồng nhiều, còn bạn thì cũng đã có hiện tượng lần lượt nằm xuống.

Tiếng của Lân qua ống nghe áp vào tai tôi đã khác trước nhiều. Giọng nói của anh qua mỗi lần điện thoại một khác. Thều thào, mệt mỏi. Lần này lại càng mệt mỏi. Đứt quãng, nghe cả tiếng thở dốc. Nghe mà lo mà thương cho anh. Vụ rét cuối năm Tân Tỵ đầu năm Nhâm Ngọ này khủng khiếp quá. Tám đến mười lăm độ kéo dài cả tháng.

-Tôi lại mới bị viêm thực quản, viêm môn vị. Phiền quá. Bệnh này khiến mình cứ phải ở nhà không đi đâu được. Chứ không thì cũng cố bỏ ra mười nghìn đi xe ôm đến ông Bầu, đến chỗ ông Tường chơi .

Lại thêm bệnh mới. Nghe tiếng anh tôi lo. Anh mệt mỏi lắm rồi. Anh là người kiên cường chiến đấu với tật bệnh. Năm 1982, lần đầu tiên bị nhồi máu cơ tim, bác sĩ đã nói riêng với chúng tôi có cầm cự giỏi lắm cũng chỉ được từ năm năm đến bảy năm, mà anh đã chiến đấu với nó, đã cầm cự hai mươi một năm rồi. Đâu có phải chỉ nhồi máu cơ tim. Còn bao bệnh khác, bệnh nào cũng là trọng bệnh.

-Tôi định vào bệnh viện nhưng bệnh viện hết giường rồi. Với lại cũng không có người trông nom. Bà Hằng nhà tôi còn phải đi làm. Không đi lấy gì mà sống.

Tôi lên Hà Nội thăm Lân. Qua nút cổ chai Cầu Giấy đang được giải toả, nơi trước đây Lân bị tông xe và bị gãy chân lần thứ hai. Rẽ vào nhà Lân. Anh đang nằm trên chiếc giường một, chăn đệm đầy người. Một cháu gái xinh xẻo tóc xoã đang ngồi trước bàn với những trang giấy để mở. Tôi biết cháu. Đó là một sinh viên khoa báo chí trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. Cháu ở gần nhà anh. Những lúc rỗi rãi cháu sang cơm nước, phục vụ anh và anh đọc cho cháu chép tập sách anh đang viết, tập sách của đời anh. Thấy tôi cả hai bác cháu reo lên. Cháu gái xếp bản thảo vào trong một cái cặp, đi pha nước. Lân hất chăn đệm ra, ngồi dậy bảo cháu:

-Hôm nay có bác Tấn, chúng ta nghỉ làm việc. Cháu ra ngoài kia mua cho hai bác thứ gì ăn trưa. Hai ổ bánh mì này, mấy quả táo này. Ông uống gì nhỉ. Bia à. Còn tôi nước ngọt.

Cháu cầm tiền ra đi và một lát sau đã quay lại với những thứ đó trong túi nilông. Cháu lấy cốc lấy đĩa bày các thứ ra bàn nước và lễ phép chào chúng tôi, ra về. Chỉ còn hai chúng tôi. Vừa ăn vừa nhìn nhau. Lần nào lên Hà Nội gặp Lân tôi cũng cứ sờ sờ rằng đây là lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh dù tôi biết bệnh tật có xúm nhau lại vật được anh cũng còn lâu. Tôi bỗng nhớ đến một câu của Pau-tốp-xki mà tôi đã đọc khi còn đang tuổi hai mươi: "Tôi viết cho bạn bè tôi và vào tuổi này họ đang ít dần đi." Đến bây giờ tôi mới ngẫm

câu nói ấy. Lân xếp xếp chồng bản thảo đã được làm vi tính, cất vào hộc tủ: -Cũng được một nửa rồi ông ạ. Mình định viết bốn cái truyện vừa độc lập. Nhưng khi ghép lại với nhau nó thành một quyển tiểu thuyết...

Mắt anh ánh lên một nỗi khát khao. Giọng anh lại vang vọng sắc thái ngày nào. Tôi cầu mong anh hoàn thành dự định. Nhưng phải gấp lên Lân ơi. Mà không chỉ Lân. Cả mình, cả Bầu, cả Tường, cả Bảo... Tất cả anh em mình. Thời gian gấp lắm rồi.

Ngã Sáu

29- 1- 2002

Mùa rét năm Tân Ty

Rừng xưa xanh lá

Phần IV

Lê Bầu-Người hiểu giá trị của thời gian

Càng già càng ngại đi xa. Lên Hà Nội thôi cũng ngại. Vì bè bạn ở Hà Nội toàn nghèo. Nhà cửa chật chội. Rất ít tiện nghi. Tuổi già lại sinh lắm thói quen xấu. Như cái gối không đúng độ cao quen thuộc là khó ngủ rồi. Như hay dậy sớm. Như hay tiểu đêm. (Nói bóng bẩy theo kiểu Nguyễn Tuân là yếu cái chân thận.) Như hơi bị lạnh là hắt hơi. Dù không gây nguy hiểm như cái hắt hơi trong *Cái chết của viên công chức* của Tsê-khốp nhưng cũng là phiền. Còn vợ bạn. Con bạn... Cho nên có việc lên Hà Nội tôi hay ở nhà Lê Bầu. Anh sống độc thân. Lại trung tâm thành phố: Số 105 Phùng Hưng. Đó là một di tích lịch sử đã được xếp hạng. Ở mảng tường sát cửa ra vào có gắn một tấm biển đá khắc chữ vàng: *Nơi đây là trụ sở Báo Tin Tức cơ quan của Đảng trong thời kỳ mặt trận Bình Dân năm 1936-1939*. Một căn nhà hai tầng mặt tiền, mỗi tầng chỉ có một buồng, do Sở Văn hoá Hà nội quản lý. Buồng tầng trệt ngăn đôi. Buồng trên gác không ngăn. Bên trên bốn cán bộ ở. Bốn chiếc giường cá nhân đặt bốn góc theo kiểu nhà tập thể. Cả bốn người đã hưu, đã về quê, khoá cửa để đây, mỗi tháng chỉ ra một lần họp chi bộ và *giải quyết gạo dầu thịt mắm* theo cách nói của Lê Bầu, nghĩa là mua các thứ định lượng trong phiếu theo giá cung cấp. (Từ khi xoá bỏ tem phiếu, bốn ông không ra Thủ đô nữa, căn buồng ấy các ông cho thuê lại.) Buồng trệt chỉ có hai người ở trong hai nửa đã ngăn đôi, tiêu chuẩn dành cho những người sáng tác. Một là Lê Bầu. Một là *ông Lúa tháng năm kén tầm vàng ông Huyền Tâm*. Lốp cốt ngăn ngày càng cũ, càng xộc xệch, bên này thở mạnh

bên kia cũng nghe thấy. Căn buồng vốn hẹp ngăn ra lại quá hẹp. Nó như một cái ống, mỗi bên chỉ có một cửa sổ và một nửa cửa ra vào. Để có thể đi lọt nửa cái cửa ra vào ấy, người ta đã phải chừa lại, làm lại cái sống giữa hai cánh cửa cho nó hơi thụt vào bên trong. Làm như vậy khi hai cánh cửa hai buồng (thực ra là hai nửa buồng) cùng đóng thì tạo ra một góc tù chứ không thành một mặt phẳng. Mỗi cánh cửa của một hộ độc thân nhờ đó rộng ra được một ít *xăng ti mét* tính theo hệ đo lường Pháp hay mấy *inh sơ* tính theo hệ đo lường Anh lê.

Buồng hẹp như vậy nên khi còn đi làm (Lê Bầu là biên tập viên nhà xuất bản Hà Nội), được cơ quan thưởng một cái quạt căn Trung Quốc, anh không có cách nào sử dụng được nó. Quạt cao, cánh rộng, để trong nhà thì nó quạt gió ra vỉa hè, chỉ những người đi trên vỉa hè qua cửa nhà anh mới mát, nên anh làm ngược lại: Đem nó ra vỉa hè, đặt nó ở chỗ bậc lên xuống giữa nhà ông Huyền Tâm với nhà anh. Nó cứ đứng ở vỉa hè, lênh khênh, ngạo nghễ như của một gia đình thừa mứa của cái mà quạt, mà lùa gió qua cái cánh cửa van vát chênh chéch đã được cải tiến vào nhà. Nhà Lê Bầu chỉ có thể tiếp được một người khách là đã hơi chần chịt. Thế nhưng khách đến nhà anh đâu chỉ một người. Khi một, khi hai, khi ba, khi bốn. Những bậc lão thành như Ngọc Giao, Thanh Châu, những lớp cùng tuổi như Mạc Lân, Hứa Văn Định, như tôi. Lại những thế hệ sau như Hoà Vang hay như những ai mà tôi không biết. Tôi nhớ một tối đi cùng Bùi Viên, dạo diễn truyền hình đến nhà anh thì đã thấy nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc ngồi đấy. Hai người ngồi bàn về nhạc cho phim *Số Đỏ* mà Hứa Văn Định sắp chuyển thể lên màn ảnh nhỏ. Nguyễn Đình Phúc nói phải đưa những nét nhạc gợi một thời như *Trong cơn mê thì đặc ông Hoàng. Mớ đến tui thì tui không xu*. Tôi lễ phép chào nhạc sĩ bằng thầy. Nguyễn Đình Phúc trố mắt không hiểu. Lê Bầu bảo:

-Nó cũng học Hàn Thuyên đấy.

Tôi nói rõ hơn:

-Thầy có về trường Hàn Thuyên kéo vi-ô-lông cho chúng em nghe bài *Phiên chợ Ba Tư*. Và thầy dạy chúng em làm nhạc không son-phe. Thầy có hát cho chúng em nghe một bài hát của một anh bộ đội sáng tác vo, không son-phe mà thầy bảo là rất hay. Thầy còn nhớ không?

Thầy Phúc không nhớ. Dù thầy bảo là rất hay nhưng thầy không nhớ. Tôi hát. Hát một mình. Được vài câu Lê Bầu đã nhớ ra, hát theo.

*Trên cao một ánh nắng vàng soi xuống
Dưới một đoàn lính xiết tay bóp cò*

Đến cuối bài thì chính thầy Nguyễn Đình Phúc bật lên hát theo thành một

tam ca:

Ngắm điểm đen chum ba viên một

Anh bóp cò nín thở đồng chinh không rơi

Hoan hô! Hoan hô!

Anh hùng xạ kích nêu gương

Nay mai ra chốn chiến trường

Đạn anh tìm tới quân thù

Quân thù tung xác lên...

Bị lây cái kích thích của hồi ức về một thời đã qua gian khổ nhưng tràn ngập niềm vui, Bùi Viên yêu cầu rượu. Rượu thì lúc nào Lê Bầu cũng có. Rượu quê. Anh không biết uống nhưng (hay chính vì vậy) trong nhà lúc nào cũng có rượu. Dành cho những giờ phút thảnh thơi như thế này. Chúng tôi uống và đồng ca tiếp bài hát Nguyễn Đình Phúc tiến cử làm nhạc nền cho phim *Số Đỏ*:

Đi đăng xinh thì đi che tàn

Đi xuống xóm thì xách va li...

Bỗng một vị khách nữa ghé vào. Trời! Tôi vốn có một thói xấu là giữa lúc mình đang vui với những người mình hiểu mình quen mà lại có một *thành phần lạ* nào xuất hiện thì rất chi là ngán ngẩm. Nhưng Bầu reo:

-A! Vào đây! Vào đây!

Tôi đã quên tên người khách mới đến này. Chỉ nhớ anh ta ở mãi đâu khu Cao Xà Lá, mới đi Hoà Bình về. Anh kể biết bao nhiêu chuyện về nông trường chè trên ấy, về cái sự khoán, về nhiều chị em công nhân nông trường nay là chủ vài đôi chè khoán, nhớ thì quá lứa cứ muốn giữ anh lại trong vương quốc của họ để biến anh thành ông hoàng vương quốc. Ông hoàng ấy suốt ngày cơm rượu và chỉ có mỗi nhiệm vụ giúp họ sản xuất ra một đàn con. Nhưng anh không dám ở lại. Anh sợ vợ. Với lại anh cũng không có lực. Bởi vì nếu ở lại thì không thể chỉ là ông hoàng của một vương quốc. Còn nhiều vương quốc lắm. Câu chuyện bắt đầu chan hoà, lại một ông khách nữa đến. Cảnh khách như thế này không phải hiếm nên nhiều lúc tôi tự hỏi không biết Bầu viết vào lúc nào?

Bầu có một sức khoẻ phi thường để ngồi tiếp khách. Người ta đến Bầu vì lòng quý mến, vì đây là nơi có thể thổ lộ những ý nghĩ nghiêm túc nhất về thời cuộc, về nghề nghiệp, hay ngược lại là một chỗ tạt vào uống chén trà, nghỉ ngơi tí chút rồi lại lang thang đường phố Hà Nội. Có thể nhiều người đến Lê Bầu vì đang nhức đầu nhức óc do một chuyện gì đấy, và cũng như tôi, coi Lê Bầu là một thứ *at-pi-rin*, *pa-ra-xê-ta-mon* hay một loại thuốc gì tương tự. Quả thật, nghe chuyện Bầu kể, nghe tiếng Bầu cười, tự nhiên

những mỗi một phiên muộn, thậm chí cả bức bội nữa cũng biến đi đâu hết, ít ra điều đó là có thật với tôi.

Chuyện Bầu kể phần lớn là chuyện vui, chuyện cười. Có những thông tin làm ta bức mình, những thông tin đáng buồn nào đó thì ngay sau những thông tin mà anh đang lấy hết vẻ nghiêm trọng ra mà nói, ta vẫn thấy như có nụ cười đang ẩn đằng sau làn da căng thẳng, đôi môi đang mím, cặp mắt đang nhúu lại kia. Bởi vì những điều gay go nhất đã đến với anh từ những năm nào kia rồi. Hay chỉ ít anh cũng đã quen với những loại chuyện ấy rồi. Anh không còn ngạc nhiên với bất cứ điều gì và cái chuyện anh đang kể ra đây chẳng có gì là lạ. Cuộc đời tất yếu nó như vậy. Ví như anh kể về nhà thơ T.H., một nhà thơ cũng được nhiều người biết đến:

-Để tôi kể cho ông nghe. Ông xem có thằng nào như thằng T.H. không. Đầu năm 1968 thời gian ông đang rất gay go, còn tôi ở Hội Văn nghệ Hà Nội cũng đang điều đứng vì bị nghi vấn có dính líu đến một vụ gián điệp, bị gọi hỏi nhiều lần, không được viết, không được in. Chỉ làm thủ quỹ, hàng tuần xách bị đi căng-tin mua bánh kẹo cho anh em. Trong cơ quan có hai ông nằm điều dưỡng ở Quảng Bá là ông T.H. và ông Huỳnh Tâm. Ông Huỳnh Tâm là tổ trưởng sáng tác bị dẫn phết quản, không bao giờ ra khỏi công trạm điều dưỡng vì quá lo cho sức khỏe. Thế mà hôm ấy dù mắc thêm bệnh viêm kết mạc, đau mắt nặng vẫn lù lù từ Quảng Bá về đền Ngọc Sơn, nói với tôi: "Bố cậu T.H. bị ô-tô kẹp chết ở Hải Phòng. Ông là thủ quỹ. Ngày mai mang tiền thay mặt anh em xuống viếng." Sau đó chánh văn phòng Hội Văn nghệ cũng chính thức giao nhiệm vụ cho tôi về Hải Phòng. (Nhân vật này đã đưa một bài thơ của tôi sang công an, tôi sẽ nói với ông sau.) Cơ quan từ chính quyền tới Đảng, công đoàn đều rồi việc. T.H. lại là người rất gần có thể nói là xoắn xuýt với lãnh đạo. Thế mà không ai đi. Lại cử tôi. Tôi hiểu ngay.

Điều hổ li sơn đây. Người ta cần tôi đi. Để khám buồng tôi ở. Làm gì có chuyện bố thằng T.H. chết. Nếu chết thật thì đã chẳng đến lượt tôi đi viếng. Sáu giờ chiều thằng T.H. lại dẫn xác đến đền Ngọc Sơn. Nó bảo nó đến ngủ với tôi để sáng mai cùng đi một thể. Chà chà! Không cho mình xoay xở cái gì mặc dù chẳng có gì cần đối phó xoay xở. Sáng hôm sau chúng tôi lên tàu về Hải Phòng. Rồi đi bộ về nhà thằng T.H. Đến cửa nhà nó thấy bố nó đang ngồi tiện gối ở sân. Tôi bảo nó: "Bố mày không chết đâu T.H. ạ. Thôi tao đi đây." Mặt nó tái đi. Ông dừng nghĩ nó tái mặt vì bố nó vẫn sống, nó ngượng với mình. Không đâu. Nó tái mặt vì mình về Hà Nội ngay trong khi chưa khám xong nhà mình thì thành ra nó chưa hoàn thành nhiệm vụ. Mình bảo: "Bình tĩnh. Mai tao mới về Hà Nội. Tao còn ở chơi Hải Phòng đã. Cứ yên tâm." Thế rồi tôi đến nhà ông.

Anh cười dòn tan. Cuộc gặp gỡ với Lê Bầu đầu năm 1968 ấy tôi không nhớ được. Chỉ biết rằng đó là thời gian thật gay go của chúng tôi. Tôi cũng

không được làm báo nữa. Mà là cán bộ cải tiến quản lý hợp tác xã. Một bước đi cũng bị theo dõi. Nghi ở nhà tôi một ngày đêm, sáng hôm sau Bàu về Hà Nội. Bước vào căn buồng của anh trong đền Ngọc Sơn, Bàu biết ngay là nó đã bị khám.

-Ông biết không. Khi thằng T.H. chưa đến ngủ, tôi đã kịp đóng một cái đinh nhỏ một phân ở bên trên bậu cửa phía trên cửa ra vào, treo một cái rá vào đấy. Cái rá hơi chồm xuống một cánh cửa. Trên cái đinh ấy tôi đóng một cái đinh năm phân to. Khi tôi về nhà thấy cái rá không treo ở chiếc đinh nhỏ nữa mà treo ở cái đinh năm phân. Nghĩ là đã có người đẩy cửa vào nhà, làm rơi cái rá và lại treo lên. Vì cái đinh nhỏ rất khó nhìn thấy nên ai chả treo cái rá lên cái đinh to phía trên.

Anh cười, rất khoái về chi tiết có vẻ Sê-lôc Hôm ấy. Và anh đã cao tay hơn người khác.

-Còn cái này nữa. Tất cả sách mình xếp đều quay gáy vào trong. Vì gáy sách toàn dán hồ, sợ dán cần. Với lại sợ mất cắp. Thế mà khi từ nhà ông về, các gáy sách đều quay ra ngoài! Thì ai xếp sách lên giá mà chả quay gáy ra ngoài!

Anh lại cười dòn tan. Và nhảy sang một chuyện khác cũng mệt mỏi không kém, nhưng vẫn cứ là với một giọng rất vui:

-Về sau mình không được làm thủ quỹ nữa mà được giao nhiệm vụ đi Chèm sưu tầm văn học dân gian. Hàng ngày đi đi về về hai mươi ki-lô-mét. Thực chất là một sự đầy ải. Nhưng ngày nào cũng đạp xe hai mươi ki-lô-mét, mình khoẻ ra. Sức khoẻ mình bây giờ tốt có lẽ cũng một phần là nhờ những ngày tập luyện ấy. Ngày nào cũng đi qua cầu Thăng Long đang xây dựng, mình mới xin cơ quan cái giấy giới thiệu để tham quan công trường. Xin rồi, được rồi, dứt túi, định sáng hôm sau đi. Nhưng ngay buổi chiều hôm ấy cơ quan cho người đến thu giấy lại. Mình nhờ ông cán bộ thu giấy nói với cơ quan là sáng mai và cả chiều mai mình sẽ lên công trường cầu Thăng Long. Mình sẽ báo cáo thu hoạch với cơ quan sau. Sáng hôm sau tôi đến công trường gặp Giáp cận. Ông có nhớ Giáp cận không nhỉ. Nó học lớp tôi và làm trưởng phòng lao động tiền lương công ty cầu. Nó đưa đi. Buổi chiều thì cán bộ phiên dịch Thanh Vân cùng học lớp phiên dịch với tôi đưa đi. Tham quan xong mình cũng đến cơ quan báo cáo thu hoạch như đã hứa.

Lại cười. Sáng khoái cười. Cười cho cái sự mình cứ nhơn nhơn ra mà sống, nhơn nhơn ra mà yêu mà ghét, mà xót xa, nhơn nhơn ra mà làm việc. Ngay chuyện cái tên của anh thôi. Đạo ấy anh đã ký Lê Bàu trên các báo, kể cả cái tin mấy chục dòng trên báo Nhân Dân viết về gương cứu nạn sập hầm máy bay Mỹ. Nhưng bài của anh in trên những ấn phẩm của nhà xuất bản Hà Nội, nghĩa là ngay cơ quan anh, cái tên *Lê Bàu* bao giờ cũng bị giám đốc xoá đi, và viết vào đó một cái bút danh khác của anh, bút danh anh dùng trong thời

gian khó khăn nhất: *Phan Hà*. Giai đoạn *thay tên đổi họ* đã qua rồi. Sao vẫn...? Anh nghĩ vậy và hỏi thẳng giám đốc. Giám đốc đầy thân ái và thông cảm: "Bọn mình có muốn làm thế này làm gì đâu. Đây là chỉ thị của Thành uỷ." Anh im lặng. Và hỏi phó giám đốc vào một lúc khác. Vốn thẳng thắn hồn nhiên, phó giám đốc bảo: "Làm chó gì có chuyện ấy." Bầu bảo phó giám đốc: "Anh cho phép tôi đưa chuyện này ra cơ quan có được không? Anh cũng biết rằng đây là chuyện rất hệ trọng đối với tôi. Nhưng nếu anh thấy không nên đưa thì tôi sẵn sàng thôi, không có ý kiến gì." Vẫn hồn nhiên thẳng thắn như bản chất của mình, ông phó giám đốc trả lời: "Đưa thì đưa. Sợ chó gì."

-Thế là hợp cơ quan tôi trình bày lại sự việc và nói: "Như vậy trong hai ông giám đốc và phó giám đốc cơ quan ta có một thẳng nói dối. Hớ. Hớ hớ. Lại tiếng cười của Lê Bầu. Tiếng cười sảng khoái ngay khi đang vận hạn. Càng sảng khoái khi vận hạn nguy hiểm đã qua.

*

Trong một lần đi dạo trên đường phố Hà Nội, Vũ Bảo nói với tôi về Lê Bầu: -Khốn nạn. Đã rách. Đã phải vào ban chấm thi để kiểm com. Cuộc thi đã phát động. Các nơi gửi truyện về. Ban giám khảo đã đọc, đã chấm xong. Chọn được giải rồi. Nhưng kế hoạch xin tài trợ bị vỡ, không đạt như dự kiến ban đầu. Tiền thưởng rút xuống một nửa. Tiền bồi dưỡng ban sơ khảo, ban chung khảo có nguy cơ không có. Mình bảo: Ban giám khảo ai không có cũng được. Chứ đừng để Lê Bầu không có. Cái đầu máy hơi nước này cổ lỗ từ hồi đầu thế kỷ nhưng phải kéo 11 toa. Không có cho nó là gay lắm. Những trường hợp như Vũ Bảo nói không phải là cá biệt. Tiền thù lao thường xuyên bị đe dọa. Có. Nhưng ít. Và muộn. Cuộc thi truyện ngắn của báo Người Hà Nội (mà Bảo Vũ được giải nhất với truyện *Trầu têm cánh phượng*) thù lao cao nhất: Mỗi thành viên ban giám khảo được một triệu rưỡi. Nhưng nửa năm sau mới có. Cuộc thi của báo *Người cao tuổi* tưởng không có thù lao. Sau được một triệu một người. Cũng là phải chờ đợi tháng này sang tháng khác.

Bầu làm mọi việc để nuôi sống gia đình. Tôi đã thử một con tính, thấy Vũ Bảo cộng nhầm. Danh sách những người Bầu phải nuôi hoàn toàn hoặc phải chi viện thường xuyên (mẹ, vợ, con dâu, con gái, cháu nội, cháu ngoại) lên tới 12 người.

Anh ra sức kiếm tiền và chi tiêu thật tiết kiệm đến nỗi về cuối đời có người bảo anh: Hãy tập tiêu tiền cho mình đi ông Bầu ạ. Anh viết báo. Anh sáng tác. Anh vào ban sơ khảo, giám khảo các cuộc thi. Anh dịch sách, dịch báo. Để có tiền nuôi mẹ, giúp vợ con, nuôi cháu. Anh nấu lấy. Nấu một bữa ăn

hai bữa. Thức ăn phần nhiều là một món nửa xào nửa canh. Anh dễ ăn. Anh ăn ngon miệng. Món quà trời phú cho anh. Anh tiết kiệm cả ruy-băng máy chữ, xin mực in về nhuộm lại khi nó nhạt màu. Anh dùng giấy người ta đã dùng một mặt, bỏ đi. Có ram pơ-luya mới nào, anh nâng niu cất đi để dành. Đôi khi cũng bị nhiều vố: Những ram giấy tốt anh cất đi ấy làm mỗi cho mỗi. Anh chỉ hút thuốc lá rẻ tiền: Thăng Long, Thủ Đô, những thứ thuốc oanh liệt một thời nhưng giờ đây đứng cuối bảng giá. Còn bao ba số Bảo Vũ cho, dứt túi để dành lại rơi đầu mất.

Anh tham gia các tổ cộng tác viên của các ngành kinh tế, đặc biệt là ngành giao thông vận tải (đường sắt, đường bộ, hàng không) cùng với các danh nhân khác: Vũ Bảo, Ngô Văn Phú, Phạm Ngọc Cảnh... Để có thể đi mà không phải mua vé, không phải mất tiền. Để có thể đến được nhiều nơi trên đất nước.

Nhận lời mời của xí nghiệp Đầu máy xe lửa Vinh, anh đã vào đó viết bài. Chỉ một mình anh. Anh không ngại xa. Anh sẵn sàng thu xếp mọi công việc đi đến nơi mời. Đang là mùa đông, mưa dầm gió bắc anh cũng chấp.

Tới nơi, anh viết và gửi đăng báo *Đường Sắt* một bài ký về những tác giả một đề tài khoa học đã được giải thưởng. Ông Sen giám đốc xí nghiệp, ông Chơi trưởng phòng kỹ thuật, anh Hiến phụ trách thi đua rất quý anh. Một thời gian sau, ông Sen lại cho anh Hiến thi đua ra Hà Nội mời Lê Bầu. Kết quả của lần đi thứ hai này là hai bài báo của anh được in. Một đăng số Tết. Một đăng số thường. Có phong bao. Có đồng nhuận bút. Việc tướng cũng chỉ đến thế. Bỗng một hôm Lê Bầu nhận được thư của ông giám đốc Sen. Không phải thư cảm ơn về hai bài báo của Bầu. Mà là thư bày tỏ muốn được giúp đỡ Bầu trong việc thu xếp việc làm cho thằng cháu đích tôn 16 tuổi của anh. Không hiểu sao ông Sen lại biết ngọn ngành tình cảnh nhà anh như vậy. Anh viết thư cảm ơn về dự định giúp đỡ tốt đẹp của ông giám đốc.

Ngay sau đó anh thi đua Hiến có mặt ở Phùng Hưng, nơi Lê Bầu ở.

-Anh Sen cho em ra gặp anh để nói với anh: Từ nay đến sau Tết, bất kỳ lúc nào anh đưa cháu vào cũng có việc làm ngay. Anh Sen cũng nói: Tổng cục chỉ thị giảm 15 phần trăm biên chế, nhưng anh Sen sẽ làm việc với Tổng cục về trường hợp cháu. Giấy tờ anh Sen lo hết. Anh đừng ngại. Cứ đưa cháu vào.

Đến lúc ấy anh mới biết ông giám đốc Sen có nhận được một bức thư của ai đó (anh không thể nào biết ai là tác giả nhưng chắc chắn đó là một người bạn tốt) nói đại ý: Anh Lê Bầu không muốn nhờ ai cái gì, nhưng gia đình rất khó khăn. Hiến có một thằng cháu đích tôn chưa có việc làm...

Bầu về Bắc Giang. Nói chuyện với con dâu (con gái anh đã mất). Hỏi thằng đích tôn năm ấy 16 tuổi. Nhấn mạnh về tương lai tiền đồ, công ăn việc làm của cháu. Trách nhiệm của cháu với mẹ với các em. Phân tích khó khăn. Rồi

thuận lợi. Hối đích tôn mấy lần, đích tôn đều đồng ý.

Thế là hai ông cháu vào Vinh. Tàu đêm. Giường nằm ngang hoành. Dù tôn kém. Vì đây là chuyến đi lịch sử: Ông đưa cháu đi lập nghiệp, xây dựng tương lai.

Tới Vinh là năm giờ sáng. Hai người vào nhà khách nguyên là nhà chuyên gia Bĩ ở, rất sang trọng. Giám đốc Sen nói với hai ông cháu:

-Anh đừng lo lắng gì thủ tục giấy tờ. Tôi bao hết. Công việc của cháu thì thế này: Mấy tháng đầu làm lao động phổ thông cái đã. Không phải một lúc mà bố trí việc này việc kia ngay được. Ba tháng sau chuyển cháu làm bảo vệ.

Nhàn thôi. Nhưng cháu phải đi học bổ túc, kiếm lấy cái bằng phổ thông. Bác sẽ cho cháu đi học lái tàu. Đồng ý như vậy thì để ông cháu về. Cháu ở đây.

Hôm sau Hiến và trưởng phòng hành chính gặp Bầu, khuyên anh nên gặp Long, trưởng phòng tổ chức. Lời khuyên có lý. Anh tìm Long. Không gặp Long mà lại gặp giám đốc. Giám đốc bảo:

-Anh về phòng tôi. Để tôi bảo Long đến gặp anh.

Ba người ngồi. Bầu trình bày vấn đề và đề nghị trưởng phòng tổ chức giúp đỡ. Long bảo anh:

-Xí nghiệp em chưa nhận ai không biết một nghề gì. Anh đưa cháu về học bất cứ nghề nào cũng được. Học xong em nhận ngay.

Đang ngồi ngả người trên ghế, Sen chồm nhoai lên bàn:

-Long ạ. Việc này là mình xin anh Bầu chứ không phải anh Bầu xin mình đâu.

Và ra lệnh cho trưởng phòng tổ chức: Sáng nay làm xong giấy tờ. Chiều cho cháu học nội quy an toàn lao động. Sáng mai bố trí công việc.

Bầu đi theo Long nhận những tờ khai. Long bảo:

-Trường hợp của anh là trường hợp thứ ba. Hai trường hợp trước là con hai ông thư ký công đoàn và giám đốc đã về hưu.

Sáng hôm sau xong giấy tờ, động viên dặn dò cháu đâu đấy, Bầu về Hà Nội bằng vé của xí nghiệp. Anh rất cảm động về lòng tốt tuyệt vời của những người bạn thành Vinh. Và mừng vì đã gửi được cháu vào những nơi tin cậy. Nghĩ và tin rằng nó sẽ được học tập, rèn luyện và trưởng thành.

Đêm hôm sau đang ngủ, có tiếng gõ cửa. Anh ra mở cửa: Ông cháu đích tôn! Ông cháu đích tôn đứng lù lù giữa cửa!

-Cháu về. Cháu không làm ở đây nữa.

Và dù đang mùa rét cũng nêu một lý do hoàn toàn xác đáng:

-Cháu sợ gió Lào!

*

12 toa tàu chia thành nhiều cấp độ khác nhau: Nuôi hân, chi viện thường

xuyên, chỉ viện theo chu kỳ, chỉ viện đột xuất. Đâu phải chỉ có vậy. Còn bao việc khác. Thay cái cột nhà bị mọt. Lợp lại cái mái. BẮC ống nước. Lắp công tơ điện. Rồi còn hiếu, còn hỷ, còn lúc ốm lúc đau. Khi mẹ anh bị tai biến mạch máu não còn bệnh viện, thuốc men. Lại phải coi cho cụ cái buồng riêng...

Bầu làm việc như một con ngựa. 15 năm liền anh giữ một chuyên mục cho tuần báo Độc Lập, mãi tới khi báo đình bản. Đó là khối lượng công việc của riêng một phóng viên chuyên nghiệp. Các báo Văn Nghệ, Tiền Phong, Lao Động, Tuổi Trẻ, Tuổi Trẻ cười, Kiến Thức ngày nay, Hàng Không, Du Lịch, Đường Sắt... nghĩa là gần như tất cả các báo trong Nam ngoài Bắc đều đã đăng các bài của anh viết hay dịch. Vũ Bảo xếp anh nằm trong Ngũ Hồ: Năm nhà văn nhà thơ viết báo khoẻ nhất Hà Nội: Lê Bầu, Nguyễn Hà, Băng Sơn, Tạ Hữu Yên, Phong Thu. (Thực ra Vũ Bảo đứng đầu Ngũ Hồ. Nhưng do khiêm tốn nên có ai nhắc, anh chỉ cười: Năm người thôi. Mình vào đó thì thành ra Lục Súc chứ đâu còn là Ngũ Hồ nữa.)

Trong cái nghiệp dịch của Lê Bầu, cùng với những sáng tác văn học có giá trị của Kim Dung, Giả Bình Ao..., anh đã dịch hai tác phẩm đã được dựng thành phim nhiều tập và được công chúng Việt Nam rất yêu thích: Ô-sin và Tể Tướng Lưu gù.

Ô-sin dịch theo đặt hàng của nhà xuất bản Hà Nội. Khi đó phim Ô-sin đã được chiếu cả tháng trời trên màn ảnh nhỏ. Nhà xuất bản yêu cầu phải có sách bán trước khi phim kết thúc. Và càng có sách sớm càng tốt. Anh dịch theo bản tiếng Trung Quốc nghĩa là những tên Nhật đã được Trung Quốc hoá. Không thể dịch những tên ấy theo âm Hán -Việt. Nếu vậy Ô-sin sẽ thành *A Tín* như Huy-gô sẽ thành *Vũ Quả*, Xi-mô-nốp sẽ thành *Tây môn nhuợc phu*, Phi-đen Cat-xơ-rô sẽ thành *Phi đắc nhĩ kha tư đặc lạc* vậy. May. Anh có nội công. Chị Hương Liên phát thanh viên đài truyền hình Việt Nam đã phô-tô một bảng tên nhân vật giúp anh.

Theo quy định, cứ vài ngày nhà xuất bản lại cho người đến lấy những trang mới dịch đi làm vi tính. Chỉ ít ngày sau khi anh dịch xong, Ô-sin đã được bày bán trong các hiệu sách. Hàng ngàn quyển hết veo. Vì phim Ô-sin vẫn còn đang chiếu tiếp. Vì Vũ Bảo, một người sợ biến thành Lục Súc nên nhất định không chịu đứng trong Ngũ Hồ đã viết một bài rất ăn khách trên báo Tiền Phong và Thế Giới Mới với cái tit giật gân: *Ô-sin đã dọn về phố Phùng Hưng* để quảng cáo cho công việc của Bầu, quảng cáo cho tập sách và cũng là để kiếm tiền sao cho xứng với một người... đứng ngoài Ngũ Hồ.

*

Mỗi khi đến 105 Phùng Hưng lấy những trang Ô-sin mới dịch, anh cán bộ

nhà xuất bản Hà Nội không thể vào nhà mà chỉ đứng dưới lòng đường gọi để Lê Bầu mang bản dịch ra. Bởi vì trước cửa nhà Lê Bầu là quầy bán vải. Đó là thời gian chợ Đồng Xuân bị cháy lần thứ hai. Lê Bầu ngồi dịch sách giữa những cây vải chất đông bên cạnh, chất đông sau lưng. Cô hàng vải nhìn chủ nhà làm việc không còn chỗ cựa quậy, đi mua bánh cuốn, bún hoặc bánh mì về cho *bố* ăn sáng.

Hai lần cháy chợ Đồng Xuân, hai lần nhà Lê Bầu thành kho vải, thành sạp vải, hai lần Lê Bầu gặt hái.

Lần cháy chợ đầu tiên tôi đến nhà Lê Bầu, rất bức bối vì phải chen lách từ mãi đầu Cửa Nam lại, khi dưới lòng đường, khi trên vỉa hè. Đến nơi thì không có chỗ để xe, không có chỗ len chân vào nhà. Tôi cần nhằn:

-Đến nhà ông khổ quá. Bao giờ cho hết cảnh này.

Bầu giấy nẩy:

-Áy chết ông ơi. Tôi mong cảnh này kéo dài vĩnh viễn. Chợ không hợp ở đây nữa là tôi đói đấy.

Anh giảng cho tôi cái gốc cây sừa trước cửa nhà anh giống ở vỉa hè, sát lòng đường cũng là tiền đấy. Hai mét chiều ngang mặt tiền của anh bỗng nhiên có giá. Cháy chợ Đồng Xuân, hàng vải dọn về Phùng Hưng. Mỗi tháng *cụ* cứ ngồi viết, đọc sách hay đạp xe đi đâu đó cũng dứt túi ba trăm ngàn đồng, nghĩa là một chỉ vàng (vàng lên ba trăm rưỡi, *các con* giả lên ba trăm rưỡi, không để *cụ* thiệt). Một chỉ vàng ngày ấy có giá trị lớn lắm, không như một chỉ vàng bây giờ. Vàng còn đang là mặt hàng được săn lùng, ít có trong tủ các gia đình.

Có tiền là Bầu mua vàng. Tiền cho thuê buồng làm kho. Tiền bán vỉa hè trước mặt. Tiền thưởng ba lợi ích và tiền lao động ở cơ quan. Bầu gọi việc mua vàng là *chống lạm phát*. Phải chống lạm phát vì còn phải dự trữ phòng khi ốm khi đau đột xuất. Phải chống lạm phát vì anh chưa về nhà ở Bắc Giang ngay được. Phải chống lạm phát vì lạm phát đang phi mã. Trong đợt chống lạm phát dài ngày này, anh mua được bao nhiêu vàng không ai biết nhưng chắc chắn có chiếc xe đạp nội hóa Viha, do đó chiếc xe đạp Thanh Niên số khung 00012A, biển đăng ký BN 928 mua đầu năm 1959 được nghỉ hưu sau khi đã phục vụ anh một thời gian non nửa thế kỷ.

Hơn một năm sau chợ Đồng Xuân mới đã xây xong.

Chợ vải lòng đường Phùng Hưng giải tán.

Bạn bè tới tập chia buồn với Lê Bầu.

Thì chợ Đồng Xuân lại cháy. To hơn trước. Trụi hơn trước.

Nghe tin chợ Đồng Xuân cháy ai cũng nghĩ tới Lê Bầu. Anh sẽ lại có nguồn phụ thu nhưng là chính thu quan trọng. Người ta còn nói: Khéo chính Lê Bầu đốt chợ. Không ai bảo ai, bạn bè trong Nam ngoài Bắc đều gọi anh là "*kẻ đốt chợ Đồng Xuân*" mặc dù cuộc điều tra cho biết cháy chợ là do chập

điện.

Lần cháy chợ sau, Bầu thắng lớn hơn nhiều.

Một cái vỉa hè nhưng chia làm hai dãy. Một dãy sát mép cổng ngòi quay mặt vào. Một dãy ngòi sát tường quay mặt ra. Giữa là lối đi. Đúng là tắc đất tắc vàng. Bầu cười. Ôi! Nụ cười của anh mới *hãnh diện* làm sao!

-Ông ạ. Khi chợ vải sắp chuyển về, bọn đầu gấu ngỗ Hàng Hương căng giầy chiếm dãy phía ngoài. Mấy cậu thanh niên nhà bên bảo tôi: Chú phải bảo thằng Đ đi. Chứ không nó chiếm mất của chú. Tôi mới gặp nó. Cháu ơi. Chỗ gốc cây sữa để lại cho chú. Chú có lời với cháu như vậy. Rồi sau cháu tính thế nào thì tính. Nó rất lễ phép: Vâng. Chú yên tâm. Cháu biết chỗ ấy rồi. Chỗ ấy là của chú. Bảo là nó nghe ngay. Hình như nó sợ nghề viết văn của mình hay sao ấy!

Lại cười. Hớ hớ.

Tháng đầu tiên trong đợt cháy chợ lần thứ hai Lê Bầu dứt túi hai triệu (dạo ấy to lắm, bây giờ cũng vẫn to). Giáp tường là một triệu ba. Giá gốc cây là bảy trăm nghìn. Thật may. Anh mới nghỉ hưu. Thu nhập đang kém.

Nhưng chỉ được một tháng đầu thôi. Tháng sau công an dẹp cái dãy phía gốc cây quay mặt vào.

-Thôi thì con cứ gửi ông một triệu. Những tháng sau con lần dần được ra con gửi ông thêm.

Lê Bầu bỗng nhiên có xe máy. *81 chót chét kim vàng giọt lệ*. Vua chiến trường ngày ấy. Xe máy của vợ chồng người bán vải nhưng đứng tên Bầu. Hoá ra anh ta người Hà Đông, "xin ông cái tên" để có biển đăng ký 29 đèo hàng cho dễ.

-Con muốn nhờ ông đứng tên cho con cái đăng ký kinh doanh.

Hoá ra chị ta không có đăng ký ở chợ Đồng Xuân. Cũng là ghé vào chỗ nào trong chợ. Cháy chợ thì giạt ra Phùng Hưng.

-Ông đứng tên kinh doanh, khi chợ xây xong chúng con còn được vào chợ. Bầu lắc đầu:

-Đứng tên xe máy thì được. Đứng tên đăng ký kinh doanh thì *ông* không đâu. Ngộ nhờ anh chị kinh doanh có gì trục trặc hay thua lỗ, vỡ nợ, trốn thuế, *ông* phải ra toà à. *Ông* không đâu. *Ông* cứ nói thật.

Sự thành thật của *ông* có lý. Chị vợ cũng thành thật với *ông*:

-Con thuê của ông là vải của con không phải đánh dấu. Con thuê nhà xích lô bên kia, đánh dấu mà cũng mất bao nhiêu là vải.

Biết *ông* không ăn cắp vải nên anh chị buôn vải cứ có hàng nào đẹp lại mang vào tận bàn viết của Bầu:

-Ông xem. Vải này ông có ưng không? Con xé biếu ông để ông đi may.

Ông lắc đầu. *Ông* cứ ngồi dịch. *Ông* cứ ngồi viết. Sáng nào cũng phải chờ đến tám giờ, *con* dọn vải ra sắp xong *ông* mới làm việc được. Rồi đang làm

việc lại ngừng vì *con* nhập vải. Ông dịch, ông viết và những lúc mệt quá ông lại ư ử mấy câu của Quán Trọng thời Đông Chu liệt quốc:

*Nhất niên chi kế
Mạc như thụ hoà
Thập niên chi kế
Mạc như thụ mộc
Bách niên chi kế
Mạc như thụ nhân* ^[1]

Trong căng thẳng mưu sinh, Lê Bầu vẫn hoàn thành những việc phải làm. Chỉ kể những sáng tác gần đây của anh: Tập truyện *Những năm tháng trôi qua*, tiểu thuyết *Ngã ba cô đơn*, tập truyện được giải thưởng của Hội Văn Nghệ Hà Nội *Hai người buồn bên kia*, rồi *Gương mặt buồn*, *Dòng sữa trắng...* Và dịch: *Nội hoài hương dằng dặc*, *Thị trấn Phù Dung*, *Ô-sin*, *Giả Bình Ao*, *Tể tướng Lưu gù...* Riêng cái ông Tể tướng gù lưng Lưu Dung này làm hàng triệu người mê thích nhưng cũng làm anh ngất xỉu và phải nằm bệnh viện khi đang đọc lại những trang cuối cùng.

*

Lần đầu tiên trong đời, tôi dự một trại sáng tác tập trung. Trại sáng tác quân đội Đồ Sơn, mùa đông năm 1999. Hơi trái khoáy về thời tiết. Nhưng chỉ về mùa đông trạm điều dưỡng quân khu Ba mới có buồng trống cho chúng tôi ở không tính tiền.

Cùng dự trại với tôi có Lê Bầu.

Chúng tôi ăn cùng nhau. Những ngày nắng ấm hiếm hoi, chúng tôi rủ nhau đi tắm biển. Biết bao nhiêu chuyện. Từ thời còn cùng nhau học Hàn Thuyên. Chuyện thầy cũ bạn cũ. Chuyện bây giờ. Mới ngày nào còn cấp sách đến trường, hôm nay đã là những ông lão cả rồi.

Khi đợt rét đầu mùa ập đến, Lê Bầu đi chợ Đồ Sơn mua *quần áo Sida*.

Cái áo đầu tiên mua về giá hai mươi ngàn đồng, anh định cho tôi, nhưng bị đại tá Nam Hà mua lại ngay trong bữa cơm vì tôi đã có áo rét rồi. Lần thứ hai anh mua cái quần cũng hai mươi ngàn đồng, "người mẫu" Đình Kính mặc thử và không rời ra nữa.

Lần thứ ba anh mua bộ com-lê, giá sáu năm ngàn. Phải nói bộ này rất đẹp, mặc vào ai cũng khen:

-Cứ thế này đi họp Đại hội Nhà văn được rồi.

Bầu cười:

-Nhưng còn xem có trúng đại biểu không đã chứ.

Lê Lựu bảo:

-Thế là com-lê có rồi. Chỉ còn chờ được bầu là đi Đại hội Nhà văn thôi.

Rồi Lê Lựu hỏi:

-Anh Bầu cao bao nhiêu nhĩ?

-Một mét sáu tư.

-Đưa đây xem nào.

Vừa nói Lựu vừa cầm lấy bộ quần áo Bầu mới cởi ra.

Lê Lựu mặc vừa như hàng may đo. *Sur mesure!*

Và không ai có thể cởi được bộ com-lê Lê Lựu mới mặc vào người. Lựu rút ra tám mươi nghìn đồng đưa cho Bầu. Đây. Giả cả lãi nhé. 65 nghìn vốn này. 3 nghìn xích lô này. 12 nghìn lãi này. Em biểu không anh cái quần cũ em vừa mặc nữa đây này...

Nói vậy thôi chứ quần cũ của Lê Lựu ai mà dám mặc. Lê Bầu lại phải đi mua quần áo chống rét (một thứ tập tiêu tiền cho chính mình). Lần này có tôi đi tháp tùng. Đến lúc ấy tôi mới biết đi mua quần áo hàng thùng là lâm vào một tình thế rất gay. Ba cô bán hàng liền nhau. Treo ba dãy quần áo liền nhau. Cô nào cũng trẻ đẹp. Cô nào cũng chèo kéo mời chào. Vào hàng này là có lỗi với hàng khác. Vào hàng này cứ lăm lét nhìn sang hàng khác như người ăn vụng bị bắt quả tang. Cô bán hàng đưa áo cho Bầu xem, nói toạc móng heo:

-Anh nhìn vào cái áo này này. Không phải vừa xem áo vừa nhìn sang bên ấy. Chúng tôi mang áo về còn nghe một cô rửa sả sau lưng:

-Mua với bán. Ngừ ầy có lấy ba vợ nó cũng bỏ.

Tôi và Bầu phá lên cười.

Càng về cuối trại, càng rét. Có cái áo mới mua, Bầu yên tâm ngồi viết.

Và những ngày chủ nhật, anh chị em về hết, cả trại chỉ còn hai người. Một là trưởng trại. Một là Lê Bầu. Bởi vì như Vũ Bão nói:

-Ông Bầu thì cứ có ai nấu cơm cho ông ấy ăn là ông ấy ở. Rồi ở đâu có nhà tắm là ông ấy không rời ra được nữa.

Đúng là ở 105 Phùng Hưng phải tắm giếng ngoài sân. Đúng là ở 105 Phùng Hưng phải nấu lấy ăn. Nhưng cũng không hoàn toàn như vậy. Anh ở lại trại và làm việc. Ít trại viên ngồi lì (với cái máy chữ) được như anh.

Hơn ai hết, Lê Bầu hiểu giá trị của thời gian.

Đồ Sơn 11-1999

^[1] Có nghĩa là: Kế hoạch một năm/ Không gì bằng trồng lúa/ Kế hoạch mười năm/ Không gì bằng trồng cây/ Kế hoạch trăm năm/ Không gì bằng trồng người.

Rừng xưa xanh lá

Phần V

Một mơ ước về kiếp sau

*Cây xấu hổ
Chiều lặng ngồi trên cây xấu hổ
Lá then thò sau đám cỏ rồi bời
Hãy ngoảnh lại đây
Có gì mà mắc cỡ
Chỉ mình ta bầu bạn với ta thôi.*

Nguyễn Thị Hoài Thanh ngồi một mình ở Đồng Xoài, chờ người ta thu hoạch lạc xong thì vào mót. Cô đơn ở xứ người, để giết thời gian, để quên đi nỗi lo kiếm sống, chị treu chòng và trò chuyện với cây xấu hổ. Thế rồi thơ đến.

Khi ở tù ra hầu như tôi chỉ còn một nhóm bè bạn, trong đó có Nguyên Bình, người không bao giờ bỏ tôi trong những lúc gian lao nguy hiểm đói nghèo nhất. Anh vẫn đến chơi nhà, nói dăm ba câu chuyện hoặc nô đùa với các con tôi. Tôi chẳng dám trách ai. Bởi cái ông ngấm hiên nhiên là đang nhắm vào tôi. Chẳng ai lại muốn mình hiện hình trong vòng ngắm. Đừng có đem sinh mạng mình, đời sống gia đình vợ con mình ra đùa cợt.

Thế mà trong những ngày ấy tôi lại có thêm một người bạn mới: Nguyễn Thị Hoài Thanh. Chị thường xuyên đến nhà. Nói chuyện với tôi. Bàn chuyện làm ăn sinh sống với vợ tôi. Dạy hai đứa con gái tôi cách thêu may bồ-đê để kiếm sống.

Tôi và Nguyễn Thị Hoài Thanh trước đó chỉ biết nhau chứ chưa hề chào nhau dù gặp nhau trong một cuộc họp, lại càng chưa một lần đối thoại. Tôi ấm lòng khi thấy chị lên nhà, ân cần, thân mật, cởi mở như một người bạn thân của cả gia đình và hoàn toàn chiếm được niềm tin, tình cảm của vợ chồng tôi. Chị như một chỗ dựa tinh thần, một sự động viên vợ tôi trong những ngày tháng gian lao ấy.

Lúc đó tôi mới biết rằng chị làm ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long, một xí nghiệp tôi cũng từng quen, đã xuống lấy tin viết bài, nơi sản sinh ra anh hùng lao động Hồ Xuân Tuyên mà Dương Tường đã viết trong *Thuyền*

Trường. Chị mách chúng tôi một cách kiếm sống: Làm nước mắm. Ngày ấy nước mắm rất khan hiếm, cắt theo phiếu, theo tiêu chuẩn thang lương. Có nhà khoa học còn nghiên cứu làm nước mắm dất, nấu từ con dất, một loại sinh vật biển họ trai hên nhưng chỉ nhỏ bằng cái cúc áo. Đề tài nước mắm dất được đăng ký cấp quốc gia hay cấp thành phố tôi không nhớ. Nhà ai chẳng phải ăn nước mắm. Nước mắm đang lên ngôi. Chúng tôi bị thuyết phục ngay. Nguyễn Thị Hoài Thanh giảng cho chúng tôi nghe về con nước, về chợ chiều, cá ươn, cá ế, về loại cá rẽ cau, như con chạch nhưng đỏ, không ai ăn, mua về làm chượp, và điều quan trọng là khi nấu mắm xong đừng lọc chất ngay mà cứ để nguyên như vậy cho đến khi nguội hẳn vì trong quá trình ấy đạm vẫn từ bã thối ra nước. Rồi chị giới thiệu cho tôi biết những chợ nào người ta hay bán cá rẽ cau. Rồi tính toán tiền cá, tiền muối, một cân cá được bao nhiêu nước mắm loại một, nước mắm loại hai... Nhưng lấy gì mà ngâm chượp? Lại cũng chị Thanh. Tối hôm ấy vợ tôi vác xe đi. Chuẩn bị cả giấy co nghĩa là giấy cao su, cả bao tải. Lại mất điện. Vợ tôi đi trong bóng tối hun hút xuống nhà chị. Một khu tập thể không tên gọi, không số nhà. Cũng may, ban ngày Nguyễn Thị Hoài Thanh đã đưa vợ tôi xuống nhà để vợ tôi thuộc những góc ngách ngoắt ngoéo mà dù cho có tối tăm, mất điện, lại toàn những mái nhà lô nhô như bát úp ở một khu đất trước đây là trận địa pháo cao xạ mà về sau khi tôi xin được việc làm ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long, mới biết nó có tên là khu Bãi Cát, vợ tôi vẫn có thể tìm đến tận nơi. Khi chiếc loa ngã sáu phát chương trình *Quân đội nhân dân*, nghĩa là khoảng chín giờ, tôi nghe tiếng gọi của vợ tôi dưới cầu thang. Tôi vội chạy xuống. Trong bóng tối tôi thấy vợ tôi đang giữ chiếc xe đạp ở chân thang, và ở poo-ba-ga, một đồng gì gỗ cao đen sì. Tôi đặt tay lên đó. Chiến công của vợ tôi. Sự giúp đỡ tận tình của Nguyễn Thị Hoài Thanh. Niềm hy vọng của chúng tôi. Nó căng. Cứng. Và cong cong. To nữa. Cái bao tải to thế mà căng phồng.

- Chị Thanh đưa em qua cổng bảo vệ chứ không cũng không mang được về nhà đâu.

Đó là một bình gốm chuyên dùng, miệng nhỏ, có nắp vặn xoáy được để đựng a-xít. Bình dày nên tuy to nhưng chưa chắc đã đựng được nửa thùng nước.

Tài sản ban đầu của chúng tôi để tự kiếm sống là như vậy. Chúng tôi đội nước đầy bình cho a-xít thối ra trước khi ngâm chượp. Rồi đi mua cá rẽ cau cá ươn cá ế ở chợ. Chẳng mấy chốc mà đầy hũ. Không dám để hũ dưới nhà. Sợ mất. Chúng tôi bê lên gác, đặt ngoài bệ cửa sổ. Sốt ruột mong nó phân huỷ, để nó thành chượp, nấu lên thành nước mắm mang đi bán.

Trong khi chờ đợi có nước mắm bán cả nhà vẫn cứ phải ăn. Nguyễn Thị Hoài Thanh hiểu được điều ấy. Chị đến dạy vợ tôi và hai đứa con gái còn

chưa đến tuổi dậy thì bô-đê.

-Cái này là làm cho mấy bà buôn ở chợ Sắt.

Nhìn những mẫu bô-đê của chị tôi mới nhớ ra rằng ở những gấu quần xatanh, gấu áo phin nồn của những người sang trọng luôn có những hoa văn đục thủng ra rồi viền lại như vậy.

Tôi không hiểu chị học bô-đê ở đâu mà đẹp thế. Hay chị học ở trường mồ côi? Mà chị có mồ côi và học ở trường mồ côi như người ta vẫn nói thật không. Rồi lại còn cái chuyện Nguyễn Cao Kỳ (tư lệnh không quân rồi phó thủ tướng nguy) là anh ruột chị nữa. Nói chung là chung quanh chị có nhiều "huyền thoại", những "hiện thực huyền ảo" giết người. Dường như biết rằng có những dư luận rất bất lợi cho mình và mọi người nhìn mình bằng con mắt nghi kị xa lánh nên chị không chủ động thân thiết gần gũi với một ai. Chỉ đến khi tôi đi tù về chị mới đến nhà tôi. Người khác có thể sợ chứ chị thì không. Chị nghĩ mọi cách giúp gia đình tôi kiếm sống. Chị nuôi ngan và bàn với tôi việc nuôi ngan. Chị bảo chị đã nghiên cứu và tìm ra thủ phạm của việc làm ngan chết hàng loạt là những con giun móc chui vào lỗ tai ngan vì vậy trong lúc trời mưa tuyệt đối không được cho ngan sục nước. Chị vẽ ra một viễn ảnh sáng ngời: Tôi mang trên vai một chiếc cuốc nhỏ, lừa đàn ngan ra bãi Máy Tơ...

Nhưng tất cả kế hoạch của chị cũng chỉ hoàn toàn là kế hoạch của một nhà thơ. Hoặc kế hoạch mang tính khả thi đấy nhưng không thực thi được vì người thực hiện lại là tôi.

Tuy nhiên về một mặt nào đấy những kế hoạch của chị cũng mang lại tác dụng. Nó làm chúng tôi ấm lòng. Nó giúp chúng tôi có thêm nghị lực sống, vượt qua được những *ngày nào cũng dài đằng đẵng*^[*] ấy. Chúng tôi vẫn có những người bạn để chia sẻ. Điều đó giúp chúng tôi có thêm nghị lực.

Thế nào mà khi được đi làm trở lại, tôi lại về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, nghĩa là về cùng xí nghiệp với Nguyễn Thị Hoài Thanh. Ông Hoàng Hữu Nhân nguyên bí thư thành uỷ Hải Phòng, khi đó là tổng cục trưởng tổng cục Thủy sản đã cứu tôi, quyết vượt qua mọi trở ngại, những mưu toan ngầm ngầm công khai của những người có thể lực khác tìm mọi cách không cho tôi trở lại với cơ quan xí nghiệp nhà nước.

Tôi làm văn phòng. Còn chị Thanh làm ở phân xưởng, tổ ác-quy, ngành điện. Trong sổ tay tôi còn ghi lại một buổi sáng xuân, tôi đứng trên mũi một con tàu đang xam lại mặt boong. Trời xuân, không mưa bụi nhưng mát mịn da mặt. Phía bên kia sông, những cây sù lá xanh thẫm. Chân trời những đám mây xuân tầng tầng lớp lớp. Và gió. Gió không mạnh, chỉ đủ giục giã lên đường. Người thuyền trưởng đứng sau tôi. Anh ôm tôi, nhắc bổng tôi lên. Rồi lại đặt tôi xuống.

Từ phía đầu cầu cảng chạy vào một chiếc xe rùa, một loại xe chạy bằng ác-

quy, êm không một tiếng động. Trên xe, mấy cô công nhân tươi cười rạng rỡ. Thuyền trưởng bỗng rời vòng tay ôm tôi, nhao ra lan can: "Cô Thanh ơi, chúng tôi thay ắc-quy đây nhé." Lúc bấy giờ tôi mới để ý là Nguyễn Thị Hoài Thanh đang ngồi trên xe. Quần áo bảo hộ lao động rộng thùng, chiếc mũ lưỡi chai, khuôn mặt chị ngồi ngời giữa những món tóc bị gió thổi bay đập dòn trên mặt trên má trên miệng cô công nhân ngồi đằng sau chị. Chị nói như hét:

- Chưa thay được cho anh đâu.

Chiếc xe vẫn giữ nguyên tốc độ, vượt qua chỗ chúng tôi. Thuyền trưởng kêu to:

- Sao lại chưa ?

Chiếc xe đã ngoặt về phía công cảng. Vọng lại một câu trả lời của chị nhưng nghe không rõ. Chiếc xe đã biến mất. Nó lướt qua không một tiếng động.

Như nó chưa hề đi qua đây. Một thủy thủ nói:

- Cô Thanh được đẩy thuyền trưởng ạ.

Thuyền trưởng cười:

- Già rồi.

Anh thuyền viên kêu to với đám thủy thủ đang trầu cáp, chuẩn bị cho một chuyến biển mới:

- Thuyền trưởng chê cô Thanh già các cậu ơi!

- Tớ già chứ không phải cô Thanh. Hiểu chưa ?

Tất cả cười dòn .

Năm ấy Nguyễn Thị Hoài Thanh còn đang tuổi ba mươi. Thời con gái chị vốn xinh đẹp. Nhất dáng nhì da. Chị được cả hai. Nhưng hồng nhan đa truân. Hai lần kết hôn, hai lần li dị. Vẻ đẹp của tuổi ba mươi đang chín. Cái sắc đẹp không chủ đã gây cho chị biết bao khó khăn, nhiều khi cả nguy hiểm nữa.

- Người ta cứ coi tôi là con mụ Hén anh ạ.

Chị nói vậy và cười hồn nhiên:

- Ngày ấy mình còn màu mỡ.

Sau này khi đã lục tuần, ngồi ôn lại cuộc đời, chị nói với tôi như vậy. Và cũng như cô Hén, cái đám Nghêu, Sò cũng toàn là các hàng chức sắc nên rất nguy hiểm. Thời gian chị còn làm thợ điện ở công ty X, chỉ vì không chịu bắt tay ông trưởng phòng của chị mà chị không được chấm công, không có lương, dù ngày ngày vẫn đi làm với các đội, dù chị đã lấy đầy đủ xác nhận của các đội sản xuất. (Bắt tay là chuyện bình thường, nhưng đây lại là một kiểu ra đưng vào chạm, một kiểu lợi dụng của ông trưởng phòng mà chị biết quá rõ). Và sự việc không dừng ở đấy. Chị ở tập thể, nghĩa là một nửa gian phía ngoài, còn nửa gian phía trong là kho dụng cụ (toàn cuộc xẻng). Một trưa đi làm về, chị thấy buồng chị bị khoá. Bé Đan, con gái chị đang ngồi khóc ở cửa. Người ta giải thích cho chị hiểu rằng không phải người ta khoá

buồng chị mà người ta khoá kho dụng cụ, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Chị gặp người này gặp người khác. Chị đấu tranh. Khi cứng rắn. Khi mềm dẻo. Lúc pha cả hài hước. Mãi khuya ông trưởng phòng mới hạ lệnh mở khoá cho chị vào buồng.

Thế rồi khi ông chủ nhiệm công ty cũng muốn đến với Hên và bị Hên cự tuyệt thẳng thừng mới thật gay go. Lại một chiều đi làm về, vừa bước vào khu tập thể, bé Đan đã mếu máo chạy ra:

-Mẹ ơi. Nhà mình toàn bàn ghế thôi, con không nấu được cơm đâu.

Chị đứng lặng. Cái ô con con hai mẹ con vẫn chui ra chui vào cửa vẫn mở nhưng chật cứng bàn ghế. Chị đã hiểu. Người ta quyết không cho chị ở mấy mét vuông này. Chị thì thảo với con gái:

-Mẹ con mình khiêng sang nhà bác chủ nhiệm nhé. Thật khế. Đừng để ai biết.

Lúc đó đã tối. Giờ ăn cơm của cả khu tập thể. Bụng đói, bé Đan cùng mẹ khiêng từng chiếc bàn chiếc ghế sang nhà ông chủ nhiệm. Nhà ông ta rất rộng. Sân. Gian ngoài. Gian trong. Hai mẹ con đặt những đồ mộc ấy ở gian ngoài. Năm chuyến. Sáu chuyến. Bảy chuyến. Đói. Im lặng. Thở. Như một trò tình nghịch. Nghe rõ tiếng trò chuyện từ gian trong. Ngửi cả mùi cơm trộn mì, mùi canh dưa chua ngào ngạt bốc ra. Khiêng gần xong thì bị lộ. Ông chủ nhiệm quăng bát cơm chạy ra. Gầm lên:

-Cô Thanh ! Làm trò gì thế này ?

-Tôi sẽ lập biên bản. Cô đúng là một người quá thể. Không còn coi ai ra gì! Ông hét không thành tiếng. Cả khu tập thể vốn dĩ đói nghèo sự kiện, đói nghèo trò giải trí, bỏ dở bữa cơm đồ xô tới. Mọi người trong gia đình ông kêu thét âm ỉ. Như một dàn đồng ca.

Nguyễn Thị Hoài Thanh tươi cười lễ phép :

-Báo cáo chủ nhiệm, tôi đi làm về thì thấy số tài sản xã hội chủ nghĩa này trong nhà tôi. Tôi không hiểu ai vất vào. Đây là bàn ghế chứ ngộ nhờ thuốc phiện thì có nguy hiểm cho tôi không. Cho nên tôi phải trình với chủ nhiệm. Hai mẹ con tôi dù chưa ăn, bụng đói cũng cố động viên nhau khiêng sang. Chả lẽ lại vất ra ngoài sân. Tài sản xã hội chủ nghĩa không thể thế được. Phải bảo vệ. Nên chỉ còn mỗi cách khiêng sang nhà thủ trưởng.

Hoài Thanh thắng. Thắng oanh liệt. Sau trận thắng chị hiểu rằng không thể nào ở lại công ty được, phải tìm cách chuyển thôi. Trong lúc giao thời thất nghiệp ấy, một người bạn rủ chị đi bán than cùng ông ta. Mừng như bắt được của. Không phải *"một gánh càn khôn quấy xuống ngàn, hỏi rằng chị đó gửi rằng than"* mà là mua than của mậu dịch rồi xe đổ cho các nhà. Thử than cám đã nháo bùn để người ta *chim chim* lại cho và bếp lò. Than trộn bùn ướt nặng như đá. "Ông Hạp ơi! Khiêng hộ tôi lên bàn cân với!" "Ông Hạp ơi! Đẩy hộ cái xe vào đây!" Tiền thì chia đôi mà chốc lại ông Hạp ơi,

ông Hạp ơi. Xe than đi đổ cũng lắm chuyện bi hài. Chuyến xe đầu tiên thế nào lại quành đúng vào khu nhà tập thể của chị. Chị lo lắng: "Ông Hạp ơi. Đổ cho nhà ai thế này?" Hoá ra đổ cho nhà ông chủ nhiệm. Chính vợ chồng ông chủ nhiệm cũng ngạc nhiên. Cô Thanh bây giờ đi làm cái này à? Vâng. Báo cáo chủ nhiệm, việc gì tôi cũng làm để có tiền nuôi mình nuôi cháu. Hả ông chủ nhiệm cười thầm trong lòng: Chiến thắng là thế đấy hử cô Thanh? Cứ chiến thắng nữa đi. Chị không xấu hổ về tư thế chiến thắng của chị, cái tư thế nhếch nhác đây về thất bại của chị. Chị biết thừa câu nói không thành lời của chủ nhiệm: Cô đã thắng tôi. Nhưng cô đã thấy cái giá phải trả cho chiến thắng của cô là thế nào chưa? Chiến bại đấy cô ạ! Chị chỉ tự hỏi: Ông chủ nhiệm hả lòng hả dạ hả rồi, nhưng không biết ông có còn chút lòng trắc ẩn?

Thật ra tự đáy lòng, chị cảm thấy ngượng. Không chỉ trong lần xe than đổ cho ông chủ nhiệm. Còn nhiều lần khác. Hôm đầu tiên đến bãi than phố Đà Nẵng với ông Hạp chị đã ngượng rồi. Hôm ấy chị đi đôi giày da cũ của một người bạn cho chị rõ ràng là quá rộng. Cánh thanh niên có mặt ở bãi thấy một phụ nữ trẻ trung xinh đẹp đẩy xe vào bãi, reo hò:

- Chào em gái xinh đẹp.

- Anh đã bảo em cứ ở nhà rồi anh mang tiền về, sao em còn ra đây làm gì? Nhớ anh quá hả?

- Ái chà! Lại đi giày bột-tin!

Lại một hôm đang đẩy đống than, thấy ông Hạp cầm cang ngoặt vào nhà một cô bạn, chị vội đội lên đầu cái khăn mặt tui thân đen nhem cho nó phủ kín trán, kín hai gò má và kéo sụp nón xuống che hết mặt. Chị bạn quát:

- Xe đổ vào góc trong cùng ấy. Góc bên phải cơ mà. Không nhìn thấy gì à? Bắn hết bếp rồi. Mấy tạ đấy?

Nguyễn Thị Hoài Thanh không nói một lời đến nỗi chị bạn gắt lên: "Cầm đây à?" Chị bạn không nhận ra chị vì chị đúng là "một con mụ bán than đen thui thui" từ nón đến giày bột-tin!

Vừa xe than, chị vừa đi tìm việc. Nhưng khi chị tìm được việc làm bên Quốc doanh đánh cá Hạ Long, người ta lại không cấp giấy giới thiệu cho chị mặc dù họ đã cho chị nghỉ việc để liên hệ chuyển công tác. Chị, chẳng quen ai, không biết trông cậy vào ai, đi lên sở lao động tìm gặp bằng được ông phó giám đốc. Ông phó giám đốc ủng hộ chị. Có áp lực của sở lao động, chị được cấp giấy giới thiệu, được đi làm bên Quốc doanh đánh cá Hạ Long. Nhưng người ta lại vin vào việc chị đã chuyển công tác để trục xuất chị khỏi khu tập thể. Một cuộc họp lãnh đạo công ty với khu tập thể có mời cả công an hộ tịch dự. Lập biên bản. Ra nghị quyết...

Hình như Nguyễn Thị Hoài Thanh sinh ra là để gặp những rắc rối, chịu đựng những rắc rối và vượt qua những rắc rối khó khăn. Chịu đựng và vượt qua

một cách thản nhiên bình tĩnh, không kêu ca như cuộc đời vốn là như vậy. Tốt nghiệp trường công nhân kỹ thuật Hải Phòng, chị ghi vào mục nguyện vọng: Tình nguyện đi bất cứ nơi nào trừ Hà Nội, Hải Phòng. Bởi vì lúc đó chị vừa li dị và mới sinh cháu gái đầu lòng. Bà mẹ trẻ tuổi hai mươi ấy không muốn gặp lại người chồng cũ và chỉ mong được yên tĩnh ở một nơi nào đó. Cầu được, ước thấy. Chị được về Cẩm Phả, coi một trạm điện đầu trục 2 thuộc mỏ Lộ Trí. Chị và cháu gái mới sinh ở ngay trạm, liền với *nhà đề-bô* rộng thênh thang, *nhà đề-bô* đã có người chết ở đó. Ngày ấy nơi đây là chim kêu vượn hú. Ngày ấy hai mẹ con suốt đêm nghe gió thổi qua mái *nhà đề-bô*, nghe mưa rơi, nhìn nước đổ như thác cuộn cuộn bên ngoài trạm... Thế rồi từ Cẩm Phả chị lại về Hải Phòng khi sóng gió trong lòng đã dịu. Rồi chị sang Kiến An. Chị về Vĩnh Bảo. Có biết việc gì không trải qua. Hãy kể những việc chính: Công nhân xi măng, thợ điện Hải Phòng điện khí, thợ điện công ty xây lắp, công nhân bốc lạp công ty xuất nhập khẩu, đứng máy bào cuốn xí nghiệp gỗ Trương Công Định, công nhân công ty xếp dỡ, cấp dưỡng công ty vật liệu kiến thiết, súc sặc ắc-quy Quốc doanh đánh cá Hạ Long... Đó là chưa kể còn đi giao bánh rán, bánh mì, kẹo lạc, làm và bán nước mắm... Đồng lương không đủ nuôi mình mà chị còn phải nuôi con. Cuộc sống tưởng chừng không có thời gian để thở, đó là chưa kể những chấn thương tinh thần sau hai lần li dị, ấy thế mà Nguyễn Thị Hoài Thanh vẫn làm thơ.

Cô gái ngay từ nhỏ đã có khí chất con giai này thực chất là đa cảm. Năm 13 tuổi bài văn xuôi đầu tiên được in trên báo Thế Kỷ. Năm 16 tuổi gửi thơ lên báo. Bài thơ không được in vì không chịu sửa theo ý biên tập. Bài thơ đầu tiên của chị được in trên báo Văn Học, cơ quan của hội Nhà Văn là bài Lán Mông Giăng (1961). Đắm mình trong những vất vả khó khăn của công việc, của một mình nuôi con nhỏ, của mối tình đầu tan vỡ, chị nghĩ tới một khung cảnh đêm ẩm có vợ có chồng và trong khi chị đang nằm ở lán Mông Giăng này, có một người ngoài kia nghĩ về chị và nói với mọi người *xin chớ ồn ào, để em tôi ngủ*.

Em tôi nào ngủ được. Bởi cô đơn. Bởi hoang vắng. Bởi *nhà đề-bô* tối om từng có người chết ở liền bên. Bởi những tia chớp rạch trời thoát hiện những khóm lau chìm trong bóng tối. Bởi bỗng một cánh tay đen sì từ *nhà đề-bô* thò vào cửa sổ (một công nhân lò Lộ Trí lên gọi điện thoại báo tin máy hỏng). Bởi bé Đan viêm họng sốt cao. Không ngủ được thì cứ nằm mơ ước... Nguyễn Thị Hoài Thanh làm thơ như một nhu cầu nội tâm. Chị làm thơ để trang trải nỗi lòng. Có một điều ngạc nhiên: Cuộc đời chị biết bao sóng gió mà thơ chị hồn nhiên trong trẻo thế. Chị có tài nhìn trong đồ vỡ để thấy được một cái gì vẫn là ấm áp như trong bài *Bão tan*:

*Cây trụi lá màu chiều say sắc trắng
Hàng dậu xô làng xóm xích gần nhau*

Ngày tháng đề dưới bài thơ này là năm 1967, nghĩa là lúc *Thị Hén* đang lâm nạn đuổi nhà.

Có lẽ đó không phải là cái tài của chị, mà chính là tâm hồn chị. Độ lượng, tha thứ, chịu đựng, vượt qua mọi gian lao và lúc nào cũng hướng về cái đẹp. Đọc lại những bài thơ của chị in rải rác trên các báo và tạp chí Văn Học, Văn Nghệ, Văn nghệ Quân đội, Cửa Biển và một vài tuyển tập, tôi lại có một "phát hiện" mới: Chị yêu Hải Phòng biết bao! Một Hải Phòng với những thành kiến, những trù dập, những nhọc nhằn kiếm sống, một Hải Phòng với những cuộc li hôn. Nhưng cũng là một Hải Phòng của thời thơ ấu, của những kỷ niệm không quên với bạn bè, của khát vọng vươn tới cái đẹp. Hải Phòng có bốn chiếc cầu ở bốn cửa thành phố thì hai chiếc đã nằm trong thơ Nguyễn Thị Hoài Thanh: Bài *Cầu Xi măng* và bài *Chợ Cầu Rào*.

Bài *Cầu Xi măng* như một bức thư gửi người anh trai đang sống ở Mỹ, ông Nguyễn Xuân Vinh. (Cũng không sợ lạc đề nếu nói ở đây rằng ông Vinh là một nhà bác học lớn của Nasa mà báo Lao Động đã viết một bài dài giới thiệu, ông đã từng chủ trì nhiều hội nghị không gian toàn thế giới. Trong cuốn tùy bút *Theo ánh tinh cầu* của ông có đoạn: "Cuốn sách tôi viết nói về quỹ đạo thu hồi một cách an toàn những phi thuyền không gian. Nhà xuất bản trước khi nhận in đã đưa bản thảo để lấy ý kiến của nhiều nhà khoa học. Tất cả đều đồng ý đây là cuốn sách độc nhất, với trình độ khoa học cao nhất viết về đề tài này." Không sợ lạc đề vì ông Vinh là nguyên nhân gây ra cái dư luận Hoài Thanh là em ruột Nguyễn Cao Kỳ.)

*Anh đã xa cầu xi măng
Ba mươi năm từ đó
Xa con sông quê nước lợ
Anh có mơ một lần*

sóng vỗ giấc mơ anh

*Cầu xi măng ơi cầu xi măng
Thuở bé em nhìn sang bên sông
Trời đất một vùng chim bay chim lượn
... Mẹ ơi cầu có tự bao giờ ? em hỏi mẹ
Mẹ bảo tuổi cầu cùng với tuổi anh...*

Còn đây là bài *Chợ Cầu Rào* chị khóc người em trai Nguyễn Xuân Đăng mai

táng ở nghĩa trang Ninh Hải (từ thành phố Hải Phòng phải đi qua Cầu Rào mới tới).

*Em nằm bên kia sông
Chợ Cầu Rào chiều hôm nắng tái
Qua chợ dùng dằng*

nửa muốn đi nửa toan ghé lại

Định mua quà cho em nhưng nào biết mua chi

*Em nằm ở bên kia
Bên đây chợ lao xao kẻ mua người bán
Chỉ một thứ chẳng ai cần bán mua là nước mắt
Em mặc cả với đời mang nó đi theo*

*Em nằm bên kia sông
Chợ Cầu Rào chiều hôm nắng tái
Đến thăm em chẳng cần vội vã*

ở nơi đó bao giờ cũng có thể có em

Đến thăm em rất cần vội vã

ở nơi đó bao giờ cũng không thể có em

Bài thơ chị làm trên đường sang nghĩa trang trong buổi sáng một ngày sau khi mai táng mà ta gọi là đi *quơ mộ*.

Không phải chỉ những cây cầu dính dáng đến những người thân mới làm Nguyễn Thị Hoài Thanh xúc động. Hải Phòng là thành phố của hoa phượng. Tháng năm rợp trời hoa phượng đỏ (Hải Như). Hoa như mưa rơi rơi (Thanh Tùng). Tôi nghĩ bài *Hoa Phượng* của Nguyễn Thị Hoài Thanh là một trong những bài đặc sắc nhất về đề tài này :

*Hoa rong chơi từ mùa thu năm ngoái
Hôm nay nghe phố gọi rủ nhau về*

*Gió đã mở nắng đã vàng đã chín
Hồn đã say chân đã bước đình ninh*

*Trong ngát ngây như có ai cuối phố đợi mình
Ai hát nữa điều gì thao thức lạ*

*Hoa khờ dại cháy mình trong nắng hạ
Để thu về tan tác cả lòng ai*

Hình như một kỷ niệm đang trở về cùng chị. Hoa phượng đã làm chị nhớ lại.

*Trong ngát ngây như có ai cuối phố đợi mình
Ai hát nữa điều gì thao thức lạ*

Lại nghĩ đến hai câu thơ của Thi Hoàng :

*Một đầu đường không có ai trông ngóng
Một buổi chiều không biết cất vào đâu*

Để thấy những ngày Hoa Phượng ấy của Nguyễn Thị Hoài Thanh là như thế nào. Rồi chị thương hoa khờ dại cháy mình. Và lại thương ai. Tôi cứ nghĩ rằng chị tự thương mình. Chị thương chị. Hình như chị đã yêu, tình yêu chỉ tồn tại có một mùa hoa phượng. Nó đã qua rồi. Cùng phượng. Tôi lặng người khi đọc những vần thơ của chị viết về nỗi cô đơn :

*Sau hồi kể tan ca
Tôi ngã vào vòng tay lạnh lẽo của mùa đông*

Tan ca. Ra về. Chỉ là lạnh lẽo một mùa đông chờ đợi. Bởi vậy khi có người hẹn đến chơi, niềm vui tràn lên đầu lưỡi, không có ai để chia sẻ, mà không thể không trò chuyện. Thì *Nói chuyện với mèo*:

*Mèo ơi! Mèo có biết
Có người sắp đến thăm ta*

Thời gian đợi bạn không phải là thời gian vẫn đến và vẫn đi nữa :

*Ngày phập phồng như thể có tâm hồn
Đêm trần trọc đợi mặt trời thở gấp*

Bạn đến. Bạn tâm sự. Rồi bạn đi. Ngay cả con mèo chị nuôi vẫn quanh quẩn bên chị cũng nhảy sang nóc nhà hàng xóm với bạn nó. Thì chị tâm sự với mình. Với cây. Với hoa. Điều ấy chị đã quen rồi. Chị thương yêu tất cả. Chị

thương cả con bò người bạn chị dắt đi trên đường phố. Chị chào người bạn
chăn bò vất vả để thêm vào đồng lương hưu ít ỏi rồi chị trò chuyện với bò.
Chào bò bằng một cái nhìn nhưng bò chẳng nhìn đáp lại:

*Có lẽ chú tưởng tôi là gốc cây
Với tâm hồn gỗ
Hay ngỡ tôi là cột điện
Trái tim sỏi trộn xi măng*

Chị thương móng chân bò dẫm trên đường nhựa, thương đôi tai bò không
được nghe tiếng hát cỏ xanh. Và không chào bò bằng mắt nữa, chị cất thành
lời :

Chú bò ơi !

Chú đi như tù binh

đi về đâu

tới lò sát sinh hay ra đồng ruộng

đi về đâu

tới ngã ba đường tôi với chú chia tay

đi về đâu

tôi biết rồi đấy nhé (...)

Người rủ rỉ tâm tình là thế. Nhưng bò vẫn đi. Vẫn không chịu tham gia vào
cuộc đối thoại với người.

Người đi. Mèo đi. Bò đi. Có chân là đi. Chẳng chịu nghe chị, trò chuyện với
chị. Thì chị trò chuyện bầu bạn với những gì không đi được. Từ ngày
chuyển về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, làm việc súc sặc ắc-quy (một công
việc rất độc hại) chị có một người bạn mới: Sông Cẩm, dòng sông có "những
cánh buồm nâu không địa chỉ ":

*Sông Cẩm ơi ! Sông như người bạn mới quen
Thân thiết thế mà sao không hiểu được
Chiều tan ca tôi đi bên dòng nước*

*Sông với tôi với bóng là ba
Bóng tôi nghiêng với bao la
Sông mang về biển
Bóng tôi còn nguyên vẹn không sông?*

(Xin mở một ngoặc đơn: Mong ước mình là mình, điều ấy là của nhiều người. Nhưng mong ước cái bóng của mình còn nguyên vẹn khi dòng sông đã mang ra biển thì có lẽ chỉ có Hoài Thanh).

Hơn mười năm sau, vẫn cái nhìn ấy với sông, với cây và với phố. Lần đầu tiên thân gái dặm trường, bước chân vào cao nguyên Đắc Lắc, tối rồi, chưa có chỗ nghỉ lại không một người quen, chị đã có ngay một người bạn mới: Một phố nhỏ giữa cao nguyên hùng vĩ. Không những thế chị còn nhận diện được người bạn này, nó giống ai, bao nhiêu tuổi:

*Phố như con của mùa Đông
Vừa mới sinh ra ban nầy*

Chị tới cao nguyên tìm đường đưa con gái và cháu ngoại vào sinh sống. Cũng như chị ngày trước, con gái chị đã li dị. Chị đi nhờ xe vào "trình sát" rồi ra Hải Phòng trông cháu cho con gái vào gây dựng cơ sở. Tôi chép lại toàn bộ bài *Cháu Liên Chi* để thay cho những lời dài dòng của tôi về thời gian chị đã làm bà:

*Bố mẹ chia tay từ đó
Về đây cháu ở với bà
Hai gian chông chênh đầy gió
Sớm chiều bà cháu vào ra*

*Đêm gối tay bà cháu hỏi
Mẹ sao đi mãi đi đâu
Thương cháu lựa lời bà nói
Thương bà cháu vuốt tay đau*

*Cha cháu giờ này ở quán
Mắt ngầu be rượu chên chao
Tình thương cạn kiệt đáy cốc
Môi khô triết lý khô theo*

*Mẹ cháu miền Nam xa lắc
Suất tàu dành cả đời bà*

*Nửa đêm nhọc nhằn tráng bánh
Sáng còn đi chợ đường xa*

*Bao giờ mẹ cháu gửi ra
Suất tàu cho hai bà cháu
Bấy giờ lại được ra ga
Tay xách làn tay dắt cháu
Bóng bà bóng cháu nương nhau*

*Miền Nam có thương thì đợi
Tuổi bà mới ngoài năm mươi*

Năm ấy chị mới ngoài năm mươi. Năm nay chị đã ngoài sáu mươi rồi. Không thể tay xách làn tay dắt cháu, bóng bà bóng cháu nương nhau được. Một tai nạn ô tô đã làm chị tàn phế một tay. Tai nạn xảy ra ngay Ngã Sáu, gần nhà tôi. Chị nằm ngất trên đường mưa dầm ngày tết, mặt đường nhựa sên sệt một thứ nước bùn hoa. Cánh tay đập nát, xương gãy. Nhưng không thể bó bột vì bùn hoa dính vào thịt gây nhiễm trùng dẫn đến hoại thư. Hàng ngày bác sĩ làm vệ sinh vết thương bằng nước, bằng ô-xi già và lấy kéo cắt đi những mẩu thịt nhiễm trùng. Chị cắn răng chịu đựng. Lại còn nhớ đến một truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan khi nghĩ rằng mình bị tàn tật cả đời: *Cái vốn để sinh nhai*. Nhớ lại để cười. Bởi vì từ nay chị cũng có cái vốn như người tàn tật ấy.

Chị bảo người nhà xin cho người tài xế đã gây ra tai nạn khỏi bị truy tố " vì người ta không cố ý, người ta cũng khổ như mình ". Chị gần như không nhận tiền nong quà cáp của bè bạn, của những người thân. " Bởi vì anh ạ, nợ ân tình làm sao tôi trả được." Ban đêm chị tự phục vụ dù một tay đã đập nát. (Hai đứa con gái, một mới sinh, một sắp ở cữ, chị bắt chúng phải về nhà.) Chị bảo chúng mang cho chị mỗi ngày ba cặp lòng com và muối vừng để chị ăn vào ba bữa sáng, trưa, chiều. Nằm gần như bất động, chị xúc từng thìa. Ăn như một nhiệm vụ, như một người cần hồi phục, cần phải sống. Như một cái gì phải vượt qua. Những cô con gái nhăn nhó hỏi mẹ:

- Con hỏi bác sĩ rồi. Mẹ không phải kiêng gì cả. Sao mẹ lại cứ ăn vừng ?

- Mẹ thích ăn vừng.

Chị nói vậy. Bởi chị biết các con chị đang rất khó khăn. Chị thương chúng. Chúng là cuộc sống của chị. Ngày chúng còn thiếu nữ, nhìn chúng cắp sách đi học hay nằm ngủ bên nhau, một nỗi sợ trào lên trong lòng chị khi chị nghĩ đến một ngày chúng mồ côi mẹ:

Rồi mai đây khi mẹ vắng ít ngày
Các con ơi đêm mùa thu gió lạnh
Ngủ nhớ đắp tằm vô chăn cho ấm
Cửa sổ mở ra cho thoáng gió nghe con
Biết bao lo âu lòng mẹ ngày đêm
Từ khi các con còn là giọt sương trong lòng mẹ
Nếu như mẹ ra đi khi chưa kịp làm bà
Thì đêm đêm mẹ vẫn ru những đứa cháu ra đời trong giấc mộng
Tình thương lớn không thể đo bằng năm tháng (...)
(...) Đừng khóc con ơi !
Mẹ ra đi như đêm tối
Bước lặng thẳm như thể bóng đêm thôi
Mẹ lại về trong tiếng chim rơi
Trong làn khói cơm thơm lửa reo bếp nhỏ
Lời mẹ chuyện trò lao xao trong lời gió
Bóng mẹ ra vào trong bóng lá xanh tươi
Có những món nợ nần mẹ phải trả bằng đời
Một bài thơ về cầu xi măng
Chiếc cầu tuổi thơ đưa mẹ qua con sông nhỏ
Một cây mướp con trồng

ngọn trườn lên cửa sổ

Lá tay xinh quăn quít song tre.

Thật may. Chị nghĩ. Bánh xe chỉ lăn qua bắp tay. Nếu nó lăn thêm một chút nữa sẽ đè dập ngực chị. Chị sẽ chết. Và nếu vậy các con chị thừa hưởng những gì ở chị ?

Không có gia tài để lại cho con
Chỉ có nước mắt rơi và ngày vui chưa trọn
Và thơ cười

đi suốt những đêm đau

Nguyễn Thị Hoài Thanh đã xuất viện. Chị vẫn sống. Vẫn vào Nam đi mót. Vẫn ra Bắc nâng giấc phụng dưỡng mẹ già chín mươi tuổi bằng một tay duy nhất còn lành lặn. Chị sống dai dẳng. Hài hước. Khỏe mạnh. Và vẫn làm thơ. Đời Nguyễn Thị Hoài Thanh chưa lúc nào yên tĩnh. Tuy vậy chị vẫn có thời gian nghĩ đến *Kiếp sau*:

*Kiếp sau nếu được làm chim
Tình thương đang dở bay tìm nơi nơi
Giương cung*

đừng nhé người ơi

Vết thương thuở trước luân hồi còn đau.

14-1-1999

[*] Tên một tiểu thuyết của Simonov

Rừng xưa xanh lá

Phần VI

Quyển sách tặng Định

Có những lúc không muốn gặp bất kỳ ai, kể cả những người bạn đã từng chia sẻ mọi chuyện vui buồn. Và hình như bạn cũng vậy. Gặp. Nhìn. *Những cái nhìn cày nát cả mặt nhau*. Như thơ Thanh Tùng. Còn nói? Nói gì? Vốn đều rất trung thực nên lại càng không thể mở miệng. Thậm chí hỏi thăm tình hình vợ con bạn sinh sống ra sao cũng không muốn. Hỏi làm gì? Thừa biết sống khó khăn. Hỏi làm gì khi không thể giúp được nhau. Vật chất đã hằn. Một câu động viên thôi cũng không thể cất thành lời. Bởi vì bạn cũng như mình đều quá hiểu, quá thuộc những cụm từ loại ấy.

Riêng tôi một thời gian dài khi lên Hà Nội còn ngại gặp bạn vì một lý do khác nữa. Nhà các bạn tôi trên ấy bao giờ cũng là nơi lui tới của những người làm báo, những người viết văn, những đạo diễn, diễn viên, những người làm nghệ thuật, nghĩa là những văn nhân tài tử. Câu chuyện của họ, giữa họ hoàn toàn xa lạ với tôi và nếu vẫn có một liên hệ gần gũi nào đó thì ở chỗ nó chỉ rõ cái chết của tôi, tôi chỉ còn là một cái xác biết ăn uống đi lại...

Ở nhà Hứa Văn Định nhiều lần tôi đã ngồi im trên chiếc ghế đặt lạnh ở một nơi nghe họ nói. Những câu chuyện về nghệ thuật, những câu chuyện về những người làm nghệ thuật, toàn những điều cao siêu. Họ nói và hoàn toàn không để ý đến sự có mặt của tôi dù Định đã giới thiệu tôi với họ. Cái tên

tôi, cái địa danh Hải Phòng chẳng gọi một ý niệm gì. Tên người, tên đất ấy đầy tính vô danh tính lẽ. Sự có mặt của tôi cũng chẳng hơn một củ khoai trong đồng khoai mới rở ở đồng đất Thái Bình người ta mang lên tặng Định. Tất nhiên tôi buồn. Ý nghĩa của sự tiêu diệt thật thấm thía, trọn vẹn, hoàn hảo. Chắc chắn Định biết những gì tôi đang nghĩ. Anh vẫn tiếp chuyện những khách của anh sôi nổi vui vẻ và thỉnh thoảng lại đưa mắt về phía tôi như muốn nói: Chịu khó ngồi một tý nữa nhé. Thông cảm với mình. Khi khách ra về, Định đối với tôi thật ân cần dịu dàng. Anh lấy rượu Tây ra mời tôi, anh kéo tôi đi chơi phố, vào hiệu giải khát hay ăn cơm tiệm. Nhà Định ở ngay Cửa Nam, đầu đường Điện Biên Phủ, thuộc trung tâm Hà Nội. Nói cho đúng đó là nhà của bố mẹ vợ anh, trước đây anh vẫn sống trong một phòng của cái biệt thự ấy, chung với cả nhà. Nhưng giờ đây anh đã có một gian riêng cho mình. Một gian xây trên ô đất ngăn cách đường phố với tường nhà, một ô đất chạy ngang đầu hồi ra tới tường bao làm cho ngôi nhà trở thành biệt thự. Ngăn mới xây ấy ngay đầu cổng, hoàn toàn riêng biệt. Đặt một bộ xa-lông song mây với nhiều ghế con để có thể chứa thêm, tiếp thêm, mời ngồi thêm những người mới đến, những người đến sau... Một cái giường liền đó, rồi một cửa hậu đi ra một mảnh sân rộng hơn chiếc chiếu còn nguyên một cây cỏ thụ. Và cuối cùng là một cái toa-lét rất hẹp. Dù nước cực kỳ khan hiếm, Định cũng không cho tôi đánh răng rửa mặt ở nơi công cộng phía trong. Anh chịu khó hứng nước, xách nước từ vòi nước chung trong ngôi nhà đang trĩu xuống vì tải trọng các hộ, các khẩu, cái vòi nước rò từng giọt lúc ban ngày và chỉ về đêm mới có nước chảy, xách từng xô vào cái toa-lét sơ sài cho tôi dùng. Một kỳ công.

Vốn là người giao tiếp rộng, lúc nào cũng có chề móc câu cũng như thuốc lá và nhiều khi cả Johnnie Walker nữa nên nhà Định rất ít khi vắng khách. Anh là chủ cái vương quốc riêng biệt ấy. Chị Hoà, vợ anh chỉ xuất hiện như một cái bóng khi cần tiếp thêm nước sôi, hay pha vài cốc nước mát. Hoặc bung mâm lên cho chồng ăn cùng với khách. Chúng tôi có nói lời cảm ơn về sự chăm sóc của chị đối với chúng tôi, hoặc trêu chọc chị, chị chỉ cười. Tôi ít thấy nụ cười nào hiền hậu đầm ấm đến thế như nụ cười của chị.

Ngày ấy Hứa Văn Định in nhiều. Nhưng anh không tặng tôi sách và cũng không đưa cho tôi xem bản thảo. Anh biết tôi không thể nào đọc được dù là sáng tác của anh. Chỉ bắt đầu từ *Sống trên điểm chết* anh mới tặng sách tôi đều đặn. Hình như anh biết tôi đã *tập đọc* trở lại. Tôi đọc một mạch hết quyển truyện. Với tôi đó là một trong những quyển tiểu thuyết hay nhất những năm 80, một trong những thành tựu xuất sắc trong thời kỳ bắt đầu đổi mới, nó báo hiệu rằng sẽ có những *Nỗi buồn chiến tranh*, *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *Bến không chồng*. Thời gian ghi khi Định hoàn thành quyển tiểu thuyết: 1986. *Sống trên điểm chết* được nhà xuất bản Giao thông vận tải

in lần đầu với số lượng 15.000 bản, một *tirage* bây giờ nằm mơ cũng không thấy. Đã lâu lắm rồi văn chương Việt Nam mới có một quyển tiểu thuyết nói về chiến đấu, về đời sống, về quan hệ giữa người với người một cách chân thực đến thế.

Quyển tiểu thuyết viết về những cô gái thanh niên xung phong đảm bảo giao thông trong chiến tranh chống Mỹ ở Trường Sơn. Và những ngày hoà bình sau đó. Những cô gái hy sinh. Những cô gái còn sống khi gặp một chàng lái xe rủ nhau lãng đãng đi *cho con Tuy kiếm tí. "Nhưng mà đây chúng em gọi là hạnh phúc. Hạnh phúc của những người biết hạnh phúc chẳng bao giờ đến với mình nữa, kiếm lấy đưa con để sau này dựa vào nó mà sống..."* Và ít ngày sau cái cô Tuy ấy reo lên: *"Hoa ơi. Tao tắt kinh rồi...Liệu trước đi, chứ ngộ nhờ sống được, đến lúc về già lại chỉ trơ một mình thì khiếp lắm. Mà chưa biết nói cái cảnh quá lứa chúng tao..."*

Nhưng quyển truyện đâu phải chỉ có các cô gái. Còn một xã hội phía sau. Những đại tá Tỷ có biệt danh là đại tá nướng quân, nịnh hót bộ đội, vu cáo thiếu tướng chỉ huy mình hủ hoá để mình thế chân, đeo quân hàm thiếu tướng. Lần đầu tiên có một quyển tiểu thuyết đề cập đến những vấn đề nhức nhối của xã hội. Một ông bí thư huyện uỷ, chủ tịch huyện đồng thời cũng là một Lý Thông. Anh vạch ra cái sức mạnh đồng tiền nó chi phối những suy nghĩ, hành động, thậm chí cả chiếc ghế của những cán bộ cao cấp. Chúng ta đã nghe nói thành vắn thành về về bốn người đàn bà, bốn mệnh phụ Hà Nội buôn lậu vàng, kim cương, đô-la xuyên quốc gia. Những điều *nhất nọ nhì kia tam này tứ ấy* được mô tả trong *Sống trên điểm chết*. Đành rằng cho đến hôm nay đã có nhiều truyện ngắn truyện dài đề cập đến những tệ nạn xã hội, nhưng hãy nhớ rằng *Sống trên điểm chết* được viết năm 1986. Và lại cái hay của tác phẩm không phải ở đề tài. Nó nằm trong những trang thâm trầm tình người, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên một mảnh đất nhỏ giữa Trường Sơn, nơi tám trăm chín một người đã ngã xuống, nó đặt ra bao điều suy nghĩ về cuộc sống, một cuộc sống hôm nay ta đang đối diện mà Hứa Văn Định đã gióng lên hồi chuông cảnh báo từ non hai mươi năm trước.

Tôi lật bìa bốn quyển truyện. Kín bìa bốn là những gạch đầu dòng với những tên sách đã xuất bản, tên kịch bản đã được dựng thành phim của Hứa Văn Định. Đến lúc ấy tôi mới biết Định đã in nhiều đến thế. Gặp lại tôi khi tôi đã đọc xong tập sách, biết rằng đây là lúc thuận tiện nhất để nói, anh khuyên tôi:

- Ông viết đi. Tôi nói thật, ông không viết là một sai lầm.

Tôi cười:

- Mình sẽ viết. Đọc ông mình lại muốn viết.

Câu trả lời của tôi làm anh cười đắc thắng:

- Tôi đã nói mà. Thế nào ông cũng lại viết mà. Ông bỏ làm sao được.
 Đã nhiều lần Định khuyên tôi viết. Tôi chỉ cười trừ hoặc lắc đầu. Có lần tôi còn khùng lên với anh:

- Thằng gàn. Đất nước này không cần đến văn chương mà cần sự thay đổi.
 Định im lặng. Tôi cảm thấy mình có lỗi với bạn:

- Sau những gì đã trải mình không thể đọc được. Đừng nói viết.
 Định thở dài:

- Ông hơi cực đoan. Tôi hiểu sự cực đoan của ông. Nhưng ông không thể không viết. Rồi ông xem tôi đúng hay sai.

Cho đến bây giờ, thời gian càng chứng tỏ Định hiểu tôi hơn tôi. Anh nhìn rõ những gì đang chảy trong huyết quản của tôi. Và anh kiên trì thuyết phục nhắc nhở tôi về món nợ đời tôi phải trả. Khi anh xuống Hải Phòng hoặc tôi lên Hà Nội, gặp nhau, thỉnh thoảng anh lại nói gần nói xa tới chuyện tôi phải viết và lần nào anh cũng tìm được lúc thích hợp nhất để nói. Sự rụt rè tế nhị của anh làm tôi cảm động.

Định đánh giá cao khả năng sáng tác của tôi, một sự đánh giá theo tôi, cao hơn thực tế. Nhiều người viết văn, làm thơ Hải Phòng lên Hà Nội đến nhà Định chơi đều được nghe những lời Định nhận xét tốt, thậm chí có phần hơi quá mức về tôi. Họ nói lại với tôi tất cả. Tôi thầm cảm ơn bạn và hơi ân hận về những lời lẽ đôi khi gay gắt của tôi khi cùng anh bàn luận văn chương.

Định muốn tôi viết lại hình như còn vì anh mang một cái gì giống như sự phần uất thay tôi. Sự phần uất mỗi khi thấy tôi ngồi lảnh ra trên cái ghế ở góc nhà anh, im lặng nghe người ta sôi nổi tranh luận về những điều cao siêu của nghệ thuật. Anh không muốn tôi bị khuất chìm trong bóng tối. Sự phần uất mà anh đã một lần bộc lộ ngay ở nhà tôi. Đó là thời gian cuối những năm 70, tôi đã ở tù ra, và nhờ ông Hoàng Hữu Nhân, tôi đã được đi làm ở xí nghiệp đánh cá. Chiến tranh đã kết thúc. Hoà bình đã lập lại, đất nước đang đi đến thống nhất (tất nhiên về mặt hình thức, còn nội dung đã thống nhất lâu rồi). Thời gian *miền Nam nhận họ miền Bắc nhận hàng* ấy, phương tiện, thủ tục đi lại giữa hai miền Nam Bắc rất khó khăn, tốn kém. Xí nghiệp tôi làm lúc đó -Quốc doanh đánh cá Hạ Long- có vài chục con tàu đánh cá suốt hai miền Nam Bắc, nên thỉnh thoảng lại có người đến nhà tôi nhờ tôi về chuyện đi lại, mỗi khi họ biết có một con tàu sắp vào đánh cá tại vịnh Thái Lan hay tới Sài Gòn tiếp dầu nhận cá từ những con tàu bạn.

Hôm ấy Định xuống chơi nhà tôi và anh đã chứng kiến cảnh hai ông khách đến gặp tôi để tìm cách đi nhờ tàu cá. Đó là một người làm thơ đã có thơ đăng báo và một anh thợ ảnh. Anh làm thơ thì biết tôi từ trước, hiểu tôi là một kẻ thất thế đã xa rời văn chương và thật phúc tổ lại được đi làm lợ mợ ở một nơi toàn mùi tanh của cá nên tranh thủ trong câu chuyện xã giao, nói với tôi những chuyện thời sự trong văn chương nghệ thuật khiến tôi rất kính nể

và đánh giá anh cao chứ không như hồi trước. (Khi mình bị hắt ngã, người ta vẫn cứ tiến. Mình trở thành lạc hậu, đời đúng là như vậy.) Và trong chuyện nhờ vả, anh vừa có vẻ tôn trọng vừa có vẻ bề trên, đại loại như thế nào anh Tấn nhỉ, tất nhiên là chúng tôi sẽ có đủ thủ tục, giấy tờ của nhà trường (anh làm thơ là một giáo viên) giấy của chi hội văn nghệ. Anh xâu đầu mỗi bố trí cho chúng tôi trực tiếp gặp giám đốc thì rất cảm ơn anh, coi như chúng tôi đi thực tế dưới tàu, thế lại hay đấy anh ạ. Chắc chắn chúng tôi sẽ có thơ, có cả ảnh đăng báo nữa...

Anh thợ ảnh với vẻ của một người khai hoá, giảng cho tôi vì sao các anh lại muốn đi tàu cá. Không phải vì sợ tốn kém hay không lấy được vé, đi tàu thủy Thống Nhất hay đi tàu hoả cũng được thôi. Nhưng... Anh rít lên một thứ âm thanh the the:

- Chúng tôi văn nghệ sĩ mà. Điều ưa thích nhất đối với văn nghệ sĩ chúng tôi là thoải mái mà.

Tôi rất hoang mang sợ hãi. Những tiếng *văn nghệ sĩ mà, thoải mái mà* của anh ở cung bậc cao làm tôi nổi da gà:

- Vâng. Vâng. Các anh có xuống tàu cá thì cũng không phải là hành khách, mà là người nhà. Chỉ riêng chuyện không phải trông nom hành lý cũng đã thoải mái rồi.

Anh thợ ảnh, phải, đúng là một anh thợ ảnh xịn, một thợ ảnh *trăm phần trăm* (sau này tôi đã thấy anh hành nghề ở vườn hoa và một vài cái đám cưới tôi có được mời cũng như đám ma tôi đến viếng), anh thợ ảnh mặt dẫn ra khi thấy tôi sớm nắm bắt được cốt lõi của vấn đề, việc khai tâm của anh lại nhanh chóng đạt kết quả như vậy, hẳn là tên đánh cá này sáng dạ:

- Chí phải. Chí phải. Chúng tôi cần nhất sự thoải mái. Văn nghệ sĩ mà...

Đến đây dường như nhà thơ thấy cần chen vào câu chuyện. Anh nói to nhắc anh thợ ảnh:

- Anh Bùi Ngọc Tấn đây!

Cái tên ấy chẳng là cái đình gì với anh thợ ảnh. Nó quá bình thường. Anh thợ ảnh vẫn tiếp tục giảng cho tôi về những phẩm chất rất khác thường, rất đặc biệt của văn nghệ sĩ đó là sự tự do thoải mái, *điều không thể thiếu được là sự thoải mái, chúng tôi văn nghệ sĩ mà*, khiến anh làm thơ vội nói một cái tên khác của tôi:

- Anh Tân Sắc đây!

Tân Sắc là tên tôi vẫn ký khi làm báo. Cái tên này nghe có vẻ hơn, nhưng anh thợ ảnh nào có biết Tân Sắc cũng như Bùi Ngọc Tấn là ai nên vẫn tiếp tục bài giảng về phẩm chất của văn nghệ sĩ.

Hứa Văn Định đột ngột đứng dậy. Tôi vội đưa mắt cho anh. Tôi sợ anh vắng ra một câu gì đó. Tôi muốn nói với anh: Định ơi. Cứ ngồi yên. Những chuyện như thế này mình quen rồi. Thậm chí có người nhờ vả mình lại thấy

vui, vì người ta vẫn nhớ đến mình và mình vẫn được coi là có ích. Hình như Định cố nén một cái gì đó trong họng. Anh chỉ làm ra vẻ sốt ruột đi đi lại lại trong buồng, một cái buồng hẹp lúng củng những giường bàn ghế... Chỉ riêng bộ xa-lông gỗ gỗ tôi mới nhờ anh em thuỷ thủ mua ở Hố Nai sáng trưng cả căn phòng cũng đủ làm những người đến nhờ tôi tin rằng họ đã đến đúng nơi cần đến. Đi lại một lúc Định lại ngồi xuống. Cũng như ở nhà anh tôi ngồi riêng ra một chỗ, Định ngồi một mình trên chiếc giường ba xà, không tham gia vào câu chuyện.

Anh nhà thơ dường như cũng hiểu tình trạng trở trêu khi bạn anh cứ tiếp tục bài giảng về phẩm chất văn nghệ sĩ cho tôi nghe, và để kết thúc câu chuyện, với giọng nài nỉ, anh nói: anh cố giúp tôi, nói với xí nghiệp cho chúng tôi đi nhờ, lấy vé tàu Thống Nhất vừa tôn vừa châu chực suốt ngày đêm mà chưa chắc đã lấy được. Bao nhiêu vé vào tay con phe hết, còn lấy vé chui thì chúng tôi không đủ tiền... Thế là anh thợ ảnh lại nói:

- Chúng tôi nghèo lắm. Văn nghệ sĩ mà. Lấy đâu tiền mua vé chui.

Tôi hoàn toàn thông cảm với anh điều ấy:

- Vâng. Văn nghệ sĩ thì nghèo rồi.

Anh nhà thơ lại cau mặt nhìn anh thợ ảnh. Khi hai anh ra về chúng tôi phá lên cười. Định bỗng nghiêm mặt và bùng bùng phần nộ:

- Ông vẫn có những ông khách như thế này đây à?

- Còn hơn thế. Đây dù sao vẫn là những người tôn trọng mình. Dù sao người ta cũng đến nhờ vả mình. Có những người chỉ hăm dọa bóng gió và đặt điều vu cáo mình nữa cơ.

- Cái ông *văn nghệ sĩ* ấy là ông gì?

Tôi nói cho Định biết đôi điều về ông thợ ảnh, người tôi đã thuê in tráng cuộn phim tôi tập chụp bằng máy ảnh Konica tự động của xí nghiệp để hoàn chỉnh cho nghề thi đua *cờ đèn kèn hoa* của tôi.

- Còn ông kia?

Tôi nói tên nhà thơ.

Định gật gù:

- Mình có đọc một hai bài của nó in trên báo. Mình nghe nói thằng này toàn ký tên học sinh để dễ được đăng. Thơ của nó cũng đặt dưới mức khu phố trên mức tiểu khu đấy.

- Nó biết mình nên không đến nỗi như ông chụp ảnh.

- Nhưng cũng phải nói thẳng với nó rằng nó không được phép dặt những thằng như thế đến gặp ông. Trước khi đến, chúng nó phải biết rằng sẽ đối thoại với ai chứ!

Định nổi đóa lên thực sự. Tôi biết anh thương tôi, anh đang đau nỗi đau của tôi. Nỗi đau trước việc tôi đã mất chỗ đứng dưới ánh mặt trời, tôi đã chìm vào bóng tối.

*

Tôi quen Hứa Văn Định khi anh từ bộ đội chuyển về nông trường bông Gia Lâm, nông trường đầu tiên của miền Bắc sau chiến tranh chống Pháp kết thúc. Đó là vào khoảng mùa đông năm 1955. Tôi, khi ấy làm phóng viên báo Tiền Phong về đó viết bài. Chuyển đi có ba ấn tượng tôi không quên được:

1-Chiếc máy cày với hàng lưỡi cày sáng loáng vật đất lên phá băng những bờ ruộng ngăn cách, tư hữu của nông dân ngàn đời cá thể, biến những ô ruộng nhỏ manh mún tiểu nông thành cánh đồng bao la của một nông trường mà chỉ hai tiếng *nông trường* thôi cũng đã đồng nghĩa với khát vọng đã biến thành sự thật, một thiên đường đang đến. Trên cánh đồng nông trường mới hình thành, tiếng máy cày gọi nông dân quanh vùng kéo đến phấn khởi nô nức như một ngày hội lớn. Họ đến để xem, để nhìn tương lai của họ.

2-Những chị công nhân nông trường cấp ngang sườn những cái rá đựng một thứ gì mang một màu trắng tinh khiết. Đó là phân đạm. Các chị bốc từng nắm, vung tay vãi trên cánh đồng đất vừa cày. (Một kiểu bón phân chẳng khoa học tý nào, sau này tôi mới biết như vậy.) Lần đầu tiên tôi trông thấy một thứ phân không có mùi hôi thối, trắng như đường kính, sạch đến thế, vẫn minh đến thế, tinh chất nhẹ nhàng đến thế. Thôi nhé! Vĩnh biệt những gánh phân bắc ủ đất ủ tro, những gánh phân chuồng lẫn bao rơm rạ trĩu vai kiu kịt...

3-Ấn tượng thứ ba là cuộc đối thoại giữa tôi và Hứa Văn Định, anh cán bộ kỹ thuật của nông trường. Chung quanh anh là những đĩa hạt bông đang lên mầm, dài ngắn khác nhau. Anh cùng một số người nữa cũng trẻ như anh, cũng mặc quần áo bộ đội như anh, đang cầm những con dao nhỏ, mảnh, bổ tách những hạt bông đen và ngắm nghía cái lõi xanh xanh của nó.

Tôi tự giới thiệu và xin được làm việc với anh, nói rõ phần viết về anh là dành cho cái kết: Những người lính rời tay súng bước sang mặt trận mới, mặt trận kinh tế, mặt trận khoa học kỹ thuật, những người xây dựng nông trường đầu tiên trong cả nước.

Định từ chối thẳng thừng đề nghị của tôi:

- Mời anh lên làm việc với trưởng phòng.

Tôi vẫn lễ phép:

- Thưa anh. Chính đồng chí trưởng phòng giới thiệu tôi đến gặp anh.

Định rất thành thật:

- Thế thì trưởng phòng nhầm rồi. Trước tiên là tôi không biết kỹ thuật. Tôi làm việc này hoàn toàn bất đắc dĩ. Một bước đệm khi ra khỏi bộ đội thôi.

Thật mà.

Cuộc phỏng vấn không thành. Ít ngày sau tôi sang bộ Nông Lâm làm việc (tôi là phóng viên nông thôn báo Tiền Phong, hay sang đây nắm tình hình và

gặp các cộng tác viên Dương Hồng Hiền, Lã Xuân Đĩnh..., những kỹ sư đồng thời là thủ trưởng của những vụ chủ chốt ở bên ấy đặt bài) và gặp Hứa Văn Định ở toà soạn báo Nông Nghiệp có trụ sở ngay trong bộ. Anh đã làm phóng viên ở đấy.

Thế là chúng tôi cùng là đồng nghiệp. Và kết bạn. Rồi thân nhau. Vì cùng chí hướng, cùng khát vọng. Vì tuổi trẻ. Tôi và Định có những việc xảy ra trong đời gần như trùng nhau. Chúng tôi cùng yêu vào một thời gian. Cùng cưới vợ một năm. Cùng sinh con đầu lòng một năm. Thời gian yêu thâm câu thơ Lê Đạt:

*Có yêu nhau mới thấy phố phường là bé
Đi đâu cũng gặp người quen*

Thật may, Định có một cái ngách áp mái trên cầu thang tầng thượng một căn nhà ở phố Lò Đúc, chẳng biết thuê lại của ai. Đó là thiên đường gặp gỡ giữa Định và Hoà. Và những khi hai người không hò hẹn nhau ở đấy, Định giao chìa khoá cho tôi. Nó trở thành thiên đường của hai vợ chồng tôi thời còn đang yêu, thời còn chưa cưới. Để tới được thiên đường, chúng tôi phải đi qua cửa một căn buồng rộng, tiêu chuẩn hoá ở tầng hai trước khi lên thang, cái cầu thang dẫn tới ngách áp mái. Chủ căn buồng là một phụ nữ đã có tuổi sống độc thân rất quý chúng tôi cũng như quý Định và Hoà: Bác Thế. Chúng tôi bên nhau *đôi lứa thần tiên suốt một ngày (Huy Cận)* trên cái ngách xép của Định. Chúng tôi kéo xuống phòng bác Thế, nghe bác kể chuyện thời bác còn là nữ sinh trung học, ăn bánh su sê bác làm. Món quà quý nhất là toàn bộ tập *Một nghìn một đêm lẻ* in thời Hà Nội tạm chiếm mà bác cho chúng tôi mượn đọc. Lần đầu tiên tôi được tiếp xúc một cách trọn vẹn với tinh hoa ấy của văn hoá nhân loại. (Cũng xin mở một ngoặc đơn rằng tôi cứ đinh ninh bác Thế đã mất từ lâu mà không biết rằng bác vẫn còn sống. Định chết, bác biết tin nhưng đã yếu, không thể đến thắp hương ở bàn thờ Định được.) Cũng có khi cả bốn chúng tôi, nghĩa là Định, Hoà, tôi và vợ tôi bây giờ cùng tụ tập trong căn buồng áp mái chật chội của Định và mời bác Thế lên liên hoan, ăn bánh mì bít-tết, uống nước ngọt do vợ tôi và Hoà chuẩn bị. Định cưới trước tôi. Hôm ấy tôi đang ở Thái Bình. Kết thúc sớm đợt đi lấy tài liệu viết bài, tôi đạp xe một lèo (ô-tô thời đó rất hiếm) về Hà Nội, kịp dự bữa cỗ cưới tổ chức vào buổi tối ở nhà Hoà, vợ Định. Sau khi cưới, Định về ở nhà Hoà, ngôi nhà phố Điện Biên hiện nay. (Tôi không hiểu cái ngách áp mái phố Lò Đúc anh bàn giao cho ai, bởi vì ít ngày sau tôi cũng kết hôn và không cần tới thiên đường ấy nữa.)

Đó là quãng thời gian đẹp nhất của chúng tôi. Chúng tôi còn trẻ. Chúng tôi làm việc. Chúng tôi mơ ước. Chúng tôi tin rằng mình sẽ vẽ nên diện mạo mới của văn học Việt Nam. Hứa Văn Định đi mô. Anh viết về cuộc đình công ở mỏ năm 1936. Và đi các tỉnh. Tôi chuyển về Hải Phòng, bám chắc lấy Xi-măng, Duyên Hải. Đi các đảo, các nhà đèn. Dù Định ở Hà Nội, tôi ở Hải Phòng nhưng chúng tôi luôn gặp nhau. Tôi hay lên Hà Nội. Lên giao dịch với các nhà xuất bản. Lên năn nỉ xin tạm ứng. Khi những bức thư lâm li gửi Phan Xuân Hạt, Nguyễn Trí Tình nhà Thanh Niên, Nguyễn Gia Nùng nhà Lao Động, Nguyễn Kiên nhà Văn Học, Trần Cận nhà Phổ Thông có hồi âm lộ ra hy vọng hay thất vọng thì cũng cứ phải lên để tác động thêm. Và tôi đều ghé nhà Định. Cũng như mỗi khi Định đi tỉnh nào có thể tạt qua Hải Phòng là anh không bỏ lỡ. Cả khi cuộc chiến tranh bắn phá của Mỹ đã leo thang ra quá vĩ tuyến 20, Sở Dầu đã cháy, Ngã Sáu đã bị bắn róc-kết. Nhà chật. Vợ con tôi nằm cả trên chiếc giường độc nhất. Tôi và Định nằm dưới sàn gỗ. Suốt tôi báo động. Tôi bọc bóng đèn tròn bằng giấy báo. Ngọn điện hắt những đốm vàng nhạt đu đưa nhẹ nhàng lên trần. Định bảo: "Cái ánh sáng này rất xi-nê-ma ông ạ." Khi đó Định đã chuyển về Cục Điện ảnh. Anh đã kéo tôi lên trại sáng tác kịch bản phim. Đề cương của tôi được nhà biên kịch Xuân Tùng, tác giả kịch bản *Chung một dòng sông* và cục trưởng Phạm Tuấn Khánh thông qua với những nhận xét tốt và tôi được ký hợp đồng, được tạm ứng gần một nghìn đồng, món tiền khổng lồ ngày ấy.

Cái ánh sáng xi-nê-ma trên trần nhà tôi nhiều khi cũng tắt nốt. Hoàn toàn tối đen. Xuống cầu thang càng tối. Định nắm áo tôi mò mẫm lần từng bậc thang trong tiếng còi báo động rền rĩ và tiếng máy bay rầm rầm trên trời:

- Đồng chí. Đồng chí đưa tôi đi đến đâu đấy đồng chí?

- Báo cáo đồng chí. Tôi đưa đồng chí đến hầm trú ẩn.

Liền đó là những tiếng pháo, tiếng đại liên và cả những tiếng súng trường đơn lẻ. Bầu trời sáng lên những đường đạn đỏ lù.

Một lần Định một mình với một lái xe trên chiếc U-oát đến tôi. Chưa bao giờ anh đi với tiêu chuẩn cao như vậy. Thì ra anh đang làm phim ở Hải Dương. Anh đang là thượng khách ở trên ấy. Anh xin xe về Hải Phòng đón tôi lên ăn món đặc sản tỉnh uỷ chiêu đãi mà anh rất thích: Ba ba. Ăn xong, rượu xong, ngà ngà say, chúng tôi ngủ ở nhà khách tỉnh uỷ. Sáng hôm sau, đang đánh răng rửa mặt, cả hai chúng tôi bỗng dừng lại lắng nghe: Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi thông cáo về hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam.

Định bảo tôi:

- Một buổi sáng lịch sử.

Đúng là một buổi sáng lịch sử vì đó là buổi sáng công bố chính thức quan điểm của Đảng về phong trào cộng sản quốc tế, về những mâu thuẫn, chia rẽ

trong phong trào và thái độ của Đảng.

Chúng tôi đón buổi sáng lịch sử đó không phải ở Hà Nội, không phải ở Hải Phòng mà ở Hải Dương. Hình như một buổi sáng có gió heo may, thứ gió đánh thức tình yêu cuộc sống.

*

Tôi đã ngừng viết hơn hai mươi năm, ngừng in gần ba mươi năm. Mặc bạn bè thúc giục. Mãi tới năm 1990 tôi mới cầm bút trở lại. Các bạn tôi mừng vì chuyện ấy. Không chỉ mừng vì tôi không bỏ nghề, mà còn vì *sức khoẻ tinh thần* của tôi như cách nói của Dương Tường. Nét mặt Định tươi rói:

- Tôi đã nói sớm muộn thế nào ông cũng viết. Ông bỏ là ông thua.

Tôi bảo:

- Thật ra chẳng hay ho gì cái nghề này. Nhưng chúng mình đã trót rồi. Với lại bây giờ là lúc viết được.

Định ký tặng tôi kịch bản phim *Số Đỏ* do anh chuyển thể. Anh tặng tôi tập thơ *Cung Trăng*...

Tôi vốn không thích nói về những gì sẽ viết. Nên Định cứ gặng:

- Bao nhiêu chuyện chờ ông đấy.

Định giục tôi viết về những ngày tôi đi lang thang, những ngày tôi sa vào vòng lao lý. Tôi ướm thử:

- Ông thấy Papillon của Henri Charrière thế nào?

Định xuýt xoa:

- Khá quá. Quyển ấy khá quá.

Tôi bảo Định:

- Chuyện tù của Charrière dễ viết. Nó có nhiều sự kiện. Nó ly kỳ...

Định bảo tôi:

- Mình biết có một người đi tù về rồi cứ ra sân đào bới một cái gì đó.

Và vỗ lên đầu:

- Anh ta bị hỏng cái này.

Tôi gật đầu:

- Mình cũng xuýt bị hỏng cái đầu đấy. Mình sẽ viết với hết sức mình. Nhưng không phải chỉ có chuyện ấy.

Thình thoảng gặp nhau, Định hỏi:

- Ông viết đến đâu rồi?

Tôi cười: "Mình đang viết."

Nói vậy để Định yên lòng. Viết trở lại đâu dễ. Tôi đang đánh vật với chính tôi. Dù có bao chuyện để viết. Vẫn ôn vũ luyện. Lâu lắm không cầm bút. Lại gần như không đọc. Lại có biết bao người không muốn mình viết. Tôi chẳng ham hồ. Càng không cay cú. Tôi viết để chơi. Viết để *cân bằng sinh thái*,

cân bằng đầu óc, để tập thể dục cho trí não. Tôi viết ít. Và chỉ viết những gì tôi thấy là cần thiết. Những gì tôi sợ rồi sẽ bị lãng quên đi.

*

Khoảng cuối năm 1994 sức khoẻ Định có vấn đề. Sang năm 1995 thì suy giảm rõ rệt. Vốn là người mập nhất "hội" anh sút cân rất nhanh. Mỗi lần gặp, anh một gầy. Gầy trông thấy. Anh bị suy tim. Đi đứng chậm chạp. Nhưng vẫn mắt sáng và vẫn những suy nghĩ sắc sảo về nghề nghiệp. Vẫn những cách nói riêng biệt của anh, sâu và khinh bạc. Và vẫn không ngừng thúc giục tôi, lần này là một đề tài khác:

- Ông phải viết về đánh cá. Ông ở đây bao nhiêu năm rồi. Ông viết về những thuyền viên bị biển vây quanh, không biết dùng thời gian vào việc gì, vùi đầu vào bài bạc...

Định kéo tôi đi ăn tiệm. Bia. Chim tần. Từ khi anh bệnh, tôi lên là anh kéo tôi đi ăn hàng, không ăn ở nhà nữa. Bữa ăn cuối cùng giữa hai chúng tôi là bữa cơm niêu tại đường Điện Biên Phủ (Hà Nội) gần nhà anh. Anh đã yếu lắm. Tóc bạc xoã vai. Anh chậm chạp nhấc chiếc xe Mifa qua bức tường phân cách giữa lòng đường. Chậm chạp đạp xe ra giữa lối. Hơi loạng choạng. Rồi giữ vững tay lái. Mặc cả đoàn xe ô-tô nối đuôi bóp còi giục giã, bực tức. Cứ từng vòng chậm chạp.

Chỉ mình tôi ăn. Anh ngồi nhìn, thỉnh thoảng mới nhăm nháp ngậm bia và bảo:

- Ăn ở đây chứ bắt bà Hoà nấu làm gì. Mà bà Hoà bà Bích không làm được món rau cải này đâu. Ông ăn xem nào. Có đúng là còn nguyên mùi cây rau vừa nhổ ở vườn lên...

Đó là thứ rau cải non mọc chưa đầy gang tay, để cả cây, chân vào dầu sôi. Xanh ngắt. Dòn. Tươi hăng. Nhưng đã chín tới. Ăn ở nhà hàng nhưng cứ có cảm giác đang ở giữa vườn rau như Định nói.

Anh sung sướng nhìn tôi ăn.

Ngày ấy chưa bao giờ tôi nghĩ Định cũng như bọn tôi bắt gặp cái chết.

Chúng tôi đã sống được mấy đâu. Dù cách đó ít lâu chính tôi đã điện lên cho Định về cái chết của Minh Đà. Nhưng Minh Đà bị ung thư, một căn bệnh vô phương cứu chữa. Còn tim mạch như Định chúng tôi lại coi là bình thường. Mặc Lân đấy. Nhồi máu cơ tim cả hàng chục năm có sao đâu.

Hôm nay tiếng Định như vẫn còn bên tai tôi, với âm sắc rất riêng biệt của anh trong lúc anh ngồi nhìn tôi ăn:

- Ông đã bắt đầu viết. Tôi mừng cho ông. Cái truyện *Người ở cực bên kia* của ông trên *Văn Nghệ* được. Tôi chỉ muốn ông viết khoẻ khoắn, không những không than vãn mà còn hài hước. Hãy kể những chuyện đau bằng cái

giọng hài.

Dương Tường đã khuyên tôi như vậy. Và bây giờ là Định. Nhưng *u-mua* đâu dễ. Tôi khoe với Định tôi đã hoàn thành một tập hồi ký. Và đưa cho Định xem bức thư của Vương Trí Nhàn, biên tập viên nhà xuất bản Hội Nhà văn viết cho tôi, những nhận xét tốt của Nhàn về tập hồi ký ấy.

- Ông còn bản phôi-tô nào không?

Tôi bảo nhà xuất bản Hội Nhà văn đang in, anh sẽ có sách trong một ngày gần đây thôi. Định bảo:

- Ông phải viết tiểu thuyết. Tôi tin ông sẽ có những thành công rất đặc biệt. Trách nhiệm của ông nặng lắm.

Tôi hiểu lời Định nói. "Quyển tiểu thuyết của đời tôi" cũng đã hoàn thành. Tôi viết quyển tiểu thuyết không phải chỉ vì Định và bè bạn khuyên mà còn vì nhiều lý do khác nữa. Tôi mong tập hồi ký của tôi sớm được xuất bản. Mùa Đông năm 1995, nghĩa là nửa năm sau đám tang Minh Đà, tập sách mới được in xong. Đỗ An Bình mang từ Hà Nội về cho tôi mười tập sách bản quyền. Tập *Một thời để mất* do nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành. Lâu lắm mới được in sách nên tôi hơi ngạc nhiên: Sách bản quyền chỉ có mười quyển chứ không phải hai mươi quyển như trước.

Mười quyển sách "mới ra lò" tinh khôi xếp chồng lên nhau, không một vết bẩn, không một vết nhàu, chưa từng có ai lật giở dù chỉ một trang. Mười quyển sách còn hoàn toàn nguyên sơ, trinh tiết của tôi chờ tôi lật giở!

Tôi nhìn tên mình in trên bìa sách, một bìa sách rất trang nhã do Trần Vũ trình bày. Tôi lật bìa 4. Cái ký họa của Nguyễn Hồng Hưng vẽ tôi trong năm phút đầu tiên chúng tôi vừa gặp nhau, còn chưa biết tên và nghề nghiệp của nhau. Tôi lật trang bìa lót. Rồi trang đầu in chữ ngả mà chúng tôi gọi là *italic*. Một cái rùng mình gai gai khe khẽ chạy suốt dọc người tôi. Không. Tên tôi đã được in trên nhiều bìa sách. Nhưng đây là tập sách sau 27 năm. 27 năm chết. 27 năm sau tôi lại được đứng dưới mặt trời. Từ thế giới bên kia, 27 năm sau tôi trở lại thế giới này. Tôi sống lại. Ngay khi mới bước vào nghề, nhìn tập sách đầu tiên của mình được in cũng không xúc động như vậy. Lúc đó chỉ đơn giản là *sống*. Còn bây giờ là *sống lại*. Là *chết đi sống lại*.

Tập sách tôi viết về Nguyên Hồng, về tôi, về Nguyên Bình, Dương Tường, Mạc Lân, Lê Bầu, Vũ Thư Hiên, Thi Hoàng, Nguyễn Văn Chuông... Tôi đề nghị nhà xuất bản chuyển tất cả nhuận bút của tôi thành sách. Để tặng bạn. Để các bạn tôi thấy tôi đã chính thức xuất hiện trở lại. Tôi đề tặng các bạn tôi. *Tặng Định & Hoà. Để hai bạn biết rằng mình lại viết. Rằng mình vẫn còn thoi thóp chứ chưa chết hẳn.*

Tôi chưa thể mang sách lên Hà Nội tặng các bạn tôi trên ấy được.

Vì Nguyên Bình.

Nguyên Bình từ Hà Nội về mở một lớp huấn luyện ngắn ngày cho tôi và mấy người bạn khác về khí công động, về cách khai mở các luân xa, về mạch đốc, cách thở bốn thời kỳ... Khoá học bảy ngày. Đã được bốn. Thì chiều hôm ấy đi học về tôi thấy vợ tôi đứng trong con hẻm ngay trước cửa nhà, tay cầm một tờ giấy nhỏ, nhìn ra đầu hẻm ngóng tôi.

Thấy tôi, vợ tôi mếu xệch, oà lên:

- Anh Định chết rồi.

Rồi đưa cho tôi tờ giấy. Điện. Điện của Mạc Lân. Tôi giữ bức điện ấy cho đến hôm nay như giữ dấu chấm hết cuộc đời một người bạn: *Hứa Văn Định chết. Đưa sáng chủ nhật. Lân.* Dấu bưu điện Hải Phòng: 29-12-1995. Tôi kiểm xe lên Hà Nội ngay lúc đó. Lại là ô-tô của Đỗ An Bình. Tất cả sách đã ghi tặng bạn đều để lại. Bởi vì dù sẽ gặp rất đông các bạn trong đám tang nhưng không thể tặng sách trong một ngày như vậy. Chỉ mang lên một quyển tặng Định. Dù đã muộn rồi. Chẳng thể đưa cho Định được nữa.

Ngay đêm hôm đó tôi và Đỗ An Bình có mặt ở nhà Định. Vừa kịp cùng Hoà và những người khác khâm liệm anh. Hôm sau chúng tôi đưa tiễn Định tới nghĩa trang. Lại qua Lò Đúc. Căn buồng áp mái của Định bên trên nhà bác Thế, thiên đường của bốn chúng tôi ở chỗ nào tôi không nhận ra.

Lại qua Phà Đen. Và Vĩnh Tuy nơi anh yên nghỉ cũng là nơi tôi và vợ tôi vẫn ngồi trên bãi cỏ khoác vai nhau nhìn sao trời còn đang yêu. Tôi bỗng hiểu ra một điều đơn giản: Cuộc đời thật ngắn ngủi và thế hệ chúng tôi đã bắt đầu kết thúc kiếp phù sinh của mình. Tất cả chúng tôi sắp đi qua hành tinh này mà không để lại một vết xước nào.

Trời rét. Tôi cho tay vào túi áo bông sờ nắn quyển *Một thời để mất* tặng Định.

Chờ mọi người lên xe ra về tôi mới rút tập sách ra. Chỉ còn tôi và anh. Tôi thì thăm với Định mấy câu. Cầm quyển sách vái Định. Rồi xé từng tờ. Bật diêm đốt trước mộ anh phủ kín những hoa tươi.

Ngã Sáu

22-12-1999

Rằm tháng 11 Âm lịch, ngày thay áo cho Định

Rừng xưa xanh lá

Phần VII

Nguyễn Bình với cô gái mồ côi và hòn đảo

Những lúc ép mình ngồi viết sao mà mong tiếng chân lên thang gác của Nguyễn Bình đến thế. Để có thể vắt hết giấy bút đi mà chuyện gẫu. Mà rủ nhau đạp xe đi nhõng. Và thật buồn cười, thật thú vị là khi sang nhà Nguyễn Bình, thấy Bình đang cặm cụi ngồi bàn, anh ngừng mọi công việc quay ra cười toe toét:

- Rất khốn nạn! Tao vừa viết được vài dòng đã chỉ mong mày đến. Thì câu được ước thấy. Mày đến thật!

Tôi làm ra bộ ta đây:

- Thôi. Mày viết đi. Tao về đây.

Lời hù dọa của tôi không làm anh nao núng:

-Ừ. Về thì về. Về cho tao làm việc.

Chúng tôi cùng cười. Anh thừa biết tôi chẳng thể về. Còn tôi cũng quá rõ rằng anh muốn tôi ngồi lại để ngừng cái công việc khổ sai phút nào hay phút ấy.

Thế là uống trà. Trà cám thôi. Nhưng không phải lúc nào cũng có. Thế là đi chơi. Đạp xe rong phố. Hoặc lên tận Đền Nhà Bà vào một hiệu trà có trà Thiết Quan âm, hiệu *Tối tối phá* mà Tats Vinh dịch là *Thơm đời đời*, quán trà chính Tats Vinh phát hiện ra, mặc dù anh vẫn làm phóng viên báo Tiền Phong tít trên Hà Nội, thỉnh thoảng mới về công tác tại Hải Phòng.

Tôi và Nguyễn Bình có thể nói với nhau mọi chuyện. Có những chuyện giấu bố mẹ vợ con anh em đồng chí nhưng vẫn nói được cùng nhau. Anh là người bạn thân nhất của tôi ở Hải Phòng. Thành công của người này cũng là thành công của kẻ kia.

Trong những năm tháng *hậu-goulag*, để dùng lại chữ của Dương Tường, nặng nề dài dằng dặc sau đó, tình bạn của anh đã nâng đỡ tôi sống, nó nói rằng cuộc đời đối với tôi dù sao cũng chưa đến nỗi. Không phải chỉ tình bạn giữa tôi và anh. Mà là tình cảm của cả gia đình anh. Vợ anh. Hai đứa con anh. Làm ở ngành mậu dịch, chính xác là ở công nghệ phẩm, nghĩa là một thành viên của *ngành thương*, chị T vợ Bình có điều kiện hơn người đôi chút (vì chị chỉ là nhân viên) để có thể duy trì cuộc sống gia đình ở mức tối thiểu và thỉnh thoảng giúp đỡ tôi. Như cho tôi cái phiếu mua 50 ki lô dầu cặn ở một cửa hàng bán chất đốt phố Trần Khánh Dư, dầu rằng biến những dòng chữ nguệch ngoạc trên giấy thành những lít dầu ma-dút cặn trong can là cả một kỳ công, chờ đợi, vật lộn, xếp hàng, chen lấn, vét váy, dòn dịch, đong đo, bán thiu nhưng cũng là một điều *trên cả tuyệt vời* vì mua về một lúc được nửa tạ dầu cặn mà không phải phiếu. Vài tháng không phải lo chất đốt! Hay những lúc gạo hết, chị T xúc cho tôi dăm bơ gạo *viện trợ không hoàn lại*. Miếng khi đói, gói khi no. Lại có những bữa anh chị mời tôi sang ăn

com để bồi dưỡng riêng tôi. Chỉ mình tôi! Và là thượng khách! Com có một món: Xương lợn ninh xu hào. Thêm đĩa dưa chua. Và một *be*, gọi theo cách của Nguyên Bình, nghĩa là một chai rượu trắng con con. Phải nói xương ra xương. Thịt bám đầy. Cắn ngập răng. Anh ninh khá như. Gặm cái chỗ đầu xương ống cứ mềm sệt rồi nghiền toi như bột. Thành ra xương thì nhiều, nhưng các thứ nhè ra mâm rất ít. Bình chỉ vào chất bột toi toi mà chúng tôi đã hít hết các chất béo bổ, giải thích:

-Thưa ông. Thứ này cũng không vớt đi đâu ông ạ. Để nuôi gà. Gà đánh chén rất mạnh.

Thằng con anh nói thêm:

-Gà ăn món này để rất đều bác ạ.

Không biết đã bao nhiêu năm rồi tôi mới được ăn thứ xương như vậy. Thi thoảng vợ tôi đi mua một khúc xương ống về ninh nấu bột cho con thì rất một loại xương trắng hếu, nhẵn bóng như được lọc bằng *manh xơ lam*. Tôi biết món xương tôi đang ăn khoái khẩu đây là loại xương đặc biệt, chỉ dành cho nội bộ *ngành thương*, nhưng cũng cứ hỏi ở đâu ra loại xương ghê gớm như vậy. Nguyên Bình trừng mắt quát lên với tôi như với một kẻ ngu si đần độn:

- Xương mậu dịch viên! Không biết à? Xương. Mậu. Dịch. Viên!

Chúng tôi đã có với nhau biết bao kỷ niệm. Những trưa hè, rủ nhau đạp xe ra cửa hàng mậu dịch giải khát gần ngã tư Trần Phú-Cầu Đất uống cà-phê đá. Người đông nghìn nghịt. Vì chỉ ở đây mới bán cà phê đá. Mỗi khách hàng được phục vụ một cốc vại, thứ cốc thối ở các lò thủy tinh thủ công có màu xanh lơ và đầy bọt, bên trong chứa một lượng đường đủ để làm ngọt lừ cốc cà-phê. Trong tình huống mỗi người một tháng được mua một lạng đường vàng Cu-ba thì đây quả là một lực hút khách ghê gớm. Đó là chưa kể một mặt hàng khan hiếm khác: Một bát ô-tô nước đá đập nhỏ kèm theo. Hơn nữa cà-phê lại rất chất lượng: Mỗi người một phin pha theo kiểu Pháp. Trên miệng mỗi chiếc cốc đựng đường kính trắng là một phin cà-phê đang rò những giọt đặc quánh. Những giọt cà-phê thẫm đen ngấm vào đường như nước mưa hút vào cát trong sa mạc. Khi nước trên phin cạn hết thì đường trong cốc cũng xâm xấp. Đến lúc ấy cái phin được nhấc ra để trên bàn.

Khách hàng bắt đầu một công đoạn mới, công đoạn mà Dương Tường trong những lần về Hải Phòng đi uống cà-phê cùng chúng tôi đã nói rất chính xác là *lao động cà-phê*. Nghĩa là lấy cù-dĩa đánh cho tan đường. Cũng cần phải nói về cái cù-dĩa này. Nó nhỏ. Nó đúng là thìa cà-phê nhưng cán dài, dài hơn chiếc cốc vại và đều được đục thủng một lỗ tròn ở giữa lòng. Nghĩa là cái phần khum khum để xúc đưa lên miệng ấy có một lỗ thủng đục bằng đinh. Vì đục bằng đinh nên nó có ba vĩa. Ba vĩa có thể làm chảy máu lưỡi, nhưng cũng may là nó đã mòn cả vì sử dụng lâu ngày. Rõ ràng cái cù-dĩa không

dùng để uống. (Tất cả các cửa hàng đều có chung một loại cù-dĩa đục thủng như vậy. *Tất tần tất*. Để chống lại những vị khách hay thò cù-dĩa đút túi. Ôi! Vô quít dày có móng tay nhọn vậy thay!) Hàng trăm "âm khách" chen nhau vai sát vai cầm cù-dĩa đánh cho cà-phê hoà tan đường như người đánh trống đường. Nghiêng người đi đánh. Mím môi lại đánh. Cong lưng đánh. Ngồi xồm lên đánh. Kẹp chặt cốc giữa hai bàn chân đánh. Đánh như vậy rất thú. Hình như tất cả đang lên một cơn sốt đánh. Tiếng cù-dĩa chạm vào thành cốc. Tiếng cù-dĩa và thành cốc nghiền đường. Vì là cùng đánh nên tự nhiên tất cả các cánh tay cùng quay tròn một nhịp, tất cả những cái đầu lắc lư một nhịp. Như một cuộc lên đồng tập thể. Tất cả các tiếng động đều giống nhau và cùng một nhịp. Đánh hăng. Đánh say sưa. Đánh cho đến khi nước cà-phê nâu thẫm bị ly tâm, nhọt ra, trắng ra, sủi bọt, lên kem như một thứ ca-cao pha loãng. Không ai thấy mệt. Mệt gì mà mệt! Ngồi dưới quạt trần quay vù vù, chờ *cô mậu* bung ra những bát đá đập nhỏ chỉ trông cũng đã mát ruột mát gan để rồi cho vào cốc, lấy cù-dĩa xọc xọc cho đá tan hoà lẫn thứ nước thơm thơm ngọt lừ ấy là một hạnh phúc. Ở nhà làm gì có quạt. ở nhà làm gì được uống một thứ nước thơm như thế, ngọt như thế, mát như thế, mát lạnh tim lạnh phổi. Mà ngoài kia trời đang nóng chảy nhựa đường. Chen chúc xếp hàng mua được *tích-kê* -một miếng sắt sơn có dập chữ nổi- đã là một thắng lợi rồi. Dù có nóng bức đến đâu chúng tôi cũng chỉ được uống cà-phê đá là thứ cao cấp nhất. Kem thì đừng hòng. Chúng tôi chẳng thể nào chen được với các cháu thiếu nhi.

Thế mà nhiều khi thèm kem quá, chính xác hơn là nhớ mùi vị kem, cái cảm giác đưa que kem lên ngang miệng mà cắn, trong những lần đi nhổng như vậy, mặc dù đang gió mùa đông bắc, áo bông xo ro, mũ bông bịt tai, tôi và Nguyên Bình cũng rủ nhau vào hiệu kem Tam Hoàn đầu phố Phan Bội Châu, gần nhà hát thành phố mua kem ăn. Vì chỉ đến những lúc ấy chúng tôi mới mua được kem. Nhất là những ngày đại hàn, mưa dầm, *mưa dầm dề dai dẳng*. Hiệu kem không có một ai.

Người ta chỉ bán kem que và phải ăn ở ngoài đường. Chúng tôi đứng ngoài vỉa hè chén kem. Run. Run lập cập. Đầu gối đánh vào nhau. Răng đánh vào nhau. Nhìn nhau cười tím tái. Rồi kéo nhau vào một góc khuất phía ngoài nhà hát thành phố, sau mấy cây sanh khá kín đáo, nơi khách bộ hành thường ghé vào làm cái việc "giải thoát cho cái bong bóng", để tránh gió mùa, tránh mưa phùn. Khai mù. Nhưng chúng tôi không lấy thế làm khó chịu mà vẫn cứ là vừa ăn kem vừa nhìn nhau cười. Và vẫn là cười tím tái. Chả ngày ấy chúng tôi còn chưa đến ba mươi tuổi.

Cùng làm báo *Hải Phòng kiến thiết* (nay là báo *Hải Phòng*), cùng trong một tổ phóng viên do Đinh Chương làm tổ trưởng, lại cùng một chí hướng máu mê viết văn và nhất là cùng một tính cách, tôi và Nguyên Bình rất thân thiết

gắn bó. Ngày nào cũng gặp nhau. Gặp ở cơ quan rồi lại gặp tại nhà. Đến bây giờ cũng chẳng nhớ được chúng tôi đã chuyện với nhau những gì mà qua được nhiều năm tháng thế.

Và thật phần khởi biết bao khi Nguyên Bình lên thang gác, nói với tôi bằng một giọng bí mật:

-Sang bà T bảo cái gì.

Thế nghĩa là có món đây. Nghĩa là được chị T sai đến một cửa hàng nào đó, mua bằng phiếu hoặc bằng giấy giới thiệu một món hàng theo giá mậu dịch rồi đem bán lấy lời. Nhưng Nguyên Bình không dám nói thẳng ra điều ấy.

Anh sợ. Anh bảo:

-Tao dính đến cái gì là hỏng cái ấy.

Và anh làm một bản tổng kết về cái số đen, cái vận rủi của anh. Càng ngày bản tổng kết càng dài.

-Tao đi phà thì phà chết máy, trôi xuống tận Cảng chính, nửa ngày không qua được bến Bính. Đi ăn giỗ ở Hà Nội thì trên ấy làm giỗ rồi. Mọi năm vẫn làm vào ngày chủ nhật nhưng năm ấy lại giỗ đúng ngày. Đi ô-tô lên Hà Nội, người ta đi không sao. Mình đi ba lần nổ lốp. Sáu giờ sáng có mặt ở bến Niệm Nghĩa, tám giờ xe chạy mà mãi tối mịt mới đến bến Nứa. Đi tàu hoả thì tàu hoả hết hơi. Thật mà. Không đủ hơi leo dốc đầu cầu. Lên được nửa dốc lại trôi xuống.

Bảng thống kê rủi ro của anh còn thêm một chuyện mới nhất: Cho vợ đi làm thuê ở Cộng hoà dân chủ Đức thì Cộng hoà dân chủ Đức tan. Nhưng điều rủi ro ấy lại hoá thành may. Do phải về nước trước khi kết thúc hợp đồng, vợ anh được bồi thường một khoản *đê mác* kha khá, làm dần vốn cho cái gia đình nhỏ bé ấy sinh sống.

Sang bà T bảo cái gì. Tôi đạp xe sang. Nhận tờ giấy giới thiệu của một cơ quan nào đó xin mua một tút thuốc lá, đã có chữ ký phê duyệt của cửa hàng trưởng. Nhận cả tiền. Đi mua. Rồi cầm tút thuốc Tam Đảo hoặc Điện Biên đi bán. Đi mua hàng tôi đi một mình. Đi *đổ hàng* tôi bắt Nguyên Bình cùng đi cho đỡ ngượng. Hai đứa ra ga. Rồi lại quành lại. Lượn vè vè quanh mấy hàng nước ở phố Ga, tút thuốc lá trong túi xách hơi thò lên để người ta dễ nhìn thấy. Lượn đi lượn lại mãi, chẳng có bà hàng nước nào chú ý đến chúng tôi. Chợt một anh xích-lô đang nằm ghéch chân trong lòng xe gần đó gọi to:

-Có gì bán đây?

Khen cho con mắt tinh đời! Vừa sung sướng vừa ngượng vì anh ta gọi to quá, chúng tôi xuống xe, bước tới, nói rõ mặt hàng. Ngã giá nhanh. Dù có rẻ một hai giá. Bởi vì chẳng thể cứ lượn xe mãi như vậy được. Anh xích-lô dắt chúng tôi đi ngoắt ngoéo vào một khu tập thể.

-Vợ tớ làm công nhân nhà máy Len. Tớ nó bán thêm cái này. Biết nhà rồi, hễ có cứ cầm đến đây nhé. Gặp tớ cũng được. Gặp vợ tớ cũng được.

Thế là yên tâm. Từ nay có chỗ đổ thuốc xuyên. Nhưng thuốc đâu mà đổ. Năm thì mười họa hể có là chúng tôi lại mang đến đây.

Băng đi lâu lâu, tôi và Nguyên Bình đang đạp xe trên phố thì có tiếng gọi giật giọng:

-Này! Hai cậu! Đi đâu đấy?

Chúng tôi quay lại. Anh bạn xích-lô. Anh cỡi trần, rướn xích-lô tới. Chiếc áo may-ô trắng đến loá mắt càng làm nổi tấm thân chắc lặn ngấm đen của anh. Sau này, "hồi ký cách mạng", ôn lại chuyện cũ, cứ nhắc đến anh là tôi và Nguyên Bình lại nhắc đến cái áo may-ô ấy. Đúng là *áo anh trắng quá nhìn không ra* ^[1].

Anh dừng xe bên chúng tôi, rất cởi mở:

-Mình vừa bị cái hạn.

-...?

Anh vén chiếc áo may-ô trắng loá mắt lên:

-Đây này.

Một vết sẹo rúm lại ở mạng sườn.

-Năm bệnh viện mất nửa tháng. May mà vết thương không sâu. Tốn gần trăm bạc đây hai cậu ạ.

Cũng cần phải nói thêm rằng anh chỉ trạc tuổi chúng tôi mà cứ *cậu cậu tớ tớ* ngọt xớt dù mới quen nhau. Rồi anh than thở cái điều có lẽ anh đã nói với nhiều người:

- Mình có làm gì vợ nó đâu mà nó đâm mình...

Chúng tôi bầm bụng để khỏi phì cười. Mãi đến lúc đó chúng tôi mới hiểu đầu đuôi câu chuyện.

-Bà ấy có nói gì không?

-Mới đầu nó bỏ mặc mình nằm khô ở bệnh viện, rồi sau nó cũng vào chăm nom.

Chúng tôi chia tay anh, chẳng biết động viên anh thế nào. Đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Lần nào đi qua phố Ga cũng để ý nhìn anh mà không thấy. Có thể anh đã chuyển nhà? Đã li dị? Hay đã chết bom B52? Thế rồi một lần khác Nguyên Bình lại đến. Lần này thì : "Đi với tao." Không phải "sang bà T. bảo cái gì" nữa. Lại giục: Đi ngay không lờ. Rồi cho tôi biết nhiệm vụ mới: Hai thằng sang cửa hàng mật dịch bên Hạ Lý, chìa hóa đơn ra, hoá đơn tao cầm đây rồi, mua một tạ cám, hai bao, mỗi bao năm mươi ki-lô. Nh. bảo năm mươi ki lô cám nhiều đấy, bao to đấy, mỗi thằng đèo một bao, không cần giây, cứ đặt bao ở pooc ba-ga, một tay giữ, đặt bao cho cân là không việc gì đâu. Đến trước cửa Đài Liệt sĩ, đầu đường Hồng Bàng ấy, vát bao cám xuống đường. Rồi cứ đạp xe đi. Thế là xong. Đã có người đón sẵn ở đấy rồi. Lấy xe đi luôn không muộn mất giờ G.

-Gượm đã. Nhưng sao lại là Nh. Nh. là ai vậy?

-Mày quên Nh. rồi à? Nh. đã gặp mày ở cơ quan hôm nàng đến đưa bài ấy. Mày cứ khen là trông khá quá ấy.

Tôi đã nhớ ra cô gái ấy. Một thông tin viên của chúng tôi. Rất mê văn chương và thích viết văn. Phục Bình lắm. Có vẻ thích Bình mà linh tính của tôi chưa bao giờ nhầm trong chuyện này, còn Bình cứ nói vợ vào là *mê Bình như điều đó*.

Bình lại bảo:

- À quên. Tiền đây. Lãi đây. Vốn nàng ứng. Nàng bán hộ. Lãi ba chục. Nàng đưa trước đây. Chia đôi. Mày mười lăm đồng. Thôi đi ngay không muộn. Trời ơi! Sao có người tuyệt vời đến thế. Mười lăm đồng là một phần tư tháng lương của chúng tôi. Chúng tôi phải nhặt nhanh ky cốp, lặn ra mà viết, đủ các thể loại, cho các báo, các nhà xuất bản nhưng vẫn chẳng thể nào đủ sống. Từ lúc ấy tôi hoàn toàn tin lời Bình nói. Rằng cô ta yêu Bình như điều đó.

Chúng tôi thực hiện tốt kế hoạch cô thông tin viên đề ra. Có điều trước cửa Đài Liệt sĩ là nơi họp chợ, một cái chợ vỉa hè mà người bán là bà con nông dân từ Thủy Nguyên sang, từ An Hải đổ về, rất đông kẻ bán người mua. Tôi và Bình hiệp đồng tác chiến chính xác đến từng giây. Khi tới chỗ ngang với gốc cây gạo, đứng như quy định, chúng tôi hất hai bao tải cám xuống lòng đường rồi vẫn bình thản đạp xe đi, như người đang trí đánh rơi mà không biết. Đúng lúc đó một chiếc xích-lô từ phố Khách lao ra. Anh xích-lô nhanh nhẹn bốc hai bao cám lên xe, phóng đi rồi ngoặt vào đường ra bến Bính và biến mất. Tôi thoáng thấy cô Nh. đứng ở đầu phố Khách, nơi anh xích-lô vừa từ đấy lao ra, nở nụ cười mãn nguyện.

Cả chợ nhìn theo chúng tôi, không hiểu chuyện gì xảy ra. Nhất định không ai nghĩ đó là một phi vụ mua bán. Không ai mua bán như vậy. Tôi tin rằng cô Nh. trẻ trung tươi tắn xinh đẹp ham thích viết văn và tuyệt vời kia có tiềm năng hoạt động và chỉ huy biệt động trong lòng địch. Chỉ vì không có điều kiện phát huy nên khả năng ấy bị mai một mà thôi. Cô đã nghĩ ra một kế hoạch ly kỳ hấp dẫn để kích thích chúng tôi tham gia như một trò chơi, để có thể giúp đỡ chúng tôi gần như từ A đến Z, bởi vì Bình cũng như tôi đều không biết bán cám ở đâu và nhất định không chịu làm cái việc đi bán cám. Ở báo Hải Phòng, tôi, Nguyên Bình và cả tổ trưởng Đinh Chương nữa gần như một ốc đảo riêng biệt. Tất cả cơ quan nhìn chúng tôi bằng con mắt khang khác, đầy nghi kỵ. Nguyên nhân là cả ba chúng tôi đều ham thích viết văn và đều có những sáng tác được in thành sách. Nguyên nhân là cả ba chúng tôi có mặt ở cơ quan chỉ để nộp bài, họp và lĩnh lương, không la cà trà dư tửu hậu phòng này phòng khác. Ba cái bàn, đặc biệt là hai cái của tôi và Nguyên Bình gần như không được dùng đến. Nguyên nhân là chúng tôi viết bài có khá hơn các phóng viên khác đôi chút dù đều là *thầy ký nhật trình*

tinh xếp và lương thấp hơn họ. Nguyên nhân là chúng tôi không phụ hoạ vào dàn đồng ca chửi phim *Bài ca người lính*, *Số phận con người* và ngược lại còn luôn khẳng định đây là những kiệt tác của điện ảnh xô-viết. Nhưng chúng tôi vẫn được dùng, vẫn được giao viết những bài phong cho những số báo đặc biệt. Chúng tôi bám chắc cơ sở. Đến với cơ sở như những người bạn. Có giao thừa nào tôi không ngồi tít trên bễ bunn nhà máy xi-măng, ra máy búa rồi xuống nhà tháo bụi mù mịt để làm một cái *ghi nhanh* về bao xi-măng đầu tiên lúc giao thừa. Và Nguyên Bình thì ra Cảng. Cũng lại *ghi nhanh* về mã hàng đầu tiên trong năm mới. Tất cả đều *ghi nhanh* và đều nộp cho tổ trưởng Đinh Chương. Bài đăng trang nhất. Còn nói chúng tôi sao được. Cũng có những lúc ham chơi. Tôi ham chơi. Nguyên Bình còn ham chơi hơn tôi. Hẹn giờ nộp bài hay họp tổ, anh thường đến muộn. Đinh Chương gắt:

-Ông này buồn cười nhỉ. Sao bây giờ ông mới đến? Tôi có quản lý ông gò bó tám giờ vàng ngọc ở cơ quan đâu, nhưng đã hẹn thì phải đúng giờ chứ! Nhiều lần như vậy, Bình đều nhận khuyết điểm, nhận rất thành khẩn nhưng không bao giờ sửa. Rồi anh nghĩ ra một mẹo khác. Đáp lại sự gắt gỏng cầu nhàu của Đinh Chương, anh cầu nhàu lại:

-Tôi đến từ nãy, chờ anh mãi, vừa đi quanh một tý...

Đinh Chương ngó ra:

-Ồ ờ...Tớ chờ cậu không thấy, cũng vừa đi quanh tý thôi.

Té ra Đinh Chương cũng đến muộn. Cái trò *contre-attaque* ấy, Bình sẽ còn sử dụng nhiều lần. Cũng chỉ vì ham chơi, *mãi vui quên hết lời anh dặn dò* mà khi Đinh Chương giao cho Bình đi viết một bài về hợp tác xã Thắng Lợi ở Quán Trữ (Kiến An), nước đến chân mới nhảy, anh bỏ nháo bỏ nhào đạp xe lên Quán Toan, trên đường đi Hà Nội, nơi cũng có một hợp tác xã mang tên Thắng Lợi. Tổ trưởng Đinh Chương khi duyệt bài cũng không để ý đến cái hợp tác xã Thắng Lợi ấy ở *Quán* gì. Về sau Nguyên Bình còn làm cả một cái thống kê các hợp tác xã nông nghiệp có những tên giống nhau. Như Thuỷ Nguyên có 4 hợp tác xã mang tên Thống Nhất, An Hải 5. Vĩnh Bảo 3. Tiên Lãng những 7 cơ mảy ạ. Tên là Đoàn Kết: Thuỷ Nguyên 6. Vĩnh Bảo cũng 6. An Hải ít thôi... Anh cười khi khi:

-Mình có viết sai một tý thì thẳng nọ cứ tưởng mình viết về thẳng kia.

Tôi bảo:

-*Cả làng Vũ Đại ai cũng nghĩ chắc nó chừa mình ra.*

Cũng như những người viết văn trẻ khác, chúng tôi đều viết về con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và khao khát được viết thật hơn, không chỉ có những thuận lợi mà còn những khó khăn, không chỉ những người trung thực mà còn những kẻ quan liêu, những tên nịnh hót. Cái

truyện ngắn *Người chết không cô độc* của Nguyên Bình được viết ra với những ý nghĩ như vậy. Nó đã làm anh gay go. Gay go cả đến tôi. Trong xà lim, người ta hỏi tôi rất nhiều về truyện ngắn đó. Nó làm người ta chú ý, lo ngại. Chỉ vì cái tên thôi. Cứ như là chuyện một người hy sinh, chết vì một cái gì đó, nhưng anh ta không cô độc, có nhiều người đứng bên anh. Tôi đánh giá nó là một truyện trên trung bình, một truyện ca ngợi con người mới không xuôi chiều, có một chút ngấm ngợi riêng, thế thôi.

Thế mà đã gây ra dư luận cảnh giác, lên án dù chưa in cũng như chưa ai đọc. Nguyên Bình đã có một thời gian dài nằm bệnh viện tâm thần, *đi Đông Khê* như người ta thường nói. Quả là một đạo thần kinh anh quá căng thẳng, nhưng không đến nỗi phải xuống Đông Khê. Cũng như Nguyễn Văn Chuông, cũng như Nguyên Hồng, anh mắc phải bệnh sợ người ta hăm hại. Mỗi bước đi anh đều thấy nguy hiểm rình rập ở đâu đó. Anh luôn chờ đợi tai họa và sẵn sàng đón nhận tai họa, thậm chí còn mong nó đến ngay đi để chấm dứt những ngày chờ đợi. Trong những giờ phút tỉnh táo anh quyết định *xuống Đông Khê*, dù phải vận động chạy chọt, để được sống trong một thế giới riêng, hoàn toàn yên tĩnh, an toàn tuyệt đối như anh nghĩ.

Có những người điên cực kỳ nguy hiểm, những người điên phải trói chặt chân tay, những người điên nhốt trong cũi sắt, nhưng cũng có những *người điên hiền lành, người điên gạch ngói* ^[2]. Anh chuyện trò với họ, nô đùa với họ. Anh làm ngựa cho những đứa trẻ điên cười và cười lên lưng những người điên tình nguyện làm ngựa cho anh. Có một anh cán bộ đoàn bị điên đang chuyện như những người tỉnh táo nhất, bỗng nhiên hoảng hốt, nghiêm sắc mặt, người gồng lên, chuyển thế trung bình tấn. Anh vận hết nội công, nội lực xuống hai chân, ghì giữ lấy vết nứt của quả đất đang toác ra ngay dưới chân anh. Vết nứt ấy mỗi lúc một bura rộng ra, toang hoác, đen ngòm. Tất cả cuộc sống của loài người, của muôn loài đang phụ thuộc vào anh, nếu anh không đem hết sức bình sinh ra giữ, vết nứt ấy sẽ cứ to mãi to mãi cho đến khi quả đất vỡ đôi ra như người ta tách quả bưởi vậy. Thế là hết. Là tận thế. Không chỉ giữ vết nứt, anh còn phải bằng sức mạnh đôi chân, kéo khép dần vết nứt lại, cho nó hàn khâu, cho quả đất trở lại bình thường.

Anh cán bộ đoàn nghiêng răng xuống tấn, khuôn mặt xương xẩu nổi cục gân cốt, tóc dựng đứng, móng tay cào bần cầm vào lòng bàn tay chảy máu, mắt trừng trừng nhìn vào vũ trụ. Không ai có thể kéo được anh ra chỗ khác.

Không ai có thể xô ngã được anh. Anh như một thứ Từ Hải chết đứng. Vì anh đang thực hiện một nhiệm vụ lớn lao mà số phận đã giao phó: Cứu trái đất. Cứu nhân loại. Khi thấy vết nứt giữa hai chân, dưới háng đã khép lại, mím lại, liền lại, anh ngồi bệt xuống đất thở, mặt nhợt ra trắng bệch như tờ giấy, người đầm mồ hôi, mềm nhũn rồi đổ kèngh bất tỉnh.

Nguyên Bình kết bạn với một anh giáo viên dạy sử bị điên. Đang vui câu

chuyện, thỉnh thoảng anh lại im bất, nhìn ngó chung quanh và hét lên:

-Kẻ xấu đã lộ mặt!

Hoặc đứng yên, xếp giấy cầm trên tay, hơi áp vào ngực như đứng trên bục giảng, nói với những học trò vô hình đang im phăng phắc chờ nuốt từng lời bài giảng của anh:

-Tiếng Phạn. Hôm nay thầy dạy các em về tiếng Phạn cổ ...

Nằm ở Đông Khê (cũng là nơi Nguyễn Hồng viết tập tiểu thuyết đầu tay *Bỉ vớ*) Nguyễn Bình đã khỏi hẳn triệu chứng sợ người ta hăm hại. Anh trò chuyện với những người điên và ghi chép. Ở Đông Khê chỉ có hai bệnh nhân viết. Đó là Nguyễn Bình và người thầy dạy sử. Một hôm người giáo viên kia ôm một bọc ni-lông giấy tờ khá nặng ra định đốt. Nguyễn Bình vội chạy tới. Người điên hiền lành nhìn anh cười. Que diêm đã bật cháy. Anh ta vẫn nhìn Nguyễn Bình và vẫn cười. Nguyễn Bình cười lại. Que diêm cháy rồi tắt giữa hai ngón tay, anh ta cũng không biết đau. Anh giáo viên sử hất hàm về phía đồng giấy và hất hàm về phía Bình. Thế nghĩa là có lấy không? Tớ đốt bây giờ đây này. Được lời như cởi tấm lòng, Bình gật. Có đến mười ki-lô giấy các loại, chỉ chít chữ viết bằng bút chì, mực tím, mực xanh, mực đỏ. Viết ngoáy cả hai mặt giấy, gần như không thể nào đọc được.

Trích *Cô gái mò côi và hòn đảo* (Tiểu thuyết của Nguyễn Bình):

Có thể vì tò mò, cũng có thể chưa biết làm gì trong mấy ngày trước mắt, người đeo kính đen kiên trì thật đáng khâm phục tìm ra trật tự trong cách sắp xếp rối loạn của mớ giấy. Nói đúng hơn, ông đã tìm cách đọc được lúc thì những tư tưởng mạch lạc, lúc thì vài đoạn văn lẻ tẻ nhưng sáng sủa, sắc sảo đến bất ngờ. Ông lọc riêng những đoạn ấy ra, cố sắp xếp thành hệ thống nhưng không làm nổi.

Trong tay người đeo kính đen bây giờ có tập văn bản được xếp theo ý người chọn. Ông chất tất cả vào một tờ bìa gấp. Ngoài bìa đã có sẵn dòng chữ kẻ to của chính người viết. Ông mỉm cười khi đọc những dòng chữ ấy: bản dịch nguyên văn từ tiếng phạn cổ. Trong cả chồng giấy chất ngất loại ra không có dấu hiệu nào của văn bản tiếng Phạn hay một thứ tiếng nào khác. Có thể người dịch đã mang sẵn thứ tiếng ấy trong trí nhớ di truyền. Biết đâu. Nhưng điều đó không quan trọng. Chính người dịch đã có một câu rất hay dường như để giải đáp cho ai đó có thể nêu nghi vấn cả về bản dịch, cả về nội dung: Hãy bác bỏ được tôi rồi hãy phủ nhận. Người đeo kính đen viết dòng chữ ấy vào một tờ giấy trắng, đặt lên trang đầu bản thảo.

Những tư tưởng của người giảng viên khoa sử đặt ra từ phía ít ai ngờ nhất. Người đeo kính đen nghiền ngẫm rất lâu những dòng bàn về thuyết luân hồi, linh hồn của đạo Phật và những câu kết luận: Con người không chỉ chịu

trách nhiệm về cuộc sống trước mắt mà hàng vạn năm sau vẫn gánh hậu quả của thiện-ác.

Tôi đã trích gần trọn hai trang 98, 99 quyển tiểu thuyết thứ ba của Nguyên Bình, quyển *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. Bởi vì anh chính là người đeo kính đen trong truyện.

Nguyên Bình hoàn toàn quên bằng mình đang trong nhà thương điên. Anh đang đi du lịch vào một thế giới bí hiểm, hấp dẫn, lần đầu tiên anh đặt chân tới, mà mỗi bước đều hứa hẹn một điều mới lạ, mới lạ đến kinh ngạc. Anh quên hẳn mọi lý do đã xô đẩy anh tới đây. Có lẽ nhờ thế mà anh khỏi bệnh. Đúng là một cách chữa bệnh tuyệt vời. Anh sững sốt đọc những dòng anh điên luận về người điên:

Người điên là gì? Đó là món quà hồi tố. Con người sơ khai sống bản năng ra sao, người điên như thế. Không lễ nghi, không lệ thuộc vào những quy ước nhiều khi làm méo mó bản tính. Đó là những người sống thật tình nhất, đúng bản tính nguyên thủy nhất. Muốn nghiên cứu loài người buổi bình minh, hãy nghiên cứu người điên.

Nguyên Bình viết:

Trong vùng mung lung của ánh sáng trí tuệ đan xen với bóng tối bản năng, những phút loé sáng của người bệnh tâm thần thật đáng kinh ngạc. Người giảng viên khoa sử này nghiền ngẫm về tất cả, quan sát tất cả. Anh viết về những đứa trẻ mồ côi: Chúng lên năm, lên ba, mười ba hay mười lăm? Không. Chúng không có tuổi. Chúng là con của mọi thời đại, mọi dân tộc. Chiến tranh, tai ương là bố mẹ chúng. Chúng là phần bất hạnh nhất của nhân loại, đi cùng nhân loại từ khai sinh tới tận hôm nay.

Nguyên Bình đang đọc thì người điên vào. Ôi! Cái *Nhật ký người điên* này mới hấp dẫn và mê ly làm sao!

Người điên ngồi xuống giường, ý tứ uống từng ngụm nhỏ chén nước được mời. Hết, người điên xin chén nữa. Lại chén nữa. Nhưng vẫn uống chậm rãi. Biết thưởng thức thứ hương vị nước chè từ lâu không được uống. Rồi rút dè hỏi Nguyên Bình về những trang viết của mình. Nguyên Bình thành thật:

-Những trang đọc được tôi rất khâm phục.

Người điên thành thật không kém:

-Như thế là công bằng. Có phải công trình của mình tôi đâu. Của nhiều đời. Nhưng sao anh lại nói những đoạn đọc được. Chỉ những phần cần giữ bí mật tôi ghi bằng ký hiệu. Tất cả đều đọc được.

Rồi người điên nói mỗi lúc một nhanh như sợ không kịp nói những điều cần nhất:

-Con người là đối tượng của một cuộc thử nghiệm tồn tại với tư cách là một vũ trụ nhỏ, gắn bó hữu cơ với vũ trụ lớn và vũ trụ vi mô, theo chương trình đã được vạch sẵn cho nhiều triệu năm. Đến lần thứ **n** nào đấy, chương trình được làm lại từ đầu nhưng ở mức phát triển cao hơn.

Rồi lại vội vàng hơn, nhanh hơn:

-Trẻ mồ côi và chính quyền không có trong chương trình. Loài người nên nhớ rằng ở bất cứ xó xỉnh nào của trái đất, có thêm dù chỉ một đứa trẻ mồ côi là họ đã tạo ra khả năng làm rối loạn cuộc thử nghiệm.

Đang nói hăng say, chợt người điên đứng lên hất tằm chặn phủ người xuống, thét to như cảnh báo:

-Kẻ xấu đã lộ mặt!

Tôi đã chép lại nhiều dòng trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. ý nghĩ cho rằng loài người chỉ là một *chương trình thử nghiệm* của người giáo viên dạy sử đến hôm nay tôi lại bắt gặp trong những trang tiểu thuyết của Kun-đê-ra, *Sự bất tử*. Nhân vật Agnes nghĩ: "*Thay cho Chúa ở đây là một chương trình được thực hiện không sai lệch cho dù vắng Người, đồng thời không ai có thể thay đổi chút gì trong chương trình đó (...) Tất cả những việc còn lại, theo quan điểm của tạo hoá, không có chút ý nghĩa nào cả mà chỉ là một trò chơi của một chương trình tổng thể đã được định trước, chương trình đó không phải là sự tiên đoán thấy trước tương lai...*

Khác với Agnes (hay chính xác hơn, khác với Kun-đê-ra) người điên trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo* (hay Nguyên Bình cũng vậy) muốn đưa ra một lời kêu gọi con người hãy hướng tới điều thiện. Anh viết: Con người không chỉ chịu trách nhiệm về cuộc sống trước mắt, mà hàng vạn năm sau vẫn gánh hậu quả của thiện-ác.

Với tôi, *Cô gái mồ côi và hòn đảo* là một quyển tiểu thuyết hay. Hay hơn *Hương* của anh. Hay hơn *Những ngày đã qua*, quyển tiểu thuyết được giải A của Hội Nhà văn và Tổng công đoàn của anh. Và tất nhiên hay hơn nhiều quyển tiểu thuyết xuất bản thời gian đó. Nó rơi vào im lặng. Người ta không khen nó đã hẳn. Người ta cũng không phê phán nó và làm như không có nó. Trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo*, anh bắt những kẻ xấu phải lộ mặt. Những kẻ xấu mới gian manh quỷ quyệt làm sao! Chúng đều nấp sau cái vỏ đạo đức, chúng đều nhân danh đạo đức, nhân danh những người đang làm điều thiện trong khi chúng dồn mấy đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ (bị chết dưới bom đạn Mỹ) phải thôi học, phải về một nơi "nghỉ ngơi", thực chất là một thứ tù giam lỏng. Đây là một cách đánh vợ con của chú Hạng, chú ruột em gái mồ côi: *Khi cơn giận đã làm tím mặt, chú cúi dúi thịch vào bất cứ chỗ nào, tát hoặc đấm. Chú làm việc đó một cách kín đáo không để người ngoài thấy. Dù sao chú cũng có bằng đại học. Người bị đánh, bị sỉ nhục càng đau, nét mặt chú dần dần càng trở lại hoà nhã, lịch sự.*

Mọi cách đánh người của những kẻ xấu trong tiểu thuyết đều là như vậy. Tất nhiên không đánh đập cấu véo da thịt như chú Hạng. Mà đánh vào cuộc đời người khác một cách rất dã man dưới cái vỏ đạo đức. Nhưng Nguyên Bình đã bắt chúng phải lộ mặt.

Cô gái mồ côi và hòn đảo không chỉ có những kẻ xấu, không chỉ có triết lý của chương trình thử nghiệm. Nó có cái ly kỳ và sự tưởng tượng bay bổng của *Đảo giấu vàng*, nó có Tê-nác-đi-ê nhưng cũng có Giăng Van-giăng, có tình thương yêu đùm bọc của những đứa trẻ mồ côi, có những trang cảm động về đám giỗ bố mẹ mà lũ trẻ làm trong trại, về cô bé Thu mồ côi cả cha lẫn mẹ, lần đầu tiên trở thành thiếu nữ, thấy máu trong người nhỏ giọt cứ nghĩ mình sắp chết. Anh rất kiệm lời nhưng vẫn làm ta phải mỉm cười một mình khi đọc những nhận xét của anh về con chó Bim, về những sinh hoạt của trẻ nhỏ, bởi vì chúng mồ côi nhưng vẫn là trẻ nhỏ. Và những trang viết về nông thôn, cái tình của anh khi nhìn thấy cánh đồng, thấy con sông đang chảy, ngửi mùi rơm rạ phơi già nắng, bởi vì như anh đã tổng kết: Mỗi người dù xa quê nhiều đời, vẫn có trong ký ức di truyền hương vị quê hương.

Gò Đống Đa 1987

C4 Thanh Xuân Bắc 1989

Đó là thời gian và nơi Nguyên Bình viết *Cô gái mồ côi và hòn đảo*, được ghi sau dòng cuối cùng.

Anh đã *về hưu non*. Tôi phải gạch dưới những chữ này để trả về cho nó ý nghĩa ban đầu, bởi vì gần đây ba từ *về hưu non* được dùng để chỉ những vị sáu bảy mươi còn chưa muốn rời ghế làm việc, vẫn còn muốn tiếp tục phục vụ nhân dân.

Anh cũng đã chuyển về Hà Nội, bỏ lại tôi một mình ở Hải Phòng, khiến tôi lâm vào cảnh *không còn nơi nào để mà đi đến nữa*. Chưa bao giờ tôi nghĩ *Cô gái mồ côi và hòn đảo* là tập sách cuối cùng của anh, chưa bao giờ tôi nghĩ anh lại bỏ bút. Bởi vì hơn ai hết tôi biết anh còn bao dự định, bao điều muốn nói, những điều mà cứ để trong lòng sẽ vón cục lại như một khối u. Nhất là giờ đây việc viết và in đã cởi mở hơn trước rất nhiều, làn gió dân chủ dù còn những khó khăn nhưng đã là một xu thế xã hội, khiến tôi đã cai viết gần ba mươi năm cũng đã cầm bút trở lại. Đó là chưa kể anh đang hưu trí an nhàn, có nhiều thời gian rảnh rỗi.

Thế nhưng chính vào lúc anh đang hưu trí an nhàn ấy, chính vào lúc tôi viết trở lại ấy, Nguyên Bình gác bút, không viết thêm một dòng nào nữa. Anh dứt hẳn với văn chương khi anh chưa đến 50 tuổi, đang độ chín, chín trong nghề nghiệp, chín trong cuộc sống. Anh không viết nữa giữa lúc anh có nhiều thời gian rảnh rỗi, có nhiều điều để viết, khi anh đã là hội viên Hội Nhà văn và tổ chức được cuộc sống gia đình có thể tạm gọi là ổn định.

Đã có lần Nguyên Bình nói về tình bạn giữa hai chúng tôi đại ý: Dù chúng tôi có xa nhau bao lâu, khi gặp lại cũng vẫn như mới chia tay nhau hôm trước, câu chuyện giữa chúng tôi vẫn chỉ là nối tiếp câu chuyện dở dang lúc chia tay. Không có khoảng cách nào cả về không gian, cả về thời gian có thể làm chúng tôi không hiểu được nhau.

Thế mà giờ đây cái điều đáng buồn đã xảy ra: Chúng tôi không đối thoại được cùng nhau.

Không có sự hiểu lầm nào. Không có mâu thuẫn nào giữa chúng tôi. Tôi đến anh. Vợ chồng anh, hai cháu gái Tùng Cương, Tùng Ngọc coi tôi là người ruột thịt trong nhà. Anh xuống Hải Phòng với tôi, vợ con tôi reo lên:

-Chú Phú!

Phú là tên khai sinh của anh. Chúng tôi đến nhà nhau, lúc nào cũng thấy thoải mái như đang ở nhà mình.

Bia hơi. Món nem trạo ưa thích, vừa rẻ tiền, vừa khoái khẩu. Nhưng cái mệt là sau những giây phút đầu tiên gặp gỡ ấy, sau những bữa ăn ấy. Cơm xong, chúng tôi kéo nhau lên phòng nhỏ trên tầng ba trò chuyện. Một căn phòng anh mới xây thêm cho riêng anh, một thứ chuồng câu cao và xinh xắn. Ngày, anh đi với những học sinh của anh, những người bệnh của anh. Tối, anh lên đây ngủ. Chỉ một mình anh. Hình như là để tiếp nhận linh khí của trời đất. (Chà! Cái người rất chăm chỉ trong chuyện chăn gối này đã quên hẳn chuyện chăn gối.) Và trong khi tôi mới viết văn trở lại có bao điều muốn nói cùng anh thì anh chỉ nghe tôi như một chủ nhân lịch sự đang tiếp khách. Rồi anh nói. Anh nói về những khả năng kỳ diệu của con người, về phương pháp tính công ý thức, những thuật ngữ tôi chỉ nghe cũng đã rối tinh đầu óc. Anh sôi nổi: Mày tập đi. Cái này hay lắm mà mày không tập thì phí quá. Tao đi vào cái này và nghĩ đến bạn bè, tất nhiên là nghĩ đến mày trước tiên. Anh nói về linh khí, linh địa, về những khả năng tiềm ẩn của con người, về linh hồn bất diệt, về những lập trình của tự nhiên, con người từ đâu đến, chúng ta là ai, chúng ta đi đến đâu. Tôi căng hết trí não ra nghe. Và gật gù cười cười tán thưởng. Bỗng anh hạ một câu chính xác, trúng tim đen:

-Nói chuyện với mày thà nói chuyện với đầu gối còn hơn.

Tôi cười âm:

-Quả thật tao không hiểu gì hết, nhưng cứ phải cố làm ra vẻ thế thôi. Rất chi là hoang mang.

Nguyên Bình cũng bật cười:

-Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình. Nắm tình hình rồi tình hình rất hoang mang.

Đó là hai câu thơ trong truyện ngắn của Hồng Hoang mà cả hai chúng tôi cùng thích. Bình lại nói:

-Trong các lớp học, tao giảng cho học viên nghe, đến những chỗ tao biết là

rất gắng, tao hỏi: Thế nào? Hoang mang lắm phải không? *Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình. Nắm tình hình rồi tính hình rất hoang mang.* Bây giờ học viên ai cũng thuộc hai câu thơ ấy.

Bình nói anh có thể định được giờ anh ĐI. Khi ấy tao sẽ gọi các con tao lại và bảo bố đi đây. Thế là tao đi. Rồi lại sôi nổi thiết tha:

-Mày tập đi. Cái này tốt lắm. Mình biết nó rất hay, muốn phổ biến cho bè bạn mà bè bạn không nghe thì tiếc lắm.

Gần như áp đặt, anh xuống Hải Phòng mở một lớp học ngắn ngày. Dạy chúng tôi cách thở. Cách khai mở các luân xa. Chúng tôi tập ngồi, tập thiền. Anh cho tôi xem các hợp đồng với các bệnh viện, các cơ quan khoa học về thí điểm tập cho người mù biết đọc, xem ti vi, nhìn được. Tất nhiên cái ánh sáng anh đem đến cho người mù không phải là thứ ánh sáng vật lý thông thường. Và anh cho xem cả những biên bản về những cuộc kiểm tra kết quả bằng cách đưa những người mù học viên của anh đến những công viên Hà Nội nhiều cây cối để họ đi trong công viên như những người bình thường, không phải giơ tay ra sờ soạng dò đường.

Anh có nhiều học viên. Người ta đón anh vào thành phố Hồ Chí Minh. Anh giảng ba ca liên tục trong nhiều ngày đến mức thời gian đó tôi cũng ở trong ấy với con tôi mà anh quên mất lời hẹn, không lại chơi cũng như không gọi điện, còn tôi chẳng biết anh ở đâu để mà điện thoại để mà tới thăm.

Một lần lên Hà Nội, tới nhà một người bạn là cán bộ trung cấp trong quân đội ở khu Nam Đồng, tôi thấy rất nhiều các sĩ quan quân đội đang tập trung chờ thầy đến. Rồi thầy đến. Tôi ngạc nhiên và vui mừng biết bao vì người thầy tiên phong đạo cốt ấy là Nguyên Bình. Quả là tiên phong đạo cốt: Minh gầy vóc hạc, tóc bạc, lông mày bạc, râu bạc, dù ngày ấy anh mới ngoài năm mươi tuổi.

Bạn bè ở Hà Nội nói với tôi: Thầy Nguyên Bình là bậc đại sư rồi.

Tôi không biết tài năng chữa trị của Bình đến đâu, và quả thật tôi cũng chưa tin những điều Bình nói về khả năng gần như vô tận của con người, về cái tuổi thọ con người lẽ ra được hưởng, nhưng tôi có chứng kiến một sự việc nhân tiền. Chị Tường, vợ anh bị thiếu năng tuần hoàn não nặng. Đi lại khó khăn. Không thể ra khỏi cửa. Đã đến các bệnh viện, dùng đủ các thứ thuốc đắt tiền. Mà đâu vẫn hoàn đấy. Vẫn đi lại khó khăn. Vẫn không ra khỏi cửa. Bình đã chữa cho vợ. Không phải dùng thứ thuốc nào. Chị đã trở lại khỏe mạnh. Đã đi xe máy được giữa phố phường đông đúc Hà Nội.

Đó là một việc có thật. Nhưng tôi vẫn hoang mang. Càng hoang mang hơn khi anh rủ rí:

-Mày tập đi. Mày tập đến một độ nào đấy thì sẽ không muốn viết nữa.

Tôi giẫy nẩy:

-Không. Không. Tao đang muốn viết lắm.

Tôi không hiểu và tin rằng mình không thể hiểu được những gì Bình đang theo đuổi. Chỉ lờ mờ rằng đạo của anh -nếu có thể nói được như thế- có một cái gì rất gần với đạo Phật và cũng rất gần với những suy nghĩ của anh trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. Nó bắt nguồn từ những ngày xa xưa, từ những ngày anh chữa bệnh ở Đông Khê, gần gũi những người điên. Hay nói theo cách của anh: Sự chuyển hướng của anh đã được mã hoá, đã được cài đặt trước. Đến tháng ấy năm ấy, Nguyên Bình sẽ làm những việc như thế, thành một người như thế. Anh muốn tôi theo anh, từ bỏ những việc trần tục tôi đang làm để đi với anh tới những gì rộng lớn hơn của kiếp người. Anh muốn tôi thiện. Nhưng tôi là người nặng nợ. Tôi còn phải viết. Tôi cũng được mã hoá rồi.

Cứ gặp nhau là anh thuyết phục tôi. Về thuyết luân hồi. Về cái vòng đời của chúng ta không dài hơn vòng đời một con ruồi dấm. Rồi lại những khả năng vô tận của con người, rồi ba dạng tồn tại của vật chất: Vật chất thô, vật chất tinh hoa, vật chất trung gian...

Và bất chợt nhận ra vẻ mặt ngây ngô của tôi:

-Không hiểu phải không? Hoang mang lắm phải không?

Không ai bảo ai, ngay lập tức cả hai chúng tôi đều song tấu rất nhịp nhàng:

-Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình

Nắm tình hình rồi tình hình rất hoang mang.

1-2-2000

26 Tết Canh Thìn

^[1] Áo em trắng quá nhìn không ra (Hàn Mặc Tử)

^[2] Tên những bài thơ của Hoàng Hưng

Rừng xưa xanh lá

Phần VIII

Một ông già sống cho đến khi chết

Khi cái chết đến với một con người thì cũng từ đó một cuộc sống mới nảy sinh. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc sống vẫn còn tiếp tục sau cái chết có lẽ là sự công bằng, điều cả loài người mong ước như một khát khao hướng thiện. Nhà thơ, nhà giáo, nhà hoạt động cách mạng Lê Đại Thanh đang sống cuộc

sống thứ hai đó trong mỗi chúng tôi, những người dân thành phố Hải Phòng, thành phố của hoa phượng, của xi-măng, của Ao Than, Quán Nải, Máy Chi, Máy Tơ, Ca-rông, Xac-rích ngày xưa, của Duyên Hải, tổ đá nhỏ ca A vang bóng một thời, của những khu công nghiệp tập trung trong thời đổi mới hôm nay. Và Hải Phòng của biển, của những hời còi tàu cất lên chào bến cảng. Hải Phòng từ lâu đã là một thành phố của giai cấp, của phong trào, của công nghệ. Nhưng Hải Phòng không chỉ có thế. Hải Phòng còn là một địa chỉ của Văn Hoá, một ngọn nguồn Văn nghệ với những người đã góp phần to lớn vào dòng chảy của dòng sông văn nghệ Việt Nam: Thế Lữ, Khái Hưng, Lan Sơn, Lê Đại Thanh, Nguyên Hồng, Trần Tiêu, Lê Thương, Hoàng Quý, Phạm Ngũ, Canh Thân, Đoàn Chuấn, Văn Cao, Nguyễn Đình Thi, Đỗ Nhuận...

Giữa những tên tuổi ấy, Lê Đại Thanh là một trong những người đi trước. Và trong số ấy cũng chỉ có Lê Đại Thanh với Nguyên Hồng là gắn bó cả đời với Hải Phòng. Cuối cùng, theo phép rút gọn chỉ còn một Lê Đại Thanh là duy nhất đã sinh ra, lớn lên, sống và chết ở Hải Phòng theo cả nghĩa đen. Mảnh đất mặn phù sa nước mắt Hải Phòng đón nhận ông. "Chết là trở về với tinh thể sao trời. Trả trái đất những gì vay mượn trước" như thơ ông viết. Linh hồn ông đã trở về với trời sao. Thở xác ông từ đất lại trở về với đất. Vậy là ông đã sạch nợ nần với vũ trụ. Không những thế, ông còn trả cả lãi. Đó là món nợ với con người, là những gì trong nghệ thuật ông để lại cho chúng ta, thứ "thập loại chúng sinh" còn sống, chưa "xuống ga đời" chưa "trả lại vé quê hương".

Ông làm chúng ta vui lên, ông làm chúng ta yêu đời, ông làm chúng ta có thêm nghị lực sống.

Ông là sự hấp dẫn hãy hiến dâng trọn đời cho nghệ thuật, cho cái đẹp, nhưng cũng là lời cảnh báo cho những ai muốn bước vào con đường nghệ thuật, hãy xem xét lục lợi hành trang của mình: Có đủ tình yêu và lòng dũng cảm hay không? Và đừng bao giờ coi nghệ thuật là đồ trang sức. Càng không thể chơi trò chơi văn nghệ.

Trong lễ mừng thọ ông 80 tuổi, nhà thơ Dur Thị Hoàn ngày ấy mới sáng tác những bài thơ đầu tiên, đã đọc một bài thơ tặng ông, nói lên tác động của ông đối với những thế hệ tiếp theo, những người ngoại đạo đứng nhìn vào "đám đông nghệ thuật":

Tôi như một đứa trẻ
Bị hút hàm đuôi ra khỏi đám đông
Huyền thoại là ông
Người ta nói về ông kỳ dị
Khắc hoạ ông quái lạ

Một hoang mạc không có bến cho tuổi già
Tôi nấp
Tôi nghe
Tôi nín thở
Tất cả trong tôi vỡ vụn ra
Sức cộng hưởng đang tàn phá
Tôi bắt gặp thi ca.

Sinh năm 1907, mất năm 1996, Lê Đại Thanh đã cống trên lưng gần trọn thế kỷ 20, một thế kỷ mang trên mình

Bao nhiêu mầm ung độc
Bao nhiêu nụ hoa đời

như Huy Cận đã viết.

Trong bản lý lịch hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Lê Đại Thanh viết: "Mẹ tôi đẻ tôi sau những năm Nga-Nhật chiến tranh trên bờ sông đào Hải Phòng. Thế giới của tôi là cái thành phố công nhân mới tạo lập đầy những đầm ao, đầy những tiếng ếch, tiếng ễnh ương, tiếng hát của Tây say, của đám lính thủy Pháp đổ bộ vào các nhà chứa. Tôi yêu tha thiết cái thế giới nhỏ bé của tôi. Đó là trường học do ông Thông Vôi lập ra ở phố Cầu Đất". Mười hai tuổi Lê Đại Thanh mồ côi mẹ. Sau này nhớ lại nỗi đau ngày ấy Lê Đại Thanh nghẹn ngào:

Mẹ xa con năm mẹ ba mươi tuổi
Tôi như người chết đuối

giữa dòng đời

Và

Tôi là con chim se sẻ

lạc giữa rừng người

Mỗi gà gáy canh năm ai đánh thức tôi?
Ai đưa tôi ra trường học
Tôi đói trọn đời một hương hoa ngâu ướp suối tóc

Không còn người mẹ "áo mớ ba mớ bảy", suối tóc ướp hoa ngâu, gánh chiếu

hoa đi chợ bán, kinh tế gia đình gặp khó khăn.

Bù lại, "con chim se sẻ lạc giữa rừng người" cậu học sinh nghèo Lê Đại Thanh học rất giỏi.

Hai mươi tuổi, tốt nghiệp Cao đẳng, khoa sư phạm, ông đã được bổ nhiệm chính ngạch và được đặc cách dạy lớp Nhì, lớp Nhất tại trường Jules Ferry (Nam Định). Học trò ông ở đây có nhà văn Nam Cao, nhà cách mạng Đỗ Đức Dục. Ngày ấy Nguyễn Hồng cũng học ở Jules Ferry nhưng ở lớp khác. Bốn năm sau do kết bạn với những người cách mạng, những thanh niên có tư tưởng tiến bộ mà nhà nước bảo hộ liệt vào loại thành tích bất hảo như Ngô Gia Tự, Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Công Mỹ, Bùi Đình Đồng... ông bị chuyển lên mạn ngược, dạy ở trường Nước Hai (Cao Bằng). Ở đây một loạt học sinh của ông sau này trở thành các tướng lĩnh: Bằng Giang, Quang Trung, Nam Long... Và cũng ở đây, những người bạn của ông như Ngô Gia Tự, Bùi Đình Đồng... vẫn đến thăm ông.

Chắc chắn ông không chỉ dạy học trò cách cộng trừ phân số, quy tắc tam suất hay học thuộc lòng lịch sử Pháp bằng tiếng Pháp theo chương trình bắt buộc "Nos ancêtres sont des Gaulois" (Tổ tiên chúng ta là người Gô-loa). Thầy giáo Lê Đại Thanh đã thổi vào tâm hồn học sinh của mình lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tình yêu nhân dân đang rên xiết dưới ách thống trị của thực dân đế quốc.

Rồi ông được chuyển về làm đốc học ở trường Hàng Kênh thuộc huyện Hải An, tỉnh Kiến An. Chánh mật thám Hải Phòng, tri huyện Hải An đã nói thẳng với ông đốc học cao lớn, đẹp trai, một nhà thơ trẻ thuộc nhiều thơ Pháp, một võ sĩ Judo, một võ sĩ quyền Anh nghiệp dư là Lê Đại Thanh rằng ông không được đi quá Hải Phòng- Kiến An 30 ki-lô-mét mà không xin phép Kiểm học .

Chỉ tới năm 1941, khi Lê Đại Thanh về dạy trường Bonnal, tức trường phổ thông trung học Ngô Quyền ngày nay, lệnh ấy mới được nới lỏng. Ông được phép đi tới Hà Nội và cũng chỉ tới Hà Nội mà thôi.

Những cán bộ thay mặt Đảng phân công ông hoạt động hợp pháp, công khai trong hai phong trào: Truyền bá quốc ngữ và thể dục thể thao (do Đuy-cu-roa khởi xướng). Ông đã quyên tiền mua súng cho cách mạng.

Là một người nổi tiếng, các đảng phái lôi kéo ông. Nguyễn Tường Tam tức nhà văn Nhất Linh, bạn văn của ông, nhiều lần bàn bạc rủ rê ông hoạt động cho Quốc dân đảng. Ông từ chối. Đại Việt quốc gia liên minh, một đảng thân Nhật hứa dành cho ông chức thị trưởng Hải Phòng. Ông từ chối.

Tháng 5 năm 1945, ông bị hiến binh Nhật bắt. Biết trước tin này, nhưng dựa vào tính hợp pháp của mình, ông không rút vào bí mật. Nhật bắt ông khi ông đang diễn thuyết ở hội quán AFA. Đỗ Đức Phin đã đưa hiến binh Nhật đến . Ít lâu sau Phin bị bắn chết. Người thi hành bản án này là Văn Cao, bạn ông.

Cách mạng tháng Tám thành công, ông được đề cử làm phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố, nhưng ông chỉ nhận chức uỷ viên tuyên truyền phù hợp với ông.

Trong giai đoạn cách mạng còn đang trứng nước, dựa vào thế lực Tàu Tưởng sang tước khí giới, giải giáp quân đội Nhật, Việt Nam Quốc dân đảng đã bắt ông.

Đích thân đồng chí Lê Quang Đạo, lúc ấy là bí thư thành uỷ, sau này là chủ tịch quốc hội, chỉ huy cuộc đấu tranh đòi chúng phải thả ngay Lê Đại Thanh và hai cộng sự của ông. Hàng nghìn người đứng chật quảng trường Nhà hát lớn. Súng đã nổ. Máu đã chảy. Một số người bị thương trong cuộc đấu tranh này. Trước sức mạnh ấy của quần chúng, Việt Nam Quốc dân đảng đã phải trả tự do cho ông. Ông lại trở về với nhân dân, với cách mạng.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông vào bộ đội, tự nguyện làm chiến sĩ trung đoàn 42. Làm báo Quân Bạch Đằng của quân khu Ba. Tham gia chiến dịch Trần Hưng Đạo. Rồi làm báo Cứu Quốc.

Hoà bình lập lại, ông được điều về biên tập thơ cho báo Văn Nghệ. Cùng với Hữu Loan, Quang Dũng, Trần Lê Văn...

Năm 1958 ông trở về Hải Phòng, thành phố chôn nhau cắt rốn sau khi đã in dấu chân trên bao nẻo đường kháng chiến.

Sống. Học. Đọc. Làm thơ. Viết truyện. Viết kịch. Trường ca. Hồi ký. Cho đến cuối đời.

Chắc chắn cuộc đời Lê Đại Thanh sẽ rẽ sang một hướng khác nếu ông không mắc phải hội chứng thi ca. Có thể ông đã tiến bước vững chắc trên quan lộ.

Có thể ông chỉ là thầy giáo bình thường.

Và như vậy hôm nay chúng ta chẳng có gì để nói về ông.

Và như vậy hôm nay Hải Phòng chẳng có một Lê Đại Thanh thi sĩ. Hải Phòng sẽ nghèo đi, mất đi một nét độc đáo của mình.

Trong những tán lá cổ thụ của khóm rừng văn học nghệ thuật Hải Phòng, chỉ có hai người: Ông và Nguyên Hồng mang tính cách riêng đến thế.

Ông như dãy quán hoa trước cửa Nhà hát thành phố, chỉ Hải Phòng mới có.

Ông như sông Lấp, sông Tam Bạc chỉ Hải Phòng mới có.

Ông như phố Cầu Đất chỉ Hải Phòng mới có

Ông như Nguyên Hồng chỉ Hải Phòng mới có.

Chúng ta quen nhìn ông đi trên đường phố Hải Phòng, cao gầy, quần áo nhàu nát, ca vát xộc xệch, mũ phớt, tóc bạc xoã, khuôn mặt nhăn nheo khắc khổ, đôi mắt sáng, bước những bước chậm rãi trên đường, như mộng du lại như dầm như từng cây số theo cách nói của Mai-a-kôp-xki.

Chúng ta đã quen nghe giọng ông, chất giọng tuyệt vời của một giáo viên, một diễn viên, trầm ấm sang sảng trong những buổi gặp mặt cùng ông.

Chúng ta đã quen nghe những bề bộn giải bày của ông về sáng tác, về học

ngoại ngữ.

Lê Đại Thanh làm thơ được đăng báo từ những ngày còn đi học.

Tài năng văn nghệ của ông khá đa dạng: Làm thơ, viết văn xuôi, hoạt động kịch nói trên cả ba phương diện: Sáng tác kịch bản, diễn viên, đạo diễn.

Tập san Sân Khấu đã viết về ông:

"Gác bỏ những lĩnh vực hoạt động khác thì trong bước phôi thai của kịch nói hình thành để rồi tự khẳng định là một loại hình sân khấu, ông Lê Đại Thanh có đóng góp của mình.

Mãi mãi còn đó một ban kịch Anh Vũ của Thế Lữ và kịch sĩ Lê Đại Thanh đã từng thủ vai nhà tư sản Trần Thiết Chung trong vở Kim Tiền của Vi Huyền Đắc. Thời ấy những việc làm đó có giá trị lớn của sự tiếp nhận và giao lưu và thiếu gì cả những ý nghĩa của sự khai trí."

Cũng thời gian ấy vở kịch Hai người thợ học của Lê Đại Thanh được giải thưởng Tự lực văn đoàn cùng với Bỉ Vở của Nguyên Hồng, một giải thưởng như Kim Lân nói, rất uy tín vì không uỷ viên chấp hành nào trùng cả.

Vở Ông giáo Mỹ của ông được công diễn liên tục tại Nhà hát lớn Hà Nội.

Ban kịch Lan Sơn-Lê Đại Thanh là ban kịch sáng giá của cả nước.

"Những năm kháng chiến, sinh hoạt kịch ngắn, độc tấu như một sở trường của Lê Đại Thanh. Năm 1994, vở Nàng tiên cóc của ông được Sài Gòn Audio-Video thực hiện và còn dang dở đó kịch bản Người thi sĩ lấy nữ thần mặt trời và hài kịch triết học Sác lô lên trời." ^[1]

Lê Đại Thanh kịch sĩ, Lê Đại Thanh văn xuôi, Lê Đại Thanh nhà giáo, Lê Đại Thanh nhà cách mạng, nhưng trên tất cả, chúng ta có một Lê Đại Thanh thi sĩ.

Cũng như mọi hoạt động nghệ thuật khác của ông, chúng ta hiện nay có trong tay rất ít thơ ông.

Mà ông lại sáng tác rất nhiều. Dường như có cả hàng chục năm ông không in dù ông viết ngày đêm. Bởi đã có một thời gian ông làm người ta sợ.

Tại nạn ập đến khi những bạn bè ông lập ra tờ báo Nhân Văn. Trên tờ báo đó, người ta thấy trong mục Hộp thư có tên ông. Và có tên ông trong danh sách những người ủng hộ tiền cho báo, một số tiền nhỏ vào thời điểm đó: 20.000 đồng.

Đang là biên tập viên báo Văn Nghệ, ông được cử đi thực tế Hải Phòng.

Hết đợt, ông có quyết định ở lại Hải Phòng, công tác tại sở Văn Hoá mà không về Hà Nội nữa.

Tại đây ông được giao những việc lặt vặt. Lúc là biên tập cho mấy tờ bướm về chăn nuôi, về thuỷ lợi. Lúc xuống nhà in sửa mo-rát. Lúc dựng kịch cho các huyện. Việc rất ít. Khi có khi không.

Ông không thể không làm việc mà vẫn cứ lĩnh lương. Ông cần thời gian để viết trong khi hàng ngày phải đến nhiệm sở làm những việc để mà làm hoặc

không làm gì cả.

Mọi người dần dần xa lánh ông.

Năm năm như vậy là quá đủ, quá dài. Năm 1963, ông làm đơn xin nghỉ hưu non.

Năm ấy ông mới 56 tuổi và còn đang rất khỏe. Nếu chia tỷ lệ với cái tuổi 90 khi ông qua đời thì còn đang độ tuổi tráng niên.

Đã có những đêm ông thức trắng.

Đã có những đêm ông ngồi một mình rất lâu trước bức tranh Trên sự yên tĩnh đời đời của Lê-vi-tan.

Ông ghi vào nhật ký: "Tôi nghĩ đến cái chết như một chuyến đi xa".

Đã có những phút mềm yếu, những lúc chán nản. Và ông đã vượt qua.

Phùng Quán viết về mình:

Có những lúc ngã lòng

Tôi lại vịn câu thơ đứng dậy

Lê Đại Thanh cũng vậy. Ông lại vịn câu thơ đứng dậy.

Ông viết. Học tiếng Nga để đọc Lec-môn-tốp trong nguyên bản. Học tiếng Anh. Học tiếng Đức. Và viết. Viết như một lẽ sống. Như một cứu cánh. Như một người bị dồn đến chân tường.

Nhưng người ta im lặng trước những sáng tác của ông. Bởi vì dưới những bài thơ, những truyện ngắn ấy ký một cái tên Lê Đại Thanh. Ba tiếng Lê Đại Thanh ngày ấy đồng nghĩa với ba tiếng có vấn đề. Có vấn đề không là gì cả nhưng lại là tất cả.

Ba tiếng Lê Đại Thanh còn làm chính những người trong gia đình ông lo âu, sợ hãi.

Ngày ấy các con ông đều bỏ đi chữ Đại ở giữa.

Lê Đại Châu đổi thành Lê Minh Châu.

Lê Đại Chúc thì bỏ hẳn chữ Đại. Chỉ còn Lê Chúc.

Lê Đại Chúc cũng chỉ là Lê Chúc.

Hình như các con ông không xuất thân từ dòng họ Lê Đại. Bởi vì có những dấu hiệu bệnh có vấn đề mang tính di truyền.

Lê Đại Thanh hoàn toàn cô đơn. Một người cô đơn ngoài ý muốn. Đúng hơn, một người bị bỏ quên giữa cuộc đời này. Mà ông cần biết bao một người chia sẻ. "Bạn" là khát vọng của ông.

Bạn là một nửa bản thân tôi

Nửa da thịt

nửa trái tim

khối óc

Bạn là núi
Tôi là cánh bướm mây đỏ rực
Hoàng hôn vàng nồng nhiệt tới buồng neo

Hơn ai hết, ông biết khi có bạn, ý chí, sức mạnh con người vừa tăng theo cấp số cộng, vừa tăng theo cấp số nhân:

Bão tố cuộc đời, tôi không còn e sợ
Tôi có bốn cánh tay ngăn sức gió
Tôi được nhân lên khi bạn cộng với tôi
Tôi mạnh hai lần
Bạn giàu gấp đôi.

Khát vọng đơn giản ấy làm sao có được. Một mình ông, ông phải có bốn cánh tay ngăn sức gió, ông phải mạnh gấp hai lần. Và ông đã mạnh gấp hai lần.

Năm 1965, mặc dù còn đang hoàn toàn khoẻ mạnh, ông vẫn thấy cần làm bản tổng kết cuộc đời và cần để lại di chúc. Không phải di chúc cho con cháu phân chia của cải mà là di chúc với đời. Bản Di chúc mới thanh thản làm sao.

Chết là trở về với tinh thể sao trời
Trả trái đất những gì vay mượn trước
Chào những bộ hành tuổi xanh xuôi ngược
Tôi xuống ga đời gửi lại vé quê hương

Thanh thản vì cái chết là quy luật. Thanh thản vì cả đời ông gắn bó với cách mạng. Vì cả đời ông gắn bó với thi ca, nghệ thuật, gắn bó với cái đẹp. Và thanh thản vì cả đời ông không làm hại một ai. Ông luôn nghĩ tốt, đối xử tốt với mọi người.

Cuộc sống là một hành trình có hạn. Chúng ta ai cũng mong có được tấm lòng thanh thản như ông khi lìa đời, khi trả lại vé quê hương.

Năm 1965 đang là thời gian khắc nghiệt nhất của ông. Tuy nhiên ông vẫn thốt lên:

Hạnh phúc làm sao được sống mãi làm thơ
Chưa bao giờ Lê Đại Thanh là một người bất mãn, một kẻ chán đời. Sống làm thơ với ông là một hạnh phúc. Dù thế nào chăng nữa.

Bài Di chúc không được in, tất nhiên. Nhưng nhiều người đọc, rồi lại đọc cho người khác. Chép rồi lại chép cho người khác. Bài thơ có tên tác giả. Rồi không có tên tác giả. Không biết nó đã bay đến tận những phương trời nào.

Nhà thơ Tế Hanh thuật lại vào giữa thập kỷ 80, khi ông đang đi trên bờ hồ Thiền Quang (Hà Nội) một thanh niên đã lễ phép hỏi ông hai câu thơ "chào những bộ hành tuổi xanh xuôi ngược, tôi xuống ga đòi gửi lại vé quê hương" có phải của Ta-go (nhà thơ Ấn Độ-giải Nobel) không. Ông đã trả lời: "Tôi không biết có phải của Ta-go không. Nhưng chắc chắn đó là hai câu trong bài Di chúc của Lê Đại Thanh".

Lại thêm một minh chứng về sức sống của thi ca dù không được in ấn, không được đề cao, không được các phương tiện thông tin đại chúng giúp đỡ.

Lê Đại Thanh sáng tác rất nhiều. Ông sáng tác để thỏa mãn nhu cầu sáng tạo của bản thân. Việc in ấn không đặt ra. Chỉ cần đọc cho một người bạn. Chỉ cần một người nào đó hiểu ông.

Có lẽ trong đời làm thơ của ông, duy nhất có một bài thơ được in, được phổ biến rộng rãi đến thế. Đó là bài Chương Dương hành khúc dài đúng 100 câu, độc vận.

(...) Nam nhi!

Nam nhi!

Đêm nay trăng tỏ soi trăm dặm
Lau kiếm trường vĩnh biệt thê nhi
Ngày mai đi giữa rừng thương giáo
Hành quân mắt dõi bóng kinh kỳ
Đường lên ải Bắc quanh co khuất nẻo
Đường vào Chiêm Thành gầy khúc chữ chi
Giặc kìm kẹp ta giữa hai mũi sắt
Đất nước giục giã đâu ta cũng đi
Thăng Long bị chiếm triều đình chuyển dịch
Lê dân rời thành lệ ướt hàng mi...

Bài thơ tràn đầy tinh thần quật cường dân tộc như một bài hịch được đọc trong những buổi hội họp, được in 3000 bản và phân phát như một thứ truyền đơn trong những ngày sục sôi cách mạng trước và sau Tổng khởi nghĩa.

Nhưng ngày ấy đã qua lâu rồi. Giờ đây còn lại tuổi già và sự cô đơn. Mà lòng ông thì không nguôi được. Không bao giờ nguôi được.

Lê Chúc hân đã rất hiểu bố mình nên thường vẽ ông trong trang phục màu

đỏ, một gam màu nóng.

Trong một bài thơ gửi họa sĩ Thọ Vân, Lê Đại Thanh viết:

Tôi một hoả diệm sơn ngàn ngút

Nhìn quanh chân mình những dòng sông lửa lưu huỳnh

Và trong bài Thời gian ông viết:

Tôi đang suy nghĩ về em với trái tim núi lửa

Trái tim ông như vậy. Một núi lửa tình yêu. Nó là nỗi đau. Nhưng cũng lại là sức mạnh.

Ngón đòn của số phận có thể làm ai đó gục ngã. Nhưng Lê Đại Thanh thì không. Trái tim ông đã cứu ông. Hay đúng hơn, chính năng thơ, nghiệp chương của đời ông đã cứu ông. Trong tấm áo choàng rực rỡ huyền ảo mỏng manh của thi ca, Lê Đại Thanh là bất khả xâm phạm. Không một ngọn roi nào chạm được tới người ông. Vòng kim cô không xiết được đầu ông vì trong đó đầy ắp thi ca, đầy ắp tình yêu cuộc sống.

Ông yêu đời, ông yêu người, ông yêu thơ. Trong thơ, nhiều lần ông nói thẳng ra điều ấy mà không dùng hình tượng, không cần dùng một cách diễn đạt bóng bẩy nào. Tôi yêu chuyện cổ tích nước tôi. Tôi yêu cô hát chèo rằng nồn hoa cau. Tôi yêu dải đất... Hết như khi mình thổ lộ với người mình yêu. Phải nói ra những điều chất chứa trong lòng một cách đơn giản nhất. Ông không để ý tới con số phần trăm bậc lương hưu cán sự 2^[2] mà ông hưởng cho đến lúc chết. Việc ông không được công nhận lão thành cách mạng, không được huân chương, và tất nhiên không có những khoản phụ cấp kèm theo cũng không làm ông bận tâm suy nghĩ. Ta có thể biết chắc điều ấy. Bởi vì khi đó có một học trò của ông làm phó bí thư thường trực Thành uỷ. Một người học trò khác làm trưởng Ban tổ chức chính quyền thành phố. Mà đường đi từ nhà ông tới những nơi ấy chỉ 20 phút đi bộ, nhưng ông chưa một lần đến để đề nghị, đề trình bày. Ông không mặc cảm. Ông cũng không quá tự trọng. Đơn giản là ông không có thời gian cho suy nghĩ ấy, cho công việc ấy dù là để sửa chữa những bất hợp lý cho chính bản thân ông. Ông có thể dành cả buổi sáng viết thư trả lời một bạn làm thơ trẻ về thi ca, nhưng viết một lá đơn ông lại không làm.

Không phải ông quên quá khứ hay cố tình quên quá khứ.

Quá khứ vẫn sống trong ông, nhưng không thể chạy chọt để được công nhận quá khứ. Càng không thể lấy quá khứ đánh bóng cuộc đời, đánh bóng thi ca. Lê Đại Thanh là một nghệ sĩ đích thực, một nghệ sĩ "đến tận móng tay đầu sợi tóc"^[3]. Thế giới của ông là thế giới thi ca. Nơi ông tới khi ông đi ra khỏi

nhà là tới những người làm nghệ thuật.

Ông ra ngõ chỉ để mua điều thuốc, nhưng nhiều ngày sau mới trở về. Bữa cơm đã dọn nhưng ông xách xe đi như người mộng du. Ông có thể sống với chỉ một mẩu bánh mì trong túi như một bữa ăn lưu động trên đường.

Những người làm thơ Hải Phòng ai chả từng một lần được ông tới nhà, nhiều khi bất ngờ nhất.

Một nhà thơ ở vùng ven thành phố kể lại rằng vào một đêm mưa bão bố đến.

Bố đội mưa, vượt ba ki-lô-mét đến nhà. Bố đọc cho nghe bài Vua sư tử và mặt trời. Rồi bố nói về tầm vóc thi ca Việt Nam phải có và sẽ có. Người ta không thể nào quên được những lần ông tới nhà, ngượng nghịu rút dè lấy trong túi ra nào đường, nào cà-phê và cả phin lọc pha cà-phê:

-Pha đi. Bố con mình uống.

Thương ông. Ông cần chia sẻ. Ông cần đối thoại. Lại càng thương vì ông biết mình đang làm phiền người khác nhưng không thể nào khác được.

Người ông đầy ắp. Ông đang cần vội bớt được mình đi.

Giờ lại những sáng tác ít ỏi của Lê Đại Thanh còn đến được tay chúng ta, thấy rõ một điều: Ông gắn bó với những chuyện cổ tích, những Tấm Cám, những Sơn Tinh Thủy Tinh, Từ Thức, Thánh Gióng, những cô tổ nữ trong tranh Đông Hồ, ông nhớ những ngày xưa phiên chợ cuối năm mua tờ tranh đám cưới chuột, và

Mặt vách nhà tôi mỗi tết đến
Chú cóc cầm roi dạy học nghiêm trang
Chú ỉn lưng xanh
Anh ỉn khoanh vàng
Đùng đỉnh khoe màu giữa lòng đêm tối

Ông gắn bó với những đêm hát chèo. Ông gắn bó với quê hương, quê hương có một người em gái:

Em buồn em vui em mãi nhớ tôi
Tôi giận tôi hờn tôi không em được

Quê hương có những trò chơi ngày tám bé:

Tuổi trẻ đời tôi vui lá cỏ
Cánh vành khuyên chú dế mèn nâu
Thế giới của tôi lộng lẫy sắc màu
Thân cá mại cò vẩy lưng óng ánh
Em đánh bò qua môi cười gió lạnh

Đọc những bài Đám cưới chuột đỏ xanh, Tôi yêu chuyện cổ tích nước tôi, Hát chèo, Quê hương, Những trò chơi bao ngày tám bé, ta thấy tiếng vọng của đồng quê, của thời thơ ấu, của truyền thống, của cội nguồn, điều những người làm văn hoá hôm nay nhắc nhau: Không được phút giây sao lãng. Lê Đại Thanh sống và làm việc tới năm ông 90 tuổi. Thử tìm bí quyết sống lâu của ông ta thấy một điều dễ nhận. Đó là sự kiên trì tập luyện. Thuở trẻ ông là một võ sĩ Judo, võ sĩ quyền Anh. Về già, ông tập Yoga. Kiên trì ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác. Khi thị lực giảm, đi đâu ông cũng mang theo chiếc gương để tập thôi miên cho mắt sáng trở lại. Và sở dĩ ông sống đến 90 tuổi vì trong đầu ông không có chỗ cho những ý nghĩ bi quan trầm uất. Hơn nữa chỉ lạc quan yêu đời thôi chưa đủ, còn phải trẻ trung. Chúng ta ngạc nhiên biết bao khi đọc bài Ngây thơ ông viết năm ông gần 70 tuổi:

Ú tim
Em đi tìm
Tôi đi nấp
Chân lý bên này bên kia trái đất
Ta yêu con người ta mãi tìm nhau
Sân gạch: Đại dương
Xếp đá làm cầu
Ú oà
Tôi đi ra
Em vào bóng tối
Mười ngón tay mảnh mảnh đan vội
Em nhìn thấy tôi em vẫn đi tìm
Tôi biết em mở mắt mà tôi không nói
(...)

Và đây, bài đồng dao U mặc ông sáng tác ở tuổi 83:

Muôm muôm đội mũ mấn xanh
Khóc chồng không khóc khóc anh cào cào
Bọ ngựa chém chém đôi đao
Chém lia. Chém lịa. Toàn vào bạn thân
Kiến vàng kéo lê đôi chân
Giận con bọ ngựa bắt nhân bắt nghì
Muôm muôm đội mũ mấn đi
Nhớ cào cào vẫn tí ti khóc ngậm...

Lê Đại Thanh luôn trẻ trung hóm hỉnh. Nhưng thời gian vẫn là thời gian. Với những bậc sống gần thể kỷ như ông, thời gian đồng nghĩa với sự kết thúc. Nhưng ông không ngán. Ông vẫn ca tụng thời gian, người khai sinh vĩ đại và kẻ huỷ diệt vĩ đại. Dù thời gian làm cho

Em có mặt hôm nay để tương lai không còn nữa
Tôi vẫn viết bài thơ ca tụng thời gian
Người gieo hạt vàng trên trái đất
Người đô vật quật ngã các khổng lồ
Người thẩm phán vô tư
Quyết định các giá trị bất tử

Ông tự nhủ:

Nghệ thuật không được già
Thời gian đi liên tục
Như người gieo hạt hoa

Khi về già người ta thường trở đi trở lại với những suy ngẫm về thời gian, về vũ trụ, về kiếp người, về bản thân. Lê Đại Thanh đã có những định nghĩa về mình vừa thơ lại cũng vừa triết học:

Tôi là mâu thuẫn của tôi
Tôi là núi lửa đồng thời núi băng
Tôi là con mọt nghiền răng
Gặm thời gian gặm mặt trăng mặt trời

Con người ông với bao nhiêu nghịch lý:

Tôi nghèo như một ông vua
Tôi nhanh như một con rùa ngụ ngôn

Ta bỗng thấy Lê Đại Thanh đã nói hộ những gì ta chưa biết về ta. Ta bỗng thấy ta nghèo nhưng cũng lại rất giàu, ta vừa nhanh lại vừa chậm, ta là con mọt nghiền răng gặm thời gian và gặm cả vũ trụ. Những bài thơ về kiếp người của ông thật gần gũi, thấm đượm tinh thần triết học phương Đông, con người hữu hạn trong cái mệnh mông của vũ trụ, cái vô tận của thời gian, con người đáng thương, đáng yêu, rất cần được chia sẻ:

Tâm hồn tôi là một lâu đài đá đỏ
Mà trái tim là chiếc chuông treo ở ngõ
Hãy giật chuông đi vào, đi rất nhẹ người ơi
Đừng dừng chân trước ngưỡng cửa con người.

Van nài hay kêu gọi? Sao thiết tha đến thế!
Ta thấy như mình đã mắc lỗi cùng ông. Và tự nhủ từ nay không bao giờ
được dừng chân trước ngưỡng cửa con người. Hãy giật chuông đi vào. Hãy
đi rất nhẹ.
Ông hiểu rằng con mọt nghiêng răng là ông đã gặm gần hết phần thời gian,
phần mặt trăng mặt trời của mình rồi. Thì có sao đâu. Điều quan trọng là
phải biết sống. Trong bài Vua sư tử và mặt trời, ông viết:

Hãy trân trọng những ngày người sống
Hãy gặm lên thức động núi dài
Hư danh là chuyện chiếc gai
Hôm nay vàng dát ngày mai đất bùn.

Tiền bạc, danh vọng, địa vị, tất cả đều là hư vô. Còn sống ngày nào hãy sống
hết mình với cuộc đời, với nghệ thuật.
Bài Thi sĩ và Thần Chết nằm trong số di cảo của ông chứng tỏ ông quyết
chinh phục bản thân cái chết. Bài thơ kể chuyện hai lần Thần Chết cười ngựa
ô, cầm lưỡi hái đến gõ cửa đòi tính mạng của thi sĩ. Nhưng thi sĩ còn đang
viết dở dang bản trường ca cuộc sống. Lần thứ ba, trên đường đi đòi mạng
sống của nhà thơ, Thần Chết bỗng nghe trên làn sóng điện bản trường ca ấy
và bỗng thêm sống trở lại.

Trên mặt hành tinh có những người như thế đó
Họ viết về cuộc sống

bắt Thần Chết ngồi im trên lưng ngựa

Con chim và cái lưới

I

Đời là sa mạc lửa thiêu

Tôi khao khát một tình yêu cháy lòng

Em

con chim nhỏ

lượn vòng

Tôi quây lưới nhốt

giữa

lòng

tim

tôi

Nhưng tôi thiếu

nắng

mặt trời

Thiếu rừng cây với núi đồi tặng chim

II

Tình yêu một phút nhen lên

Một giây lại tắt trong đêm

tối mù

Con chim vỗ cánh

bay vù

Trả chim cho gió tôi thu lưới về

Người thơ mãi mãi si mê

Cái bay đi

cái không về

cái trôi

Chiếc lòng là cuộc đời tôi

Em con chim én của trời ... tự do...

Chúng tôi giới thiệu trọn vẹn bài thơ này của Lê Đại Thanh không phải vì đây là một bài thơ tiêu biểu của ông, không phải vì nó nói được tình yêu và sự bất lực trong tình yêu cuộc đời của trái tim thi sĩ. Mà bởi lẽ ra bài thơ này không đến được với chúng ta. Ông đã viết ra. Ông đã đọc cho nhiều người. Người nghe nhớ. Còn ông thì quên nó. Trong buổi chúc thọ ông 80 tuổi, người đọc một câu, người đọc hai câu, chắp nối lại, thế là bài thơ đã nguyên vẹn hình hài, đã được phục sinh. Có biết bao thơ Lê Đại Thanh đang cần được phục sinh như vậy để trở về với cuộc sống. Cảm xúc đến, ông có thể viết trên bất cứ cái gì: Vỏ bao thuốc lá, mảnh giấy xi măng, cả một tờ crô-ki. Và đọc cho người khác chép. Chính ông đã kêu lên:

Con chim thơ của tôi bay

Đời ơi còn trả nợ này nữa thôi?

Chắc chắn những di cảo đang tản mát bốn phương ấy sẽ có rất nhiều dị bản mà dị bản nào cũng là chính bản, bởi vì ông không ngừng suy nghĩ. Không ngừng hoàn thiện, không ngừng lao động để đạt tới cái hoàn mỹ. Nguyên Hồng sửa cả khi công nhân nhà in đang sắp chữ. Còn Lê Đại Thanh, thơ đã in rồi, đã xuất bản rồi, ông vẫn còn sửa chữa.

Trên tờ Wall Street Journal, nhà báo Úc Barry Wain thuật lại buổi gặp gỡ với Lê Đại Thanh tại một quán cà-phê đông đúc ồn ào: "Cầm điếu thuốc tôi đưa, ông Thanh nói: "Đây là một điều tốt, nó sẽ gây hứng cho thơ của tôi." Ông rút vào một góc để viết, quên hết mọi người, mọi thứ trong vài giờ đồng hồ sau đó."

Lê Đại Thanh có thể quên hết mọi người, mọi thứ. Năm đã ngoài 80 tuổi từ nhà một người bạn già ở Hà Nội, ông xách chiếc xe mi-ni chỉ định đi chơi phố nhưng rồi mãi đuổi theo trong đầu những ý thơ, ông không biết mình đã đi cả trăm ki-lô-mét đường 5 và bỗng thấy mình ở Hải Phòng. Khi ông tắm rửa xong, cả nhà tưởng ông sẽ mệt nhoài nằm trên giường ngủ, nhưng

không, ông lại lấy xe đi.

Ông có một sức khoẻ làm tất cả mọi người thêm muốn. Có lẽ vì ông ca ngợi thời gian và thời gian đã nhẹ tay với ông.

Hơn thế, thời gian đã ủng hộ ông.

Thơ, văn xuôi của ông đã được các báo sử dụng. Đời vẫn nhớ đến ông. Năm ông tròn 80 tuổi, tập Những ngôi sao biển, tập thơ đầu tiên của ông đã được in và phát hành^[4]. Hải Phòng đã in cho ông. Hải Phòng không quên người con dứt ruột đẻ ra của mình. Một tập thơ non trăm trang với 33 bài. Thế đã là quý lắm. Vì đó là tập thơ duy nhất của ông. Hãy nhớ rằng đó là tập thơ duy nhất của một người làm thơ 90 tuổi, với một đời thơ kéo dài trên 70 năm.

Đồ kỵ như nghệ sĩ. Người Pháp nói vậy. Nhưng Lê Đại Thanh thì ngược lại. Với những bạn bè cùng trang lứa, ông rất chân thành và vui mừng trước thành công của bạn. Ông còn tổng kết những cái hay cái tốt của bè bạn để học tập. Ông tôn Xuân Diệu là ông hoàng của ngôn ngữ. Ông gọi Thế Lữ là thầy. Một bài văn xuôi của ông nằm trong số đi cao được công bố khi ông qua đời là bài Ba đức tính của Nguyên Hồng.

Đọc một bài thơ hay, ông xuýt xoa:

-C est terrible! (Thật khủng khiếp!)

Ông thực sự sung sướng khi có một nhà thơ trẻ nào đó mới xuất hiện. Ông viết thư, ông tìm gặp tác giả. Ông phổ biến bài thơ ấy, ông nói về tác giả... Trong một vài trường hợp lời khen của ông có phần bông bột, cái bông bột của ông già đang bước vào tuổi 90 thật cảm động.

Và dù sắp 90 tuổi, ông vẫn cả tin, vẫn là người nhẹ dạ. Ông vẫn nghĩ ai cũng tốt như mình. Ngoài hàng chục lần bị lừa về tiền bạc, ông còn bị lừa hai chiếc xe đạp, một cái tủ chè gia truyền của dòng họ và cả cái máy chữ cộc cạch! Khi biết mình bị lừa, ông chỉ cười:

-Thế là khi viết đã có sẵn nhân vật, không phải đi đâu tìm nữa.

Trong cuộc sống, Lê Đại Thanh bao giờ cũng vẫn là một đứa trẻ, một đứa trẻ sống gần trăm tuổi.

Đầu tháng 7 năm 1996 ông ngã bệnh. Những lúc tỉnh táo, nhìn thấy vợ con, bè bạn đứng bên giường, ông lại nói về thơ, về kịch, về bản trường ca đang viết dở, về Et-xê-nin, về thơ lãng mạn Pháp và một câu cửa miệng:

-C est terrible!

Ngày 17 tháng 7 năm 1996 ông vĩnh biệt chúng ta. Hàng nghìn người tiễn đưa ông như ngày nào hàng nghìn người tập trung ở quảng trường Nhà Hát đấu tranh bắt bọn Quốc dân đảng phải trả tự do cho ông. Và chỉ đến lúc ấy tất cả mới hiểu rằng đời vẫn mến yêu ông đến thế.

Ông ra đi để lại một khối lượng di cảo không nhỏ trong nhà và một khối lượng di cảo còn lớn hơn nhiều đang tản mát ở đâu đó.

Độc những di cảo của ông, những dòng chữ to nhọn hoắt như gai của ông bằng các thứ bút, các thứ mực khác nhau trên nền giấy các màu các khổ to nhỏ khác nhau, với đủ các thể loại truyện ngắn, hồi ký, trường ca, thơ... lòng ta trào lên nỗi niềm kính phục và thương cảm. Ông viết trong khi mắt mờ tay run nhưng trí óc vẫn không ngừng hoạt động. Cuộc đời ông là cuộc đời của một người sống và chết vì nghệ thuật như một bậc tử vì đạo.

Trong một sáng tác của Hê-minh-uê viết về nội chiến Tây ban nha, một nhân vật đã nói:

-Ta là một ông già sống cho đến khi chết.

Lê Đại Thanh hoàn toàn có thể nói về mình như vậy.

Sống chứ không phải là tồn tại.

Ngã Sáu 22-5-1997

^[1]Tập san Sân Khấu

^[2]Thang lương cán bộ. Bậc 1 là khởi điểm, thấp nhất

^[3]Dương Tường: Tôi ái tình đến tận móng tay đầu sợi tóc

^[4]Nhà xuất bản Hải Phòng 1997

Rừng xưa xanh lá

Phần IX

Cuộc phiêu lưu màu trắng

16-12-1972

Kim Anh thân!

Tớ vừa đi dã ngoại 16 ngày về, mệt lử. Ba tớ gửi thư và tập ảnh của K.A. lên. Cảm ơn K.A. nhé. Cầm tập ảnh tớ lại có cảm giác thích thú như hôm tớ mua. Tập tượng Tây Phương cũng vậy. K.A. vẫn có thì giờ ra hiệu sách đấy chứ.

Công tác thế nào rồi? Sao K.A. không viết thư cho tớ. Ngày 24 này bọn tớ lại đi dã ngoại 8 ngày nữa. Vất vả lắm. Nhưng cũng phải "rèn" thôi.

Hà Nội bây giờ vui lắm nhỉ. Hoặc là vừa vui vừa buồn chẳng?

Đang viết cho Kim Anh thì tiểu đội giục đi ngủ. Buồn không?

Thôi tớ chẳng biết viết gì nữa. Chúc K.A. làm việc tốt, vui.

Nhớ viết thư cho bọn tớ.

Kim Anh thông cảm là tớ viết quá quá nhé! Vì nhất nhất là lệnh, như thầy Thiệp là nhất nhất theo kẻo ấy mà.
Bạn

*

Đó là bức thư của chàng tân binh 18 tuổi Nguyễn Thanh Bình viết cách đây đúng 30 năm, trước chiến dịch Điện Biên Phủ trên không mấy ngày, gửi cho một người bạn học. Khi đi tàu vào Nam chiến đấu anh đã cho vào phong bì ném nó qua cửa sổ toa tàu. Mặt trước phong bì anh ghi phiên hiệu đơn vị, địa chỉ cô bạn gái. Còn mặt sau là những dòng chữ nhờ cậy đầy chất lính mới, phô bày khí phách nam nhi: *Ai nhật được lá thư này xin bỏ hộ bưu điện - Cảm ơn! Lính tôi đi chiến đấu. Mọi người thông cảm.*

Có người nhật được. Người ta bỏ vào thùng thư. Người bạn gái đã nhận thư. Sáu năm sau, khi "*lính tôi đi chiến đấu*" trở về, cô bạn đưa cho Bình xem bức thư anh gửi như cùng nhau ôn lại kỷ niệm một thời trẻ thơ, hồn nhiên bước vào đời, đi vào chiến tranh cũng phơi phới như đi vào nơi hò hẹn. Cả hai cùng thấy mình đã trưởng thành lên rất nhiều. Và đều nghĩ hình như cái thời đẹp nhất đã qua đi cùng chiến tranh rồi. Giờ đây mỗi người đều nhìn cuộc đời nghiêm khắc hơn, thực tế hơn.

Cầm trong tay chiếc phong bì đã ngả vàng cùng những dòng chữ rất học sinh của mình, Bình nhớ lại tất cả. Đang học năm cuối trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, có một đợt tuyển tân binh tại trường, Bình trúng tuyển. Điều đáng nói ở đây là Bình là con một cán bộ cao cấp. Anh có thể ở lại, tiếp tục học. Bố anh, ông Nguyễn Thanh Hà, hàm thứ trưởng, đại sứ ở nhiều nước, một trong những cánh tay đắc lực của Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi Thủ tướng chỉ mới là bộ trưởng Bộ ngoại giao, hai người đã đặt những nền móng đầu tiên cho ngành ngoại giao nước ta. Nhưng bố mẹ anh, nhất là mẹ anh không bao giờ có ý định dành cho con cái mình bất cứ một sự ưu tiên nào. Hơn nữa, mẹ anh còn nói thẳng: Chỗn quan trường dễ làm hư người lắm. Bốn người con, ba trai một gái, bà đều có một lời khuyên: Đừng làm chính trị. Hãy học thật giỏi. Có một chuyên môn vững vàng thì sẽ không ai bắt nạt được mình. Bà dạy các con theo hướng ấy. Bốn anh em Bình đều có thể vào học trường Ngoại giao không phải qua thi tuyển, nhưng ba anh em trai đều qua bộ đội, và bây giờ anh con trai cả Nguyễn Thành Công từ học sinh phổ thông công nghiệp Đồng Đa đã có bằng kỹ sư chế tạo máy bay, Nguyễn Thanh Bình là họa sĩ, người con trai thứ ba Nguyễn Thanh Khiết kỹ sư viễn thông, còn cô gái út Nguyễn Thanh Hương là kiến trúc sư. Họ đều là những chuyên gia có tài. Đúng như mong muốn của bà mẹ: không làm chính trị và đạt tới trình độ

cao trong lĩnh vực mình theo đuổi.

Bình đi bộ đội giữa năm 1972. Huấn luyện ở Thái Nguyên. Cuối năm đi B. Từ Thái Nguyên viết trước một lá thư cho Kim Anh cô bạn cùng học, để về qua Hà Nội thì gửi. Cả đơn vị hành quân về Hà Nội. Giày mới, quần áo mới, mũ tai bèo, cờ giải phóng hai màu xanh đỏ, bước trong tư thế hành tiến hiên ngang trên đường phố Thủ Đô, mặt lạnh tanh trước bao con mắt của nhân dân thành phố, như những tráng sĩ một đi không trở lại. Nhưng rồi Bình không thể lạnh tanh được. Vì đường hành quân qua vườn hoa con cóc, sát ngay nhà Ngân Hàng, nơi mẹ anh làm việc. Đại đội anh hơi bị rối loạn hàng ngũ: Nguyễn Thanh Bình tách khỏi hàng. Mũ tai bèo, quần phục mới tinh, anh chạy. Xông vào Ngân hàng, gọi toáng lên:

-Mẹ ơi! Hôm nay con đi B!

Bà Phi (tên mẹ anh) ngỡ ngàng. Bà ôm lấy con trai. Đưa con bằng xương bằng thịt. Bà hiểu có thể đây là lần cuối cùng bà gặp con trai. Có thể nó mãi mãi không trở về. Nó sẽ nằm lại một góc rừng nào đó. Đưa con mà bà đã mất nhiều công nuôi nấng dạy dỗ uốn nắn để nó biết cách sống làm người. Từ những chuyện nhỏ nhất. Chẳng hạn như ngày còn bé, bà đưa cho nó hai cái bánh và bảo: Nó và bạn nó mỗi đứa một chiếc. Nó đã làm như bà bảo, nhưng chiếc đưa cho bạn, nó lại cắn một miếng. Bà biết không phải nó ăn tham mà không muốn bạn cũng được như mình. Không mắng bà chỉ nói: Của mình ăn là hết. Của cho người khác là của còn. Chỉ nói thế nhưng nó hiểu... Con bà mới ngốc nghếch làm sao! Hồi học tiểu học, ở trường về, phấn khởi khoe với bà:

- Mẹ ơi! Ở lớp chúng nó gọi con là thắng ngổ.

Bà nghiêm mặt bảo con:

-Thế là nó bảo con ngu đấy.

Nuôi nấng dạy dỗ một con người biết bao vất vả khó khăn. Nuôi con bằng sào bằng gậy, bây giờ là lúc nó đi vào bom đạn. Có thể nó sẽ bị giết chết khi nó còn chưa được sống, chưa hiểu thế nào là cuộc đời. Ai dám bảo đảm điều ấy không xảy ra. Chiến tranh đâu phải một trò chơi. Bà nhìn con. Bà hiểu cái gì chờ đợi nó. Chỉ cần bà với tay nhắc điện thoại nói một câu là con bà sẽ được ở lại. Bà đã định với tay về phía ấy. Nhưng bà vẫn ngồi im. Rồi biết phải làm gì trong lúc này:

- Nào, các chị các cô. Ai có tiền cho tôi vay nào.

Tất cả vét túi. Được hơn 5 đồng. Cho con.

Vừa vào đến chiến trường, Bình đã nhận được thư mẹ. Thư mẹ đuổi theo Bình. Hình như mẹ muốn nói với Bình những điều chưa kịp nói. Mẹ viết mẹ xót thương Bình. Nhưng không muốn để Bình trong tháp ngà. Con người ta sao con mình vậy. Không thể có chuyện con người này phải xông pha bom đạn, còn con người khác lại được bình yên. Bình hiểu mẹ. Bức thư mẹ viết

ngay sau khi chia tay Bình là mẹ thương Bình lắm, mẹ muốn Bình đừng trách mẹ. Bình càng thương mẹ.

Trên đường hành quân vào chiến trường đã là bắt đầu cuộc chiến đấu. Tây Trường Sơn. Qua Lào. Bom, đạn. Mưa. Vết. Biệt kích. Thảm sát. Có lần Bình đi tụt lạc. Lạc đơn vị. Hai người. Bình và Bảo, cũng dân Hà Nội, nhà Quan Thánh. Trục Tây Trường Sơn nhiều đường, nhiều lối lắm. Như mạng nhện. Thế là lạc. Thấy một xe ô tô, vẫy đi nhờ. Ô tô của đơn vị pháo. Họ chở về đơn vị họ. Anh nuôi được lệnh nấu một nồi cơm và xách ra một hăng gỗ mỡ đãi hai chàng tân binh Hà Nội. Đang đói, Bảo và Bình cứ rưới mỡ lên cơm đánh chén hết bát này sang bát khác. Chủ nhân không ăn. Anh em pháo binh râu ria, xanh mầu lá cây, toi tả vì chiến trận, vì sốt rét rừng, và cả vì đói khát thiếu thốn nữa, ngồi quây thành vòng tròn xem hai vị khách ăn. Ngắm hai vị khách quần áo mới tinh, mắt trong veo, má đỏ hồng, phơn phớt lông tơ, như ngắm những mỹ nữ trong một cuộc thi hoa hậu. Một người bật lên:

- Hai thằng đẹp quá.

Một người có dáng chỉ huy nói:

- Hai em. Anh nói thật. Đẹp như chúng mày vào đây chết phí đi. Có xe đây, anh cho xe chở chúng mày về Hà Nội, chỉ ba ngày đêm là tới. Anh sẽ xác nhận các em lạc đơn vị.

Hai ông khách cảm ơn. Nhưng không thể trở về như những kẻ đào ngũ. Cơm no lại lên đường.

Bình mắc tật hay nói. Nghĩ sao nói vậy. Thẳng băng. Ví như cán bộ phổ biến chặng đường hôm nay dễ đi, đường bằng, chỉ ba bốn tiếng là đến, nhưng trời mưa, tối mịt mới tới nơi, thế là Bình bảo: Cán bộ đánh lừa. Cũng vì vậy mà trải qua 6 năm quân ngũ chiến đấu anh cũng không mắc sai lầm khuyết điểm gì, Bình vẫn không được kết nạp vào Đảng, vẫn chỉ là trung sĩ. Cán bộ tổ chức nhà trường xem lý lịch của Bình hỏi Bình:

-Hay tại mày *tụt tụt*?

Cũng có thể vì hay nói mà sau ba tháng hành quân vừa vào đến Tây Nguyên, Bình được biên chế vào đơn vị chiến đấu ngay. Bình là người duy nhất trực tiếp cầm súng chiến đấu trong số những tân binh là học sinh trường Mỹ Thuật năm ấy. Bộ binh. Giữ đại liên K67. Đánh Kon Tum. Tham gia giải phóng Buôn Mê Thuột, đánh chiếm Nha Trang, Tân Sơn Nhất. Cho đến bây giờ, anh vẫn mang một mảnh đạn ở lưng. Còn mảnh đạn xé rách tai găm ở thái dương thì đã lấy được ra. Đúng là đạn tránh người. Có lần đang bắn đại liên, thước ngắm ngay trước mặt bỗng biến đi đâu mất: một viên đạn bay sát mắt anh, tiện ngang thước ngắm.

Trận đánh kinh hoàng nhất với anh là trận đánh ở đồi Bàn Chân. Ngày ấy vùng ta và vùng ngụy kiểm soát xen nhau theo thế da báo. Đồi bên đều cố gắng mở rộng vùng kiểm soát. Trong một trận đánh lấn chiếm của quân đội

Sài Gòn, đơn vị của Nguyễn Thanh Bình bị trúng pháo bầy. Kon Tum. 1973. 60 người chỉ còn 18 người. Toàn dân Hải Phòng, Thái Bình, Vĩnh Phú. Tổ ba người của Bình chạy, nhào vào chiếc hầm cối của ta trước mặt. Thắng chạy trước. Bình ở giữa. Thông chạy sau cùng. Nhưng đạn nhanh hơn người. Thắng bị đạn phạt mất trán, đổ vật. Bình bị thương ở lưng, ở thái dương. Thông: nát gối, khuyu ngay cửa hầm. Bình bò ra kéo Thông vào hầm, xé bao gạo băng cho Thông, nhưng máu chảy nhiều quá. Thông nguột dần. Bình nhìn Thông chết dần dần mà không làm sao được. Thông cũng chỉ 18, 19 tuổi, cao lớn, đẹp trai lạ thường. Khuôn mặt ấy, dáng người ấy tạc một pho tượng chẳng thua kém bất cứ pho tượng cổ điển nào. Bình vuốt mắt cho bạn rồi kéo xác bạn vào sâu trong hầm. Anh cũng định lợi dụng đêm tối mò ra kéo xác Thắng nhưng đó là công việc rất nguy hiểm, chúng bắn suốt đêm, hơn nữa, cứ để Thắng nằm ngoài ấy lại hơn, vì trong này chỉ một xác Thông đã quá nặng mùi.

Đôi Bàn Chân. Người ta đặt tên như vậy vì nó giống hình một bàn chân người. Bình ở gót chân. Còn tốp lính Sài Gòn ở ngón chân. Không biết một tốp hay cũng chỉ một người như anh. Cứ sáng ra khi ánh nắng chiếu lên sườn đồi van vát là từng đàn nhặng bay vút vào hầm. Nhặng mỗi ngày một đông vì mùi của Thông mỗi ngày một nặng. Nhặng bay vào là Bình xách súng ra miệng hầm. Nấp sau bao cát, giương súng ngắm về phía hầm bên kia. Cũng chỉ thấy những bao cát. Thấp thoáng bóng mũ sắt lom khom. Điểm xạ ngắn. Bên kia trả lời. Như những lời thăm hỏi. Rất chi lịch thiệp. Cứ như vậy anh lính miền Bắc và anh lính miền Nam rình giết nhau. Khi họ bắn anh trước. Khi anh bắn họ trước. Ngày này sang ngày khác. Rồi họ không bắn nữa. Bình cũng không bắn nữa. Hình như đôi bên đều nghĩ rằng chẳng thể giết được nhau. Điều anh mong là họ không điều cối tới. Không thể bò ra ngoài, vượt vòng vây. Anh nuôi mang cơm đến, bị bắn chết ngay gần hầm. Thế là bên ngoài, hai xác đồng đội. Bên trong một xác. Không biết đã bao ngày rồi. Anh sống bằng nắm cơm của anh. Rồi anh lấy nắm cơm của Thông mà anh đã cẩn thận treo ngay ngoài cửa hầm khi Thông còn sống, khi anh băng bó cho Thông. Cơm thiêu. Nhưng vẫn ăn. Ăn dè. Lấy dao gọt lớp ngoài ăn trước, lớp trong ăn sau. Gọt vào đến lõi, có tí mầm kem mặn chát. Thì ăn luôn cho hết. Ăn hết. Và uống hết. Uống hết cả hai bi đông nước. Của anh và của Thông. Cũng là uống dè. Nhắm nháp để miệng và môi khỏi bật máu tươi. Rồi nằm. Trước còn tỉnh táo. Sau thêm thiếp. Thêm thiếp chờ điều kỳ diệu đến.

Hình như anh đã chết. Và cũng không biết mình đã chết bao lâu. Khi địch rút, anh em lên, Bình chỉ còn là một cái xác. Mọi người tưởng Bình đã chết. Nhưng Bình lại thở. Lại sống lại.

Trong những năm tháng chiến tranh khủng khiếp, cái sống cái chết liên kề

ấy, có một người đã đoán trước tương lai cho Bình. Đó là ông Bào trưởng ban cơ yếu. Khi ấy Bình đã được chuyển làm vệ binh. Trong một chuyến đưa ông Bào đi họp ở Ngã Ba Biên Giới, ông Bào đã nói đến tương lai của Bình. Suốt chặng đường đi, về như vậy ông chỉ nói với Bình ba câu. Dân cơ yếu vốn ít nói. Trưởng ban càng ít nói. Dọc đường ông Bào làm mọi việc. Là một người sống trong rừng nhiều năm, ông biết cách xử lý các tình huống khó khăn. Ví như trời mưa, ông rút luôn quai dép ra nấu cơm ăn. Nói chung ông rất giỏi trong những tình huống như vậy. Từ đơn vị đến quân đoàn ba ngày đi bộ, ông không nói với Bình một câu. Chỉ thỉnh thoảng nhìn Bình chăm chú. Khi tới Bãi Khách (nơi khách căng võng nằm nghỉ - như nhà khách bây giờ) mất gói thuốc lào, loay hoay không thuốc hút, ông nói một mình:

- Không có thì xin. Lại lấy.

Ý trách Bình ăn cắp thuốc. Câu thứ hai là lời xin lỗi Bình vì đã nghi oan. Có một anh công vụ nào đó, giở gói thuốc lào ra hút, ông nhận ra đúng là thuốc của ông ta. Và câu thứ ba là lời đoán trước tương lai Bình:

-Số mày sau này rất sướng. Giàu có. Nổi tiếng nữa đấy.

Bình cười. Tất cả những điều ấy, Bình không nghĩ đến. Sung sướng, giàu có, nổi tiếng. Nó xa vời như một câu chuyện cổ tích. Lúc này là phải chiến đấu, chiến thắng và sống sau cuộc chiến. Rồi trở về trường. Học tiếp đại học mỹ thuật. Bao giờ đến ngày ấy? Bao giờ trở về Hà Nội, gặp lại bố mẹ, anh em, bè bạn?

*

- Em học không giỏi đâu. Năm mới vào hệ sơ trung trường Cao đẳng Mỹ Thuật học kém là khác. Không có năng khiếu. Vẽ bậy thì được - Bình cười - Cuối năm 1978 được ra quân, về Hà Nội, mới biết bạn bè đã ra quân hết từ bao giờ kia rồi. Chỉ còn mỗi mình em. Em ôn thi, thi vào trường Đại Học Mỹ Thuật. Không đỗ. Phải học dự bị một năm (1979-80). Đến năm 1981 chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh, em mới học năm thứ nhất.

Bình là người rất chân thật. Học kém thì nói là học kém. Thi không đỗ nói là thi không đỗ. Sự thật thà của anh có sức hấp dẫn người khác rất lớn. Mới quen anh, nhưng tôi bị chinh phục ngay bởi tính cách ấy của anh. Giờ đây là một họa sĩ quá nổi tiếng nhưng khi nghe tôi nhắc đến tên một họa sĩ bình thường khác, anh xuýt xoa:

- Bà ấy là người ảnh hưởng rất lớn đến em đấy.

Đọc tôi, dù không quen, anh cũng gửi từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hải Phòng tặng tôi tập tranh in của anh và một vật dụng nhỏ màu vàng mà tôi

không hiểu công dụng. Hỏi anh, anh giải thích:

- Cái kẹp giấy, đánh dấu trang sách ấy mà.

Tôi khen đẹp, anh bảo: Cái em tặng anh cũng thường thôi. Người ta còn tặng em một cái bằng vàng thật cơ.

Làm sao có thể không yêu một người như thế.

Bức tranh đầu tiên anh bán là khi còn đang theo học trường Mỹ Thuật.

Khách mua là bà Pennis, người Pháp, vợ giám đốc ngân hàng Indo-Suez. Bà khuyên Bình:

- Mày phải học tiếng Anh. Và phải tìm được cái gì riêng của mình. Chỉ là của mình. Đừng lẫn với ai.

Đó là những lời khuyên chân tình. Anh hiểu là mình phải biết tối thiểu một ngoại ngữ. Như buổi tiếp bà khách hàng người Pháp vừa rồi. Nghe bà ta nói như vẹt nghe sấm. Chỉ hiểu khi lái xe phiên dịch lại... Anh tìm thầy học tiếng Anh. Ngày ấy học tiếng Anh trần ai gian khổ. Không có lớp như bây giờ. Tự học là chính. Bình rất nghiêm khắc thực hiện thời khóa biểu tự đề ra cho mình. Rồi học sử dụng máy vi tính... Ngày ấy những thứ này còn là của lạ, một thứ viễn vông. Bạn bè ai cũng bảo Bình là đồ hâm, đồ lảm cẩm. Vẽ không vẽ, học tiếng Anh, học vi tính làm gì. Nhưng chỉ đến bây giờ mọi người mới thấy thêm muốn trình độ ngoại ngữ, trình độ sử dụng vi tính của anh. Đã có người hỏi anh bí quyết thành công. Anh trả lời đơn giản: bí quyết là biết lắng nghe. *Cái tôi lớn* thì không biết nghe người khác. Anh nghe.

Nghe bà Pennis học tiếng Anh. Nghe Nguyễn Thanh Khiết em trai anh, học vi tính, "thế nào cũng có ứng dụng", thu nhập, tích cóp tiền được vài ngàn là lại thuê máy học. Anh nghe một Đại đức, học thêm sơn mài và đến sơn mài Thành Lễ học, chính Đại đức Thích Đức Minh dạy anh. Đại đức còn khuyên anh nên sửa chữ ký. "Anh ký như vậy là không có tiền đâu". Chữ ký của anh bây giờ là chữ ký đã sửa theo lời khuyên của Đại đức.

Ài làm nghệ thuật cũng hiểu phải có một cái gì đó của riêng mình. Phải tạo ra thế giới nghệ thuật của mình, của riêng mình, không giống bất kỳ người nào khác. Như Picasso là Picasso, Gauguin là Gauguin mà không thể lẫn với Van Gogh, Matisse hay một bậc thầy nào khác. Cũng như Bùi Xuân Phái rất Bùi Xuân Phái, còn Sỹ Ngọc rất Sỹ Ngọc vậy. Nhưng điều ấy đâu dễ dàng gì. Với những thế hệ đến sau, dường như có bao nhiêu ý nghĩ, bao nhiêu trường phái, bao nhiêu sáng tạo người ta đã thực hiện hết cả rồi. Lời khuyên của bà vợ ông giám đốc ngân hàng chẳng có gì mới nhưng thực hiện mới khó khăn làm sao. Mà không định hình bản sắc của riêng mình nghĩa là mình không tồn tại trong nghệ thuật. Như mọi họa sĩ trẻ khác, Nguyễn Thanh Bình miệt mài làm việc, miệt mài tìm tòi, một giai đoạn mà sau này anh gọi là *lần mò, quờ quạng*. Anh đọc không biết bao nhiêu sách. Rồi anh đem cho tất cả những cuốn sách quý báu ấy:

- Đọc thế đủ rồi. Tao không đọc sách nữa. Sau này người ta sẽ viết sách về tao.

Lời tuyên bố như đùa ấy ẩn chứa một quyết tâm và một sự tự tin. Mặc dù anh vẫn đang tìm tòi. Lập thể. Ấn tượng. Rồi trừu tượng v.v... Không chỉ không có gì riêng như anh mong muốn mà còn không phải là anh. Anh biết muốn riêng biệt được phải là chính mình. Anh là thế nào nhỉ? Anh là người thích sự cô đọng, tinh giản đến mức tối đa. Như thơ Đường. Như thơ Haiku. Anh đặc biệt thích màu trắng. Anh cứ suy nghĩ mãi về *cái màu trắng của anh* trong tâm tưởng. Anh đã định vẽ một cảnh trong phòng mổ, các bác sĩ, y tá và cả bệnh nhân nữa toàn một màu trắng. Nhưng rồi lại thay đổi ý định. Đó là một buổi chiều anh đứng lặng nhìn các em nữ sinh tan học ủa ra cổng trường. Còn gì có thể đẹp hơn cảnh ấy. Những tiếng gọi, những tiếng cười, những khuôn mặt tươi sáng xinh đẹp, ngây thơ, trong trẻo thiên thần, áo dài trắng, quần trắng thướt tha. Với anh đó là những người đẹp nhất thế giới, bộ đồng phục nữ sinh Việt Nam là bộ đồng phục đẹp nhất thế giới. Anh hiểu rằng màu trắng, cái màu trắng anh tìm kiếm đây rồi. Anh như đã nhìn thấy con đường nghệ thuật của mình. Và anh vẽ. Thất bại. Cái màu trắng anh nhìn thấy, cái màu trắng anh suy nghĩ không hiện ra trên mặt vải. Dưới cây cọ của anh là màu trắng của vôi, là màu trắng cứng đờ loang lổ. Không thể vôi vãi, không thể ăn xối. Chỉ nguyên bút vẽ không sạch thôi cũng làm hỏng tất cả. Anh luyện màu như người ta luyện chương. Kiên nhẫn, tìm tòi, tin tưởng. Anh tuyên bố với các bạn:

-Mình chỉ làm một bức tranh chỉ có màu trắng.

Cả bọn cười cho là Bình hâm. Nhưng Bình như đã nhìn thấy trước tất cả. Anh sẽ *một mình làm nên một dòng toàn trắng*. Anh nói với Trịnh Cung, người bạn vong niên là anh sẽ vẽ một serie tranh toàn đàn bà, *một trăm người đàn bà chờ đợi*. Trịnh Cung rất hoan nghênh và khuyến khích ý định táo bạo mới mẻ ấy của anh.

Từ bấy trở đi, cuộc đời nghệ thuật của Nguyễn Thanh Bình là một cuộc phiêu lưu với màu trắng. Không chỉ phiêu lưu với màu trắng, anh còn phiêu lưu với không gian. Trong các tác phẩm của Bình, không gian chiếm gần hết mặt vải, bố cục được xem là điểm quan trọng nhất. Trong tranh có rất ít nhân vật và sự vật. *Nguyên nhân là tôi muốn cho người xem ý thức được sự mạo hiểm của người nghệ sĩ luôn luôn là một cuộc phiêu lưu đơn độc*. Bên cạnh việc luyện màu như luyện chương, anh bắt đầu tinh giản đến mức tối đa trên cả hai phương diện: màu sắc và đường nét. Bức *Dàn đồng ca* (1,1m x 1,45m) là thành công đầu tiên của anh. Trên một nền vàng chầy rờng rờng là một khung chữ nhật trắng. Đó là những cô gái mặc áo trắng đứng cạnh nhau. Hai hàng khuôn mặt, hai hàng đầu tóc thiếu nữ cách điệu tinh giản. Không có tiếng hát nhưng cứ như nghe thấy đâu đây *tiếng vọng trong trẻo của một*

bầy thiếu nữ đồng ca (I. Ehrenburg). Bức tranh làm anh hài lòng đến mức suốt đêm nhìn ngắm nó, không ngủ được. *Dàn đồng ca* của Nguyễn Thanh Bình được treo cạnh tranh của Matisse trong một triển lãm hội chợ mỹ thuật Hồng Kông dành cho các gallery và sau đó được bán với giá mười bốn nghìn đô la.

Sau *Dàn đồng ca* là *Hoa nhài*. Trên nền ghi nhạt, một cô gái khóa thân cách điệu. Tranh chưa kịp treo, một người Đài Loan đã mua.

Năm 1987 Nguyễn Thanh Bình mở triển lãm đầu tiên cùng với Hoàng Tường, Nguyễn Trung Tín, Nguyễn Hoài Hưng. Nhưng chỉ đến khi anh triển lãm riêng tại Gallery Lã Vọng (Hồng Kông) 15 bức màu trắng thì thế giới mới biết đến anh như một sự phát hiện. Mười lăm bức tranh toàn nữ sinh màu trắng. Có những bức nền cũng trắng. (Gần chục năm sau, nhớ lại cuộc triển lãm ấy, Bình nói với tôi: Đúng là một cuộc chơi màu trắng.) Có lẽ đến lúc ấy người ta mới hiểu màu trắng có thể làm nên những điều kỳ diệu như vậy. Báo *South China Morning Post* đề cả một trang nói về triển lãm của Nguyễn Thanh Bình. Buổi tối, đi uống cà phê ở Câu lạc bộ báo chí quốc tế Hồng Kông, Bình trở thành người hùng. Ian Findlay Brown, tổng biên tập báo *Asian Art News* nhiệt liệt chúc mừng thành công của Bình và hỏi anh vì sao vẽ trắng. Bình trả lời màu trắng của Bình là riêng vì nó là màu chủ đạo trong khi những người khác chỉ coi như một thành phần. Với anh, màu trắng có thể diễn đạt được mọi cung bậc tình cảm. Hơn thế màu trắng còn rất dễ thay đổi theo tâm trạng của anh từng lúc. Màu trắng lung linh. Màu trắng chuyển nhanh. Màu trắng chuyển từ từ. Chuyển nhẹ nhàng. Chuyển rất mạnh. Màu trắng ngọt. Màu trắng gắt. Trên cùng một bức tranh. Hiệu quả rất lớn. Màu trắng giống như một thứ nhạc chùm ba, gam thứ. Êm đềm. Buồn dịu. Thấm sâu.

Ý định vẽ *100 bức tranh phụ nữ đợi chờ* của anh đã đạt được từ lâu. Tranh của Nguyễn Thanh Bình có mặt gần như khắp cả thế giới, kể cả Arập Xêút. (Cái ông khách vùng Vịnh râu dài kín ngực này đến nhà khiến Bình cứ nghĩ đến Bin Laden và hơi sờ sợ). Cả ngàn tranh của anh đang được treo ở các bảo tàng, các công sở, các gia đình khắp năm châu. Chỉ riêng gallery Vĩnh Lợi đã bán được cho anh trên 500 tranh rồi. Bức *Mẹ con* của anh được tạp chí *Jama* (một tạp chí y học Mỹ) in bìa và đã trở thành kinh điển. Không biết bao nhiêu người đã tới gặp, đã *meo*, khấn khoản "ông vẽ cho tôi một bức *Mẹ con*". Và nhiều bức *Mẹ con* ra đời sau đó với những cách thể hiện khác nhau. Bức *Nhạc trưởng* cũng lâm vào hoàn cảnh như vậy.

Nhạc trưởng được vẽ ở Hồng Kông. Vẽ ngay sau khi từ Trung tâm văn hóa Hồng Kông (bên Cửu Long) nghe dàn nhạc Italia biểu diễn nhạc cổ điển trở về khách sạn. Khung cảnh Trung tâm văn hóa mới xây sang trọng lộng lẫy, dàn nhạc đông tới mấy trăm người, ông nhạc trưởng người Italia, cô đánh

trống chính người Trung Quốc, tiết tấu bản nhạc ngân vang... tất cả làm người Bình nổi gai lên. Vốn yêu nhạc cổ điển từ bé, anh xúc động đến phát khóc vì hạnh phúc tuyệt vời anh vừa được hưởng. Trở về khách sạn, anh vẽ ngay khi cảm xúc còn đang tràn ứ tới tận đầu ngón tay anh. Chưa đầy một tiếng đồng hồ sau, bức tranh đã hoàn thành. Trên nền nâu sẫm của một không gian mênh mông, một không gian nhạc cổ điển, người nhạc trưởng mặc quần áo đen, cổ còn trắng được vẽ bằng dao như đang bay lên cùng tiếng nhạc. Nhân vật nhỏ, càng tạo hiệu quả.

Nhạc trưởng được treo ở đại sảnh khách sạn Péninsula thuộc tập đoàn Hilton ở Thái Lan. Nhiều du khách từ Thái Lan sang Việt Nam chỉ vì bức tranh ấy. Người ta đến Péninsula, người ta biết bức tranh được mua ở gallery Lã Vọng, người ta điện hỏi Lã Vọng, biết được địa chỉ tác giả, người ta tới thành phố Hồ Chí Minh gặp tác giả đặt mua *Nhạc trưởng*.

*

Ông Bào trưởng ban cơ yếu đã nói đúng. Bình giàu có và nổi tiếng. Các báo đã viết về anh là một tỉ phú. Khách đến nhà anh, thăm xưởng họa của anh không thấy một bức tranh nào, ngoại trừ một vài bức đang vẽ dở. Tranh của anh chưa vẽ đã có người đặt mua rồi. Anh vẽ không kịp bán. Vì sao người ta thích tranh Bình đến thế? Tôi xin nhường lời cho những người có thẩm quyền, những nhà chuyên môn đã được tận mắt ngắm Nguyễn Thanh Bình trong nguyên tác chứ không như tôi chỉ được xem những bức sao chụp lại. *Tôi biết, người ta thường nói rằng, trong hội họa, trắng (và đen) không phải là màu sắc.*

Nhưng tôi lại thấy trên tranh của Nguyễn Thanh Bình có cái gì bí mật và kỳ thú ở những người con gái, đàn bà hiện lên trong những tương quan phong phú và ẩn giấu như thôi miên của trắng, có cái trình tiết không mua chuộc được, như một vẻ đẹp hướng về cái lý tưởng, vừa tôn giáo, vừa nhục cảm bởi những bóng đặc ngân nga thì thâm nơi thân thể.

Ở đây, màu trắng của Nguyễn Thanh Bình như ra khỏi đời sống thực tại, ồn ào và khắc nghiệt với máy móc của nền văn minh cơ khí. Hình tượng hội họa của Nguyễn Thanh Bình không ngả về thế giới khách quan mà là hướng nội. Ở đây có chút hơi thở phương Đông, phảng phất chốn ẩn náu của tâm hồn con người, khi đã hài hòa được cái chung và cái riêng để nhìn thấy một thế giới nơi chân trời xa của tâm linh đại ngã. Có lẽ đó là ước mơ của người nghệ sĩ trẻ này. Và khi ta thấy hội họa của anh đây đó có nhuốm màu tượng trưng hay siêu thực, thì ta cũng không ngại gì mà không nghĩ tới tiền kiếp của nó đã có trong nghệ thuật Pháp với P. Gauguin, O. Redon, E.

Bernard, M. Laurencin...ở chất thơ êm đềm. Hoặc khi ta mẫn cảm với cái vô bờ mầu trắng ở đây như ở đằng xa chân trời, biển khơi, với một xúc cảm buồn buồn cô quạnh dấy lên từ đó, thì tôi cho rằng đó là sự thật lâu dài và vinh hạnh không nên từ chối ở đời người.

Mầu trắng của Nguyễn Thanh Bình muốn ám thị nội hàm tâm tưởng đó. (...)

Nhà phê bình hội họa Thái Bá Vân đã viết về anh như vậy. Và đây là Ian Findlay Brown viết trên tạp chí *Asian Art News*:

*Họa sĩ Nguyễn Thanh Bình, tiếp tục truyền thống tạo hình của những thế hệ trước, hầu như chỉ vẽ đề tài phụ nữ. Sự say mê của anh đối với đề tài này gợi nhớ Franc Marc (trường phái biểu hiện Đức), người mà việc xử lý hình và mầu là trọng tâm của tác phẩm. Đối với Bình, "tư duy và cảm hứng" là những khía cạnh quan trọng nhất trong tranh của anh. Thoạt nhìn, tranh anh bộc lộ yếu tố tình cảm. Tuy nhiên xem kỹ người ta thấy tranh của anh được chăm chút tỉ mỉ, được quán xuyến chặt chẽ. Sự thanh thoát trong những tác phẩm chân thật của anh như **Đội chờ** (1996), **Khoảnh khắc riêng tư** (1996) đã được mầu sắc lãng mạn chứ không còn là trữ tình nữa.*

Rõ ràng cái quyến rũ Bình không chỉ là một khía cạnh của sự vật mà là tất cả sự tinh tế tạo nên cái tổng thể. Điều này rất đúng với Bình khi anh giải quyết hình người. Anh cố vươn ra khỏi diện mạo bên ngoài của y phục, của một cơ thể người khoa thân để hướng đến "cái bên trong" để khi vẽ anh có thể "tái sắp xếp" sự vật nhằm làm cho người xem không chỉ hiểu "diện mạo bên ngoài". Những nhân vật trong tranh anh gợi nhớ tác phẩm của Gustav Klimt nhưng sự biểu hiện và phẩm chất hoàn toàn mang tính chất Việt Nam.

Bình rất riêng biệt. Bình rất Việt Nam. Bình rất hiện đại. Và về một mặt nào đó, Bình cũng lại rất cổ điển. Xem tranh Bình giống như đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp. Xem tranh Bình tôi chìm đắm vào những ngày xưa.

Không phải ngày xưa của Nguyễn Duy *thiết tha áo trắng nói cười / để ta thương nhớ một thời áo nâu / tóc hoe hoe cháy trên đầu / ta và bạn gái cười trâu học bài*. Mà một ngày xưa còn xa hơn thế nữa, một ngày xưa xa hơn cả tuổi thơ ta, một ngày xưa khi ta còn chưa ra đời, bình yên tốt đẹp vẫn chảy trong máu của ta và thấp thoáng trở về với ta cùng những lời ru của mẹ.

Bình tâm sự:

- Tôi thích sự đơn giản, mầu sắc thôi thúc, bố cục đơn giản. Tôi không thích tranh có nhiều mầu. Đây là cách của tôi. Cuộc sống có nhiều vấn đề và mỗi người trước đây đều có nỗi buồn vì chiến tranh dai dẳng. Tôi muốn thể hiện trong tranh nỗi buồn trong tâm hồn người Việt.

Bình nói tiếp:

- Cấu trúc trong tranh tôi nói với người xem nhiều điều khác với diện mạo

bên ngoài. Hướng của tôi là cô đọng việc miêu tả, không bao giờ có nhiều nhân vật xuất hiện trong tranh tôi. Tôi muốn đề tài cực nhỏ nhưng ý tưởng cực lớn như Haiku của Nhật hay thơ Đường. Tôi không gặp mấy khó khăn khi làm công việc đơn giản hóa. Nhưng tôi lại cần thời gian vẽ. Có tranh tôi vẽ vài ngày, có tranh vài tuần, có tranh mấy năm mới xong.

Bình cần thời gian vẽ. Anh ngủ rất ít. Chập tối anh đi ngủ. Nửa đêm thức dậy. Vẽ. Chỉ nghỉ khi đi ăn hoặc bè bạn đến chơi. Cà phê đặc là thứ không thể thiếu. Anh uống cà phê như người ta uống nước. Anh bảo: đời ngắn lắm. Ngủ nhiều làm gì.

Có người đã nói khuynh hướng thương mại đang nảy sinh trong anh. Với tư cách một người bạn lớn tuổi, tôi hỏi anh về chuyện ấy. Anh nghiêm chỉnh trả lời:

- Làm hàng là mất khách. Tám năm qua em vẫn vẽ không kịp bán. Áp lực vẫn không hề giảm. Thế nghĩa là người ta vẫn thích tranh em. Những bức như *Mẹ con*, *Nhạc trưởng* và nhiều bức khác em đã phải từ chối rất nhiều người. Nhưng có những người mình không từ chối được...

Đến nhà Bình, bắt ngờ lớn nhất của tôi là những chiếc máy bay trực thăng. Trừ lầu một làm phòng ngủ, tầng trệt và tầng hai ngôi nhà có diện tích cộng lại gần 200 mét vuông này đặt kín những chiếc máy bay trực thăng điều khiển từ xa. Những chiếc máy bay mới mua về chưa lắp ráp, những chiếc đang sử dụng, chiếc hỏng, chiếc đâm xuống đất gãy, vỡ, cần được sửa. Không biết bao nhiêu loại máy bay. Chiếc 3000 đô, chiếc 5000 đô. (Chắc chắn anh là một trong những người Việt Nam đầu tiên thực hiện mua bán trên mạng.) Ngõ ngang khắp nhà là tuốc vít, kìm, mỏ lết, kính lúp (khi sửa Bình phải dùng kính lúp), ê tô, bánh xe, trục gậy, trục mới đặt hàng người ta sản xuất... Đi lại trong nhà Bình luôn luôn phải nhìn xuống đất. Rón rén từng bước chân. Cơ khí máy móc là thích thú thứ hai của Bình sau vẽ tranh. Ngày chủ nhật, ngày của trục thăng, bất khả xâm phạm. Tôi đã đi chơi trục thăng một lần với Bình. Bờ biển Long Hải. Phải có một khoảng không gian đủ rộng. Chiếc máy bay khởi động rồi từ từ bốc lên lao ra biển, lượn vòng dưới sự điều khiển của Bình. Mọi người xúm cả lại. Bình vừa điều khiển vừa "nói tiếng Anh như gió" trả lời những câu hỏi của các ông Tây lớn Tây con. (Bình biết bốn ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc.)

Lê Bích Hạnh, vợ Bình, hoàn toàn thông cảm với chồng. Hạnh chịu đựng tất cả những thiệt thòi mà vợ một nghệ sĩ phải chịu. Thật bất ngờ và thú vị khi tôi được biết Hạnh là con đại tá Lê Trọng Nghĩa, cục trưởng cục quân báo thời chống Pháp, người chúng tôi vẫn nhìn thấy đứng cạnh Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những phim tài liệu về Điện Biên Phủ.

Bình sinh năm 1954, sau tôi đúng 20 năm. Chúng tôi mới gặp nhau có một lần. Bình, Hạnh đọc của tôi. Tôi xem tranh của Bình. Mà như đã biết nhau từ

bao giờ rồi. Đó là điều chỉ nghệ thuật mới làm được. Tôi lại thấy cần phải trích dẫn thêm những điều Ian Brown viết về Bình: *Dù chịu ảnh hưởng nghệ thuật và mỹ học phương Tây, tác phẩm của anh lại rơi vào truyền thống triết học và mỹ học Á đông. Tuy nhiên Bình nói: "Yếu tố quan trọng nhất mà họa sĩ phải có là tài năng, trái tim nhân hậu, đầu óc phóng khoáng". Và anh đã có đủ những điều này.*

Tháng Trung Thu Nhâm Ngọ 2002

Rừng xưa xanh lá

Phần X

Thời trai trẻ đã qua

Giữa năm 1994 Vũ Tín mở triển lãm ảnh cá nhân. Đây là triển lãm cá nhân đầu tiên của anh khi anh đã ngoài sáu mươi tuổi.

Báo Lao Động: *Những tấm ảnh đó là những khoảnh khắc một đi không trở lại, là chứng nhân trước những sự kiện lịch sử dân tộc và thắm vào lòng người xem bằng cái tinh tế mượt mà của ánh sáng, của đường nét tạo hình qua con mắt và trái tim của một nghệ sĩ, chiến sĩ.*

Báo Nhân Dân: *21 năm không cầm máy, nhưng vẫn không nguôi nỗi khát khao được đi lại đó đây để ghi lại những hình ảnh đẹp của đất nước. Trước khi về hưu, với tấm lòng yêu nghề và phấn đấu cao, Vũ Tín đã vượt lên sự nghiệt ngã của thương tật. Được sự giúp đỡ của cơ quan Thông Tấn xã Việt Nam và của vợ anh, Vũ Tín đã đi một cung đường dài dọc theo đất nước để thể hiện ý đồ từng ấp ủ.*

Báo Quân Đội Nhân Dân: *Phòng triển lãm lần đầu của Vũ Tín tại bảo tàng Quân đội có hai mảng rõ rệt. Mảng thứ nhất là những tư liệu khá đắt thời ông chưa bị thương kể cho đến bức ảnh chụp nam nữ giao liên Trường Sơn trước ngày ông lao vào thành cổ Quảng Trị năm 1972. Phần thứ hai là phong cảnh, hội hè, là đất nước, con người mới chụp gần đây. Xem phần này thấy rõ là bác yêu đời và say sưa cầm máy đến thế nào. Lạng Sơn, Bát Tràng, Hà Nội, Sóc Trăng, Bến Tre... Cuộc hành quân nghệ thuật của bác sau này là trên đôi nạng gỗ, và luôn luôn có bác gái đi cùng.*

Báo Thời trang trẻ: *Trở về TTXVN, Vũ Tín làm công tác biên tập. Đạo ấy ông ít đi sáng tác và có vẻ buồn. Một thời gian sau, máu nghề nghiệp đã chiến thắng sự khủng hoảng tâm lý. Vũ Tín lại vác máy lên đường. Ông mất một chân chứ đâu mất cái đầu nghệ sĩ.*

Báo Tuổi trẻ Thủ Đô: *Xem triển lãm ảnh nghệ thuật của Vũ Tín ta thấy mỗi bức ảnh là một tác phẩm nghệ thuật xứng đáng. Trong mỗi tác phẩm của anh, người xem như nghe thấy âm thanh của thiên nhiên, tiếng nói của cuộc đời, nó như hướng về mọi điều thiện ở thế gian.*

Còn nhiều báo nữa. Gần như tất cả các báo trong Nam ngoài Bắc đều nói đến anh và triển lãm của anh.

Tôi cũng quen Vũ Tín. Nói vậy là nói sự thật chứ không phải một kiểu thấy người sang bắc quàng làm họ...

Tôi quen anh từ đầu thập niên 60, chính xác hơn là vào năm 1960, khi tôi chuyển từ báo Tiền Phong về báo Hải Phòng, một sự chuyển công tác chẳng biết là may hay rủi, bởi vì nói theo kiểu *Tái ông mất ngựa*, trong cái may có cái rủi, trong cái rủi có cái may, hoạ phúc khôn lường.

Thời ấy xã hội được quản lý theo kiểu bao cấp. Khẩu phần tinh thần, khẩu phần vật chất đều được tiêu chuẩn hoá và phân phối. Phim này những ai được xem. Tin này loại lương bao nhiêu, chức vụ gì được biết. Ai được mua mỗi tháng mấy lạng thịt, bao nhiêu gạo, bao nhiêu muối, nước mắm, mua vào những ngày nào. Tôi còn nhớ những tối đi chơi phố (ở Hải Phòng và cả ở Hà Nội) khắp ngang cùng ngõ hẻm, đầu thành phố cuối thành phố, đến đâu cũng ngửi thấy mùi cá tàu. Cả thành phố được mua cá. Cả thành phố ướp trong mùi ngào ngạt ấy. Dù kho dưa. Dù rán hay nấu riêu, nghĩa là dù có những "biến tấu" khác nhau, vẫn nhận ra ngay cái vị ung ung cơ bản của con cá vỡ bụng, con cá ướp đá sóng dồn lắc lêu ngày.

Giờ đây khi cuộc sống đã có những chuyển biến quan trọng sang nền kinh tế thị trường, nhớ lại những ngày ấy, nhiều nhà văn còn bảo nhau: Sao chưa thấy ai viết về thời bao cấp cả nhỉ?

Đúng là chưa có ai viết về thời này. Một thời mà mỗi khi nhớ lại, bỗng nhiên thấy mình đã là những người anh hùng, đã vượt qua một quãng đời tưởng như là bịa đặt, không thể nào tin được. Và thế hệ hôm nay càng chẳng thể quan niệm nổi.

Ký ức của tôi còn lưu giữ những lần theo Vũ Tín đi mua thịt tiếp khách. Nhà tôi nhiều khách. Căn buồng của chúng tôi ở Hải Phòng như một cái túi đón khách, đón bạn bè.

Phải nói thật rằng ngày ấy thấy bố mẹ ở quê ra chơi cũng đã lo rồi. Lo và cả

sợ. (Kính mong bố mẹ tha thứ cho con.) Tôi nghĩ không chỉ mình tôi có mối lo này. Nên cũng cứ mạnh dạn thú thật bằng mực đen giấy trắng. Tất nhiên là vui nhưng không thể không lo. Bởi vì vợ chồng con cái chen chúc trong một căn buồng rộng trên dưới hai mươi mét vuông. Bởi vì gạo sang kỳ cứ lùi lại mãi. Bởi vì mỡ hết cả tuần rồi. Bởi vì rau mậu dịch ôi dập thật đấy nhưng cũng không đến lượt chúng tôi. Xe rau vừa hạ xuống ven đường, người không biết từ đâu đã vòng trong vòng ngoài đen đặc như một cuộc mít-tinh. Chen lấn xô đẩy vào được sát xe mỗi người cũng chỉ được mua hai mớ. Nhưng cũng có những người ôm từng ôm bê từng sảo. Các vị ấy là người nhà, hay đã móc ngoặc với mậu dịch viên. Các vị ấy ngả rau ra vỉa hè cạnh đó mà bán lại. Các vị ấy đem rau về nhà băm nuôi lợn... Cũng may tôi có Vũ Tín. Khiến có thể tự an ủi rằng mình cũng không đến nỗi thiệt, vẫn còn gỡ gạc được tí chút trong chế độ phân phối theo tem phiếu này. Ngược lại, còn có lúc cảm thấy hơn người. Hình như cảm giác hơn người này ai cũng có, ai cũng cảm thấy dù chỉ một lần, nếu không, thật là khó sống.

Ngày ấy Vũ Tín là phóng viên ảnh của Thông tấn xã Việt Nam thường trú tại Hải Phòng. Trong tay anh có hai máy ảnh. Một Rolley. Một Exakta. Hai máy ảnh cùng với chức năng chụp hoạt động các ngành kinh tế văn hoá xã hội và chiến đấu khiến anh có thể quen mọi người cần quen. Tất nhiên có cả các cô mậu dịch viên, từ cô bán gạo tới cô bán thịt, cô bán than, cô bán dầu hoả, bán công nghệ phẩm mà anh và vợ anh gọi bằng cái tên chung đầy âu yếm: *Dì Hai*. Ngày ấy anh còn là một mặt hàng quý giá cao cấp dù chỉ là ảnh đen trắng. Mấy ai có tiền đi chụp ảnh. Mà ngắm nhìn ảnh của mình bao giờ cũng là điều thích thú. Huống hồ lại là *của độc*: ảnh chụp mình ngay nơi làm việc! Một anh thợ mộc ở một xí nghiệp gỗ quốc doanh cảm động vì tấm hình anh đang cưa bào trong xí nghiệp do Vũ Tín chụp được đăng trên báo Nhân Dân, đã kỳ công dùng những mảnh gỗ vụn mà mỗi lần đạp xe từ xí nghiệp về nhà, anh lại buộc vào pooc ba-ga một mảnh để qua mắt bảo vệ (thời ấy không ai có thể có gỗ tấm - nó quý gần ngang với ngà voi) đem về nhà ghép lại, đóng cho Vũ Tín một cái tủ buýp-phê mà mỗi khi đóng cánh cửa tủ, Tín lại bắt tất cả những ai có mặt trong thời khắc thiêng liêng đó phải im lặng lắng nghe. Rồi anh quay lại hỏi mọi người:

- Có nghe thấy tiếng *phooòom* không?

Anh cả quyết có tiếng *phooòom* ấy. Đó là tiếng của không khí bị nén thành gió trào ra ngoài khi cánh tủ đóng lại. Cái tủ của anh mộng mỵo khít như vậy đấy.

Vũ Tín đã giúp tôi rất nhiều trong khâu hậu cần tiếp khách. Cả những khi không có khách như những lúc vợ đau con ốm. Tín có rất nhiều *Dì Hai*. Anh cười hề hề giảng cho tôi về quy trình chụp ảnh và mua thịt của anh. Hôm

chụp ảnh. Một lần mua. Tất nhiên rồi. Mấy hôm sau cho xem phim. Cầm phim soi soi lên giòi. Một lần mua. Lần thứ ba. Xem ảnh in thử, khổ 3x4. Lại mua. Lần thứ tư là lần đem tấm ảnh 6x9 nghiêm chỉnh đến. Và nếu khéo tán tỉnh, *Dì Hai* bốc lên đồng ý: Phóng to cỡ 13x18 hay 18x24 (*Dì Hai* hoàn toàn không phải trả tiền) để làm một cái *xú ve* thì được mua đến lần thứ năm. Riêng lần này có thể mua bông sấn hay mỡ lá, những thứ cực kỳ quý hiếm. Mỗi khi bí quá tôi lại cầu cứu Vũ Tín. Anh vui vẻ dắt xe đi ngay. Tôi đạp xe theo anh, rụt rè theo anh tiến vào sát quầy. Những câu chào hỏi thân mật, nhặt nhẹo tùy theo tình thân của anh với *các cô mậu*, tùy theo tấm ảnh anh chụp đã đến công đoạn nào. Bà bán thịt chợ Sắt chào anh một câu mới khiếp. Bà reo to giữa chốn chợ búa đông vui:

-Chào ông thông gia chó đéo!

Tôi phục anh. Thương anh. ái ngại cho anh. Còn anh thông cảm với khó khăn của tôi.

Để tạo thuận lợi cho tôi, để tôi khỏi lằng nhằng bám theo anh, anh quyết định *bàn giao* cho tôi cô bán thịt cửa hàng Mi sô, cửa hàng cung cấp đặc biệt, một *Dì Hai* thân nhất, quan trọng nhất của anh. (Trước đó anh cứ đe là sẽ *nhượng lại* bà bán thịt Chợ Sắt *thông gia* làm tôi sợ hết hồn.) Cô mậu dịch viên Mi sô xinh đẹp thủy mị này đã đến nhà Vũ Tín và được con anh chào bằng cái tên chung vẫn dùng sau lưng các cô:

-Cháu chào Dì Hai!

Ồi! Những tiếng chim non! Chủ khách cùng ngượng. Nhưng không sao. Chuyện con trẻ ấy mà. Càng chứng tỏ cô được cả nhà quý mến. Cô mậu dịch viên Mi sô cùng Vũ Tín đến nhà tôi. Cô rất đáng yêu. Trông giống những cô gái ngoại thành con nhà nền nếp trong tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng vậy. Thật khác hẳn những cô bán thịt khác. Tôi pha cà-phê. Ba người uống. Vũ Tín cố gắng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ *mối mai*. Nhưng ngay lúc đó tôi hiểu rằng cái ý định tốt đẹp muốn *tác thành Dì Hai* của anh cho tôi không thực hiện được, dù đó là cô bán thịt Mi sô, một cửa hàng chuyên bán cho phiếu C và *những người ở chuồng dê*, nghĩa là những người có phiếu loại D (riêng *chuồng dê* này lại còn chia ra *dê non*, *dê cừ*, là hai loại phiếu D khác nhau của hai bậc lương khác nhau) thuộc những bậc lương cao nhất thành phố. Chỉ Vũ Tín thao thao. Còn chúng tôi không biết nói gì với nhau. Cô là khách. Lại là con gái. Im lặng đã hẳn. Còn tôi. Muốn nói lắm. Nhưng nói cái gì? Chẳng lẽ lại nói với cô về các yếu tố của tin tức, về báo chí vô sản, về hiện thực xã hội chủ nghĩa, về tính Đảng, tính giai cấp, tính nhân dân trong văn học? Hay quầy hàng sạch sẽ? Vui lòng khách đến vừa lòng khách đi? Không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng? Để rồi hôm sau ra cửa hàng tới quầy thịt thì thăm: "Chị ơi. Nhà có khách. Bí quá. .. Chị linh động..."

Những câu như vậy tôi chỉ có thể nói với Vũ Tín để Vũ Tín *tái bản* với các

cô mậu dịch. Quả thật Vũ Tín là người dũng cảm tuyệt vời. Anh có khả năng nói to rất tự nhiên những câu tôi chỉ dám đỏ mặt thì thầm. Và đối với tôi, anh mới tốt làm sao!

Bởi vậy nên tôi cực kỳ hoang mang khi một lần sang anh nhắn nhủ nhờ anh mua cho tý thịt hay chỉ vài bìa đậu thôi cũng được, có bà mẹ vợ từ Hà Đông xuống chơi thì anh từ chối thẳng thừng: Đang chết đây. Thằng Minh Trường xuống cũng chỉ có rau muống tần thôi đây. Không dám vác mặt đi gặp *Dì Hai* nữa đây.

Mãi sau tôi mới vỡ lẽ ra rằng *Dì Hai* ở cửa hàng Mi sô, nguồn thực phẩm chủ lực mà cứ có gì đột xuất anh lại tới đó, *Dì Hai* xinh đẹp thủy mị mà anh có ý định *tác thành* cho tôi đã đi lấy chồng. *Dì Hai* lấy chồng thì Vũ Tín phải đi chụp ảnh trong ngày cưới rồi. Một cơ hội lập công tuyệt vời không thể bỏ qua. Cũng như có Vũ Tín, *Dì Hai* hoàn toàn yên tâm về phần ảnh, dành tâm trí tập trung lo những việc khác.

Hôm ấy Vũ Tín chụp thì khiếp lắm. Chụp trước, trong và sau lễ cưới ở cả hai họ, nhưng chủ yếu ở họ nhà gái, tất nhiên. Cô dâu trang điểm. Cô dâu đứng một mình trước bàn thờ. Cô dâu cùng chú rể đứng trước bàn thờ. Tiệc cưới mặn. Cô dâu cùng chú rể đi các bàn chào hỏi. Cô dâu cùng chú rể lên xe hoa. Rồi hội trường. Phong cưới có hai con chim câu tung cánh trên một nền lô nhô những tháp Ai Cập, xứ sở của A-la-đanh và cây đèn thần, của người thủy thủ Xin-bát, nổi lên là hai chữ đầu tên hai người lồng vào nhau. Ông chủ hôn cầm mi-cô-rô. Rồi cha mẹ đôi bên. Lại cô dâu chú rể đi chào từng bàn tiệc trà. Gia đình chụp với cô dâu ở hội trường (riêng chủ đề này đã có bao nhiêu kiểu rồi). Rồi cũng như vậy nhưng thay bằng bè bạn. Đầu là đứng trước những ngọn tháp Ai Cập, những chim câu tung cánh, những chữ cái lồng vào nhau. Lại theo về nhà gái. Vào tận phòng tân hôn dàn dựng những pha trong buồng the... Không tiếc phim. Không tính toán. Hết cuộn này tới cuộn khác.

Đám cưới kết thúc. Vũ Tín lao ngay vào buồng tối tráng phim. Cuộn đầu tiên giơ lên soi thử. Trắng toát. Không được một pô nào. Hoảng quá. Hoang mang cực kỳ. Phim còn tốt. Còn *đát*. Đã để đúng số *đin*. Vì sao? Làm vội cuộn thứ hai. Không khác gì cuộn đầu. Trắng toát. Và những cuộn sau. Cũng đều như vậy. Vẫn là trắng toát. Không thể diễn đạt được sự thất vọng hoảng loạn của anh. Phim tốt. Máy tốt. Thôi chết rồi! Giết người rồi! Khốn nạn rồi! Trong lúc phấn khởi vì được *lập công dâng Dì Hai*, anh đã cắm ắc-quy vào lỗ đèn ma-nê trong khi lẽ ra phải cắm vào đèn flash. Cả lễ cưới, trước, trong và sau không được một pô! Còn mặt mũi nào gặp *Dì Hai* nữa! Gặp cũng không dám chứ đừng nói đến chuyện mua thịt!

Vũ Tín thành thật đau đớn ân hận nhận hết tội lỗi của mình. *Dì Hai* khóc. Khóc ghê quá. *Dì Hai* không thể tưởng tượng nổi. Một phóng viên nhiếp ảnh

nhà nghề, có hạng, được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế mà chụp ảnh đám cưới của cô cũng không xong. Không có một tấm nào ghi lại ngày trọng đại ấy của cuộc đời cô. Mà đời người chỉ cưới có một lần!

Vũ Tín đau khổ không kém cô, nếu không nói là hơn. Nhiều tuần, nhiều tháng anh không dám bén mảng tới Mi xô. Không dám gặp *Dì Hai*. Thất thu. Thất thu đến cả tôi. Tôi rất mong Tín sớm lập công chuộc tội. Nhưng là công gì? Chờ *Dì Hai* li dị, lấy chồng khác ư? Chờ đám cưới lần thứ hai của *Dì Hai* để chụp ảnh và nhớ không lấp ắc-quy vào lỗ đèn ma-nê ư? Thật là bế tắc.

Nhưng rồi một cơ hội cũng đến. (Không phải *Dì Hai* lấy chồng mới. *Dì* sống rất hạnh phúc.) Đinh Thuý, phó chủ nhiệm phân xã nhiếp ảnh của Thông tấn xã Việt Nam, sếp của anh xuống Hải Phòng làm việc. Đinh Thuý có mang theo máy ảnh màu và phim màu - một thứ cực kỳ sang trọng quý hiếm thời đó, một công cụ sáng tác và cũng là *một thứ vũ khí huỷ diệt* tùy thân.

Vũ Tín thú thật với cấp trên của mình tất cả. Anh nhờ thủ trưởng cứu vãn tình thế. Ông phó chủ tịch phân xã nhiếp ảnh nhận thức được tình hình là nghiêm trọng: Không thể chụp hồng ảnh đám cưới một cô mậu dịch viên bán thịt được!

Thế là Vũ Tín đạp xe đến cửa hàng Mi xô. Lâu lắm mới dám vác mặt đến cửa hàng. Đã quen rồi nổi thất vọng vì ảnh đám cưới hồng hoàn toàn, *Dì Hai* nhìn Vũ Tín nhăn nhăn nhở nhở từ xa đến mà thấy thương thương:

-Anh Tín cần gì không?

Chào! Những miếng thịt lợn để trên quầy trông đế hoa cả mắt. Nhưng anh lắc đầu:

-Em có muốn chụp ảnh màu không?

Dì Hai còn chưa hiểu. Vũ Tín trợn mắt:

-Đẹp lắm. Em không hình dung được đâu.

Và anh giảng cho *Dì Hai* về sự cực kỳ quý hiếm của máy ảnh màu, phim màu, về kỹ nghệ tráng rửa, in phóng ảnh màu. Cả Thông tấn xã chỉ có vài người được chụp. Mỗi khi chụp phải lên nội dung, thuyết minh để lãnh đạo duyệt. Phần lớn là chụp ảnh lãnh tụ, những hội nghị, những buổi tiếp khách quan trọng của Đảng và Nhà Nước. Cả nước cũng chỉ có một nơi in phóng được ảnh màu là Thông tấn xã... Khó khăn như thế nhưng lần này vẫn có thể chụp cho *Dì Hai* vì đích thân ông phó chủ nhiệm phân xã nhiếp ảnh xuống làm việc với anh và sẵn sàng chụp...

Lời đề nghị có vẻ li kỳ hấp dẫn. Thái độ chân thành của một người muốn chuộc lại lỗi lầm. *Dì Hai* bằng lòng.

Thế là những tấm ảnh màu chụp *Dì Hai* áo dài quần trắng tha thướt đứng giữa vườn hoa Hạ Lũng ra đời. Cả ảnh chồng *Dì Hai* đại cán tề chỉnh tặng hoa *Dì Hai*... Nhận thư của Đinh Thuý, Vũ Tín lên ngay Hà Nội mang ảnh

về. Chúng được lồng khung treo ở nhà *Dì Hai*. Ai đến cũng phải trầm trồ xuýt xoa. *Dì Hai* không khóc nữa. *Dì Hai* lại còn cười. Và những lúc khó khăn, Vũ Tín lại có thể đến Mi sô mua thịt hay đậu, hoặc vùng lạc, đỗ tương... Cho mình và cho bè bạn.

Ngay trong những năm 60 ấy, Vũ Tín đã là một nhà nhiếp ảnh nổi tiếng. Bức ảnh Bên dòng Tam Bạc của anh đã được giải nhất trong cuộc triển lãm ảnh toàn quốc. Đó là toàn cảnh nhà máy xi-măng nằm ở vị trí hợp lưu của hai dòng sông Tam Bạc và sông Cẩm chụp từ góc độ cao.

Khi đặt chân về Hải Phòng, ngay lập tức nhà máy xi-măng đã cuốn hút, ám ảnh anh. Anh đã được xem nhiều bức ảnh bạn bè chụp nó. Nhưng đứng trước một nhà máy xi-măng "bằng xương bằng thịt" anh thấy những bức ảnh ấy chưa nói được về đẹp hùng vĩ nên thơ, lại thấm đẫm mồ hôi nhọc nhằn vất vả của cảnh và người, một đặc trưng của Hải Phòng, thành phố công nghiệp lâu đời, thành phố lớn thứ hai miền Bắc đang bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Anh đã nghĩ nhiều về nó. Anh đã đạp xe quanh nó nhiều lần. Và anh đã chọn cho mình một vị trí tuyệt vời để bấm máy. Đó là tháp nước của nhà máy bê tông đúc sẵn mới xây dựng bên này cầu treo xi-măng.

Toàn cảnh đã hiện ra trong ống kính Rolley. Bắt đầu là chiếc cầu bắc qua sông Tam Bạc đang cất lên nhịp giữa cho tàu thuyền xuôi ngược. Giữa dòng, chiếc tàu kéo đang đạp nước kéo theo những chiếc xà-lan rầm rập. Phía cuối dòng, trên bờ sông, cần cầu vàng trên bệ cao há miệng gầu khổng lồ vục xuống một chiếc sà-lan đỗ bến, cạnh đó là băng chuyền đá. Phía trong là ngang dọc đường đi lối lại, với ô-tô, xe goòng, với biết bao nhà xưởng. Nhà máy điện, công trình xi-lô, nhà tháo. Và lò nung với những ống khói vươn lên toả khói trắng trên nền trời xanh. Xa hơn nữa dòng sông Cẩm xoai xoải hội với dòng Tam Bạc ở một vị thế gần như vuông góc, mang nước ra khơi... Đứng trên tháp nước nhà máy bê-tông đúc sẵn, anh tin rằng sẽ có một bức ảnh đẹp, diễn đạt đúng những suy nghĩ của anh về cuộc sống. Tất cả chờ anh bấm máy. Nhưng anh còn phải trèo lên trèo xuống tháp nước nhiều lần. Bởi vì vẫn chưa hội tụ đủ điều kiện. Lúc có thủy triều lại không có ánh sáng. Lúc ánh sáng đẹp lại không có thủy triều. Khi thủy triều và ánh sáng đều như ý thì gió lại thổi ngược khói xi-măng về phía ống kính.

Khi bức ảnh được đăng báo lần đầu tiên (một bức ảnh nói được không khí của đất nước sau thời gian khôi phục kinh tế đang bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, vừa trữ tình lại vừa mang vẻ hùng tráng của sự nghiệp công nghiệp hoá trên một mảnh đất ven sông của tổ quốc ta tươi đẹp) đồng chí Hoàng Hữu Nhân, bí thư thành uỷ kiêm chủ tịch uỷ ban hành chính thành phố mời anh tới gặp. Đồng chí khen bức ảnh và tặng anh mấy bao thuốc lá: -Anh mới về Hải Phòng thôi nhưng anh hiểu Hải Phòng đây. Người Hải

Phòng có câu *Hải Phòng có bến Sáu Kho. Có sông Tam Bạc có lò xi-măng*. Ba đặc điểm tượng trưng cho Hải Phòng anh đã chụp được hai. Còn bến Sáu Kho nữa thôi.

Lời khen của đồng chí bí thư kiêm chủ tịch thành phố đã khích lệ anh. Đồng chí chỉ nói vậy nhưng anh hiểu rằng anh có trách nhiệm chụp nốt đặc trưng thứ ba của Hải Phòng: Bến Sáu Kho.

Vũ Tín suy nghĩ về bức ảnh anh sẽ thể hiện. Cũng như nhà máy xi-măng, Cảng đã có nhiều người chụp. Nhưng đều chụp từ phía trong ra, phía cầu ra. Có những bức ảnh đẹp. Nhưng gợi và gây ấn tượng thì không được là bao. Anh quyết định chọn góc độ chụp khác: Chụp từ phía sông vào. Mấy ngày liền anh qua phà Bính, đạp xe về mãi Tân Dương. Ở đó từ chiều đến đêm và nhìn ngược trở lại. Ban đêm bến Cảng nhìn từ phía Thuỷ Nguyên mới đẹp làm sao. Một thành phố nổi trên mặt nước. Điện. Một rừng điện chi chít. Điện trên những cần cầu cao ngất. Điện trên boong. Điện sáng trong các ô cửa ca-bin tầng tầng lớp lớp. Và điện in thành một dải vàng nhẩy trên dòng sông Cẩm gợn gợn sóng. Anh đã đi đến một quyết định. Tấm ảnh về bến Sáu Kho của anh sẽ có *hình bóng* những con tàu tung bừng ánh điện. Những con tàu chỉ còn là những cái bóng không có chiều dày nổi lên trong ánh chiều tà. Và trên cái bóng của những con tàu trong giờ khắc giữa ngày và đêm giao nhau ấy là những ánh đèn. Ánh điện từ thân tàu, từ đằng mũi đằng lái, từ trên cần cầu và trong các ô tròn, vuông, chữ nhật của các cửa ca-bin tàu nọ nối tiếp tàu kia như những người anh em, bên dưới là dòng sông lấp lánh ánh vàng mai miệt trôi... Phải hai lần bấm máy. Lần thứ nhất vào lúc hoàng hôn. Lần thứ hai khi trời tối hẳn, khi ánh điện trên các tàu là độc tôn trên nền trời. Anh đã làm như vậy. Lắp trépied (chân chống), tính khẩu độ. Bấm máy. Rồi chờ. Để nguyên máy trên chân chống. Chờ. Chờ trời tối hẳn như đã định trước. Lại bấm. Chụp những ngọn đèn. Chụp ngày hội ánh sáng trên những con tàu mờ mờ trải dọc bến cảng.

Ngay lúc bấm máy lần thứ hai anh đã biết rằng thất bại rồi. Trong hai tiếng đồng hồ chờ trời tối hẳn để ánh sáng điện là độc tôn trên trời ấy, triều đã xuống. Dãy tàu đậu san sát ở cầu ấy đã xuống thấp rồi. Đèn ấy đâu phải của những con tàu anh đã chụp.

Tấm ảnh đầu tư nhiều công sức, nhiều suy nghĩ thất bại. Mỗi lần anh không chụp được đặc điểm thứ ba của Hải Phòng, hoàn chỉnh bộ sưu tập của anh. Cuộc đời là như vậy. Có những sáng tác công phu vất vả, đặt vào đó rất nhiều hy vọng lại thất bại. Ngược lại có sáng tác không hề lường trước, không hề nghĩ đến, như trên trời rơi xuống, như vớ được lại thành công. Những năm 60 ấy Vũ Tín hay đi xa. Nông thôn, nông nghiệp vừa nằm trong lĩnh vực công tác của anh, vừa hấp dẫn anh. Không chỉ đi các huyện ngoại thành, anh còn lang thang tới cả các làng xã thuộc Hải Dương, Hưng Yên.

Trong một chuyến đi như vậy, anh đã bắt gặp ở Hưng Yên một cảnh đập lúa trên một sân kho hợp tác rộng gần như là mênh mông. Đó là một chiều mùa Đông không có nắng. Người, thóc, lúa, rơm đầy sân. Bụi thóc, bụi rơm rạ mờ mờ. Tất cả chăm chú vào công việc, vào khâu lao động cuối cùng trong thu hoạch, kết thúc những ngày tháng chân cứng đá mềm, cày bừa, cấy hái, chăm bón, trông đợi, hy vọng..., khâu lao động cuối cùng để mồ hôi thành lúa gạo, để rơm lên đồng thóc vào bồ. Không ai chú ý đến anh. Không trông thấy mặt một ai. Chỉ có những người đang làm việc. Chỉ có những chiếc nón quây tròn. Anh bấm máy. Rất nhanh. Như một thứ ảnh tân văn. (Sau này khi tấm ảnh gửi đi dự thi ảnh quốc tế, ban giám khảo phân tích: Tác giả đã sử dụng kỹ thuật vòng tròn. Những người đập lúa đội nón tròn, quây lại thành những vòng tròn, những đồng lúa tròn, những đồng thóc tròn, những đồng rơm tròn...Tôi không phải là nhà nhiếp ảnh, nên không nhận ra cách bố cục ấy. Nhìn tấm ảnh của bạn tôi Vũ Tín, tôi chỉ nghĩ thấy mùi rơm tươi đập nát, mùi thơm cơm mới. Tôi nghe thấy tiếng lửa reo trong bếp. Và tôi nhìn thấy đất đai...)

Ít ngày sau đó, qua ngôi đình một làng thuộc tỉnh Hải Dương, anh lại chụp được một tấm ảnh khác: Một lớp bình dân học vụ. Lớp học ban ngày cho những bà mẹ những người chị sau những giờ lao động trên đồng ruộng. Hai bức ảnh cùng với nhiều bức ảnh khác được chọn đi dự thi ảnh của tổ chức Nhà báo quốc tế OIJ. Kết quả thật tuyệt vời! Tuyệt vời cho Vũ Tín và tuyệt vời cho cả Việt Nam nữa. Bức ảnh Ngày mùa trên sân hợp tác của anh đoạt giải nhì. Còn bức ảnh Xóa nạn mù chữ đoạt giải ba. Một cuộc thi Việt Nam chiếm liền hai giải, Vũ Tín chiếm liền hai giải.

Giải thưởng là một chiếc cúp pha lê có khắc hình một phụ nữ ở trần đứng trong một cái hộp lót nhung, có cánh mở ra mở vào như cánh tử. Không có tiền kèm theo. Hơi gay là vậy. Bạn bè trong thành phố chúc mừng. Bạn từ các tỉnh khác đến chúc mừng. Đoạt hai giải thưởng quốc tế cùng một lúc, Vũ Tín không thể đón bạn chỉ bằng chè cám và thuốc là Trường Sơn. Phải làm một bữa liên hoan. Phải đi ăn hiệu. Nhưng tiền đâu? May sao gặp Tạ Đình Đề khi đó đã chuyển về Tổng cục Đường sắt, phụ trách thể dục thể thao. Ngắm cái cúp, ông Tạ Đình Đề mê tít.

-Bán cho tao. Tao mang về làm cúp thể thao luân lưu cho ngành đường sắt. Bên cần bán. Bên muốn mua. Ngã giá 150 đồng. Một món tiền kha khá ngày ấy. Bữa liên hoan đầu tiên đã hết 35 đồng. Chị Tuy, vợ Tín đòi giữ số tiền còn lại. Tín dùng dằng không đưa ngay. Chị Tuy đổi. Tín... thua.

Từ Hà Nội, Vũ Tín biệt phái xuống Hải Phòng. Vợ chồng anh tá túc trong một gian buồng xép gần nhà bếp cơ quan tôi khi ấy có tên gọi là báo *Hải Phòng kiến thiết*. Nhưng chỉ một mình Vũ Tín có hộ khẩu, nghĩa là có các tiêu chuẩn, các định lượng được quy định bằng tem phiếu để có thể duy trì

cuộc sống. Vợ anh và hai cháu bé thì không. Nhập hộ khẩu thành phố hoàn toàn không đơn giản.

Để hình dung những khó khăn về kinh tế, sinh hoạt, cơm áo gạo tiền của gia đình anh. Thế nhưng anh vẫn lao vào công việc, lao vào sáng tác. Thế nhưng anh vẫn cuu mang tôi khi cần phải đến với các *dì hai*.

Ngày ấy Vũ Tín sống được một phần nhờ các *dì hai* và một phần nhờ Đ.H. Đ.H. lo cho anh từ cái hòm đựng quần áo, cái thùng đựng gạo và cả gạo, thịt, đường, sữa nữa. Đ.H. thì gần như không quen ai ở các cửa hàng, nhưng lại công tác ở sở Thể dục Thể thao. Mỗi năm thế nào chả có vài lớp tập huấn vận động viên, người đến trước, người đến sau, người học dở chừng, các tiêu chuẩn thế nào chẳng còn thừa lại. Đ.H. chịu khó xin những tem gạo, tem thịt, đường sữa còn thừa ấy và đưa cho Vũ Tín.

Ngày ấy sống mới nhẹ nhõm làm sao! Con người không bị những tiện nghi, những vật chất níu kéo. Vũ Tín với cái xe đạp Alfa de luxe Tube Peugeot tòng tọc *mọi bộ phận đều kêu trờ có cái chuông* lang thang khắp nơi. Anh đã tổ chức thành công triển lãm ảnh đầu tiên của thành phố sau giải phóng khi trong tay không có lấy một cái khung ảnh, một đồng kinh phí. Không hiệu ảnh nào thoát khỏi cuộc viếng thăm của anh. Và không hiệu ảnh nào không cho anh mượn khung ảnh để làm triển lãm.

Tài sản giá trị nhất của anh ngày đó - một tài sản mà chúng tôi đều thèm muốn - là chiếc áo va-li- de trắng của anh. Cái áo va-li-de thật thần kỳ biết bao. Chúng tôi xúm lại xem anh biểu diễn với cái áo. Anh cởi cái áo va-li-de đang mặc trên người. Ngâm nước. Vò xà-phòng. Giũ. Rồi cứ cầm cái áo ướt đầm ấy mà quay vun vút. Vừa quay vừa cười hề hề:

-Có muốn vắt cũng không vắt được. Cứ quay thế này là khô.

Quay một lúc anh lại mặc cái áo vừa cởi ra giặt trước con mắt thán phục thèm thuồng của chúng tôi.

Trong những ngày lang thang các miền rừng núi, tôi hay nhớ đến Vũ Tín với khuôn mặt xương xương, hai má hóp, với cái áo va-li-de của anh.

Rồi được đọc báo, xem ảnh đăng trên báo, biết anh đã đi B. Mãi đến khi ra tù mới biết anh đã để lại một chân trên chiến trường Quảng Trị. Bè bạn kể cho tôi nghe về anh như sau: Không thuốc men, tải thương khiêng anh vượt bom đạn, nằm hầm, lội suối, vượt sông sang bờ Bắc. Tới bệnh viện dã chiến đầu tiên, bác sĩ tháo băng cho anh, không tin ở mắt mình: Vết thương của anh đã lên da non. Anh được bà chủ tịch Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Cộng hoà dân chủ Đức mời sang lắp chân giả. Người anh hùng nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam ấy là thượng khách ở Béc-lin. Trước khi ra sân bay về nước, anh vô cùng hồi hộp và cảm động khi thấy bà chủ tịch đến trao tặng anh một va-li to đùng. Anh đỡ cái va-li. Nặng. Lòng anh rộn lên. Một va-li tặng phẩm nặng.

Tặng phẩm cho anh chắc chắn là những gì liên quan đến nghề nghiệp. Một chiếc máy ảnh tối tân kèm theo những phụ tùng, những ống kính chụp xa, những ống kính chụp gần, có thể chụp được từ con vi trùng bé tí tới sao Bắc Đẩu, và những trépied, những đèn flash, những trang bị buồng tối. Toàn những thứ anh ao ước. Anh sẽ có những phương tiện nghề nghiệp không ai có để mà sáng tác, để mà kiếm sống trị giá không biết bao nhiêu là tiền bạc. Anh sẽ đổi đời từ đây. Nên người từ đây. Từ cái va-li này. Chờ bà chủ tịch ra về, anh cài trái cửa, cố nén hồi hộp mở va-li. Thật bất ngờ. Không máy ảnh. Không ống kính tê-lê, không máy phóng. Không giấy ảnh, thuốc ảnh. Trong va-li là một cái chân giả giống hệt cái chân vừa lắp. Một cái chân giả xơ-cua!

Chuyện thật li kì và cười ra nước mắt. Nhưng hoá ra không phải thế. Đó chỉ là tin vịt. Đó chỉ là *huyền thoại* của những người yêu anh bịa đặt về anh. Bởi vì chính tôi đã gặp Vũ Tín và hỏi chuyện anh.

Biết tôi đã trở về, Vũ Tín xuống Hải Phòng thăm tôi. Với một cái chân giả, anh đã đèo chị Tuy từ Hà Nội về Hải Phòng thăm tôi trên một chiếc xe Java, không phải loại Java to thùng keng cang, mà là loại xe bé hơn cả xe Babetta, loại xe Nguyên Bình đã được thưởng khi đoạt giải nhất văn học viết cho công nhân của Tổng Công đoàn và Hội Nhà văn, Bình đã không dám đổ xăng vào mà cứ thế dắt thẳng ra chợ giời để *bán được với cái giá xe chưa đổ xăng*. Cái chân giả của Vũ Tín lên thang kêu cọt kọt cọt kọt ghê người. Anh cười hề hề, điệu cười quen thuộc, lâu lắm mới lại được nghe tiếng cười ấy.

- Bao nhiêu năm rồi. Sắt thép cũng phải mòn chứ. Chỉ có xương người là chịu được thôi ông ạ.

- Nhưng mà ông có một cái chân xơ-cua cơ mà.

- Ai bảo? Ai bảo?

Vũ Tín hỏi gần như sùng sộ. Rồi lại cười hề hề. Tiếng cười của anh lúc nào cũng hồn nhiên quyến rũ. Rồi anh kể cho tôi nghe chuyện đi B của anh. Khi đó anh đã về Hà Nội và được đề bạt phó trưởng ban nông nghiệp của Thông tấn xã Việt Nam. Lương 96 đồng, nghĩa là còn thiếu 6 đồng nữa thì được vào Việt Xô chữa bệnh. (Vũ Tín nhấn mạnh với tôi như vậy. Và cười. Gặp nhau dù hoàn cảnh như thế nào chúng tôi cũng vẫn cứ cười.) Thì một hôm Đỗ Phụng, phó tổng giám đốc Thông tấn xã mời lên bảo:

- Tôi biết đồng chí sức yếu, các cháu lại còn nhỏ. Nhưng phải có người đủ năng lực vào trong B để tập hợp, tổ chức chuyển ảnh chiến trường về Hà Nội. Đồng chí có đi được không?

Vũ Tín thuộc diện sức khoẻ yếu ở cơ quan, lúc đó cháu Hà, đứa con gái lớn của anh lại đang ốm. Nhưng anh đáp không ngần ngại:

- Tôi sẵn sàng.

Thế là được phát ngay ba-lô, quần áo giải phóng, mũ tai bèo. Ba hôm sau

anh từ biệt vợ con, từ biệt cơ quan lên đường. Nhìn Vũ Tín khoác ba-lô vào B, Minh Trường tuyên bố: Trong cơ quan này Vũ Tín đi B được thì không ai không đi B được.

Bắt đầu những cuộc hành quân. Vượt hàng rào điện tử Mac Na-ma-ra.

Những trận bom toạ độ.

Trong chiến trường Vũ Tín ở với ban chỉ huy mặt trận B5. Anh nhận phim của các phóng viên mặt trận, tổ chức tráng phim, soi phim làm ảnh, duyệt và phát tê-lê-phô-tô về Hà Nội. Địa điểm đặt máy phát thay đổi hàng ngày để tránh máy bay địch phát hiện. Nhiệm vụ của anh là như vậy. Nhưng anh không thể không chụp ảnh. Đã vào chiến trường mà không có ảnh chiến trường của mình còn ra làm sao nữa. Anh báo cáo với cục chính trị mặt trận xin được làm thêm nhiệm vụ chụp ảnh ngoài trận địa. Lãnh đạo mặt trận đồng ý. Thế là Vũ Tín với chiếc máy ảnh có mặt khắp nơi. Máy bay địch bay về về trên đầu. Pháo nổ không dứt. Tai ù đi. Điếc đặc. Quen rồi. Chỉ những lúc im tiếng súng, im tiếng máy bay mới làm mình ngỡ ngàng. Vũ Tín len lỏi trong Trường Sơn *"theo bước chân giao liên"* ^[1]. Gặp *"Trung đoàn 56 nguy hiểm phản chiến"* (1) và *ghi lại phút lịch sử của chính phủ Cách Mạng lâm thời miền Nam Việt Nam tiếp nhận những người con lầm đường lạc lối quay về với cách mạng.* ^[2] Vào thành cổ Quảng Trị chụp các chiến sĩ ta chốt trong thành cổ. Đến nhà thờ Ái Tử chụp trận đánh vừa kết thúc còn nồng mùi thuốc đạn và mùi máu. Đó là giai đoạn quân đội Sài gòn mở chiến dịch tái chiếm Quảng Trị, những ngày đẫm máu nhất trong quá trình cuộc chiến 30 năm của dân tộc. Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ của người phụ trách trạm truyền phát ảnh, sáng nào Vũ Tín cũng chuẩn bị máy, phim và mặt nạ lên đường.

Buổi sáng hôm ấy đang đánh răng, tự nhiên thấy họng khô khốc và loa loa trước mắt như chớp lửa hàn, anh vội chụp mặt nạ phòng hơi độc và chui xuống hầm. Không thấy người chỉ huy mặt trận, người luôn cùng anh bên nhau, ăn ngủ nằm hầm, người vừa cùng anh chui ra sau giấc ngủ ban đêm, anh gọi to:

-Anh Đồng ơi!

Có tiếng gì như tiếng rít, tiếng khoan vào gió và lại loa loa như chớp lửa hàn. Trời nhợt ra theo từng nhịp co giật của không khí và hình như cát trên trần hầm rơi xuống. Lại thấy nhói ở chân. Anh lao ra cửa tìm Đồng. Còn nghe người cần vụ của Đồng hét lên:

-Anh Tín!

Sau đó là hỗn mang. Không còn không gian. Không còn thời gian. Ngực bị gió đập mạnh. Lưng bị đẩy ép ngược trở lại. Sáng loà. Rồi tối sầm. Khói. Cát bụi. Mùi mịt. Anh ngã quật xuống. Hình như anh đã vùng đứng lên ngay. Và nhìn chung quanh. Tất cả thành bình địa. Nhìn lại mình: Không một

mảnh vải che thân. Anh sờ nắn các bộ phận thân thể. Tất cả bình thường. Nhưng cào gót chân thấy đau...

Hàng chục năm sau, ôn lại cái ngày ghê gớm ấy, Tín bảo tôi:

-Cũng còn may ông ạ. Cái hầm của bọn tôi phủ ba bao cát, nhưng bom rơi đạn nổ nhiều nó tụt đi đâu mất một bao nên chỉ còn hai. Nếu là ba lớp bao cát thì tôi chết rồi. Bởi vì ba lớp bao cát thì sẽ có độ dày 80 phân. Hai lớp bao chỉ dày chưa đến 60 phân. Mà bom bị phải khoan 80 xăng-ti-mét thì kim hỏa mới chạm vào ngòi nổ. Mới khoan 60 xăng-ti-mét nên gặp gót chân tôi nó tiếp tục khoan, khoan thêm trên 20 xăng-ti-mét nữa mới nổ. Thì tôi đã ra đến ngoài cửa hầm rồi.

Vũ Tín dần dần cảm thấy đau. Trần như nhộng, anh lò cò qua những hàng rào dây thép gai mà những người dân Quảng Trị căng như một thứ bờ rào. Cái chân có gót bị bom khoan vướng vào một khúc thép gai nhọn. Đứng vững trên một chân, anh xoay người lại, gỡ chân ra. Anh thấy có người đỡ lấy anh, buộc giầy cao su vào chân làm ga-rô cho anh. Còn nghe thấy nói Đồng đã hy sinh. Rồi ngất đi.

Khi tỉnh lại thấy mình đang nằm trên một chiếc giát giường đặt trong một vườn ổi. Anh biết tất cả thương binh đều không được vào nhà dân. Anh cử động chân tay và chỉ đến lúc ấy mới biết rằng tứ chi mình đã bị trói chặt. Nhìn lên lại thấy trên cành ổi treo hai túi ni-lông đựng thứ nước gì màu vàng nhạt, có những ống nhỏ dòng xuống người mình. Rồi có những người đến. Anh nhận ra là các bác sĩ và y tá. Họ tiêm thuốc tê (nô-vô-ca-in) cho anh. Tiêm chung quanh đầu gối và tháo khớp. Thuốc tê không đủ ngăn chặn cái đau. Mỗi nhát dao, anh gào lên những tiếng không phải là tiếng người nữa. Một người không biết từ đâu nhảy ra đứng sững trước mặt, chỉ tay vào anh, quát to:

-Không được kêu! Không được làm ảnh hưởng tới những thương binh khác! Đồng chí hãy giữ vững khí tiết quân nhân! Hãy nêu cao tinh thần gương mẫu của người đảng viên cộng sản!!

Tín nghiêng chặt răng. Quai hàm bạnh ra. Không kêu. Không kêu nữa lời. Chỉ có tiếng phì phì của hơi thở trào qua hàm răng nghiêng chặt. Mắt như lòi ra. Và lại ngất đi.

Tỉnh dậy anh thấy mình đã mất một chân, từ đầu gối trở xuống. Người ta tháo khớp cho anh để đề phòng hoại thư. Nước thấm qua bông băng nhót như dầu luyn.

Vũ Tín được khiêng ra Bắc. Các o nữ dân công Thanh Hoá khiêng anh thỉnh thoảng lại cười rộ lên. Anh không hiểu họ cười gì. Mà làm sao lại có thể cười hồn nhiên như vậy. Bởi vì OV 10 bay liên tục trên trời. Các cô đặt cẳng xuống đất chạy nấp. Nằm ngửa, anh thấy nó ném lựu đạn khói gần chỗ anh. Ngay sau đó là máy bay ném bom đến. Thả nhiều bom. Nhìn thấy bom dài là

sống. Bom tròn là chết. May. Anh chỉ thấy bom dài. Yên máy bay, các cô dân công trở lại. Vừa thấy anh họ đã xô chúi vào nhau, cười rúc rích. Bây giờ thì anh hiểu. Nằm trên cang, anh hoàn toàn trần truồng, chỉ đắp một mảnh vải tăng. Khi có gió (gió giời hoặc gió bom) mảnh tăng lại bay tốc lên, làm sao các em gái tỉnh Thanh không cười cho được. Đến Vĩnh Mốc, một trạm quân y tiền phương, bác sĩ giữ anh lại để chuyển anh về bằng đường biển cho an toàn. Bệnh viện 48 làm nhiệm vụ tiếp nhận chỉ thấy tên anh trong danh sách mà không thấy người, tưởng anh đã chết dọc đường. Tin đó bay về Hà Nội. Cả Hà Nội âm lên tin Vũ Tín hy sinh. May sao Minh Trường, lại Minh Trường, tới Vĩnh Mốc, phát hiện anh đang nằm dưới hầm chữ A trên trắng cát. Trường bế xốc Vũ Tín lên khỏi hầm. Nằm trong tay bạn, Vũ Tín nhìn trời, một bầu trời xanh với bao quyền rũ bởi vì không có những OV 10, những F 4U, những AD 6 đang lượn vòng ném lựu đạn khói, cắt bom hay nhả đạn.

Ngày ngày hôm sau một chiếc U-át chở anh về Hà Nội có một y sĩ đi kèm. Tôi ngồi im nghe anh kể. Như mê đi. Và hỏi:

-Còn chuyện ông sang Đức lắp chân giả?

-Ở Hà Nội tiêu chuẩn của mình là nặng. Mình nhớ một hôm mặc quần áo giải phóng, đội mũ tai bèo, chống nặng đi cạnh bà xã dắt cái xe Java bẹp lóp trên bờ hồ. Một chiếc xe ô-tô chở đầy tân binh đi qua. Họ đồng thanh reo lên: "Vẫn đẹp! Vẫn đẹp!" Thế rồi một hôm...

Vũ Tín cười. Anh đang chìm đắm vào những ngày đã qua ấy. Những ngày gọi là gian khổ khó khăn cũng được, vui tươi quyết liệt cũng được. Thế rồi một hôm anh đang chống nặng đứng trước cửa cơ quan thì một phóng viên Thông tấn xã Cộng hoà dân chủ Đức (ADN) tới. Anh ta biết anh. Hai người biết nhau. Và ít ngày sau ông Đào Tùng tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam nhận được thư của bà tổng giám đốc ADN mời Vũ Tín sang lắp chân giả.

Vũ Tín không nằm trong số những người có tiêu chuẩn ra nước ngoài chữa bệnh. Thoạt đầu anh không được đi. Nhưng đã có một suy nghĩ lại. Một quyết định lại. Ông Hoàng Tùng người phụ trách cả khối báo chí tuyên truyền ngày ấy đồng ý cho Vũ Tín sang Cộng hoà dân chủ Đức lắp chân giả *"nhưng phải đi với tư thế của người chiến thắng, không được chống nặng!"* Thực hiện ý kiến cấp trên, người ta cấp tốc làm cho anh một cái chân giả. Trong một tháng anh đã làm quen với chiếc chân giả nội hoá. Anh đã *đi với tư thế của người chiến thắng* mà không phải dùng nặng.

Vừa sang đến Bec-ling, các đồng chí bạn đã vát chiếc chân giả ấy đi:

-Cái chân này làm đồng chí hỏng xương sống đấy!

Vũ Tín lại đi nặng. Và chờ. Chờ lâu. Không hiểu ra sao. Sốt ruột quá. Không ngủ được. Không ăn được. Mãi sau mới biết thì ra thiếu mất chai rượu Lúa

Mới.

Vũ Tín lại cười. Anh chìa cái chân giả ra:

-Có mỗi cái này thôi. Làm gì có cái xơ-cua. Chỉ khéo bịa.

Anh biểu diễn cặp chân vừa giả vừa thật của anh trong căn buồng hẹp sàn lát gỗ của tôi. Và cười. Rất tươi.

Nhìn Vũ Tín tôi lại nhớ đến Nguyễn Thụ một thời làm cục trưởng Cục Điện ảnh. Nhìn Thụ đi trên đường ít ai biết anh có một chân giả. Cái chân giả rất tốt tuy chẳng thể nào bằng được cái chân giả sau này Giên Phôn-đa tặng anh.

Dạo mới tiếp quản Hà Nội, Thụ may một bộ quần áo nhung kẻ màu đỏ.

Chẳng biết dựa vào luận cứ khoa học nào, anh tuyên bố rất hùng hồn:

-Loại vải này muốn giặt cũng không giặt được. Hồng ngay.

(Thật giống Vũ Tín tuyên bố về cái áo va-li-de *có muốn vắt cũng không vắt được.*)

Cứ khoảng nửa tháng Thụ lại cởi bộ quần áo nhung đang mặc ra, lấy hết sức quạt vào các trụ, các cột. Bụi mù mịt. Ngày ấy Nguyễn Thụ hay ngủ lang ở cơ quan báo Tiền Phong chúng tôi. Anh cởi quần dài, tháo chân giả dựa vào tường, lên giường nằm. Chúng tôi đều biết anh bị cắt chân trong chiến dịch Điện Biên nhưng không biết cắt đến đâu. Không ngờ anh bị cắt cao đến thế. Tất Vinh, trùm ở bản báo Tiền Phong nhưng lại có nhiều sách in ở nhà xuất bản Y học và Thể dục Thể thao từ giường bên nhòm dậy, bước tới ngắm nghía cái chân cụt của Thụ đầy vẻ thèm thuồng:

-Thằng này sướng thật. Khi tắm mày chỉ phải kỳ có một chân thôi.

Hôm nay tôi muốn ôn lại cùng Tín câu chuyện ấy, nhắc lại với Tín câu nói ấy. Nhưng không được. Cái thời trai trẻ đã qua rồi! Cái thời lãng mạn đã qua rồi!

15-4-1999

^[1]Tên các bức ảnh của Vũ Tín

^[2]Báo Sài gòn giải phóng 18-4-1994 (Vũ Tín-ảnh và đời)

Nguồn: TalaWas

Người đăng: Một Sách

Thời gian: 10/05/2004 2:52:11 SA